

PHẬT LỊCH 2559

CHƯ THIÊN HỘ PHÁP BỘ

TẬP II



Biên soạn: HUYỀN THANH

Bản cập nhật tháng 6/2015 @<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

Y XÁ NA THIÊN

Y Xá Na Thiên, tên Phạn là **Īśāna**, dịch âm là Y Xá Na, dịch ý là Lạc Dục hay Tự Tại, hoặc Chúng Sinh Chủ tức nghĩa là người Tư Phối. Lại xưng là Y Già Na Thiên, hoặc Y Sa Thiên. Là vị Thần Hộ Pháp của Mật Giáo, là một trong Hộ Thế Bát Phương (tám vị hộ giúp đời ở tám phương), một trong 12 vị Trời, hoặc một trong Thần Hộ Pháp ở mười phương, thủ hộ phương Đông Bắc.



Lại có thuyết nói vị Trời ấy khi xưa được xưng là **Ma Hê Thủ La Thiên** (Mahéśvara), tức Đại Tự Tại Thiên

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi rằng: “Phương Đông Bắc, **Y Xá Na Thiên**. Xưa gọi là **Ma Hê Thủ La Thiên**, cũng gọi là Đại Tự Tại Thiên cỡi con bò Hoàng Phong, tay trái cầm chén Kiếp Ba chứa đầy máu, tay phải cầm Tam Kích Sang, màu thịt xanh nhạt, ba mắt phần nộ, hai răng nanh lộ lên trên, dùng đầu lâu làm Anh Lạc, trong cái mào trên đầu có hai vành trăng ngửa. Hai vị Thiên Nữ cầm hoa.



Chân Ngôn của vị Trời này là: “**Nam mạc tam mạn đa đà nam, y xá năng duệ, sa-bà ha**”

)**Pháp Toàn** “Thanh Long Tự Nghi Quỹ” nói vị Trời ấy là Hóa Thân (Nirmāṇakāya) của Ma Hê Thủ La Thiên.

Chân Ngôn là: “**Năng mặc tam mạn đa một đà nam, lỗ nại la dã, sa bà hạ**”

)**Cúng Đường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** ghi rằng: “Khi **Y Xá Na Thiên** vui thời chư Thiên cũng vui, Ma Chúng chẳng loạn. Xưa gọi là **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara).

Đức Phật nói: “**Nếu cúng đường Ma Hê Thủ La** (Đường gọi là: Đại Tự Tại) **tức đã cúng đường tất cả chư Thiên**”

Khi Trời này giận thời chúng Ma đều hiện ra, quốc thổ hoang loạn”

_Vị Trời này có vị trí ở góc Đông Bắc tại Ngoại Bộ Kim Cương Viện trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Y Xá Na Phi, Thường Tuý Thiên, Hỷ Diện Thiên, Khí Thủ Thiên, Khí Thủ Hậu, Đại Hắc Thiên, Tỳ Na Dạ Ca đều là quyến thuộc của Ngài.

_**Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) tức là Trời Đại Tự Tại. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Tự Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Truyền thuyết cho rằng đây là **Thân Phần Nộ** (Krodhakāya) của **Lỗ Nại La Thiên** (Rūdra). Do địa phương cư trú chẳng đồng nên lại có tên khác là **Thương Yết La** (Śaṃkara) và **I Xá Na** (Īśāna)

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ **Thấp Bà** (Śiva) của Bà La Môn Giáo và xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói: Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân, Nước là thứ tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác... là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần **Thấp Bà** (Śiva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiên thuộc Sắc Phạm Thiên Giới (Rūpa-brahma-loka)

Trong kinh điển, Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara) tức vị vua của tầng trời cao nhất trong Sắc Giới, là chúa tể của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, vị này vừa là Thần Hộ Pháp, vừa là Ma Vương lợi hại nhất. Đây là vị Bồ Tát hiện thân Trời này nhằm hóa độ những ngoại đạo sùng bái Đại Tự Tại Thiên, tức những kẻ thường được gọi là **Đồ Thán Ngoại Đạo** (ngoại đạo bôi than hay tro lên thân) hay Tự Tại Ngoại Đạo, hay Shaivist.

HÌNH TƯỢNG CỦA Y XÁ NA THIÊN

Hình tượng nguyên bản của Y Xá Na Thiên là toàn thân màu xanh đen, có ba con mắt, trên búi tóc có vành trắng, tay cầm Tam Cổ Kích, cỡi con bò trắng



Hình tượng cỡi con bò trắng biểu thị cho Pháp Lực thanh trừng các loài Ma ác khiến cho Thế Gian được thanh tịnh.

_Tại Ấn Độ: Hình tượng của Đại Tự Tại Thiên thường được minh họa chung với người vợ





)Thần Chú của Đại Tự Tại Thiên là:

Om namaḥ śivāya

Hình tượng của vị Trời này còn có rất nhiều dạng như: bốn cánh tay, tám cánh tay...lại có tượng 18 cánh tay nhưng phần lớn chẳng nhìn thấy





大自在天

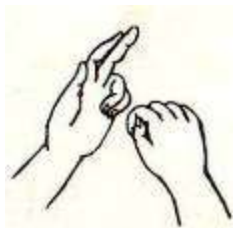
Đại Tự Tại Thiên Chú là:
OM VETALA ŚANI PRAMARTHANI CCHINDANI CCHINDANI,
BHINDANI BHINDANI SVĀHĀ
Tụng Chú 108 biến tức tâm vui vẻ.

Trong 12 Thiên thì **Y Xá Na Thiên** là vị chủ của chúng **Ma** (Māra), thủ hộ phương Đông Bắc
Chữ chủng tử là Ī (𑖦)



伊舍那天

Đông Bắc Phương Y Xá Na Ấn là: Tay phải nắm quyền an ở eo phải. Tay trái dựng đứng năm ngón tay dính nhau, co lỏng giữa của hai ngón Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh), ba ngón Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) đều hơi cách nhau liền thành.



Chân Ngôn là:

Nam mạc tam mạn đa một đà nam. Y xá năng duệ, sa-phộc ha

ॐ म्म म्म म्म व ह्म न्म ॐ म्म म्म म्म

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ĪSĀNĀYE SVĀHĀ

_ Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Y Xá Na Thiên có thân màu đen xanh, hiện tướng phần nộ, quát mắng ba độc Tham Sân Si, trên mặt có 3 mắt, thân dùng đầu lâu làm Anh Lạc, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, tay phải cầm cây kích Tam Cổ



Ý nghĩa của hình tượng:

Ba mắt: biểu thị cho sự giáng phục ba vọng chấp: **thô, tế, cực tế**

Đầu lâu: biểu thị cho vô minh căn bản. Dùng đầu lâu làm Anh Lạc biểu thị cho nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**

Tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống: biểu thị cho ăn nuốt hết phiền não

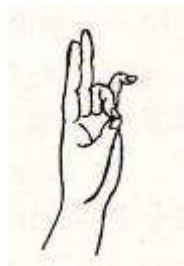
Tay phải cầm cây kích Tam Cổ: biểu thị cho việc dùng cái Mâu của ba Bình Đẳng giết hại phiền não, hai chướng Sở Tri, nghĩa là không có **Nhân Chấp, Pháp Chấp**.



Chữ chủng tử là: U (ॐ)
 Tam Muội Gia Hình là: Cái bát



Tượng Ấn là: Đại Tự Tại Thiên Phi Ấn.



Chân Ngôn là:
 नमोऽस्यै वृक्षैः उमादेवे स्वहा ॥
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ UMA JAMI SVĀHĀ
 Hay नमोऽस्यै वृक्षैः उमादेवे स्वहा ॥
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ UMA-DEVI SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA Y XÁ NA THIÊN

Hỷ Điện Thiên tên Phạn là **Nandī-mukha**

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Hỷ Điện Thiên là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi ra, hướng lòng bàn tay lên trên, tay trái nắm quyền, duỗi thẳng ngón trở biểu thị cho sự vui thích.



Chữ chủng tử là: NA (𑖇), hay RO (𑖉)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén (hay cái cốc).



Tượng Ấn là Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं सामन्तबुद्धानामलोकालोककाराय सर्वदेवाय नागायक्यै गन्धारवाय असुराय गरुडाय किम्बरीय मोहारगादिहृदयाय अकारशाय विचित्रगतिस्वाहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVĀ ASURA GARUḌA KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

Thường Túy Thiên tên Phạn là **Sadāmada**

Tôn này là vị Thần Dạ Xoa trụ ở tầng thứ ba của núi Tu Di. Lại xưng là Thường Túy Thần, Thường Phóng Dật Thiên, Hằng Túy Thiên, Hỷ Lạc Thiên.

Tôn này chủ về Đức **vốn mê** (Bản Mê) của Y Xá Na Thiên, tức vốn mê say rượu **vô minh ba độc**, là cội nguồn của tất cả sinh tử phiền não, cho nên xưng là Thường Túy. Tôn này là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Thường Tý Thiên có thân màu thịt, ngồi trên cái ống tròn, tay phải nắm quyền để trên đùi cạnh eo.



Chữ chủng tử là: SA (𑖰) hay RO (𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tượng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं सामन्तबुद्धानामलोकालोककाराय सर्वदेवाय नागायक्यै गन्धारवाय असुराय गरुडाय किम्बरीय मोहारगादिहृदयाय अकारशाय विचित्रगतिस्वाहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVĀ ASURA GARUḌA KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ



Chữ chủng tử là: KA (𑖕) hay RO (𑖗).
Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



KỸ NGHỆ THIÊN NỮ

Kỹ Nghệ Thiên Nữ lại xưng là **Kỹ Nghệ Thiên**, là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) Thiên nữ trên búi tóc của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) có dung nhan đoan chính, đeo rũ chuỗi Anh Lạc màu nhiệm, hai tay đeo vòng xuyên. Tay trái dâng Hoa Trời cho Thiên Vương cùng nhìn dung mạo đáng yêu. Tay phải hướng xuống dưới thành thế nắm quần

Tôn này có kỹ nghệ bậc nhất mà các Thiên Chúng không thể hơn được

伎
藝
天



Ma Hề Thủ La Đại Tự Tại Thiên Vương Thần Thông Hóa Sinh Kỹ Nghệ Thiên Nữ Niệm tụng Pháp ghi chép là:

“Bấy giờ **Ma Hề Thủ La Thiên Vương** (Maheśvara-deva-rāja) ở trên Trời Đại Tự Tại cùng với các Thiên Nữ vây quanh, thần thông du hí tấu các kỹ nhạc. Đột nhiên ở trong búi tóc hóa ra một vị Thiên Nữ dung mạo đoan chính, kỹ nghệ bậc nhất mà tất cả chư Thiên chẳng thể hơn được, ở trong Đại Chúng nói rằng: “Nay tôi vì muốn lợi ích cho tất cả. Hết thầy nguyện cầu về việc sung túc, tốt lành, giàu vui...tùy tâm mong cầu thầy đều đầy đủ, nơi các nghề nghiệp mau được thành tựu. Tôi có Pháp yếu của Đà La Ni bí mật, nay sẽ nói”

Liên nói Đà La Ni là:

“**Năng mô ốt chi ma mạo, thí khư địa vĩ, bát-la bát địa-dã, thí ca la giả, lỗ-lâm. Đát nê-dã tha: Thấp-phộc nhạ để lệ phệ la ma nhạ lý nễ hồng, phát tra, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो उच्छिसामा शिक्खिदेव्याप्रपत्तिया शक्राया त्रुम
तद्यथाः स्वाजातिकाम परामा जारिणि हूम फाट् स्वाहा

NAMO UCCHĪSAMA ŚIKHĪ-DEVYA-PRĀPATTIYA ŚAKRĀYA TRŪM
TADYATHĀ: SVAJAṬĪKAM PARAMA-JĀRIṆĪ HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Lúc đó **Chúng Kỹ Nghệ Thiên Nữ** nói Đà La Ni này xong, liền bảo các Thiên Chúng: “Nếu có người muốn tụng trì Đà La Ni của Tôi. Trước tiên nên xây dựng Đạo Trường, như Pháp nghiêm sức, đem mọi loại hương hoa để cúng dường. Ở 14 ngày hoặc 7 ngày thọ trì Trai Giới, đoạn sự dâm dục, tụng Đà La Ni này mãn một vạn biên

hoặc mười vạn biến. Trong khoảng trung gian dùng uống rượu, ăn thịt với thứ huân ứ, chí tâm tụng trì ắt Thiên Nữ hiện ra trước mặt gia bị, tất cả nguyện cầu thảy đều mãn túc. Từ đây về sau không có chướng ngại cho đến vợ con, huân ứ cũng chẳng kiêng bỏ. Nếu có thể Tịnh Trì thì mau chóng có hiệu nghiệm, sau này sẽ khiến thành tựu mọi chỗ dùng.

[NAMO: Quy mệnh kính lễ

UCCHĪ-SĀMA : Hàng có phương cách giúp cho trở nên xuất chúng

ŚIKHIDEVYA : Vị Trời sinh ra từ búi tóc trên đầu

PRĀPATTIYA: Nhóm nhiệt tình sùng mộ

ŚAKRYA: Hàng Trời Đế Thích

ṬRŪM: Chúng tử

TADYATHĀ: Liền nói Chú là

SVAJAṬĪKAM : Người thuộc đẳng cấp cao quý

PARAMAJĀRIṆĪ: Người đàn bà anh hùng

HŪM : khủng bố

PHAṬ : Phá bại

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu]



Nếu người muốn cầu Phước Đức thì nên tu Pháp của Kỹ Nghệ Thiên Nữ. Xưa nay người Nhật Bản theo công việc của Kỹ Nghệ, phần lớn đều cầu niệm vị Thiên Nữ này

TỠ NA DẠ CA

Tỳ Na Dạ Ca tên Phạn là **Vināyaka**, tức Hoan Hỷ Thiên, tên gọi đầy đủ là **Đại Thánh Hoan Hỷ Tụ Tại Thiên** (Mahārya-nandikeśvara). Lại xưng là Hoan Hỷ Tụ Tại Thiên, **Nan Đề Tụ Tại Thiên** (Nandikeśvara), gọi đơn giản là Thánh Thiên, Thánh Tôn. Hoặc được xưng là **Nga Na Bát Đế** (Gaṇa-pati), có ý nghĩa là người dạy dỗ, hoặc dịch là **Thường Tùy Ma**. Là vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo, lại xưng là **Tượng Đầu Tài Thần** (Thần Tài Đầu Voi).



Tôn này nguyên là tên xưng riêng của Thần **Thấp Bà** (Śiva) thuộc Ấn Độ Giáo. Theo truyền thống của Bà La Môn Giáo thì Vināyaka hay Gaṇapati là vị **Thần Kỳ** (Địa Thần) trong thần thoại Ấn Độ, xưng là **Cam Ni Sa** (Ganeśa), dịch âm là **Thành Ni Sa** (dịch âm hoặc tác Thành Nễ Sa). Tương truyền là con của Thần **Thấp Bà** (Śiva: tức là Đại Tụ Tại Thiên) và Phi **Ô Ma** (Umā, hay Pārvati), anh em của Ngài cùng nhau cai quản Quyển Thuộc của cha ngài là Đại Tụ Tại Thiên. Hình tượng ấy là đầu voi bụng lớn, thiếu một cái ngà, có bốn cánh tay, cỡi con Chuột.



Liên quan đến nguồn gốc Tôn Hình này là đầu Voi, tương truyền lúc Ganeśa sinh ra thời Thần Śiva ra ngoài, hai cha con chẳng biết nhau. Một hôm khi Umā đi tắm thời Thần Śiva từ bên ngoài trở về, Ganeśa lại giữ ở cửa, ngăn cản không cho Śiva bước vào nên xảy ra chuyện đánh nhau, trong lúc giận dữ Śiva chém roi đầu của Ganeśa. Khi con giận dữ nguôi đi thời Śiva mới biết Ganeśa chính là con của mình, liền đồng ý đem cái đầu bị chém của một động vật nhìn thấy cho Ganeśa thế làm đầu, động vật ấy là con Voi có cái đầu nhìn thấy ấy rất vừa vặn, do đó Ganeśa liền trở thành dạng khuôn mẫu thân người đầu voi.

Còn như nguyên nhân Ganeśa thiếu mất một cái Ngà, tương truyền là có một lần Thần Śiva ngủ ở núi **Khai Lạp Sa** thời **Ba Lạp Tu Lạp Mã** đến thăm Śiva lại gặp Ganeśa cản trở. Thế là hai người liền phát sinh tranh chấp, do đó trong lúc tranh chấp Ganeśa bị gãy một cái Ngà.



Sau này Ganeśa được thờ phụng là vị Thần diệt trừ chướng ngại, phải sạch mọi sự mê mờ hiển lộ Trí Tuệ. Thông thường ở một số quyển đầu của tác phẩm văn học Ấn Độ, thường kèm có dâng văn kính lễ của Ganeśa và cầu Ngài trừ khử chướng hại.

)Thân có có chữ chủng tử là **GAḤ, GUḤ** hay **GAḤ**

)Thần Chú tán tụng Ganeśa là:

“Om_ Ekadantaya vid mahe

Vakratundaya dhī mahi

Thanno danti prachodayatha”

“Om_ śrī-kāla svarūpāya vid mahe

Kālāthīthāya dhī mahi

Thanno kāla-yoga śodasa gaṇapati prachodayath”

OM_ GUḤ GAṆAPATAYE NAMAḤ

Truyền thống Ấn Độ còn thờ phụng Ganeśa như là một vị Thần Tài hoặc Phước Thần hay ban bố của cải vật chất với sự giàu sang cho chúng sinh. Do đó thờ phụng riêng hình tượng của Ngài hoặc thờ chung với hai Nữ Thần **Lakṣmi** (Cát Tường Thiên) và **Śarasvati** (Biện Tài Thiên)



.)Thần Chủ căn bản của Ganesa là:

Oṃ_ Gaṃ gaṇapataye namaḥ

**Oṃ_ Śrīṃ Hrīṃ Klīṃ Glaum gaṇapataye vara varada sarva janamme
vaśamanaya svāhā**

_Trong Phật Giáo thì **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) được xưng là **Nga Na Bát Đề** (Gaṇapati: Chúng Chủ), là Hoan Hỷ Thiên tức là con của **Thấp Bà** (Śiva) và **Ba La Hoà Đề** (Pārvati)

Nga Na Bát Đề dịch ý là Quân Đội, ý tức là vị Tướng trong quyền thuộc của Tỳ Tại Thiên. Do cùng với anh là **Tắc Kiên Đà** (Skanda) chung nhau cai quản quyền thuộc của cha là Đại Tỳ Tại Thiên mà được tên gọi này.

Phật Giáo ghi nhận hai truyền thuyết mà Tỳ Na Dạ Ca được Đức **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) cảm hóa là:

1_ Tỳ Na Dạ Ca Thiên trước khi bị giáng phục, thường đi theo chúng sinh, rình rập gây chướng ngại.... các vị Phạm Vương, Đại Long Vương đều không biết phải làm thế nào, chỉ có **Thập Nhất Diện Quán Âm** và **Quân Trà Lợi Minh Vương** mới có thể giáng phục được. Do vậy Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng 11 đầu thuần hóa

kẻ tạo sự hủy diệt là Vināyaka. Ngài chặt cái đầu của hắn và lấy cái đầu của Ngài đặt vào cái đầu của hắn, do đó mang tướng Vināyaka.

Sau khi quy y Phật Môn, Tôn này phát Thệ Nguyện ủng hộ Phật Pháp, thống lãnh 9800 Đại quỷ quân, trấn hộ ba ngàn Thế Giới, chuyên thủ hộ bảo vệ Tam Bảo, thành tựu tất cả việc tốt lành, tiêu diệt tai họa. Sau này biến thành một Tôn ban cho sự giàu sang phú quý và là một vị **Thiện Thần có Đức** (Hữu Đức thiện Thần), rất được mọi người sùng kính

2_ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng thân nữ quyền dụ Vināyaka để ngăn hẳn tạo nghiệp.

“**A Sa Phộc Sao, Tỳ Na Dạ Ca Mật Truyện**” ghi chép rằng:

Đất này có núi, tên núi là Tỳ Na Dạ Ca, có ý nghĩa là núi **Đầu Voi**, lại tên là núi **Chướng Ngại**, bởi vì trong đó phần nhiều có Tỳ Na Dạ Ca ở. Thiên Vương của họ tên là **Hoan Hỷ** (Nandi) cùng với vô lượng đại chúng Quyển Thuộc của Ngài đều nhận được sắc mệnh của Đại Tự Tại Thiên, muốn đi về Thế Giới cướp đoạt khí của chúng sinh, mà gây chướng ngại.

Bấy giờ, Quán Tự Tại Bồ Tát vì Tâm xông ướp Đại Bi cho nên dùng sức **gốc rễ Từ Bi** (Từ Bi Căn), hóa hiện làm thân nữ Tỳ Na Dạ Ca, đi đến chỗ ở của Hoan Hỷ Vương. Khi Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên Vương nhìn thấy phụ nữ này thì Tâm dục nổi dậy, muốn chạm đến Tỳ Na Dạ Ca Nữ ấy và ôm lấy thân thể nàng thời cô gái đó chẳng chịu. Lúc vị vua ấy liền mở lời kính yêu thì cô gái ấy nói rằng: “Tuy Tôi thuộc giống **Chướng Nữ**, nhưng từ xưa đến nay tôi hay thọ nhận sự dạy bảo của Đức Phật, được quần áo Cà Sa, nếu quả thật ông muốn chạm đến thân tôi thì có thể thuận theo sự dạy dỗ của tôi được không? Lại cũng giống như tôi, cho đến hết đời vị lai có thể vì (tôi) làm vị Hộ Pháp được không? Lại theo tôi cùng hộ giúp cho tất cả Hành Nhân, đừng gây chướng ngại được không? Y theo tôi về sau, đừng làm việc độc hại chúng sinh nữa, nếu ông có thể nhận lời dạy bảo như vậy thì tôi với ông sẽ kết làm bạn thân”

Khi ấy, Tỳ Na Dạ Ca nói: “Tôi y theo Duyên, hôm nay may mắn gặp bạn, từ nay về sau, nghe theo lời bạn nói, tu trì thủ hộ Phật Pháp”.

Thời Tỳ Na Dạ Ca Nữ vui mừng mỉm cười và ôm chàng lấy Ngài.

Đây là nhân duyên ôm nhau của Quán Tự Tại Bồ Tát biến đổi, độ hóa Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên”.

Nhưng về ý nghĩa rốt ráo thì cả hai Avalokiteśvara (chủng tử **Hrīh**) và Gaṇapati (chủng tử **Gaḥ**) đều là sự thị hiện của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) nhằm biểu thị một biểu hiện của “**sự thật tạm thời**”



_Theo Truyền Thuyết khác thì **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) là vị **Thần Hộ Pháp** (Dharma-pāla-devatā) của Ấn Độ Giáo, là con trưởng của **Tự Tại Thiên** (Īśvara) cai quản **kho Trời** (thiên khố). Vì Tôn này có đủ mười phần Từ Bi nên có người nào cầu xin thì không có điều gì chẳng ban cho mãn nguyện. Vị Hộ Pháp **Đại Hắc Thiên** (Mahā-kala) giận Tôn này chẳng biết phân Thiện ác hay ban cho rối loạn, nên chặt đứt cái đầu của Tôn này. Sau này, khi Tượng Vương sám hối thời Đại Hắc Thiên mới đem cái đầu voi đặt lên trên cổ và thu nhận làm quyến thuộc. Tu tập Tôn này ắt có Công Đức khiến cho Hành Giả được giàu có dư giả, cát tường như ý

_Cả hai truyền thống Bà La Môn Giáo và Phật Giáo đều công nhận **Nga Na Bát Đế** có sự nghiệp gây chướng ngại cho kẻ khác, hoặc bài trừ sức của các thứ chướng ngại cho nên lại xưng là **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) với nghĩa là *trừ chướng ngại*, hoặc *bài trừ*.

Hiện nay, Mật Tông Tây Tạng xưng gọi Tôn này là **Hồng Tượng Đầu Vương Tài Thần, Tượng Ty Tài Thần** hoặc xưng là **Hồng Tài Thần**

Tại Thái Lan thì Tôn này được xưng gọi là **Tượng Đầu Thần Tài Thiên**

Tại Nhật Bản thì Tôn này được thờ phụng như là vị Thần giúp cho vợ chồng được viên mãn, và cũng là một vị Thần Tài

HÌNH TƯỢNG CỦA TỖ NA DẠ CA

Hình Tượng của Tôn này có 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 12 tay với nhan sắc đều khác nhau:

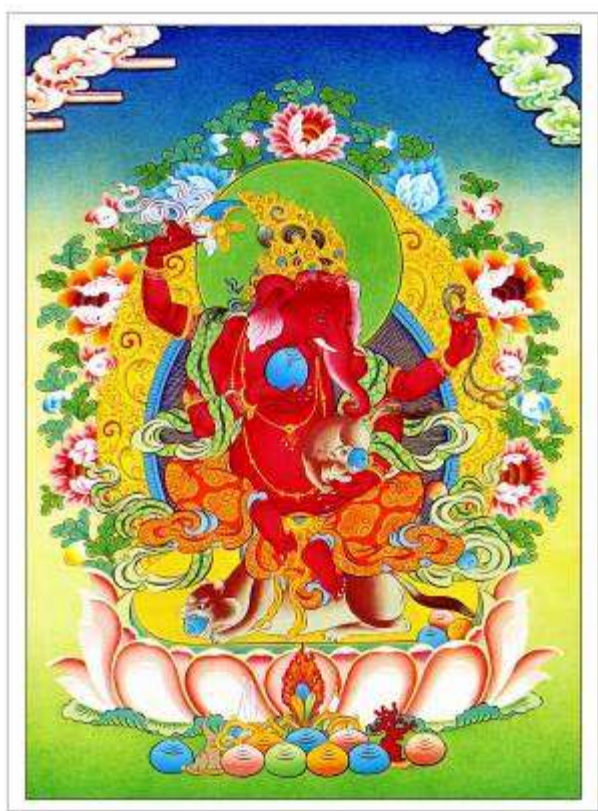
.) **Tượng có hai cánh tay**: thân màu thịt trắng, mình người đầu voi, tay phải cầm cây kích có móc câu (câu kích) để trên vai. Tay trái cầm rễ củ cải.



.) **Lại tượng có hai cánh tay**: thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, tay trái cầm rễ cây củ cải (La Bốc Căn), tay phải ngửa lòng bàn tay nâng viên Hoan Hỷ, ngồi trên lá sen



.) **Tượng có bốn tay**: Hình người đầu voi, mũi dài mắt rộng, tướng vắng lặng. Hai tay phải cầm tràng hạt với củ cải, hai tay trái cầm cây búa với Diệu Thiên quả, cong chân phải, gập chân trái, đứng múa đạp lên trên con chuột



藏传佛教诸财神—象头王财神 (欢喜天)

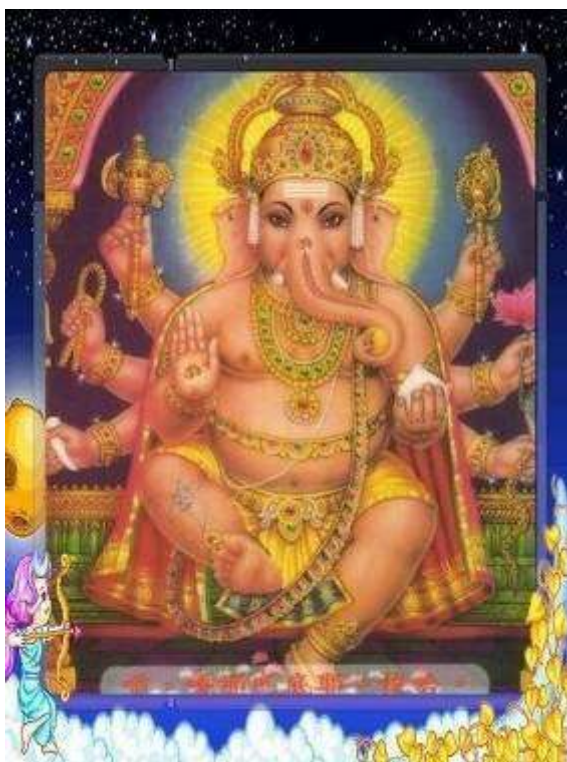
Lại **Tượng có bốn cánh tay**. Tượng ấy có thân người đầu voi, đầy đủ bốn cánh tay là: Bên phải: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm cái chày chứa đầy Hoan Hỷ Đoàn. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái nanh (hoặc cầm cái chày), tay thứ hai cầm cây gậy búa.



.) **Tượng có 6 cánh tay:** thân người đầu voi, đầy đủ sáu cánh tay. Sáu cánh tay là: Bên trái: tay bên trên cầm cây đao, tay tiếp theo cầm cái chậu đựng đầy quả phật, tay bên dưới cầm bành xe. Bên phải: tay bên trên cầm cây gậy, tay tiếp theo cầm **Bả Chiết La** (Vajra:chày Kim Cương), tay bên dưới cầm sợi dây



.) **Tượng có tám cánh tay:**



)**Tượng có 12 cánh tay:** thân người đầu voi, mũi dài mắt rộng. 6 tay bên phải cầm: cây búa, mũi tên, móc câu, cây kiếm, chày Kim Cương, cái mâu. 6 tay bên trái cầm: cái chày, cây cung, **cây gậy đầu lâu** (Khatvaṅga), chén sọ người chứa đầy máu, chén sọ người chứa đầy thịt người, cây kích ba chia. Cong chân phải, gập chân trái, đứng múa đạp lên trên con chuột



Ngoài ra còn có hình tượng **Song Thân Thiên Vương** như **Nghi Quỹ phẩm hình tượng của Đại Thánh Hoan Hỷ Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Thiên** (ĐTK_No.1274) ghi nhận là:

“Hình tượng **Song Thân Thiên Vương** ấy là hai vị Trời vợ chồng cùng đứng ôm nhau. Tượng ấy dài 7 tấc (7/3 dm) hoặc 5 tấc (5/3 dm), hai vị Trời đều có thân người đầu voi, mặt vị Trời nam gục trên vai phải của vị Trời nữ rồi khiến hiện ở lưng của vị Trời nữ, mặt của vị Trời nữ gục trên vai phải của vị Trời nam rồi khiến hiện ở lưng của vị Trời nam... đều cùng hiện lộ bàn chân gót chân, chân tay mềm mại giống như người nữ đoan chính mập mạp mạnh mẽ. Đầu của vị Trời nam không có vòng hoa, vai khoác Cà Sa màu đỏ. Đầu của vị Trời nữ có vòng hoa nhưng chẳng khoác Cà Sa, tay chân có vòng Anh Lạc, cũng dùng hai bàn chân đạp lên đầu ngón chân của vị Trời nam

Hai vị Trời này đều có màu thịt trắng, mặc quần màu đỏ, đều đưa hai bàn tay trợ nhau ôm trên eo lưng, tay phải che lưng tay trái. Hai vị Trời đưa đầu ngón giữa phải đến trên lưng lóng giữa của ngón giữa trái. Tượng ôm nhau này biểu thị cho sự yêu thích của sáu chỗ.



Sự yêu thích của sáu chỗ là:

- 1_ Dùng cái mũi (cái vòi) đều tiếp chạm cái lưng yêu thích
- 2_ Úc ngực hợp sự yêu thích
- 3_ Dùng tay ôm cái eo yêu thích
- 4_ Dùng cái bụng hợp sự yêu thích
- 5_ Dùng hai bàn chân theo đuôi sự yêu thích
- 6_ Mặc quần màu đỏ là vị Trời biểu thị cho sự kính yêu.

Có Hành Giả tạo cúng tượng **Lục Ái Kính**. Người này ắt được quốc vương, đại thần, hậu, phi, cung nữ cùng với tất cả các người kính yêu. Phát Tâm tin tưởng vững mạnh, đừng sinh một niệm nghi ngờ ngưng trệ, thường thường chứng nghiệm rất nhiều

_ Nếu người muốn tu Pháp **Điều Hòa** trừ chướng nạn thì nên tạo cúng tượng **Lục Tý Thiên**. Hình ấy có thân người đầu voi, đầy đủ sáu cánh tay.

Sáu cánh tay là: Bên trái: tay bên trên cầm cây đao, tay tiếp theo cầm cái chậu đựng đầy quả phẩm, tay bên dưới cầm bánh xe. Bên phải: tay bên trên cầm cây gậy, tay tiếp theo cầm **Bả Chiết La** (Vajra:chày Kim Cương), tay bên dưới cầm sợi dây



_ Lại y theo Kinh **Bát Không Phần Nộ Vương Quán Tự Tại Bồ Tát** minh họa tướng của **Tứ Tý Thiên**. Đây là **Tỳ Na Dạ Ca Kim Cương** (Vināyaka-vajra), hình ấy có thân người đầu voi, đầy đủ bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay tiếp theo cầm cây búa. Bên phải: tay thứ nhất cầm sợi dây, tay thứ hai cầm **Tam Xoa Kịch**.

Nghi Quỹ Phẩm Hình Tượng này hay bí mật lựa chọn người có căn khí để trao truyền. Vị Đại Thánh Thiên Vương này là Thân biến hóa tự tại của **Đại Tự Tại Thiên** (Mahēśvara)

Bí Pháp nói rằng: “Do sáu Thông tự tại cho nên gọi là Thánh Thiên, do Trí Tuệ tự tại cho nên gọi là Tự Tại Thiên, do thành tựu kính yêu cho nên gọi là Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Vương, do thành tựu năm loại lúa đậu cho nên gọi là Lục Tý Thiên”

Lại như Kinh đã nói: “Ma Hê Thủ La có Trí tự tại, khi Đại Hải Long Vương tuôn mưa thời đều hay phân biệt chính xác số lượng ấy, ở trong một Niệm đều biết rõ ràng”.

Y theo vị Thánh này nói, do Trí Tuệ tự tại cho nên dùng tên gọi là Đại Tự Tại Thiên.

_ Tiếp lại minh họa hình tượng **Lục Tý Tỳ Na Dạ Ca** ở bốn phương

Đông Phương Tồi Toái Thiên cũng gọi là **Vô Đai Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mũ Trời có để đầu con voi, tay trái cầm dù lọng, tay phải cầm cây kiếm

Nam Phương Âm Thực Thiên cũng gọi là **Nghiêm Kế Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mũ Trời có để đầu con voi, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm vòng hoa.

Tây Phương Y Phục Thiên cũng gọi là **Đỉnh Hành Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mũ Trời có để đầu con rồng, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên.

Bắc Phương Tượng Đầu Thiên cũng gọi là **Kim Sắc Già Na Bát Đế**. Hình ấy có thân người đầu voi, tay trái viên ngọc Lưu Ly trắng, tay phải cầm cây gậy báu.

Hoặc có đầy đủ sáu cánh tay như lúc trước đã minh họa.



Bí mật của Pháp này [**Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra) có tay phải cầm cây gậy báu, **Ái Tử** (Prīyaka) có tay trái cầm chày Tam Cổ]”

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Tỳ Na Dạ Ca có thân màu thịt trắng, mình người đầu voi, tay phải cầm cây kích có móc câu (câu kích) để trên vai. Tay trái cầm rễ củ cải.



Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Rễ củ cải



Tượng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं त व ह नं म न म च न म ह न

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM MAHĀ-GAṆA-PATAYE SVĀHĀ

Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) là một trong 20 Thiên hộ thế, trong 5 loại Thiên là **Thủy Cư Thiên**, thủ hộ phương Bắc

)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Tỳ Na Dạ Ca có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, tay trái cầm rễ cây củ cải (La Bốc Căn), tay phải ngửa lòng bàn tay nâng viên Hoan Hỷ, ngồi trên lá sen



Mật Hiệu là: **Kim Cương Tần Na Dạ Ca**

Chữ chủng tử là: VI (ॐ) hay GAḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình: Rễ cây củ cải (La Bốc Căn)



Tượng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:

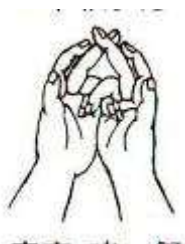
ॐ ह्रीं गौं हूं स्वāहं

OM_HRIḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: VI (ॐ)
Tam Muội Gia Hình: Rễ cây củ cải (La Bốc Căn)



Tượng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौं हूं स्वāहं

OM_HRIḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ

)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: KA (ॐ)
Tôn Hình: Tay phải cầm rễ củ cải, tay trái cầm viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौं हूं स्वāहं क

OM_HRIḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ_KA

)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: KA (ॐ)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौः हूं स्वहा

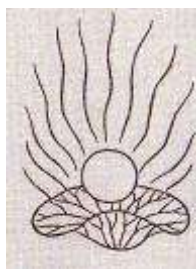
OM_HRĪH GAḤ HŪM SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Tỳ Na Dạ Ca có
chữ chủng tử là: RA (卐)

Tôn Hình: Tay phải cầm rế củ cải, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Tam Muội Gia Hình là: Viên Hoan Hỷ.



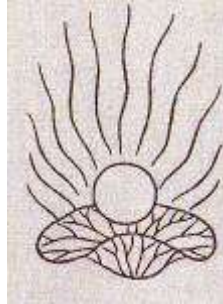
Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौं हूं स्वहा ३

OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ_RA

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौं हूं स्वहा ४

OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ_VI

TỠ NA DẠ CA PHÁP

_Chữ chủng tử của Tôn này là: GA, GAḤ, GŪḤ, GAḤ, HRĪḤ, BHRŪḤ

_Tùy theo sự truyền thừa, Tôn này có Tâm Chú là:

)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_GAṆAPATAYE SVĀHĀ

)OM_GAṆAPATAYE SVĀHĀ

)OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ

)OM_ĀḤ HŪḤ_GAṆAPATIYE SVĀHĀ

)OM_BHRŪḤ GAṆAPATIYE SVĀHĀ

)GAḤ_OM GAṆAPATIYE SVĀHĀ



Tượng Đầu Vương Tài Thần Chú:

“**Ông ca, ông mã ca, ông thoa cáp**”

***)OM GAḤ_ OM MA GAḤ_ OM SVĀHĀ**

Tượng Đầu Vương Trường Chú là:

“**Ông, nặc na nặc na, nặc nô nặc nô, ca na bát để, ca ca ca ca ca ca ca, chủ
nhữ chủ nhữ, ma nô ba tạp, nhữ nhữ nhữ nhữ, ca ca đả gia, ca ba ba để gia, thoa
cáp**”

***)OM_ RATNA RATNA RATNO RATNO GAṆAPATI GA GA GA GA
GA GA GA_ GA_ GAṆAPATI CURU CURU, MAṆU-PATRA RU RU RU RU,
GAGATAYA GAṆAPATIYE SVĀHĀ**

Do **Hồng Tượng đầu Tài Thần** được sự bảo hộ của **Đại Tự Tại Thiên** nên người cúng phụng Ngài cũng hay được chư Thần âm thầm ủng hộ, hay tránh được sự tà mỵ, hộ thân, thỏa mãn mọi mong cầu về vật chất. Cho nên các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy **Hồng Tượng Đầu Vương Tài Thần Chú Luân** nhằm đem lại lợi ích cho người đeo mang trên thân hoặc treo trong nhà

紅象頭王財神咒輪



ॐ ཨོཾ་གཏཱ་ལའི་ལྷ་ཀུཾ་

.)Trung Tâm Chú Luân là: chữ chủng tử GAM

.)Vòng tròn thứ nhất kế tiếp là **Tâm Chú của Tượng Đầu Tài Thần** được viết nối tiếp ba lần

**OM BHRŪM GAṆAPATIYE SVĀHĀ_ OM BHRŪM GAṆAPATIYE
SVĀHĀ_ OM BHRŪM GAṆAPATIYE SVĀHĀ**

Đức Phật bảo: “Này Xá Lợi Phất! Đây là **Kim Sắc Ca Na Bát Để trừ Chướng Nạn Chân Ngôn**. Nếu có chúng sinh thọ trì Chân Ngôn thì các Pháp đã làm không có gì không thành đại nguyện, cứ nghiệm sẽ biết.

Nếu quyết định có chướng nạn liền vào ngày 2, ngày 8, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt hoặc Hắc Nguyệt lấy phân bò xoa tô Đàn, dâng mọi thứ cúng dường thì điều đã làm được thành tựu”

Kim Sắc Ca Na Bát Để bạch Phật rằng: “Con sẽ ủng hộ cho người trì Chân Ngôn. Nếu có chúng sinh trì Chân Ngôn này thì tiền của, vật dụng, vàng bạc, châu báu, nô tỳ, tùy tùng... con đều cung cấp đầy đủ chẳng để cho thiếu thốn, ngoài ra còn khiến cho tất cả Pháp Chân Ngôn mau chóng thành tựu như ý”

.)**Sử Chú Pháp Kinh** (ĐTK_No.1267) ghi chép là:

Một thời Tỳ Na Dạ Ca ở núi Kê La tập các đại chúng, Phạm Thiên, Tụ Tại Thiên, Thích Đề Hoàn Nhân với vô lượng ức số nhóm Quỷ, Thần... Từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu làm lễ Đại Tụ Tại Thiên rồi thỉnh rằng: “Nay tôi muốn nói chú NHẤT TỰ để nhiều ích cho chúng sinh. Nguyện xin ấn khả và nghe điều tôi nói”.

Chư Thiên nói: “Lành thay! Như điều ông nói”.

Tỳ Na Dạ Ca được nói nên vui mừng hơn hờ, liền nói TỖ NA DẠ CA NHẤT TỰ CHÚ là:

उ ऩै ऩ ऩै उ न् ऩै ऩै

Án ngược già hiệt lệ án ha hồng phán tra.

*) OM GAH GA HRĪH OM HA HŪM PHAT

Nếu muốn tác Pháp này. Trước tiên nên làm Tượng hoặc dùng Bạch Lạp với vàng, bạc, đồng, cây hoa đều khắc làm hình tượng, đó là tượng ôm nhau hoà hợp của 2 thân vợ chồng và làm Tượng thân người đầu voi. Làm tượng đó ngay thẳng chẳng được trả giá.

Làm tượng xong, vào ngày mồng một của tháng Bạch Nguyệt ở trong tĩnh thất dùng phân bò xoa tô làm cái Đàn tròn, lớn nhỏ tùy ý. Nên lấy một thưng dầu mè, dùng Chú trên chú vào dầu sạch ấy. Sau đó lấy Tượng thả vào trong cái bát dầu rồi an trí trong Đàn. Dùng cái khóa bằng đồng sạch, như cái thìa đồng để khuấy dầu và rưới lên đầu của thân hai đầu voi 108 lần. Sau đó ngày ngày khiến chú vào dầu cũ 108 biến, trong một ngày rưới 7 lần. Bình thường buổi sáng 4 lần, **giờ Ngọ** (11g_13g) 3 lần, cộng thành 7 lần. Như vậy tác pháp cho đến 7 ngày thì tùy theo tâm mong cầu, nguyện thành liền được vừa ý.

Lúc chính thức rưới dầu thì mỗi mỗi phát nguyện, dùng Tô Mật hòa với bột gạo làm bánh tròn tĩa; gốc cỏ La Bặc và chén nhỏ rót rượu, nước tương. Ngày như vậy thành HIẾN THỰC (dâng thức ăn) ắt nên tự ăn thì mới được khí lực”.

MA HA CA LA

Ma Ha Ca La, tên Phạn là **Mahā-kāla**, dịch âm là Ma Ha Ca La, Ma Hạp Khát Lạp, dịch ý là Đại Hắc, Đại Thời. Lại xưng là Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, hoặc Ma Ha Ca La Thiên... có đủ tính cách của Thần chiến đấu, Thần Phước Đức và Thần Âm Phủ.

_ Trong Ấn Độ Giáo thì Mahā-kāla là tên gọi riêng của Thần **Thấp Bà** (Śiva); hoặc là hóa thân (hoặc Thị Giả) của **Đột Ca** (Durga), vợ của Thấp Bà, chủ về sự phá hoại, chiến đấu.

_ Truyền thống Phật Giáo thì coi là Mahā-kāla hóa thân của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara), hoặc là hóa thân của **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha)... Các thuyết đều nói khác nhau, trong đó có khi dùng Đại Hắc Thiên làm Phước Thần để cung phụng, ước chừng có mấy loại cách nói như sau:

.) **Đại Nhật Kinh Sớ** nói là **Phần Nộ Thần** giáng phục **Trà Cát Ni** (Dākinī).

.) Có thuyết nói Thiên Thần này là hóa thân của **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara: Đại Tự Tại Thiên), cũng tức là **Tung Gian Thần, Chiến Đấu Thần**. Trong đây cho rằng Đại Hắc Thiên Thần là do sự hóa hiện của Ma Hê Thủ La cùng với vô lượng Quyển Thuộc các Quỷ Thần thường du hành lúc nửa đêm trong rừng, ăn thịt uống máu người sống, đủ đại lực, nên rất dũng mãnh trong các pháp chiến đấu đều hay được thắng lợi, cho nên Đại Hắc Thiên Thần tức là Chiến Đấu Thần.

.) Căn cứ vào sự ghi chép của **Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, Phẩm Phân Bố Diêm Phù Đề** thì Đại Hắc Thiên Nữ cùng với Thiện Phát Càn Thát Bà... đều hộ trì dưỡng nuôi nước Ba La Nại.

.) Đại Hắc Thiên lại xưng là **Mã Cáp Ca Lạp** (Mahā-kāla), là vị Chủ Tôn Hộ Pháp trọng yếu của Mật Giáo Tây Tạng.

.) Ở Nhật Bản lại dùng Đại Hắc Thiên là một trong 7 vị Phước Thần, cho rằng **Đại Hắc Thiên** chính là **Phước Thần** ban cho thế gian sự Phú Quý, Quan Vị, trong dân gian nhận được sự sùng bái tín ngưỡng rất lớn.

Trong **Đông Mật** tương truyền Tôn này là **Đại Nhật Như Lai** vì giáng phục Ma ác mà thị hiện **Thiên Thần** có hình Dược Xoa phần nộ.

.) Trong **Tạng Mật** thì tương truyền Ngài là **Đại Hộ Pháp** do sự hóa hiện của **Quán Thế Âm Bồ Tát**.

Tôn này đồng với Bản Tôn của pháp tu ở 2 hệ Mật Giáo tại Tây Tạng, Trung Quốc và Nhật Bản đều coi trọng như nhau.

Bởi vì Tôn này thống lãnh vô lượng Quyển Thuộc Quỷ Thần, mà sở trường là thuật dùng thuốc (Dược Thuật) ẩn hình bay đi. Do đó có thể lúc chiến đấu, chúng sinh nên hướng về Ngài khẩn cầu sự gia trì. Lại hay khiến thức ăn uống thường đầy đủ, vì thế chùa chiền ở Ấn Độ và trong dân gian ở Tỉnh Giang Nam của Trung Quốc, thường có người cúng bái ở nhà bếp.

Đồng thời vị Thần cũng là một trong những Địa Thần (Thần Kỳ) thường được Phật Giáo Đồ cúng bái ở nghĩa địa. Lại tương truyền vị thần này cùng với Quyển Thuộc của Ngài, **Thất Mẫu Thiên Nữ** hay ban cho kẻ nghèo túng được Phước Đức lớn. Do đó Đại Hắc Thiên có cả bốn tính cách là **Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần** (vị Thần ở nhà bếp), **Tung Gian Thần** (vị Thần ở nghĩa địa, nơi có mồ mả, nơi chứa xác người chết) và **Phước Đức Thần** đều nhận được sự tín ngưỡng ngang nhau.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 10 ghi nhận là: Tượng có 8 cánh tay, thân màu mây đen xanh, 2 tay để ngang ngực cầm Tam Kích Xoa, tay thứ 2 bên phải cầm con Dê đực xanh, tay thứ 2 bên trái nắm búi tóc của 1 con Quỷ đói, tay thứ 3 bên phải cầm cây Kiếm, tay thứ 3 bên trái cầm Khiết Tra Vông Ca (Khatvāṅga), tức là Độc Lôu Chung, là tiêu chí của sự phá hoại tai họa, 2 tay ở sau mỗi tay ở trên vai cùng giương một tấm da voi trắng tườ thể như khoác áo, dùng Rắn độc xuyên qua đầu lâu làm Anh Lạc, ló nanh cọp lên trên, tác hình Đại Phần Nộ, dưới chân có Địa Thần Nữ Thiên đưa 2 tay nâng đỡ bàn chân.

Ngoài ra y theo “**Đại Hắc Thiên Thần Pháp**” ghi chép, là màu xanh có 3 mặt 6 cánh tay, tay bên phải bên trái của mặt ở phía trước cầm cây Kiếm để ngang, lần lượt tay trái nắm lấy búi tóc của người, tiếp theo tay phải cầm con Dê cái, 2 tay sau cùng ở sau lưng giương tấm da Voi, dùng đầu lâu làm anh lạc. Tôn hình trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La** được ghi chép tương đồng, chỉ trừ con Dê và đầu người ở bên trái bên phải thì ngược nhau.



.)**Kinh Tối Thắng Tâm Minh Vương** nói là Đại Hắc Thiên khoác tấm da Voi, cầm một cây Thương nằm ngang với một đầu xuyên qua đầu người, một đầu xuyên qua con Dê.

.)Các Phái của Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền hình tượng đều khác nhau, tác dụng tính chất cũng khác nhau. Bởi vì truyền thừa của các Phái khác nhau, cho nên đối với hình tượng và tính đặc biệt của Đại Hắc Thiên cũng có các cách nói khác nhau như:

Nhị Tý Đại Hắc Thiên, chủ yếu hộ trì Hỷ Kim Cương Hành Giả.



Tứ Tý Đại Hắc Thiên, chủ yếu hộ trì Đại Thủ Ấn Hành Giả.



Lục Tỳ Đại Hắc Thiên, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cách Lỗ và Hương Ba Cát Cử.



Bạch Sắc Lục Tỳ Đại Hắc Thiên, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cát Cử và Tát Ca. Trong đó **Bạch Mã Cáp Ca Lạp** là tên nổi tiếng của Bản Tôn Tài Bảo.



Ngoài ra có khi dùng vị Trời này làm Tài Phước Thân, chủ quản việc ăn uống.

)Trong **Nam Hải Ký Quy Truyện** thì nói là hình **Thần Vương**, cầm túi vàng, ngồi trên cái giường nhỏ mà thông một chân xuống.

Ngoài ra một loại là tạo hình Phước Thần có hình mạo người bình thường, đầu đội mũ tròn, lưng vác túi, cầm cái chùy nhỏ, đập lên túi gạo. Ở Pháp Tu thì hình phần nộ phần nhiều dùng ở Giáng Ma, Điều Phục Pháp; chủ về cầu Phước Đức thì nên cúng bái Phước Thần.



_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Ma Ha Ca La có thân màu đen, hiện tướng phần nộ, 3 mặt 6 cánh tay. Mặt chính giữa có 3 con mắt, hai mặt trái phải đều có 2 con mắt. Hai tay thứ nhất cầm cây kiếm đặt nằm ngang, chuôi kiếm là hình Tam Cổ. Hai tay kế tiếp: tay phải nắm đầu tóc con người, tay trái cầm sừng con dê. Hai tay kế tiếp cầm tấm da voi giăng trương sau vai. Tóc lửa dựng đứng, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc, rắn làm vòng đeo cánh tay, ngồi trên toà tròn



*) **Oṃ micchi micchivare tāragate svāhā**

Ấn: Hai tay tác Nội Phộc, duỗi hai Địa (2 ngón út) hai Thủy (2 ngón vô danh) đưa qua lại



Cúng Đường Ấn: dùng Pháp *thường đồ* (*đường lối thông thường*)

Người lễ cúng cần phải đối với vị Thần này: tưởng thành cha mẹ, đối với Tam Bảo thành vị bảo vệ bên ngoài, đối với mọi người thành cha mẹ vậy.

Ngoài ra, từ lâu đã nghe biết phong tục của Thiên Trúc kèm với phong tục trong triều đại của Ta, các chùa đều an trí vị Trời này rất nhiều. Nhân vì chặt đứt sự nghi ngờ của người đời sau, nên dùng **Dã Khách Mộng Sự** dẫn tìm, đưa tặng cho yên lòng vậy.

Đại Hắc Thiên Thần Pháp.

Thầy nói rằng: “Điều này rất bí mật, chẳng thể truyền thụ cho Đệ Tử chưa nhập thất, ngàn vàng đừng truyền, nỗ lực khen ngợi (**Thiên Tán:** bài tán chú Thiên)

Chủng tử là 𑖀(MA)

Đại Hắc Thiên Thần.

.)**Di Giới Tạng Phạm Hiệu** nói là **Ma Ha Ca La Thiên** (Mahā-kāla), cũng nói là **Đại Hắc Thiên Thần**, dùng **Phổ Ấn**, **Tam Ma Gia Hình** là cây kiếm, màu xanh có ba mặt sáu cánh tay. Hai tay trái phải phía trước để nằm ngang cầm cây kiếm, tay trái tiếp theo cầm đầu người (nắm búi tóc), tay phải tiếp theo cầm con dê cái, hai tay trái phải tiếp theo giương tấm da voi ở phía sau lưng, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc.

Bản xưa nói là: “màu đen lợt vậy”

.)**Nhân Vương Kinh Lương Bí Số** ghi rằng: “Nói “**Trùng gian**” (gò mả) là nơi cư trú. Nói “**Ma Ha**” phiên dịch là to lớn. Nói “**Ca La**” là Hắc Thiên. Câu trên là Phạn Ngữ, câu bên dưới là ngôn ngữ thuộc đời Đường

Đại Hắc Thiên Thần là **Đấu Chiến Thần**. Nếu lễ vị Thần ấy thì tăng uy đức, làm việc đều thắng, cho nên hướng về vị Thần ấy cúng bái. Vì sao lại biết? **Tam Tạng** trích dẫn sách Phạn, nói rằng:

.)**Kinh Khổng Tước Vương** nói: “Ở phía Đông của Quốc Thành tại nước **Ô Thi Ni**, có một khu rừng tên là **Sa Ma Xa Na** (Śmaśāna), đây nói là **Thi Lâm** (khu rừng chứa xác người chết). Khu rừng ấy dài rộng đủ một do tuần, có vị **Đại Hắc Thiên Thần** (Mahā-kāla) là Thân biến hóa của **Ma Hê Thủ La** (Mahesvara:Đại Tự Tại Thiên) cùng với các Quý Thần, vô lượng quyến thuộc...ban đêm thường du hành trong rừng, có Đại Thần Lực, có nhiều loại châu báu, có thuốc ấn hình, có thuốc sống lâu, du hành bay trên hư không, đem các thuốc Huyền Thuật cùng mua bán với con người, chỉ nhận lấy máu thịt của con người, trước tiên quy ước cân lượng rồi mua bán nhóm thuốc. Nếu người muốn đi đến thì dùng Đà La Ni gia trì thân mình xong rồi mới đi đến mua bán. Nếu chẳng gia trì thì các Quý Thần kia liền tự ấn hình, trộm lấy máu thịt của người, khiến giảm cân lượng. Tức lấy máu thịt trên thân người ấy, tùy lấy tùy hết, chẳng đủ số theo quy ước lúc trước, cho đến lấy hết máu thịt của một người mà cân lượng chẳng đủ số, nên chẳng thể đổi được thuốc.

Nếu người gia trì mua được **Bảo Bối** với các thứ thuốc thì tùy theo Ý muốn làm, đều được thành tựu. Nếu hướng đến sự cúng tế thì chỉ cần máu thịt của con người, khiến cho vị Thần ấy có Đại Lực, liền gia hộ cho người đã làm Pháp dùng mảnh đầu chiến, đều được thắng. Cho nên **Đại Hắc Thiên Thần** tức là **Đấu Chiến Thần**.

Vị Trời này tức là quyền thuộc của bảy **Mẫu Thiên** (v.v....) có bảy chị em

- 1_ **Tả Bí Noa** (Cāmūṇḍā)
- 2_ **Kiều Phệ Lý** (Kauverī)
- 3_ **Phệ Sát Noa Vi** (Viṣṇavī)
- 4_ **Kiều Ma Lý** (Kaumarī)
- 5_ **Ấn Trà Lý** (Indrī)
- 6_ **Lao Trà Lý** (Raudrī)
- 7_ **Mạt La Hứ Nhĩ** (Brāhmī)

Bảy tên gọi đó đều là Chân Ngôn vậy

Đại Nhật Kinh Sớ nói rằng:

“**Trà Cát Ni Chân Ngôn**. Đây là Thế Gian có tạo ra Pháp Thuật này, cũng là Chú Thuật tự tại hay biết được con người sắp hết mạng, tức biết trước sáu tháng. Biết xong, liền làm Pháp lấy trái tim của người ấy để ăn. Sở dĩ như thế, vì trong thân người có **Hoàng** (?khí vui ?phân màu vàng ?kim loại vàng), ấy là **Hoàng** của con người giống như con bò có **Hoàng** vậy.

Nếu người được ăn thì hay được sự thành tựu rất lớn, một ngày dạo vòng bốn khu vực, tùy theo Ý đã làm đều được. Cũng hay được mọi thứ trừng trị con người.

Kẻ có hiềm thù dùng **Thuật** trừng trị khiến cho bị bệnh khổ, nhưng Pháp ấy chẳng được giết người, chủ yếu là y theo Phương Thuật mà tự mình tính toán. Người sắp chết thì cách sáu tháng liền biết, biết xong dùng Thuật lấy trái tim của người ấy, tuy lấy trái tim ấy nhưng có Pháp Thuật, chủ yếu dùng vật khác thay thế thì người này, mạng cũng chẳng kết thúc, đến khi hợp với giờ chết thời mới tan hoại.

Đại Đô là Dạ Xoa Đại Tự Tại, nơi người đời đã nói là **Đại Cực**, thuộc **Ma Ha Ca La**, ấy là Đại Hắc Thần vậy. Đức **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) dùng Pháp Môn **Giáng Phục Tam Thế** muốn khuất phục *loài kia* (Dākiṇī), cho nên hóa làm **Đại Hắc Thần** hơn hẳn loài kia (Dākiṇī) vô lượng thị hiện, dùng tro xoa bôi Thân ở ngay trong vùng hoang vắng, dùng Thuật đều triệu tất cả Thành Tựu, bay trên hư không, đi trong nước đều không có ngăn ngại, la mắng các **Trà Cát Ni** (Dākiṇī): “*Do ngươi thường ăn nuốt con người, cho nên nay Ta cũng sẽ ăn nuốt ngươi*”. Liền ăn nuốt Trà Cát Ni, nhưng chẳng khiến cho bị chết, lại thả ra đều khiến cho loài kia không được ăn thịt (đoạn nhục)

Loài kia bạch Phật rằng: “Con phải ăn thịt thì mới sống được. Nay lại như thế thì làm sao cứu giúp được mình?!”

Đức Phật nói: “Nghe nói ngươi ăn trái tim của người chết”

Loài ấy nói: “Khi con người sắp chết thì các hàng Trời, Dạ Xoa đều biết mạng của kẻ kia đã hết, nên tranh nhau đến muốn ăn thời con làm thế nào để được?!”

Đức Phật nói: “Vì ngươi, nói Pháp Chân Ngôn với Ấn. Sáu tháng chưa chết thì liền hay biết. Biết xong, dùng Pháp gia hộ đừng khiến cho người khác sợ hãi bị tổn hoại, đến khi hết mạng thời nghe ngươi lấy ăn, như vậy khéo dẫn dắt khiến cho kẻ kia được vào Đạo”

Có Chân Ngôn này: **Ha-lợi** (**Ha** là quyết định thực hành, **Lợi** là dơ bẩn) **Ha** (thực hành trừ sự dơ bẩn của Tà Thuật kia)

*) **Hrīḥ haḥ**”

)**Du Kỳ Kinh Sớ** nói rằng: “**Hồng Ca La** (Hūm-kāra) [tên gọi **Giáng Tam Thế**, nghĩa của **Giáng Phục**]. **Ca La** (lại nói là **Hắc Âm**)”

)**Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng: “Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần”.
Lại nói là “Đại Âm Dạ Thiên” là do chữ **Ca La** (Kāla) được phiên dịch thành **Hắc Âm**

)**Nhân Vương Sớ** nói rằng: “Ma Ha Ca La Thần”
Ma Ha Ca La dùng **Phổ Âm**
“**Ân**, ma ha ca la dã, sa-bà ha”
*) **Oṃ _ Mahā-kālāya _ svāhā**

)**Nam Hải Truyện** nói rằng:
“Lại nữa, tại các chùa lớn ở phương Tây (Ấn Độ), bên cạnh cây cột nhà bếp, hoặc ở trước cửa kho lớn, đều có khắc hình biểu thị trên tám gỗ, hoặc hai thước (2/3m) ba thước (1m), làm hình dạng Thần Vương ngồi, cầm cái túi vàng ròng, ngồi trên cái giường nhỏ, duỗi một chân xuống đất, thường lấy dầu lau phết làm hình màu đen, hiệu là **Mạc Ha Ca Ca** (Mahā-kāla) tức là Đại Hắc Thần.

Đời xưa tương truyền rằng: “Vị Thần đây là Bộ Thuộc của **Đại Thiên**, có Tính yêu thích **Tam Bảo**, hộ trì **năm Chúng** khiến cho không hao tổn một sợi lông, người mong cầu đều được toại nguyện, chỉ đến lúc ăn thời nhà bếp thường dâng tiến **hương hỏa** (hương và lửa đèn), hết thấy thức ăn uống đều bày ra trước mặt Ngài.

_ Bản thân từng được nghe nói tại chùa **Ba Thiên Na** ở xứ **Đại Niết Bàn**, mỗi ngày thường có hơn một trăm vị Tăng thọ thực. Vào dịp lễ bái của hai kỳ Xuân Thu, bất chợt có 500 vị Tăng Đồ đến dự, ngay lúc ấy không thể nấu nướng kịp. Vị **Tri Sự** bảo nhà bếp rằng: “*Có việc bề bộn gấp rút này, biết phải làm như thế nào đây?!*”

Khi ấy có một bà lão là người thanh tịnh, bảo rằng: “*Đây chỉ là việc thường tình, không có gì phải lo lắng*”. Rồi bà lão mới thắp nhiều hương, xếp bày đầy thức cúng tế, bạch với **Hắc Thần** rằng: “*Đại Thánh! Ngài ngự ở trên! Vì chư Tăng ở bốn phương đến lễ bái Thánh Tích, nên đừng khiến cho thức ăn uống cúng dường bị thiếu. Lòng nhân từ đây, cầu mong Ngài có thể biết*”.

Rồi vẫn mời Đại Chúng ngồi xuống, đem thức ăn thường dùng của chùa, thực hiện theo thứ tự. Do Đại Chúng đều được đủ các món ăn vẫn như ngày thường, cho nên thấy đều xướng lên rằng: “*Khéo thay! Sức lực của Thiên Thần làm giúp cho lễ bái yết*” và nhìn thấy vị Thần màu đen (Hắc Thần) với thấy thức ăn ở trước mặt tạo thành đồng to lớn”

Xin hỏi sự kiện ấy có Ý gì? Do đâu mà có quả báo này?

Mặc dù **Hoài Bắc** trước kia không có, nhưng phần lớn tại **Giang Nam** đều có nơi an trí (tượng Thần), người cầu xin rất hiệu nghiệm. Đường lối của vị Thần (Thần Đạo) chẳng phải là hư dối.

Rồng **Mục Chân Lân Đà** ở Chùa Đại Giác cũng đồng với sự sai khác này vậy.

_ “**Ân**, mật chỉ, mật chỉ xá bà lệ, đa la yết đế ha, sa bà ha”

*) **Oṃ _ micchi micchisvare tāragate _ svāhā**

_ “**Ân**, ma ha ca la gia, sa bà ha”

Oṃ _ Mahā-kālāya _ Svāhā

_ **Khẩu Truyền** nói rằng: “**Pháp Thường Đồ** (đường lối thông thường) là **Thập Bát Đạo** (18 Đạo Khế)”

Khẩu Truyền nói rằng: “Kinh **Nhân Vương** nói **Ma Ha Ca La** ở gò má là Đại Hắc Thiên Thần”

Lý Thú Thích nói rằng: “Bảy **Mẫu Nữ Thiên** là quyền thuộc của Ma Ha Ca La Thiên, có thể cư ngụ ở phương Đông Bắc, rất bí mật, rất bí mật”

_ Thầy nói rằng: “Pháp này là Pháp rất u bí mật. Người chẳng **nhập thất** lại còn là người kém Phước không có tên tuổi thì chẳng thể truyền thụ, cho dù dốc sức đem cả ngàn vàng đến thì cũng đừng truyền thụ”.

Trước tiên có thể chuẩn bị cúng một mâm

Tiếp đến có thể chuẩn bị chút ít quả trái

Tiếp đến chuẩn bị một chén nước thơm (có thể rải thêm lên cây gậy)

Tiếp đến một chén hương hoa bôi, một chén vòng hoa, một chén hương đốt, một chén rượu (nếu không có thì dùng Trà)

Tiếp đến một chén gạo sạch (như cơm), một vốc tiền bạc (hoặc dùng thêm vải lụa, dùng **Phổ Cúng Đường Minh**)

Tiếp đến ở trong cái buồng, rửa tay xúc miệng

Tiếp đến Hộ Thân (**Tịnh ba nghiệp, ba Bộ, Bị Giáp** như **Thập Bát Đạo**)

Tiếp đến vào **Đường** (lễ đường) [cầm tràng hạt với cái chày]

Tiếp đến lễ Phật rồi ngồi xuống

Tiếp đến dùng hương xoa bôi bàn tay

Tiếp đến gia trì vào nước thơm (dùng **Biện Sự Án Minh**)

Tiếp đến rưới vẩy vật cúng khiến cho sạch sẽ (tịnh cúng vật)

_ Tiếp đến **Gia Trì Phạn Thực Chân Ngôn**. Tay trái nắm quyền để ở eo lưng, tay phải dựng năm ngón, co lỏng ngón giữa, đem Không Chỉ (ngón cái) để ở móng ngón Hỏa (ngón giữa). Mỗi lần tụng Chân Ngôn thì chà xát trên móng ngón giữa sáu lần, duỗi các ngón còn lại. Sau đó dùng ngón cái, ngón trở búng tay ba lần duỗi ra.



Chân Ngôn là:

ॐ ऋं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं ॐ ॐ ॐ ॐ

“Nặng mặc tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc lộ chỉ đế. Án, tam bà la, tam bà la, hồng”

*) **Namah sarva-tathāgatāvalokite. Oṃ sabhara sabhara hūṃ**

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

Namah sarva tathāgata avalokite_ Oṃ_ sambhāra sambhāra hūṃ]

_ Tiếp đến **Thí Cam Lộ Án Minh**. Tác **Thí Vô Úy Án** xong, tay phải dựng gương năm ngón tay, chỉ thẳng lên trên.



Chân Ngôn là:

ॐ: सुपय नमस्तथा तद्यथा उ सुसु सुसु सुसु सुसु

“Năng mặc tô-lỗ bã dã, đất tha nghiệt đa dã. Đất nễ-dã tha: Án, tô-lỗ, tô-lỗ, bát-la tô-lỗ, bát-la tô-lỗ, sa-phộc hạ”

*) **Namaḥ srūpaya tathāgatāya. Tadyathā: Om_ srū srū, prsrū prsrū, svāhā**

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

Namaḥ Surūpaya tathāgatāya

Tadyathā: Om_ suru suru _ prasuru prasuru _ svāhā]

_ Tiếp đến **Tông Tự Tâm Thủy Luân Quán**. Trước tiên tác **Thí Vô Úy Án**, quán chữ **ँ (Vaṃ)** trong tâm của lòng bàn tay phải, tụng chữ **ँ (Vaṃ)**. Chú này tụng bảy lần, liền mở năm ngón tay, hướng xuống dưới, đến bên trong (?che bên trên) vật khí chứa thức ăn rồi **Quán**.



Chân Ngôn là:

ॐ: समं वृक्षं ँ

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam_ Tông”

*) **Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Vaṃ**

_ Tiếp đến **Khuyến Thỉnh** (Dùng **Kiên Thật Hợp Chưởng**) chí Tâm cần thỉnh Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần cùng với các quyền thuộc đi đến, giáng xuống chốn này, thọ nhận sự cúng dường này (3 lần)

Chân Ngôn là:

ॐ मन् कराय वञ्ज

“Án, ma ha ca la gia, duệ hề duệ” (3 lần_ Phổ Ấn Minh)

*) **Oṃ_ maha-karaya** (?mahā-kālāya) **ehyehi**

Dùng hai Không (2 ngón cái) chiêu mời (3 lần)

_ Tiếp đến **Át Già** (lấy rải lên cây gậy, tụng **Khuyết Già Minh**, rưới vảy ở trước chỗ ngồi ba lần)

Tiếp đến **Tòa hoa** (lấy một bông hoa trong buồng, tụng **Hoa Tòa Minh** để ở chỗ ngồi, hoặc cũng dùng **Án Minh**)

Tiếp đến hương xoa bôi

Tiếp đến vòng hoa

Tiếp đến hương thiêu đốt

Tiếp đến thức ăn uống (Quả trái mới, tiếp đến rượu, tiếp đến thức ăn uống)

Tiếp đến đèn sáng

Tiếp đến tiền bạc (hoặc dùng thêm vải lụa)

Tiếp đến **Phổ Cúng Dương** (như Thập Bát Đạo vậy)

Tiếp đến **Tán Ấn** (dùng **Phổ Chư Thiên Tán**)

Tiếp đến **Đế Duyên Độ** (dùng **Phổ Ấn**)

Tiếp đến **Tâm Kinh** (dùng **Phổ Ấn**)

Tiếp đến tùy Ý cầu nguyện

Tiếp đến **Căn Bản Án Chân Ngôn** (đồng Án)

Tiếp đến **Niệm Tụng** (ít nhất là 100 biến)

Tiếp đến **Át Già** (như lúc trước)

Tiếp đến **Khải Bạch** (dùng **Phổ Ấn**)

“Vật cúng dường đã bày

Có thể cười thô xấu

Duyên bám níu **Giác Quán**

Phân lớn chẳng như Pháp

Gây náo loạn **Minh Chúng**

Nguyện xin rủ Từ Bi

Ban cho sự vui vẻ”

_ Tiếp đến **Lễ bái**

Tiếp đến **Phát Khiển**. Tay phải nắm Quyển, đem ngón cái vịn ngón trỏ, giữa lòng bàn tay, búng ngón tay phát ra tiếng, làm bảy lần .

Chân Ngôn là:

ॐ वज्र मुखे ॐ:

“Án, bạt chiết-la, mẫu khát-xoa, mục”

*) **Oṃ_ vajra mukṣa bhuh** (?muḥ)

_ Tiếp đến **Hộ Thân** (ba Bộ, Bị Giáp như lúc trước)

Tiếp đến ngồi xuống

Chư Thiên Tán:

ॐ यं तु हव मगसकं नरुह मकरिहय सवरा वश्च कुगलकरी श्व
श्च न ससम मञ्जु श्वमग तुगमग सकषय गलकष मषय वमं

“A diển đồ, nê phộc, tả nga tổ la khấn. na la nại-la sa yết la na du, bát-la phộc la, đạt ma chỉ-lý đa, địa già-la, vĩ đạt ma tả, bát la sa ma, tao xí-dã, nễ-minh đa, bộ đa minh đa, bát-la ca xả dạ, đát nễ hạ thất-la, ma noa dã, đà hàm”

***) Ayamtu deva, sagasrakam, narendra, sakaradayā pravara dharmakṛtadhikara, vidharma ca prasama saukhyai nimeta bhūtameta, prakāṣaya tadihaśra mathāya dhamam**

ĐẠI HẮC THIÊN THẦN PHÁP (Hết)

Nói chung: **Khiên** (phần sau của cái áo) **Quần** (cái xiêm, cái váy, cái quần), hòa chung tên thì gọi là **Đôn** (đồ vật từ phần eo lưng trở xuống), cũng nói là **Quần**

_ **Thừa An** năm thứ ba, tháng hai, ngày 18_ Ở Phương Đông của viện Thắng Câu Chi tại chùa **Đề Hồ**_ Viết chép xong trong hai tháng

_ **Vĩnh Chính** năm thứ ba, Bính Dần, tháng hai, ngày mồng hai_ Ở viện Tịch Tĩnh, trên chùa **Đề Hồ**_ Cốc Hàng Viện **Trùng Huệ Pháp Ấn** trao truyền xong_ **Khoái Du**

_ **Minh Hòa** năm đầu tiên, Giáp Thân, Trọng Thu, ngày mồng hai_ Dùng dùng bản **Hoặc Cổ** ghi chép, một lần kiểm tra và hiệu đính xong_ Sa Môn **Trí Hảo**.

_ **Hưởng Hòa** cải nguyên, mùa Thu, tháng tám, sau ngày mồng năm, gom 15 Bản kiểm tra hiệu đính xong, giao cho khắc bản khiến cho con người biết được sự linh nghiệm của Thiên Tôn.

Lại có **Bát Tý Thiên**.

Hy Lân Âm Nghĩa nói rằng: **Kinh** nói rằng: “Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần là dùng cả hai thứ tiếng Phạn Hán nêu lên vậy. Vị Thần này có màu mây đen xanh, sống đến vô lượng tuổi, có tám cánh tay đều cầm khí trượng khác nhau, xỏ xuyên qua đầu lâu dùng làm chuỗi Anh Lạc, làm hình vị Trời phần nộ, dưới bàn chân có **Địa Thần Nữ Thiên** dùng hai bàn tay nâng đỡ bàn chân của Ngài”

Phong Sơn Trường Cốc, Viện Tông Tri_ **Cần Túc Khoái Đạo** ghi chép

_ Một lần dùng bút kiểm tra hiệu đính xong_ **Từ Thuận**

Người tu theo **Đông Mật** và **Tạng Mật** đối với Pháp Đại Hắc Thiên rất là coi trọng, hành giả tu Pháp này thường dùng để khấn vái trừ Ma, tu hành thành tựu sự thắng lợi và cầu Phước.

QUYẾN THUỘC CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

ĐỒ CÁT NI

Đồ Cát Ni, tên Phạn là **Dākiṇī**, dịch âm là Noa Cát Ninh, Noa Cát Ni, Noa Chi Nễ, Đồ Kỳ Ni, Đồ Chỉ Ni, Trà Cát Nễ, Đà Kỳ Ni, Tra Chi Ni... tên Tây Tạng là **Mkhaḥ-ḥgrōma** hay **Khandroma**, dịch ý là Không Hành Mẫu, là Phật Mẫu hoặc Minh Phi của Tạng Truyền Phật Giáo

Tùy theo truyền thống Tôn Giáo và văn học cụ thể mà Dākiṇī được ghi nhận là: loài quỷ Dạ Xoa, các linh hồn có nữ tính, phù thủy, tôi tớ của Kāli hoặc các vị Thần hỗ trợ trong việc phát triển tâm linh

Theo Ấn Độ Giáo, thuật ngữ Dākiṇī thường mang các ý nghĩa tiêu cực, mặc dù trong Mật Tông của Ấn Độ Giáo thì Dākiṇī là những người bảo vệ những bí ẩn sâu sắc hơn về bản thân, thông qua đó những bí mật của biến đổi nội tâm được tiết lộ.

)Trong tranh ảnh của dân gian Ấn Độ thì Dākiṇī là một con quỷ cái đang tiến hóa trong Thế Giới Thần Thành và là hàng ca múa phục vụ cho Nữ Thần **Kāli** trong các nghi lễ và ma thuật, được thực hiện tại nơi hỏa táng hay nghĩa trang. Khi ấy Kāli thường được hiển thị qua nghệ thuật với một con cạp còn Dākiṇī thường được mô tả qua hình ảnh con chó rừng (cũng như chim Carrion) vì thói quen ma quái của họ ám ảnh những bữa ăn ở nơi hoang vắng





Một truyền thuyết cho rằng Dākinī và Śākinī là vợ của Tripurasura. Sau khi Tripurasura bị Śiva giết thì họ được Śiva cho phép cư ngụ trong khu rừng mà không phải sợ bất kỳ sự đe dọa nào và mọi người phải xưng tụng tên của họ trước khi ghé thăm các đền thờ của Bhima-saṅkara, vì thế các khu rừng xung quanh đền có tên gọi là rừng Dākinī

.)Trong Ấn Độ Giáo, những người tìm kiếm sự thành tựu của quyền lực thường phải đối mặt với những thách thức từ Dākinī, Śākinī với số phụ nữ phần nộ hoặc bán phần nộ khác như Kākinī, Kāminī.... Hành Giả phải đánh bại hoặc vượt qua họ thì mới được sự thành tựu (siddhi) và trở thành một vị Đại Thành Tựu có quyền năng kiểm soát các yếu tố thiên nhiên. Có rất nhiều câu Chú và sotra trong Thánh Kinh của Ấn Độ Giáo được tin là đánh bại và tự bảo vệ mình trước Dākinī, Śākinī và những người khác. Vị Thần được tôn thờ nhằm giúp cho Hành Giả vượt thoát hoặc chiến thắng ma quỷ như Bhūta, Preta, Piśāca, Vetala, Brahma-rākṣasa và các năng lực tiêu cực mạnh mẽ khác như Dākinī, Śākinī, Kākinī, Kāminī... là Thần Hầu **Hanuman**.

Trong ý nghĩa sâu xa thì Dākinī, Śākinī, Kākinī, Kāminī được xem là các năng lực Śakti có quyền hạn kiểm soát các **Luân xa** (cakra) khác nhau. Như vậy Dākinī là những người bảo vệ những sự bí ẩn sâu sắc của bản thân và thông qua họ thì những bí mật biến đổi nội tâm mới được khai mở. Khi một người có thể đánh thức được **Kuṇḍalini** (biểu thị cho năng lực sáng tạo ra vũ trụ cư ngụ ở đốt xương sống cuối cùng) và di chuyển nó đến luân xa **Sahasrara-cakra** ở đỉnh của sọ não thì mới trở thành một Yogi thực thụ

Khi Hành Giả thực hành Mật Pháp quan hệ tình dục theo Tantra của Ấn Độ Giáo thì có thể cần đến sự trợ giúp của Dākinī là một phụ nữ được đào tạo trong Yoga của Mật Thừa, hoặc thậm chí là một Dākinī thật thể.

Dākinī là một vị Thần Kỳ rất được sùng bái trong Mật Giáo Tả Đạo Phái của Ấn Độ cụ thể là Pháp thực hành “**Ngũ MA tự du già hạnh**” (Pañca-śakti) tức là: ăn **thịt** (Māṃṣa), ăn **cá** (Matsya), uống **rượu** (Madya), kết **Thủ Ấn** (Mudrā), **giao hợp** (Maithuna) xong sẽ được đến sự vui thích

.)Tại Bengal và một số địa phương khác ở Ấn Độ thì Dākinī được xem như là một nữ phù thủy

_Tại Nhật Bản, trong những năm đầu của Thế Kỷ thứ 9, thông qua Đại Sư **Không Hải** (Kukai) thì Dākinī được xuất hiện qua các hình tượng Dākinī của Ấn Độ Giáo. Đến thời đại Heian thì Dākinī được pha trộn với hình ảnh của con cáo và phụ nữ lỏa thể nửa thân trên và được gọi là **Dakini-ten** (Trà Cát Ni Thiên: Dākinī-deva),

Shinkoò-bosarsu (Thần Hồ Vương Bồ Tát), Kiko-Tenno (Quý Hồ Thiên Vương)...là vị Thần có liên quan đến Inari và Daikoku-ten (Mahā-kāla: Đại Hắc Thiên).



Trong thời Trung cổ, Hoàng đế của Nhật Bản sẽ hát trước một hình ảnh của con cáo Dakini-ten trong buổi lễ đăng quang của mình

Mặc dù Dakini-ten được cho là một vị thần Phật giáo mạnh mẽ, nhưng những hình ảnh và các câu chuyện xung quanh nó ở Nhật Bản lại được rút ra từ thần thoại Kitsune của địa phương. Nổi tiếng nhất trong số này có lẽ là câu chuyện của Abe Không Seimei, của Onmyoji (phù thủy, nhà chiêm tinh, trừ quỷ), người được cho là con trai của một con cáo trắng đầu tiên kết hôn với một người đàn ông đã cứu cô từ các thợ săn.



Nghi thức Dākīnī được phân cấp vào các phép thuật khác nhau được gọi Dakini-ten, Izuna, và Akiba. Những người cảm thấy sự sai trái trong làng của họ thì có thể đi đến một Yamabushi tìm người thực hành ma thuật đen, và anh ta phải bày được một

Kitsune (con cáo) để làm vật trung gian nhằm giúp cho anh ta giải quyết được công việc của mình.



Người dân Nhật Bản còn thờ phượng Dakini-ten như là vị Thần giám hộ, bảo vệ hoặc thậm chí là vị cứu tinh của những cánh đồng lúa. Ngoài ra còn dựng lập các cáo giám hộ Dakini-Inari là vị Thần canh giữ cửa ngõ, hoặc chăm sóc thôn làng, hoặc bảo vệ các kho lúa gạo, tài sản, đền đài miếu mạo...





_Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Dākinī được gọi là **Không Hành Nữ** (Mkhaḥ-ḥgrōma hay Khandroma) biểu thị cho sự chuyển động của năng lượng trong không gian, là một vị Nữ Thần của Mật Thừa được mô tả như một hiện thân của năng lượng Giác Ngộ tương tự như một nữ tính. Trong mỗi hình thức khác nhau thì Dākinī có thể là một vị **Hộ Pháp** (Dharma-pāla) có sức mạnh đặc biệt và trách nhiệm bảo vệ sự toàn vẹn của khẩu truyền, một **Đạo Sư** (Guru) truyền giáo **Kim Cương Thừa** (Vajra-yāna) cho các môn đệ của mình và cùng họ cam kết **Samaya** (Bản Thệ). Trí tuệ Dākinī có thể là một vị Thần Thiền Định (Bản Tôn), một nữ thần Yoga như Vajra-yoginī.

.)Theo ngôn ngữ bí truyền của Tạng Mật thì Dākinī được chia ra làm bốn dạng chính :

1_ **Dạng thức khởi đầu**: là **Trí Tuệ Bát Nhã** (Prajña) của Dākinī, tức là thấu đạt sự trống rỗng hay bản chất trống rỗng của thực tế theo học thuyết của Đại Thừa (Mahā-yāna)

2_ **Dạng thức bên trong**: là Dākinī của Mạn Đà La, một vị Thần Thiền Định (Bản Tôn), một bậc giác ngộ hoàn toàn giúp cho Hành Giả nhận ra Đức Phật của riêng mình.

3_ **Dạng thức bên ngoài**: là hình thức vật lý của các Dākinī đã đạt được thông qua giai đoạn thực hành Tantra như **sáu Yoga** của Naropa tương thích với cơ thể của một Hành Giả đã tương ứng với Tâm Giác Ngộ

4_ **Dạng thức bên ngoài của bên ngoài**: là dạng thức con người, là một Yoginī, một Kāma-mudra (Ái Dục Ấn), một người phối ngẫu của một Hành Giả hoặc một Đại Thành Tựu Giả

.) Trong truyền thống khác thì Dākinī được phân loại theo **ba Thân của một Đức Phật**:

1_ **Pháp Thân Dākinī**: tức là **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) đại diện cho Pháp Giới (Dharma-dhātu) nơi mà tất cả các hiện tượng xuất hiện

2_ **Báo Thân Dākinī**: là Bản Tôn được sử dụng như các vị **Thần Thiền Định** giúp cho Hành Giả thực hành Mật Thừa

3_ **Hóa Thân Dākinī**: là người phụ nữ được sinh ra với tiềm năng đặc biệt, các Yoginī, vợ của các bậc Thầy, hoặc thậm chí cho đến tất cả phụ nữ và chúng được chia thành 5 Dākinī của năm Bộ là:

a) **Buddha-dākinī**: Dākinī của Phật Bộ (Buddha-kulāya)

- b) **Vajra-dākiṇī**: Dākiṇī của Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya)
- c) **Ratna-dākiṇī**: Dākiṇī của Bảo Bộ (Ratna-kulāya)
- d) **Padma-dākiṇī**: Dākiṇī của Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya)
- e) **Viśva-dākiṇī**: Dākiṇī của Yết Ma Bộ (Karma-kulāya)

)Trong **Anuttarayoga Tantra**: Để được kết hợp với năng lượng trong tất cả các chức năng của mình, thì Dākiṇī được liên kết với sự mặc khải của Tantra Anuttarayoga, đại diện cho các con đường chuyển hóa, nhờ đó năng lượng của cảm xúc tiêu cực hoặc **phiền não** (Kleśa) được chuyển hóa thành năng lượng phát sáng của nhận thức giác ngộ, năng suất các kinh nghiệm sâu sắc nhất của ánh sáng rõ ràng.

)Trong **Dzogchen**: thì Dākiṇī là giai đoạn cuối cùng của con đường tu học **Kim Cương Thừa** (Vajra-nāya). Đầu tiên là **Guru** (Đạo Sư) tương ứng với việc thực hiện sự thật ban đầu của thật tế được trao truyền bởi các vị Thầy giúp cho Hành Giả có được những **Tantra bên trong** (Peyi-yeshe) thuộc sự trong sáng của **Tính Không** (Śūnyatā). Thứ hai là **Devatā** (Hóa Thần) tương ứng với Thiền Định trong chùng mực các Devatā là phương pháp được sử dụng để phát triển việc thực hiện ban đầu của thật tế. Thứ ba là **Dākiṇī** trong chùng mực Dākiṇī là nguồn gốc của các hoạt động dựa trên việc thực hiện **Guru** và Thiền Định của **Devatā**

_Trong thực tế phần lớn Dākiṇī thường được biểu thị dưới dạng thân người đầu thú, hoặc người nữ đang nhảy múa...nhưng nhìn chung vẫn là một hình thức phần nô và vẫn là một phần của Mật Tông Ấn Độ Giáo

Dākiṇī có đầu sư tử



Dākiṇī có đầu chim





Thần Chú thường thấy của Dākiṇī là:

**Om Om Om_ sarva buddha dākiṇīye, vajra-vairocaṇīye, Hūṃ Hūṃ Hūṃ
phat phat phat svāhā**

_Theo Mật Giáo Đông Độ thì Dākiṇī là loài quỷ Dạ Xoa, hoặc loài Ly My ở những nơi hoang vắng hoặc nghĩa địa có sức Thần Thông, thích ăn trái tim và máu thịt của con người

.) Trong phần chú giải **Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm**, Ngài **Bát Không** ghi nhận Dākiṇī là loài Ly My

.) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** ghi nhận rằng: “Đồ Cát Ni là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, là một loài quỷ Dạ Xoa có sức Thần Thông, hay biết được kỳ hạn chết của con người trước 6 tháng, liền chuẩn bị trước để lấy trái tim của kẻ ấy mà ăn rồi thay thế bằng vật khác, cho đến khi người ấy mệnh chung thời bắt đầu thông báo điều hư hoại”

Người tu Pháp này có thể được Thần Thông, thành tựu lớn. Đức Đại Tỳ Lô Giá Na Phật vì trừ loài này cho nên dùng Pháp Môn của Giáng Phục Tam Thế hoá làm Đại Hắc Thần để thâm nhiếp khiến chúng quy mệnh Đức Phật.

.)Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**, tại phương Nam của **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** thì Dākiṇī được ghi nhận là loài quỷ Dạ Xoa, là quyến thuộc của Đại Hắc

Thiên, có thân màu thịt đỏ, hiện hình quý đối, tay phải cầm cái bát, tay trái để trước ngực. Hoặc tay phải cầm một đoạn chân bị chặt đứt, há miệng để ăn. Tay trái cầm cánh tay bị chặt đứt. Hoặc tay phải nâng cái bát, tay trái cầm con dao



Chữ chủng tử là: DA (☞)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)



CỪ MA LA THIÊN

Cừ Ma La Thiên, tên Phạn là **Kumāra**. Lại xưng là Cu Ma La Thiên, Cừ Ma La Già Thiên, Câu Ma La Thiên.... dịch ý là **Đồng Tử Thiên**. Tôn này là một trong 20 Thiên hộ thế, tức là Phạm Thiên ở cõi Sơ Thiên. Do dung mạo như Đồng Tử nên có tên gọi này.

)Trong Ấn Độ Giáo thì **Kumāra** có tên Phạn là **Skanda**, là con trai của Śiva và Pārvati, anh em với Ganeśa.



Skanda nguyên là vị Chiến Thần có 6 đầu 12 cánh tay, tay cầm vũ khí, cỡi chim công, chống lại những kẻ ngu dốt và đem lại sức mạnh cho những ai tìm kiếm tâm linh. Người ta còn gọi Tôn này là **Kārttikeya** (người có sáu mặt)



Thần Chú căn bản của Skandha là:

Om_ śaravaṇa bhavaya namaḥ

Hay **Om_ Jaya jaya, mahā-vīra bhagavaṃ śrī-skanda namo namaḥ**

Thoạt tiên vị Thần này được sùng bái và lưu hành ở Nam Ấn Độ, đến sau thế kỷ thứ năm thì lưu truyền đến Bắc Ấn Độ, được du nhập vào Phật Giáo Đại Thừa và trở thành vị **Thần chủ hộ chốn Già Lam** (Vihara-pāla). Từ đây Skanda được gọi là Tắc Kiến Đà Thiên, Tư Kiến Đà Thiên, Kiến Đà Thiên, Vi Đà Thiên. Hoặc xưng là Vi Tướng Quân, Vi Thiên Tướng Quân, **Curu Ma La** (Kumāra), **Thiện Phạm** (Subrahma)... là một trong 8 vị Đại Tướng Quân của Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương, vị đứng đầu trong 32 vị Đại Tướng Quân của bốn vị Thiên Vương. Bình sinh rất thông tuệ, sớm lia trần dục, tu hành nghiệp **Đồng Chân** của Phạm Hạnh trong sạch, nhận sự giao phó của Đức Phật trấn hộ ba châu: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Họa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu... do vậy có tên gọi là **Tam Châu Cảm Ứng Vi Đà Tôn Thiên Hộ Pháp**

Tương truyền khi Đức Phật vào Niết Bàn thời **Tiếp Tật Quỷ** trộm lấy hai răng nanh của Đức Phật thì Vi Đà Thiên liền gấp rút đuổi theo và thu hồi lại

)**Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5** ghi nhận **Tắc Kiến Na** (Skanda) là **Đồng Tử Thiên** (Kumāra)

)**Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** nói rằng: “**Câu Ma La** (Kumāra) tác **Ấn Thước Đễ**, là con của Đại Tự Tại”

)**Nhiếp Đại Nghi Quỹ, quyển 2** nói rằng: “**Tắc Kiến Phiên Đồng Tử** có ba đầu, cỡi con chim công”

)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: “Curu Ma La Thiên có hình Đồng Tử màu vàng, sáu mặt, cầm cây kiếm, cỡi con chim công”

)**Trí Độ Luận 2** nói rằng: “Curu Ma La Thiên, đời Tần nói là Đồng Tử. Vị Trời này cầm con gà, nâng cái chuông, nắm cây phan, cỡi chim công”

Hình tượng của Vi Đà Thiên có hai loại đã được Trung Quốc hóa là hình dáng như võ tướng, mặc giáp trụ, chấp hai tay trước ngực, đặt cái chày Giáng Ma nằm ngang trên hai cổ tay... hoặc tay trái chống eo, tay phải cầm cái chày Giáng Ma chống xuống đất.

Sau này hình thành thêm Tôn Tượng **Vi Đà Hộ Pháp** dựng chày, chấp tay...





韋陀護法





Mật Hiệu là: **Kim Cương Linh**
 Chữ chủng tử là: VI (ॐ) hay GHAM (ॐ)
 Tam Muội Gia Hình là: cái chuông



Tướng Ấn là: Quyền trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:
 ॐ वज्रं ॐ घम ॐ
 OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Cựu Ma La Thiên có chữ chủng tử là:
 GHA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông



Tướng Ấn là: Quyển trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रचक्र सूक्त

OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Cru Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VA (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रचक्र सूक्त व

OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ_ VA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Cru Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VA (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Quyển trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं च स्मृतं

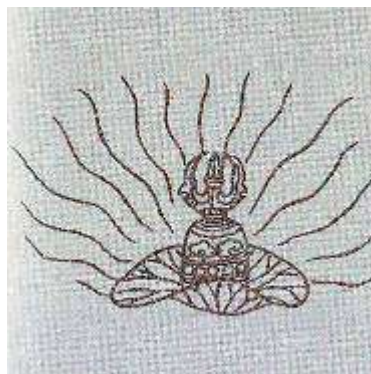
OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: GHA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cỏ



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं च स्मृतं च

OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ_ GHA

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Cửu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रचक्र सूक्त ॐ

OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ _ VI

Trong Phật Môn thì người niệm Thánh Hiệu của **Vi Đà Bồ Tát** chẳng nhiều. Có điều mỗi khi gặp nạn gấp thì ngoài việc trì niệm Thánh Hiệu **Quán Thế Âm Bồ Tát**, ắt nên trì niệm thêm **Vi Đà Bồ Tát Tâm Chú** và **Vi Đà Giáng Ma Chú** thời sẽ được cảm ứng.

)Vi Đà Bồ Tát Tâm Chú:

Om_ Skanda-rāja sva-siddhi hūṃ

) Vi Đà Bồ Tát Giáng Ma Chú:

Om_ Skandha cchinda mahā-cchinda svāhā

PHẠM THIÊN

Phạm Thiên tên Phạn là **Brahmā** (dịch âm là Phạm La Hạ Ma, Bà La Hạ Ma, Một La Hàm Ma, Phạm Ma), dịch ý là trong sạch, ly dục. Hay **Mahā-brahma-deva** (dịch âm là Ma ha Phạm La Hạ Ma, Ma Ha Bà La Hạ Ma, Ma Ha Một La Hạ Ma), dịch ý là cực trong sạch tinh.

Do vị Trời này lìa khỏi sự ám dục của **Dục Giới** (Kāma-dhātu), trong sạch, tịch tĩnh cho nên gọi là **Phạm Thiên**

Lại xưng là **Phạm Vương** (Brahma-rāja), **Phạm Thiên** (Brahma-deva), **Đại Phạm** (Mahā-brahma), **Phạm Đồng Tử** (Brahma-kumāra), **Thế Chủ Thiên** (Prajāpai-deva), **Sa Bà Thế Giới Chủ** (Sāhampati), Tạo Thư Thiên, Tịnh Thiên. Ngoài ra còn có khu vực người Trung Hoa xưng gọi Ngài là **Tứ Diện Phật**

Theo Ấn Độ Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiên thuộc **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu) và là một trong 8 Thiên, một trong 12 Thiên, một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm

1 **Phạm Thiên** là bậc sáng tạo ra vũ trụ:

Trong truyền thuyết xưa của Ấn Độ: Ở thời Sơ Kiếp, Đại Phạm Thiên được hạ sinh từ cõi **Trời Quang Âm** (Ābhāsvara-deva), tạo ra vạn vật. Ngài dùng sự tồn tại đơn độc to lớn của nơi chốn (xứ thái độc tôn) mà tự nhận mình là Đấng Sáng Tạo của vũ trụ, tất cả chúng sinh trong đời sau đều là sự hóa sinh của Ngài, đã trải qua hết, biết nghĩa lý của tất cả Kinh Điển, thống lãnh Đại Thiên Thế Giới, dùng sự tôn hào phú quý cùng tột làm nơi cư ngụ của mình.

Người Ấn Độ cổ đại đã Thần Cách Hóa **cội nguồn Phạm** (cội nguồn tinh khiết) của vạn hữu thành vị **Thần Kỳ** của sự sinh sản, là vị Thần tối cao của Bà La Môn Giáo, là một trong ba vị Đại Thần Kỳ của Ấn Độ Giáo tức là **Phạm Thiên** (Brahma), **Thấp Bà** (Śiva), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu)... trong đó

) **Phạm Thiên** là nguồn lực sáng tạo ra vũ trụ, biểu thị cho đặc tính hoạt động, tình cảm với tác dụng điều hòa (rajas)

) **Thấp Bà** (Śiva) là nguồn lực hủy diệt, biểu thị cho đặc tính tối tăm, hủy diệt (Tamas)

) **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu) là nguồn lực bảo tồn, biểu thị cho đặc tính sáng suốt, thuần khiết (Sattva)



Sâm Lâm Thư (Araṇyaka) ghi nhận là: “Vạn vật từ **Phạm Thiên** (Brahma) mà sinh ra, y theo Phạm Thiên mà tồn tại, khi hủy diệt thời quay trở về với Phạm Thiên”

_Thần Thoại Ấn Độ ghi nhận vị Phạm Thiên này được sinh ra từ Quả trứng vàng [còn gọi là **Kim Thai** (Hiraṇya-garbhā: bào thai vàng), hay **Phạm Noãn** (quả trứng tinh khiết)], còn cái vỏ trứng thì chia ra làm hai phần là Trời và Đất. Từ đây Phạm Thiên tạo ra núi cao, biển sâu, ban sinh khí cho chư Thần, tạo ra thể xác và sự sống cho muôn loài, trao quyền hành cho chư Thần, quy định trật tự vũ trụ.

_Thuyết khác cho rằng: Phạm Thiên là **Tự Ngã** sinh ra, không có mẹ. Ngay tại bờ mé khởi đầu của vũ trụ, trong hoa sen trên rốn của **Tỳ Thấp Nô** sinh ra Phạm Thiên, hình tượng này tượng trưng cho ý nghĩa tái sinh do những mầm mống của kiếp trước được bảo tồn trong **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu). Vì vậy Phạm Thiên có tên gọi là **Nabhija** (ý là *từ lỗ rốn sinh ra*), hay **Abjaja** (ý là *từ hoa sen sinh ra*)



Lại từ trong trái tim, bàn tay, bàn chân của chính mình sinh ra 10 người con (có thuyết nói 20 người) tiếp liền đến vợ là **Văn Nghệ Thần Nữ** (Śarasvatī: Biện Tài Thiên Nữ) được sinh ra từ ngón tay cái. Do nơi sinh ra lại ở trong nước nên vị Nữ Thần này được xưng là **Kanja** (ý là ngay trong nước sinh ra)

Phạm Thiên là đáng chí cao, tồn tại **Phạm** (Brahma) hòa với **Tự Tính năng lượng của Âm Tính** (Prakṛti) hoặc con người của **Ảo Tượng** (Maya). Nhân đây Phạm Thiên được xưng là **Sinh Chủ** (Prajāpati), con cháu của Ngài lại phân biệt sinh ra Thiên Thần, người Phàm, Yêu Ma, cầm thú cùng với vạn vật trong vũ trụ. Cuộc đời của Phạm Thiên chia ra ngày và đêm, ngày tức đêm ngủ, khi Phạm Thiên thức thì vạn vật sinh trưởng, khi Phạm Thiên ngủ thì vũ trụ tiêu tan, rồi sẽ tái sinh trở lại khi Phạm Thiên tỉnh giấc.

Hình tượng của Phạm Thiên có thân màu đỏ, thoát tiên có 5 cái đầu, sau này bị vị Thần **Thấp Bà** (Śiva) hủy đi một cái nên còn lại thân có bốn đầu, bốn cánh tay. Vì thế Phạm Thiên còn được gọi là **Tứ Đầu Thần** (Catur-ānana: vị Thần có bốn đầu với hàm râu dài) hay **Tứ Diện Thần** (Catur-mukha: vị Thần có bốn mặt). **Thân màu đỏ** tượng trưng cho nguyên lý sáng tạo. **Bốn cái đầu** tượng trưng cho bốn Bộ **Phệ Đà** (Veda), bốn chủng tính (Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Thủ Đà, Chiên Đà La). **Bốn cánh tay** phân biệt cầm giữ: Kinh Điển Phệ Đà, hoa sen, cái muỗng nhỏ, tràng hạt (hay cái bình nước, hoặc cái bát)



Thần Chú của Phạm Thiên (Brahma-mantra):

Om_ Eim Hrīm Śrīm Klīm sauth sat chid ekam brahma

2_ Trong Phật Giáo gọi chung **Sơ Thiên Thiên** (Pramatha-dhyāna-deva) trong **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu: cõi Sắc) là Phạm Thiên.

Chúng sinh trong cõi Trời này lại chia ra làm ba:

.)**Đại Phạm Thiên** (Mahā-brahma-deva) tức chủ của Sơ Thiên Thiên, cũng là vị Đại Phạm Thiên Vương làm chủ tể của **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu). Lại được sinh ra từ Nhân Duyên rộng tốt (quảng thiên), đích xác là bậc được sinh ra đầu tiên rồi ần mất cuối cùng, được **Trung Gian Định** có Uy Đức thù thắng

.)**Phạm Phụ Thiên** (Brahma-purohita-deva) tức hàng **Phụ Bật Thần** (bầy tôi) trợ giúp cho Đại Phạm Thiên

.)**Phạm Chúng Thiên** (Brahmakāyika-deva) tức tất cả chư Thiên **Tĩnh Lự** (Dhyāna: Thiên Định) do Đại Phạm Thiên cai quản

Lại ở trong Kinh **Trường A Hàm**, quyển 20, phẩm **Đao Lợi Thiên** ghi nhận ngoài ba hàng Trời trên, còn nêu ra **Phạm Thân Thiên** (Brahma-kāyika) tổng cộng là

bốn hàng Trời. Lại dùng cõi Trời này là Thế Giới mà Đại Phạm Thiên đã cư trú, rồi xưng là **Phạm Giới** (Brahma-loka), hoặc **Phạm Thế Thiên**

Thông thường gọi là **Phạm Thiên**, phần lớn đều chỉ Đại Phạm Thiên Vương. Lại xưng là **Phạm Vương** (Brahma-deva), **Thi Khí** (Śikhin, hay Śikhī) hoặc **Thế Chủ** (Prajāpati).

_Theo Phật Giáo thì vị Đại Phạm Thiên này tin sâu Chính Pháp, mỗi khi gặp Phật ra đời đều trước tiên thỉnh chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra: bánh xe Pháp) cùng với **Đế Thích Thiên** (Indra) đều là **Thần Hộ Pháp** (Dharma-pāla-devatā) của Phật Giáo.



Y theo sự ghi chép của **Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 4** thì khi Đức Phật lên cung Trời Đao Lợi vì mẹ nói Pháp suốt ba tháng, lúc quay lại nhân gian thì Đại Phạm Vương cầm cây phát trắng theo hầu bên phải Đức Phật

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI PHẠM THIÊN

Hình Tượng của Đại Phạm Thiên được thờ phượng theo nhiều dạng thức khác nhau như bốn mặt hai tay, bốn mặt, bốn tay, bốn mặt sáu tay, bốn mặt tám tay....

_Hình tượng bốn mặt bốn tay, ngồi trên tòa ngỗng



Hình tượng bốn mặt bốn tay, ngồi trên tòa ngỗng



_Hình tượng bốn mặt sáu tay



_Hình tượng bốn mặt tám tay



Đại Nhật Kinh Sớ, Quyển 5 ghi nhận là: “Đại Phạm Thiên Vương đội mào búi tóc, ngồi trên xe bảy con ngựa, có bốn tay. Bên phải: một tay cầm tràng hạt, một tay cầm hoa sen nở rộ. Bên trái: một tay cầm binh Quân Trì, một tay tác Ấn chữ Ấn”

_Trong 12 Thiên thì **Phạm Thiên** là vị chủ của tất cả chư Thiên **Tĩnh Lự** (Dhyāna:Thiền Định) thuộc **cõi Sắc** (Rūpa-dhātu) thủ hộ phương bên trên
Chữ chủng tử là: BRA (𑖧)



Phạm Thiên Ân:
Tay phải nắm quyền đặt ở lưng eo phải, duỗi năm ngón của bàn tay trái rồi hơi co lại thành Ấn của nửa hoa sen (Bán Liên Hoa)



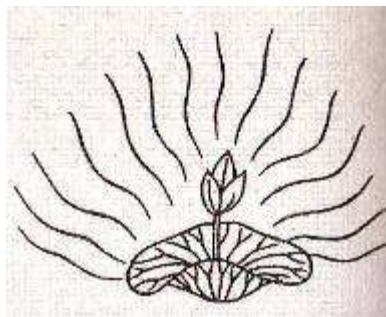
Chân Ngôn là :
“**Án, một la hàm ma ninh, sa phộc ha**”
ॐ व्रह्मणे स्वहा
OM _ BRAHMAṆE SVĀHĀ

Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Phạm Thiên là một trong 20 Thiên, thủ hộ phương trên

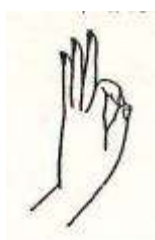
)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Phạm Thiên có thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen hồng, tay trái ngửa lòng bàn tay trước rốn.



Mật Hiệu là: **Tịch Mặc Kim Cương**
Chữ chủng tử là: PRA (𑖫), hay MAU (𑖓)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng

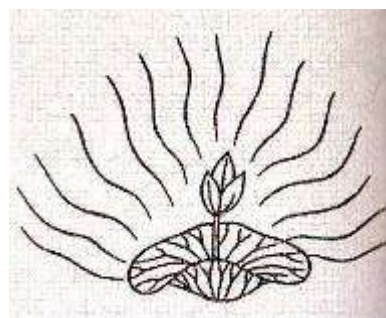


Tượng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn

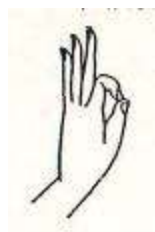


Chân Ngôn là:
ॐ वज्रमौनं स्वहा
OM _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖓)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng



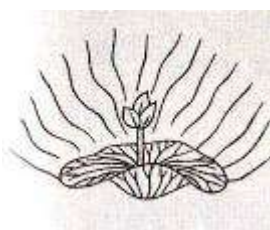
Tượng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn



Chân Ngôn là:
ॐ वज्रमौनं स्वहा
OM _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ



Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng.



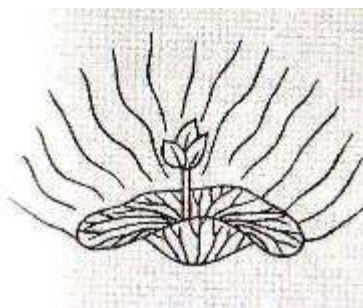
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमय सूक्त ए

OM _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ _ PRA

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमय सूक्त म

OM _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ _ MO

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Đông của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đại Phạm Thiên có thân màu thịt, đầu đội mào tóc búi, có 4 mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt, thân có 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác Dữ Nguyệt Ấn, tay thứ hai cầm cây kích. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm cái bình.

BIỆN TÀI THIÊN

Biện Tài Thiên, tên Phạn là **Sarasvatī-devī**, dịch âm là Tát La Tát Phạt Đê, Tát La Sa Bà Đê, Sai La Sa Phộc Đê, Tô La Sa Phộc Đái. Dịch ý là Diệu Âm Thiên, Diệu Âm Thiên Nữ, Diệu Âm Phật Mẫu, Diệu Âm Nhạc Thiên, Diệu Âm Nhạc Thiên Nữ, Mỹ Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên Nữ, Đại Biện Tài Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Biện Tài Thiên, Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Thiên Thần, Đại Biện Tài Thiên Vương, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Đại Thánh Biện Tài Thiên Nữ, Thanh Hương Phật Mẫu. Lược xưng là Biện Thiên, tục xưng là Biện Tài Thiên

Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì **Biện Tài Thiên** (Sarasvatī) là Văn Nghệ Thần Nữ. Là Nữ Thần chủ về học vấn biện tài, âm nhạc, Phước Đức.



)Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Rg- Veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trừ uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

)Theo Phạm Thư và **Ma Ha Bà La Đa** (Sử Thi Mahā-Bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là **vợ của Phạm Thiên** tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mẫu Tự **Thiên Thành Thể** và **Phạn Ngữ**, chương quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện.

Hiện nay, Ấn Độ Giáo thờ phượng Tôn Tượng cõi con chim nhạn (Hamsa: con ngỗng), có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa, tay thứ hai cầm rương Kinh Phạn. Bên trái: tay thứ nhất cầm vòng hoa của Đại Tự Tại Thiên, tay thứ hai cầm cái **Tiểu Cổ** (một loại nhạc khí)





Lại có tượng được Phạm Thiên ôm, hoặc cỡi chim công, khay đàn Tỳ Bà, phương trước mặt có thị giả cầm cây cờ.



Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của **Tỳ Thấp Noa** (Viṣṇu) cùng với **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devī) đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.



Có lúc lại thấy Sarasvatī được phụng thờ chung với Cát Tường Thiên Nữ và Tài Thần Ganeśa



Thần Chú của Biện Tài Thiên Nữ là: **Om Eim Sarasvatiye svāhā**

.)Hay:**Om_ Saṃ Sarasvatiye namaḥ**

Đà La Ni Tập Kinh, quyển 11 ghi nhận Ấn Chú hô triệu Đại Biện Thiên Thần là:

“**Đại Biện Thiên Thần Vương Hô Triệu Ấn Chú:** Trước tiên, tay phải co ngón cái vào trong lòng bàn tay, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út nắm quyền. Lại hướng tay trái về phía trước nắm cổ tay phải. đưa ngón trở phải qua lại.

Chú là: “**Đá diệt tha (1) Ấn (2) ma ha đề ba bố đát la (3) khước-tra bàng già (4) hạ tất-đá duệ (5) toa ha (6)**”

*)TADYATHĀ: OM_ MAHĀ-DEVAPUTRA KHATVAṄGA-HASTĀYE SVĀHĀ



Kinh Kim Quang Minh Tỏi Thắng Vương, quyển 7, Phẩm **Biện Tài Thiên Nữ** ghi nhận Bản Thệ của **Biện Tài Thiên** là: “Phàm là người tuyên giảng Kinh **Kim Quang Minh** này thì Thiên Nữ ấy đều hay đến hộ trì rồi làm cho vị đó được tăng tiến Trí Tuệ, đầy đủ ngôn thuyết biện tài. Phàm người quên mất quên mất câu văn của Kinh thì Thiên Nữ lại hay đến trợ giúp làm cho nhớ lại, giữ gìn, khai ngộ. Như chúng sinh, giả sử nghe đến Kinh ấy thì người đó nhận được sự gia trì của vị Thiên Nữ ấy mà hay được biện tài thông lợi chẳng thể nghĩ bàn cùng với Đại Trí Tuệ không cùng tận, thậm chí cho đến khéo hiểu mọi Luận với các kỹ thuật, hay ra khỏi sinh tử, mau đến Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Ngay trong sự sinh hoạt của đời hiện tại ắt được tăng thêm thọ mệnh, khiến vật mà thân này cần dùng đều được viên mãn đầy đủ”.

.) **Phẩm** này cũng ghi nhận hình tượng của Biện Tài Thiên Nữ là: Thân có tám cánh tay cầm các vũ khí: cung, tên, đao, cây giáo, cây búa, cái chày, bánh xe sắt, sợi dây”

)Phẩm thứ 7 này cũng ghi nhận Thần Chú của **Biện Tài Thiên Nữ** là:

“Đát diệt tha: mộ lệ, chỉ lệ, a phạt đế (lệ), a phạt trá phạt đế, hình ngộ lệ, danh cụ lệ, danh cụ la phạt đế, ương cụ sư, mặt lợi chỉ, tam mặt đế, tì tam mặt đế, ác cận lợi mạc cận lợi đát la chỉ đát la, giả, phạt đế, chất chất lý, thất lý, mật lý, mặt nan địa đàm, mặt lợi chỉ, bát la noa, tất lợi duệ, lô ca thệ sát thệ, lô ca thất lệ sát sĩ lô ca, tất lợi duệ, tất đà bạt lợi đế, tì ma mục xí, du chỉ chiết lợi, a bát lợi đế hát đế, a bát lạt đế hát đá, bột địa nam, mẫu chỉ nam mẫu chỉ, mạc ha đề tỳ, bát lạt đế cận lợi hôn noa, nam ma tắc ca la (ngã mỗ giáp) bột địa, đạt lý xa hứ, bột địa, a bát lạt đế hát đá, bà bạt đồ, tấp bà mê tì du diệt đồ xá tất đát la, du lộ ca, mạn đát la, tất đắc ca, ca tì da địa số

*)TADYATHĀ: SURE VIRE AVATĪRNE AVATA-VATI, HINGULE PIṄGALE PIṄGALE-VATI AṅKUṢE MARĪCI-SAMMATI VISAMMATI AGRĀMAGRĪTALAVITALE CA VADIVICARĪ, SIRI MIRI, MĀNANDHĪDĀM MARĪCI-PRĀṆA-PĀRYE, LOKA-JYEṢṬHE LOKA-SRṢṬI, LOKA-PĀRYE SIDDHI-VRATE BHĪMA-MUHKHĪŚACIVARĪ APRATIHATE APRATIHATA-BUDDHI, NAMUCI NAMUCI, MAHĀ-DEVĪ PRATI-GRHṆA NAMASKĀRA (...) BUDDHI DĀRŚA HI BUDDHI-APRATIHATA BHAVATU SVAME VIŚUDDHI DAŚA-ŚĀSRA-LOKA-MANTRA-PIṬAKA-KĀVYĀDIṢU

Đát diệt tha: mạc ha bát lạt bà tỳ, hứ lý, mật lý, hứ lý, mật lý, tì chiết lạt đồ, mê, bột địa (ngã mỗ giáp) bột địa, du đề, bạc-già phạt điểm đề tì diệm, tát la toan điểm, yết la (lỗ gia) trệ kê do lệ kê do la, mặt đế, hứ lý, mật lý, hứ lý, mật lý, a bà ha da nhị, mạc ha đề tỳ, bột đà tát đế na, đạt-ma tát đế na, tăng già tát đế na, nhân đạt la tát đế na, bạt lâu noa tát đế na, duệ, lô kê, tát đế bà địa na, đề sam tát đế na, tát đế phạt giả nê na, a bà ha da nhị, mạc ha đề tỳ, hứ lý, mật lý, hứ lý, mật lý, tì chiết lạt đồ (ngã mỗ giáp) bột địa. Nam mô bạc già phạt đế, mạc ha đề tỳ, tát la toan đế, tất điện đồ, mạn đát la bát đà, di, tóa ha”

*)TADYATHĀ: MAHĀ-PRABHĀVE, HILI MILI HILI MILI, VICARATU ME, BUDDHI (...) BUDDHI ŚUDDHI BHAGAVATYĀ DEVYĀH SARASVATĪM KARATI KEYŪRE KEYŪRA-MATI, HILI MILI HILI MILI, ĀVĀHA YĀMI MAHĀ-DEVĪ, BUDDHA-SATYENA DHARMA-SATYENA SAMGHA-SATYENA, INDRA-SATYENA, VARUṆA-SATYENA, YE LOKE-SATYA VĀDINAḤ, TEṢĀM SATYENA SATYA-VACANIYA, ĀVĀHA YĀMI MAHĀ-DEVĪ, HILI MILI HILI MILI, VICARANTU (...) BUDDHI NAMO BHAGAVATE MAHĀ-DEVĪ SARASVATĪ SIDDHYANTU MANTRA-PĀDA ME SVĀHĀ

.....
“Nếu người muốn được Trí tối thượng
Cần phải một lòng trì Pháp này
Tăng trưởng Phước Trí, các Công Đức
Quyết định thành tựu, đừng sinh nghi
Nếu người cầu tiền, được nhiều tiền
Người cầu danh tiếng, được danh tiếng
Người cầu xuất ly, được giải thoát
Quyết định thành tựu, đừng sinh nghi
Vô lượng vô biên các Công Đức
Tùy theo ước nguyện trong Tâm ấy”

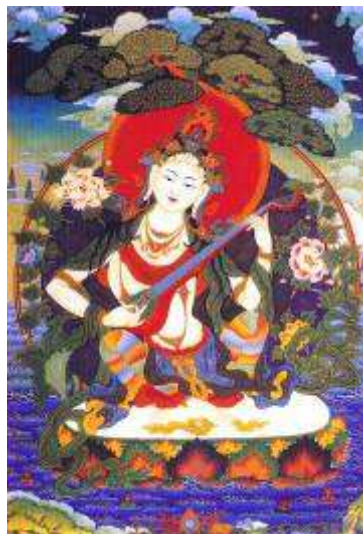
Người tu Pháp này thì tất cả tinh tú ác đi đến xâm hại, tất cả tai nạn, tất cả sự đau khổ do bệnh tật xung phạm, như đấu tranh, chiến tranh, mộng ác, Thần ác, Cổ Độc, Yêm My Chú... Toàn bộ mỗi một nhóm ấy đều được giải trừ, tiêu diệt.

Tu tập một Pháp Thiên Nữ này, ngoại trừ tác dụng của việc Tăng Ích, Tức Tai... còn có thể khiến cho người thành nhà thanh nhạc lớn, hoặc nhà đại hùng biện.

_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận tên gọi của **Biện Tài Thiên Nữ** là **Yangchenma** tức vị Độ Mẫu ban cho Trí Tuệ, Tôn này được xem là **Minh Phi** (Vidya-rājñī) của Bồ Tát **Văn Thù** (Mañjuśrī) biểu thị cho Trí Tuệ hiển hiện của Bản Thể và cũng là Bản Tôn của **Sự Mật Bộ**

Tu trì Biện Tài Thiên Nữ Pháp có thể dùng khai phát Trí Tuệ, tăng gốc Phước Tuệ. Tu trì Pháp Môn này có thể mở Tuệ tăng Phước, được biện tài khéo léo màu nhiệm phá các Ngoại Đạo, Tà Luận. Rốt ráo mà nói thì có thể dùng hiển rõ **đều sinh khởi Phật Trí**, được chứng **Phật Quả**, thành tựu tất cả Tất Địa của **Văn Thù Diệu Âm** không có hai (vô nhị Văn Thù Diệu Âm nhất thiết Tất Địa)

_Hình tượng của Biện Tài Thiên Nữ có nhiều loại, nhưng thân tướng thường thấy là thân màu trắng có một mặt, hai tay, dung nhan tựa như thiếu nữ 16 tuổi, ôn nhuận mà trang trọng với dáng ngồi đưa chân phải ra ngoài, để chân trái ở bên trong, hai tay ôm gảy nhạc khí tương tự như cây đàn Tỳ Bà, bên trên có Thiên Điều Huyền Cầm.





.)**Diệu Âm Phật Mẫu Tâm Chú** là:
OM_ SARASVATĪ SVĀHĀ

.) **Diệu Âm Thiên Nữ Tâm Chú** là:
OM_ PICU PICU, PRAJÑĀ VARDHANI, JVALA JVALA MEDHA
VARDHANI, DHIRI DHITI VARDHANI SVĀHĀ

.)Hay:

妙音天女心咒 (藏傳)



藏文转写
梵文罗马拼音转写
藏音(英语音标注音)

hrīm hrīm hrīm a ā i ī u ū
/ʃi:m/ /ʃi:m/ /ʃi:m/ /ə/ /a:/ /i/ /i:/ /u/ /u:/



r r̄ l l̄ e ai o au am ah
/ri/ /ri:/ /li/ /li:/ /əi/ /ə:i/ /əu/ /ə:u/ /əm/ /əh/

www.evdd.com 佛意居士大学院 音明 制作

Do **Biện Tài Thiên Nữ** (hay **Diệu âm Phật Mẫu**) là Bản Tôn ban cho các loại Trí Tuệ với tài năng văn nghệ, cho nên tại Tây Tạng: người tiến tu hoặc theo học Phạn Văn, nghệ thuật, văn học, thư pháp, âm nhạc, nghề khéo, trước tác với tranh biện... tu trì Pháp Môn này đều được sự gia trì rất lớn. Nếu hoàn thiện đầy đủ Tâm Chú, niệm tụng, quán tu thì Trí Tuệ mãi tiếp được tăng thêm chẳng thể nghĩ bàn.

Điều cần lưu ý là tuy Bản Tôn này hay mau chóng ban cho Trí Tuệ nhưng lại chẳng lợi cho việc gom chứa tài phú. Trong Phật Giáo có ghi truyện tích xưa là: Cách nay rất lâu xa, **Tài Tục Phật Mẫu** và **Diệu Âm Phật Mẫu** đều là vợ của một vị vua: một bà trông coi việc giáo dục, một bà quản lý việc tiền của... cho nên chẳng thuận hòa với nhau. Do vậy, họ phát nguyện là: Nếu người tu Trí Tuệ ắt chẳng ban cho tiền tài, nếu người tu trì **Tài Pháp** ắt chẳng ban cho Trí Tuệ. Do vậy, truyền thống này hợp tu cả hai Pháp của Diệu Âm Phật Mẫu với Tài Tục Phật Mẫu

Mật Giáo của Nhật Bản đối với Tôn này rất sùng bái và có chẳng ít truyền thuyết về Tôn này khác với Phật Điển của Ấn Độ. Ví dụ như thuyết của **Biện Tài Thiên Thập Ngũ Đồng Tu** và Nhật Bản **Bản Bang Ngũ Biện Tài Thiên** đều là truyền thuyết đặc biệt chỉ có ở Nhật Bản.

ĐỊA THIÊN

Địa Thiên, tên Phạn là **Prthivi** hay **Prthivī**, dịch âm là Tỳ Lý Đê Tỳ, Tất Lý Thê Vĩ, Tất Lý Thê Vi, Bát Lý Thê Phê, Bê Lý Thê Vi, Bì Lý Thê Vi, Bát La Thê Phê. Dịch ý là bền chắc như Đại Địa, cho nên gọi là **Kiên Lao Địa Thần**. Lại xưng là Địa Thần Thiên, Kiên Lao Thần, Trì Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Địa Đa Đại Thần, Đại Địa Thần Nữ. Là một trong 20 Thiên. Đây là vị Thần cai quản Đại Địa, biểu thị cho Thể Tính của đất là *bền chắc chẳng động hay giúp cho vạn vật cư trú, lại có tác dụng hay giữ gìn vạn vật.*



Vị Thần này nguyên là vị **Thần Kỳ** (Thần đất) được sùng ngưỡng trong thời Ấn Độ cổ đại. Trong **Lê Câu Phê Đà** (Ṛg-veda), **A Thát Bà Phê Đà** (Artha-veda) đều khen ngợi là vị Nữ Thần có đầy đủ Đức tốt đẹp (mỹ đức) như: sự vĩ đại, bền chắc, Tinh chẳng bị diệt, nuôi dưỡng quần sinh, đất đai sinh sôi...

Lê Câu Phê Đà (Ṛg-veda) ghi nhận vị Thần này là mẹ của chư Thần và tôn xưng là **Địa Mẫu** (Bhūmī)

Người Ấn Độ thờ phượng Tôn này qua hình tượng Nữ Thần hay bà mẹ đỡ đầu và luôn xưng gọi bà qua các tên gọi **Dhra**, **Dharti**, **Dhrithri** với ý nghĩa là *người bảo hộ cho tất cả.*



Với tư cách là **Pr̥thivi-devi** thì bà cùng với **Lakṣmi** là hai người vợ của Thần **Viṣṇu** và bà được xem là một hình thức khác của **Lakṣmi**. Các tên gọi khác của bà là **Bhūmī**, **Bhū-devi**, **Bhūma-devi**





Với tư cách là **Prthivi mata** (Địa Mẫu: mẹ đất) thì bà biểu lộ sự tương phản với **Dyaus pita** (Thiên Phụ: cha Trời). Trong **Rg-veda** thì trời và đất là hai trạng thái cân bằng trong một Thể kép có tính đối ngẫu, biểu thị cho ý tưởng hai nửa cái vỏ của sự hoàn hảo. Bà không phải là vợ của **Dyaus** mà là mẹ của **Indra** và **Agni**.



Tùy theo phong tục, khi **Indra** giết **Dyaus** pita thì bà tán đồng và kết hôn với Indra. Bà được liên kết với con bò **Prithu**, một Hóa Thân của **Viṣṇu**, sữa được vắt từ con bò là thực phẩm mà bà đã ban cho.



Tại Indonesia thì bà được nhận biết qua tên gọi **Lbu-pertiwi** (mẹ đất)



Thần Chú tán tụng Địa Thiên:
Om_ Pṛthivi-devya vidmahe
Sahasra mūrthaye ca dhīmahe
Thanno pṛthivi prachodayāth

Theo Phật Giáo thì **Địa Thiên** được xem là một vị **Bồ Tát** (Bodhisatva) hoặc là vị **Thần Hộ Pháp** (Dharma-pāla-devatā), ngay trong Kinh Điển thường có thể thấy tên gọi với thể lực Công Đức của Tôn này

)Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện**, phẩm **Địa Thần Hộ Pháp** nói rằng: “Đức Phật bảo **Kiên Lao Địa Thần**: “Ông có Đại Thần Lực mà ít có chư Thần theo kịp. Tại sao thế? Vì đất đai ở **Diêm Phù** (Jambu-dvīpa) đều mong ông hộ giúp, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa, mè, tre trúc, lau sậy, gạo thóc, vật báu... đều từ đất mà có, hết thảy đều do sức của người. Ông lại thường khen ngợi việc lợi ích của **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha-bodhisatva). So với **Địa Thần** bình thường thì Công Đức cùng với Thần Thông của ông nhiều hơn gấp trăm ngàn lần”

)Kinh **Phương Quảng Đại Trang Nghiêm**, quyển 9 ghi chép rằng: “Khi Đức Phật Đà mới thành Đạo thì vị Địa Thần này vì chứng minh cho nên từ dưới đất hiện ra, khom mình cung kính, nâng cái bình bảy báu chứa đầy hương hoa, cúng dường Đức Thế Tôn”

)**Đại Đường Tây Vực Ký**, quyển 8 ghi chép rằng: “Khi Đức Thích Ca thành Đạo thời Địa Thần từ dưới đất nhảy vọt lên, chúng nhận sự thành Đạo, giáng phục các Ma”

)**Đại Tỳ Ba Sa Luận**, quyển 183 cũng nói rằng: Địa Thần luôn hộ vệ Đức Phật Đà và thông báo cho chư Thiên biết việc Đức Phật Đà chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra: Pháp Luân)

)Tân dịch “**Hoa Nghiêm Kinh**, quyển 01” ghi nhận các vị Địa Thần là: Phổ Đức Tịnh Hoa Chủ Địa Thần, Kiên Phước Trang Nghiêm Chủ Địa Thần, Diệu Hoa Nghiêm Thủ Chủ Địa Thần, Phổ Tấn Chúng Bảo Chủ Địa Thần, Tịnh Mục Quán Thụ Chủ Địa Thần, Diệu Sắc Thắng Nhãn Chủ Địa Thần...kèm theo nói xưa kia nhóm Thần ấy đều phát Nguyện sâu nặng, nguyện thường gần gũi chư Phật, đồng tu Phước Nghiệp”

)Kinh **Kim Quang Minh Tội Thắng Vương**, quyển 8 nói rằng: “Kiên Lao Địa Thần tức là chọn lấy Đức bền chắc của vị ấy”. Trong Kinh kể lại vị Thần này hộ trì tuyên nói thọ trì **Kim Quang Minh Kinh**, và nói nếu như có người nào thuyết Pháp hay phát triển rộng lớn Kinh này, thời Ngài thường theo bảo vệ lâu dài, ẩn nấp thân mình dưới Pháp Tòa, đầu đội bàn chân của vị đó.

)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: “Khi **Địa Thiên** vui thời có hai lợi ích. Một là Thân người bền chắc, sắc đẹp sức lực tăng trưởng. Hai là Khí Giới, Địa Chủng tăng trưởng mùi vị, sức lực. Khi Trời này giận thời có hai điều hao giảm. Một là thân người loạn hoại, sắc đẹp sức lực bị giảm bớt. Hai là mùi vị, sức lực của Khí Giới (giới vật chất) và đất đều trái ngược gốc”

Sau này Phật Giáo coi vị này là một vị Bồ Tát như ở trong “**Pháp Hoa Kinh**, quyển 7, phẩm **Phổ Môn**”, “**Bát Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh**, quyển 9, Phẩm **Quảng Đại Giải Thoát Mạn Noa La**” đều có tên gọi **Trì Địa Bồ Tát**

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA THIÊN

Hình tượng của Địa Thiên có nhiều loại, hoặc là thân nam, hoặc là thân nữ... trong các Kinh ghi chép chẳng giống nhau.

)**Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển 4 ghi rằng: “Khi Đức Thế Tôn mới ngồi tại Đạo Trường thời **Ma Vương** (Māra-rāja) sợ Đức Thích Ca đắc Đạo cho nên thống lãnh các quân Ma, Ma nữ ... hướng về Đức Thích Ca thay phiên nhau tấn công hoặc dụ dỗ khiến cho mê mờ... nhưng đều bị thất bại. Cuối cùng Ma Vương lo buồn bức tức, đối trước

Đức Thích Ca ngông cuồng gầm lên là: “Nghiệp Ta đã làm, ngươi lấy cái gì làm bằng chứng? Phước Nghiệp của ngươi, lấy ai làm bằng chứng?”. Đức Thích Ca rũ bàn tay Vô Úy chỉ xuống đất. lúc đó Đại Địa chấn động nổ vang, Kiên Lao Địa Thần từ trong đất, lộ nửa thân thể ra, hướng về Đức Phật cung kính đỉnh lễ và xướng lên rằng: “Ta là người chứng minh”. Khi ấy Đức Thích Ca được Đạo thành Phật, còn Kiên Lao Địa Thần tức là hình tượng người nữ”



.) Phần cuối của **Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quỹ** (ĐTK_No.1286) ghi nhận là: “Pháp có thể vẽ tượng của Kiên Lao Địa Thần: Vị Trời nam có màu thịt, tay trái cầm cái bình chứa đầy hoa, hướng lòng bàn tay phải ra ngoài. Vị Trời nữ có màu thịt trắng, tay phải ôm ngang trái tim, tay trái cũng ôm ngay bắp đùi”



_ Ngoài ra Địa Thiên còn được thờ phụng qua Tôn Tượng có sáu cánh tay



_ Người dân Trung Hoa thờ phụng **Địa Thiên** qua dáng vẻ của vị vương phi với thị nữ theo hầu cận và tôn xưng là **Địa Mẫu Thần, Đại Địa Nữ Thần, Địa Mẫu Chí Tôn**





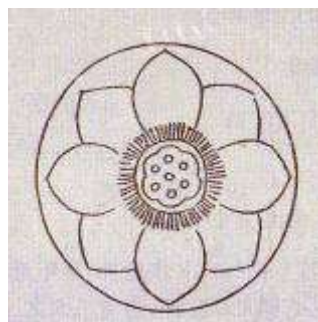
Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala), tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Địa Thiên là một trong bốn vị Hộ Pháp của vòng Kim Cương, đại biểu cho Đức đặc biệt của Địa Đại (Pṛthivi-dhātu) là hay sinh ra, nâng đỡ vạn vật

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình Thiên Nữ, đầu đội mặt trăng lưỡi liềm, khoác áo Yết Ma



Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay PR (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen, Hiền Bình



Hạ Phương Địa Thiên Ân: Chắp 2 tay lại. 4 ngón từ Phong (ngón trỏ) trở xuống cùng dính đầu ngón, phương trước mở lớn, 2 Không (2 ngón cái) đều dính bên cạnh Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là :

“**Ân, tất-lị thể vĩ duệ, sa phộc ha**”

ॐ पृथिवीय स्वहा

OM _ PRTHIVĪYE SVĀHĀ

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Đông của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì Địa Thiên có thân màu thịt đỏ, đội mào báu, tay trái cầm cái bát, trong bát có hoa tươi. Hướng lòng bàn tay phải ra bên ngoài để trước ngực. Ngồi trên toà hình tròn.





Chữ chủng tử là: PR (𑖫), hay RO (𑖓)
 Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.



Tượng Ân là: Bát Ân.



Chân Ngôn là:
 नमः समन्त बुद्धैर्नमः पृथिवीयै स्वहा
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

KIÊN LAO ĐỊA THẦN HẬU

Kiên Lao Địa Thần Hậu tên Phạn là **Dharī**, là vợ (Hậu) của Kiên Lao Địa Thần, chủ quản Đức của Đại Địa hay sinh ra và nuôi lớn vạn vật.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mào báu, tay phải để trước ngực, tay trái để trên đùi, ngồi trên tòa tròn.

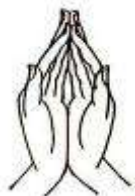


Chữ chủng tử là: DHA (☉), hay RO (☿)

Tam Muội Gia Hình là: cái bát.



Tượng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समन्त बुद्धानाम् पृथिवीये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

PHÁP TU CỦA KIÊN LAO ĐỊA THIÊN

Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quỹ ghi chép là:

“Bấy giờ **Kiên Lao Địa Thần** (Dṛḍha-pṛthivīye) với **Đại Công Đức Thiên** (Mahā-srī-deva) đều từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ thường nhiếp năm Căn, buộc niệm chí tâm lễ bái, cúng dường Con (Kiên Lao Địa Thiên), Địa Thiên với Công Đức Thiên và niệm tụng Chân Ngôn của con thời con luôn luôn rời khỏi địa vị , cung cấp đầy đủ khiến cho trong thân người ấy tăng ích thọ mệnh. Tinh khí sung dật của đất ấy làm cho trong thân của Hành Giả được khỏe đẹp, được niệm, được vui, được tinh tiến, được Đại Trí Tuệ, được biện tài, được ba Minh sáu Thông, người Trời yêu kính, được Phước Đức to lớn không thể so sánh không thể cùng tận

Ví như Phước Đức của Luân Vương Thánh Chủ được chốn chốn nơi nơi là chỗ cư trú của Hành Giả

Ví như vườn tược của Trời **Đao Lợi**, Đồi này, đồi khác với ngàn đồi, vạn đồi vô cực được Phước Đức rộng lớn cực nhiều , ngày ngày nuôi dưỡng được ngàn vạn quyến thuộc với vô lượng vô biên loài Hữu Tình bị gian nan. Trong cuộc sống riêng thời kho thóc luôn dư đầy, bảy loại Trân báu nhiều vô hạn, voi báu, ngựa báu, bánh xe báu, người nữ báu tùy theo tâm, chẳng cần kêu gọi tự nhiên đi đến. Mọi thứ đầy đủ cho đến hết hạn tử sinh

Vị Tỳ Khuru hành Pháp như vậy. Hoặc cần dùng mọi loại vàng bạc châu báu, mọi thứ tư sinh, mọi loại lúa gạo thì được cung cấp đầy đủ.

Như vậy buộc niệm từ đầu đêm cho đến giữa đêm, cuối đêm, ngồi nằm đi đứng niệm Pháp, tâm không không duyên theo bên ngoài thời khi Hành Giả xây dựng chùa chiền, tịnh xá, phòng ốc, rừng cây hoặc cần quần áo, thực phẩm, giường ghế nằm ngồi, thuốc thang chữa bệnh, mọi loại tư sinh sẽ được cung cấp không hề thiếu thốn . thân được an ổn không có lo buồn, tâm thường vui vẻ được ruộng Phước tốt, thành tựu Pháp Khí

Nan cho như vậy xong đời sau được quả báo lớn, thâm tâm vui Pháp chẳng sinh vào nẻo ác, chẳng gây tạo Pháp ác. Con hộ giúp như vậy khiến cho người ấy liền tu được Tâm Từ Bi, tăng trưởng mọi loại thắng diệu như vậy không hề giảm bớt

Đức Phật bảo: “Lành thay ! Lành thay ! Đây là tâm tinh tiến của các ông. Ở trong Đại Thừa mau hay tăng trưởng sức lực của Phước

Bây giờ Địa Thần Kiên Lao với Công Đức Thiên cùng nhau bạch Phật rằng:”Vi muốn lợi ích an vui cho nên nói **Tâm Chân Ngôn**”

Lúc ấy Đức Phật bảo Địa Thần, Công Đức rằng:”Lành thay ! Các ông vì lợi ích cho tất cả chúng sinh muốn nói Thần Chú. Các ông hãy tùy theo ý của mình mà nói”

Liền nói Chú là:

Nãng mạc tam mạn đa mẩu đà nam (1) Án (2) bát-la bà (3) la đát-nễ (4) thiết-lý tam mạn đa (5) A đà a đà (6) a đậu a đậu (7) bĩ lý đế tỳ, bĩ lý đế tỳ duệ (8) sa ha

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् ॐ धरु ऽथ श्री समन्त मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र पृथ्वी पृथ्वीय मन्त्र

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM_ PRABHA-RATNE ŚRĪ SAMANTA ADHA ADHA ADHU ADHU PṚTHIVĪ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

Trì Chú này đủ mười vạn biến làm Pháp tối sơ (Pháp thực hành ban đầu) .Người tụng Chú cúng dường Địa Thiên được phú quý vô cực, bảy trân (châu báu) vô hạn, mau thành tất cả **Tất Địa** (Siddhi)”

Nếu như có chúng sinh nào lễ bái cung kính cúng dường và niệm tụng Địa Thiên Chân Ngôn thời Địa Thiên sẽ thường xuyên ban cho người đó địa vị và giàu có, khiến trong thân thể tăng ích sống lâu và nơi ở được tràn đầy tinh khí của đất, thân thể hành giả được khỏe mạnh, được Trí Tuệ lớn, được Biện Tài Vô Ngại, được hàng Trời Người yêu kính, được Phước Đức lớn vô tận không gì sánh được, nhân đây cũng là **Hộ Pháp Tài Thần** của Tăng Ích. Vì muốn cầu Phước, đất nước được mùa hoặc trấn giữ đất đai mà tu pháp cúng dường, xưng là **Địa Thiên Cúng** hoặc **Thổ Cúng**.

TRÌ THẾ BỒ TÁT

Trì Thế Bồ Tát có tên Phạn là **Ārya Sutāre** (Thánh Thiện Cứu Độ) hay **Sudhāre** (Thiện Trì), **Dhāra-loka-jvala** (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là **Vasudhāra** hoặc **Vasudhāri** (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

Vasudhāri nguyên là vị Nữ Thần **Tài Phú** (tiền của giàu sang) của Ấn Độ Giáo, Tôn Tượng Vasudhāri ở Ấn Độ:



Thần Chú của Vasudhāri là:

ॐ श्री वसुधारा रत्ना निधाना कश्यपि स्वहा

OM_ ŚRĪ VASUDHĀRA RATNA NIDHĀNA KASHETRI SVĀHĀ

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì **Vasudhāra** hay **Vasudhāri** được ghi nhận là vị Thần chuyên chủ quản tiền của giàu sang của thế gian, hay vì chúng sinh mang đến các loại tiền của giàu sang và trân bảo. Tại đất Hán thì Tôn này được xưng là Trì Thế Bồ Tát, Vũ Bảo Bồ Tát. Tại đất Tây Tạng thì Tôn này được xưng là Tài Nguyên Thiên Mẫu, Tài Nguyên Phật Mẫu, Tài Bảo Phật Mẫu, Tài Tục Phật Mẫu, Bảo Nguyên Độ Mẫu...

Hệ thống Hán Truyền Phật Giáo ghi nhận là:

.)**Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi chép là: “**Trì Thế** có nghĩa là: Tiêu diệt hết thầy tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch... khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế. Vị Bồ Tát này nơi cúng dường của người cầu Phước”

.)Theo Tạng Ngữ thì **Trì Thế** là ý tứ của vật báu tuôn như mưa (vũ bảo)

Có thuyết cho rằng **Trì Thế Bồ Tát** (Dhāra-loka-jvala-bodhisatva) là hóa thân của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava-tathāgata). Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)”.
(.)**Biệt Tôn Tập Ký** ghi nhận Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát là:

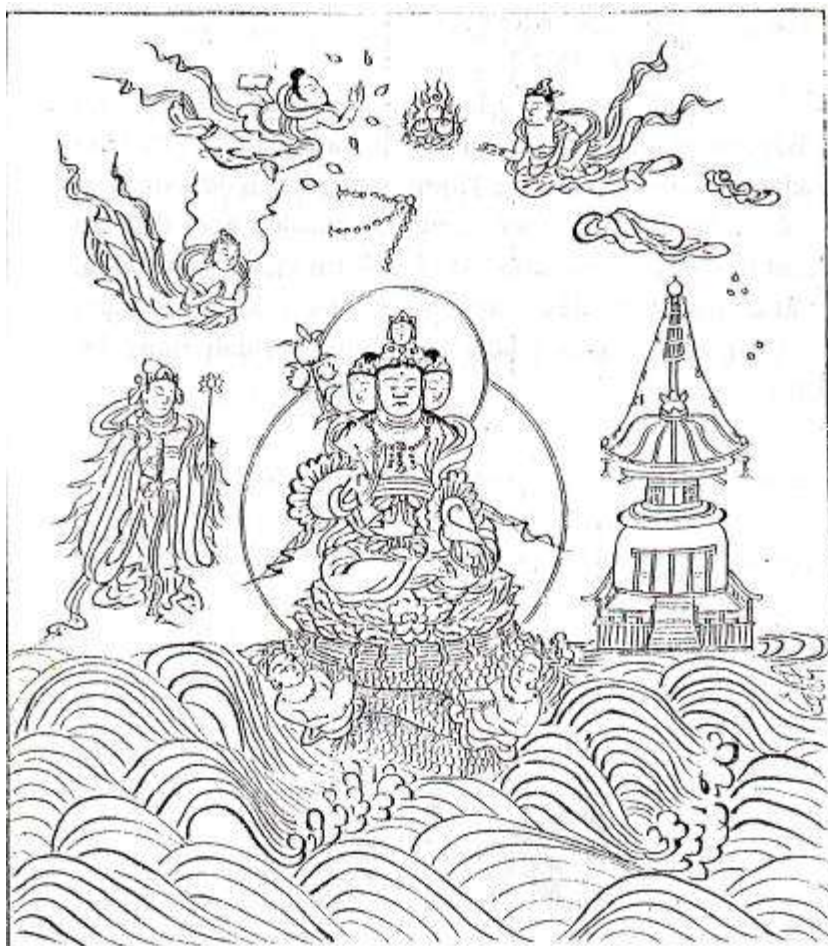
Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyên, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu), tay trái tác thế Dữ Nguyệt. Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị **Long Vương** (Nāga-rāja): Một vị dùng tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên** (Mahā-jaya-veva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng, hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp **Suất Đổ Ba** (Stūpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chấp tay hướng về Đại Thắng Thiên



Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là: Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mào, thân khoác áo lụa mỏng, trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyên châu báu...



Trì Thế Đà La Ni Pháp còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**. Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1_ **Trì Thế Đà La Ni Kinh** (Vasudhārā-dhāraṇī-sūtra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni Kinh** do ngài Đại Quang Trí BẤT KHÔNG dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tất Đản đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669). Ngoài ra bản dịch của ngài BẤT KHÔNG có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài PHÁP THIÊN dịch vào đời Tống.

4_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài THI HỘ dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài NGHĨA TỊNH đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp**.

_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ DA (𑖂) mang nghĩa “**Thí Dữ** (ban cho) **bất khả đắc**” biểu thị cho việc **ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh**

_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu . Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích**. Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vắn lóng trên của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng lóng giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trỏ.



Chân Ngôn của Ấn trên là:
Căn Bản Chú :
ॐ वसुधैरि स्वaha
OM_ VASUDHĀRI SVĀHĀ

Tâm Chân Ngôn:
ॐ श्री वसु स्वaha
OM_ ŚRĪ-VASU SVĀHĀ

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :
ॐ वसु स्वaha
OM_ VASU SVĀHĀ

_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:
Biệt Hạnh Pháp ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba
Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong
Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.
Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi, an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)

_ Bài **Tán Thán Bồ Tát** là:

कमल मुक्खे
KAMALA MUKHE
कमल लोचने
KAMALA LOCANA
कमलसने
KAMALĀSANA
कमल हस्ते
KAMALA HASTA
कमल भामुनि
KAMALA BHAMUNI
कमल कमलसम्भवे
KAMALA KAMALA-SAMBHAVA
कमल क्षरे
KAMALA KṢARA
नमस्तुते
NAMOSTUTE

Kinh ghi: “*Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thầy bệnh dịch, nạn đói khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dân Phước Tuệ, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề*”

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo, căn cứ vào sự ghi chép của **Bản Tục**: “Ở trong Kiếp quá khứ lâu xa, khi Đức Phật **Ca Diếp** (Kāśyapa) trụ ở đời thời vị Thiên Mẫu này dùng Công Đức **Bố Thí** (Dāna) thù thắng cho nên chuyển sinh đến cõi Trời **Tam Thập Tam Thiên**. Nếu hay thành tâm cúng dường thì Hành Giả hay được mang đến tiền của giàu sang và các loại trân bảo”.

Khi Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) trụ ở đời thời Tái Nguyên Thiên Mẫu lại sinh ra từ trong nước, tên là **Cam Đẳng Lạp Ma**, cũng là **Hằng Hà Thiên Nữ**. Ngài cũng hiện hóa làm một trong 21 vị **Độ Mẫu**

Do sự truyền thừa chẳng đồng nhau cho nên sự hóa hiện của Tái Nguyên Thiên Mẫu cũng chẳng tương đồng. Có lúc hóa hiện hình tượng một mặt hai cánh tay, có lúc hóa hiện hình tượng một mặt sáu cánh tay, hoặc hình tượng ba mặt sáu cánh tay, hoặc đồng thời hiện ra hình tượng **Song Thân Song Vận** với Thần Tài.

Hình tượng của Tái Nguyên Thiên Mẫu là toàn thân hiện màu vàng sáng, khoác áo Trời (Thiên Y) đeo mọi loại châu báu Anh Lạc làm vật trang sức, Thần Thái trang nghiêm an tịnh, kết tòa Như Ý, an trụ trong vành trăng trên hoa sen

_Hình tượng một mặt hai cánh tay thì tay phải cầm quả hay mãn túc tất cả Tâm Nguyên, tay trái kết **Thí Y Nguyên Ấn** kèm vịn hoa **Ồ Bà La** (Utpāla), cành hoa men theo cánh tay rồi nở rộ ở bên lỗ tai, trên hoa có báu Ma Ni, đầy đủ mọi loại châu báu Anh Lạc trang sức của **Báo Thân Phật** (Sambhoga-kāya-buddha), an trụ ở vành trăng trên hoa sen



Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn**, tay trái cầm cái bình báu kèm vịn một bông lúa men theo cánh tay trở bên lỗ tai, ngồi theo tư thế Du Hý tại vành trăng trên hoa sen



Ý nghĩa của hình tượng:

)**Thân màu vàng sáng** biểu thị cho **Kim Cương Như Ý Bộ** (Vajra-mañi-kulāya) của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava) ở phương Nam

)**Tay phải tác Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho nguyện vọng ban bố tiền của và sự thành tựu cho chúng sinh

)**Tay trái cầm cái bình báu kèm vịn bông lúa** biểu thị cho nguồn Tư Lương Trí Tuệ thành Phật có được từ sự **Bố Thí rộng rãi**

Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn** kèm vịn bông lúa, tay trái cầm cái bát chứa đầy vật báu, ngồi theo tư thế Kim Cương Kiết Già tại vành trăng trên hoa sen



Trong hình tượng này thì **tay phải tác Thí Nguyện Ân** kèm **vịn bông lúa** biểu thị cho sự ban cho ngũ cốc được mùa đem lại sự trù phú no ấm. **Tay trái cầm cái bát chứa đầy vật báu** biểu thị cho sự cầu tài tiến bảo, đạt được sự giàu có.

.)Hình tượng một mặt hai cánh tay (**Hoàng Sắc Tài Tục Mẫu**): Thân ấy màu vàng rực rỡ, dùng các loại Anh Lạc quý báu để trang nghiêm, dùng tòa Như Ý, an trú trong vành trăng trên Hoa Sen. Tay phải kết Thằng Thí Diệu Ân hoặc cầm Quả hay mãn túc tất cả tâm nguyện; tay trái cầm bông Lúa (hoặc cái bình báu) hay kết **Bồ Thí Ân**





Tài Tục Mẫu dung mạo hiền hòa, ban cho Hành Giả tiền của viên mãn tốt lành, tay phải kết Thí Thắng Ấn biểu thị ban cho thành tựu Tài Bảo, tay trái cầm cái Bình báu biểu thị *Bố Thí thịnh vượng giàu sang đầy đủ là tiền của Trí Tuệ để thành Phật*. Thân của Tài Tục Mẫu biểu thị Tài Lưu (tiền của lưu chuyển) của Phật Mẫu, lời nói biểu thị Phật Pháp như Cam Lộ chảy thông suốt, Ý biểu thị tiêu trừ tất cả tội ác, ánh sáng chiếu soi công đức vô thượng.

Tu trì Pháp Phật Mẫu này, hay chặt đứt tất cả sự lười biếng, chướng ngại và tâm tạp loạn của người tu hành, có thể tăng trưởng công đức đã nhiếp của Giới Định Tuệ và tất cả Phước của **Tuệ Tài** (tiền tài của Trí Tuệ) hay được Tài Phú với Phật Pháp tôn quý và hay chặt đứt phiền não và tập khí của chúng sinh, nhập vào Viên Mãn Vô Thượng Phật Đạo.

.) Hình tượng một mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất để ngang ngực kết **Vô Uy Ấn**, tay thứ hai cầm châu báu, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất rũ xuống dưới cầm cái tịnh bình, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



Hình tượng ba mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất tác **Thí Nguyện Ân**, tay thứ hai cầm viên ngọc báu Ma Ni, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở eo lưng cầm cái bình báu, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



Ý nghĩa của 6 Pháp Khí:

- .)Tay kết **Thí Nguyện Ân** biểu thị cho nguyện vọng bỏ thí cho chúng sinh
- .)Tay cầm viên ngọc báu **Ma Ni** biểu thị cho sự tốt lành, dùng để cầu hạnh phúc bình an, nạp tiền tài bảo
- .)Tay cầm tràng hạt biểu thị cho sự tịnh hóa các phiền não
- .)Tay cầm cái bình báu (hay Tịnh bình) biểu thị cho sự cung kính đối với Phật Pháp, đồng thời tượng trưng cho sự giàu có
- .)Tay cầm bông lúa biểu thị cho Pháp Khí nguyên bản của Thiên Nữ là giúp cho ngũ cốc được mùa đem lại sự sung túc ấm no
- .)Tay cầm quyển **Kinh Bát Nhã** biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt của Phật Pháp

Hình tượng **Song Thân Song Vận**

Tài Nguyên Thiên Mẫu có tay trái cầm chén sọ người chứa đầy máu, tay phải cầm **Norbu Mebar** hiện thể song vận với **Hồng Tài Thần** theo tư thế đứng múa, đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.

Bản nguyện của Tài Nguyên Thiên Mẫu là hay khiến cho hết thảy ước nguyện của chúng sinh được viên mãn. Tay kết Bồ Thí Ân tượng trưng cho bồ thí tiền của, bồ thí pháp, bồ thí sự không sợ hãi, siêng năng hành “**Bồ Thí Ba La Mật**”. Nếu có người nào cúng dường, lễ bái, làm theo như vậy (y chí), và tu pháp trì Chú của Tài Nguyên Phật Mẫu ắt hay đạt được mọi Tâm Nguyện, khiến tiền của dồi dào, không lo sợ thiếu thốn.

Nếu người tu trì sau khi được sức gia trì của Tài Nguyên Thiên Mẫu thì đem tài bảo đã đạt được, rộng thực hành **Bồ Thí Ba La Mật** ắt mới có thể cùng với Thiên Mẫu tương ứng thành tựu, chứng được Bồ Đề Thắng Quả.

_Bản Phạn **Vasudhārādhāraṇī** ghi nhận một số Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát là:

.)Căn Bản Minh là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO DEVI DHANADADUHITE VASUDHĀRE DHANADHĀRĀM PĀTAYA, KURU KURU, DHANEŚVARI DHANADE RATNADE HE HEMADHANA RATNA-SĀGARA MAHĀ-NIDHĀNE NIDHĀNA-KOṬI-ŚATA-SAHASRA-PARIVṚṬE EHYEHI BHAGAVATI PRAVIŚYA MATPURAM MADBHAVANE MAHĀ-DHANA-DHĀNYA-DHĀRĀM PĀTAYA KURU KURU.

OM_HRAM TRAṬA KAILAVĀSINĪYE SVĀHĀ

.)Đại Minh là:

OM_VASUDHĀRE MAHĀ-VṚṢṬINIPĀTINI VASU SVĀHĀ

.)Căn Bản Tâm là:

OM_VASUDHĀRE SARVĀRTHA-SĀDHINI, SĀDHAYA SĀDHAYA, UDDHĀRA UDDHARA, RAKṢA RAKṢA, SARVĀRTHA-NIDHAYANTRAM VATA ṬATA VAVA TAṆḌA DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tối Thắng Tâm:

OM NAMO BHAGAVATYAI ĀRYALEVAḌIKE YATHĀ JĪVASAM-RAKṢAṆI PHALA-HASTE DIVYA-RŪPE DHANADE VARADE ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚIVA-KARI ŚĀTIKARI BHAYA-NĀŚINI BHAYA-DŪṢAṆI SARVA-DUṢṬĀN BHAÑJA BHAÑJA, MOHAYA MOHAYA, JAMBHAYA JAMBHAYA, STAMBHAYA STAMBHAYA, MAMA ŚĀTIṬ VAŚYAM RAKṢĀM KURU SVĀHĀ

.)Căn Bản Chú:

OM_ŚRIYE SVĀHĀ

OM_DHANA-KARI DHĀNYA-KARI RATNA-VARṢAṆI SVĀHĀ

.)Thành Tựu Chú là:

OM VASUDHĀRE SVĀHĀ_HRDAYAM_LAKṢMYAI SVĀHĀ_OM UPA-HRDAYAM_OM LAKṢMI-BHŪTALANIVĀSINE SVĀHĀ

NHẬT THIÊN

Nhật Thiên, tên Phạn là **Āditya**, dịch âm là A Nễ Để Gia, nghĩa đen là nhóm được phân phối không cùng tận, tượng trưng cho các ý thức vô hạn.

Theo Ấn Độ Giáo thì **Dyaus** (Thiên phụ, tinh thần) kết hợp với **Aditī** (Hư Không Mẫu, không gian vô tận, ý thức vô hạn) sinh ra các **Āditya** (người con của ý thức vô hạn) vận chuyển lôi cuốn Thế Gian, sản sinh và nuôi dưỡng vạn vật.... Người Ấn Độ đã Thần Cách Hóa **sức sáng tạo** này và gọi Āditya là các vị thần mặt trời. Sau này Āditya được đồng nhất với **Sūrya**, và **Āditya** trở thành tên gọi riêng của **Sūrya**

Sūrya (Thái Dương Thần) là vị Thần cai quản Thiên Giới, cùng với **Phong Thần** (Vāyu) là vị Thần cai quản không trung, **Hỏa Thiên** (Agni) là vị Thần cai quản Hạ Giới... được hợp xưng là **Phệ Đà Tam Tôn**. Trong đó Sūrya là nguồn sống của vũ trụ, là Minh Trí của tất cả sinh vật.

Sūrya được thờ phượng qua hình dáng vị Thần có thân màu đồng đỏ, tóc và râu màu vàng, đội vương miện, đeo vòng, ngồi trên xe có bảy con ngựa kéo, tỏa ánh sáng chói lọi khắp nơi



Theo truyền thuyết thì **Sūrya** (Thần mặt trời) có ba người vợ là **Saranyu** hay **Samjñā** (Nữ Thần Tri Thức), **Rājñī** (Phi Hậu), **Prabhā** (Nữ Thần ánh sáng). Do Nữ Thần Samjñā không thể chịu đựng được sức nóng của chồng nên đã bỏ trốn vào rừng tu và nhờ các Thiên Thần tạo ra **Chāya** (Nữ Thần bóng tối) có dung mạo giống hệt Samjñā để đánh lừa Sūrya. Khi Sūrya biết được sự thật, liền đi tìm Samjñā. Nữ Thần Tri Thức biến thành con ngựa cái chạy trốn thì Sūrya liền biến thành con ngựa đực đuổi theo giao phối và sinh ra vị Thần có mình người đầu ngựa là **Aśvin**, vị Thần của nhà nông và cũng là Thầy Y chữa bệnh cho chư Thần.

Sūrya có nhiều người con, trong đó Saranyu có 3 người con **Yama**, **Yamī** và **Vaivasvata-manu**. Chāya có 4 người con là **Sāvarni-manu**, **Śani** (Thổ Tinh), **Tapti** và **Viṣṭi**



12 Thần Chú kính lễ Thần Mặt Trời Sūrya là:

- 1_ **Oṃ Mitrāya namaḥ**
- 2_ **Oṃ Ravaye namaḥ**
- 3_ **Oṃ Sūryayāya namaḥ**
- 4_ **Oṃ Bhānave namaḥ**
- 5_ **Oṃ Khagāya namaḥ**
- 6_ **Oṃ Puṣṇe namaḥ**
- 7_ **Oṃ Hiraṇya-garbhāya namaḥ**
- 8_ **Oṃ Mārīchāye namaḥ**
- 9_ **Oṃ Ādityāya namaḥ**
- 10_ **Oṃ Sāvitre namaḥ**
- 11_ **Oṃ Ārkāya namaḥ**
- 12_ **Oṃ Bhāskarāya namaḥ**

9 vị sao (Nava-grahā: cửu Diêu) được xem là quyền thuộc của Thần Mặt Trời Sūrya

Trái qua phải: Sūrya, candra, maṅgala, budha, Vṛhaspati



Trái qua phải: Śukra, Śani, rāhu, ketu



1_ Thần Chú tán tụng **Nhật Diệu** (Sūrya):

Om_ Aśva-dhvaja vid-mahe

Pasa-hasthaya dhī mahi

Thanna Sūrya prachodayāth

OM_ HRAṂ HRĪṂ GRŪṂ SAḤ SŪRYA NAMAḤ

2_ Thần Chú tán tụng **Nguyệt Diệu** (Candra):

Om_ Padma-dhvaja vid-mahe

Hema rūpaya dhīmahe

Thanna Soma prachodayāth

OM_ ŚRAṂ ŚRĪṂ ŚRŪṂ SAḤ CANDRAYA NAMAḤ

3_ Thần Chú tán tụng **Hỏa Diệu** (Maṅgala):

Om_ Vīra-dhvaja vid-mahe

Vighna hasthaya dhīmahī

Thanno bhauma prachodayāth

OM_ KRAṂ KRĪṂ KRŪṂ BHAUMAYA NAMAḤ

4_ Thần Chú tán tụng **Thủy Diệu** (Budha):

Om_ Gaja-dhvaja vid-mahe

Śuka hasthaya dhīmahī

Thannna Budha prachodayāth

OM_ BRAṂ BRĪṂ BRŪṂ SAḤ BUDHAYA NAMAḤ

5_ Thần Chú tán tụng **Mộc Diệu** (Vṛhaspati):

Om_ Vṛsabha-dhvaja vidmahe

Ghṛṇi hasthaya dhīmahī

Thanno Guru prachodayāth

OM_ JHRAṂ JHRĪṂ JRŪṂ SAḤ GURAVE NAMAḤ

6_Thần Chú tán tụng **Kim Diệu** (Śukra):

Om_ Aśva-dhvaja vidmahe

Dhanur hasthaya dhīmahi

Thanna Śukra prachodayāth

OM_ DRAM DRĪM DRŪM ŚUKRAYA NAMAḤ

7_Thần Chú tán tụng **Thổ Diệu** (Śani):

Om_ Kaka-dhvaja vidmahe

Khaḍga hasthaya dhīmehi

Thanno Maṇḍa prachodayāth

OM_ PRAM PRĪM PRŪM SAḤ ŚANAIŚCARAYA NAMAḤ

8_Thần Chú tán tụng **La Hầu** (Rāhu)

Om_ Nāga-dhvaja vid mahe

Padma hasthaya dhīmehi

Thanno Rāhu prachodayāth

OM_ BHRAM BHRĪM BHRŪM SAḤ RAHAVE NAMAḤ

9_Thần Chú tán tụng **Kế Đô** (Ketu):

Om_ Aśva-dhvaja vidmahe

Śūla hasthaya dhīmehi

Thanna Ketu prachodayāth

OM_ ŚRAM ŚRĪM ŚRŪM SAḤ KETAVE NAMAḤ



Theo Phật Giáo thì **Nhật Thiên** có tên Phạn là Āditya dịch âm là A Nễ Để Gia, là dạng Thần cách hóa của mặt trời. Lại xưng là Nhật Thân, Nhật Thiên Tử, là vị Thiên Tử cư ngụ ở cung mặt trời (nhật cung), lệ thuộc Tứ Thiên Vương. Sau này **Āditya** thành tên gọi riêng của **Sūrya**

Kinh **Trường A Hàm, quyển 22**, phẩm **Thế Bản Duyên** ghi chép là: “Nhật Thiên Tử do đời trước dùng Tâm hiền thiện cúng dường Sa Môn, Bà La Môn, cứu giúp người nghèo khổ mà cảm được quả báo sinh vào cung mặt trời. Chỗ ở của vị ấy là cung điện thuần bằng vàng ròng, hay phóng ra ánh sáng của thân chiếu soi bốn Thiên Hạ, hưởng thọ 500 ngàn tuổi. Khi vị ấy ra ngoài thời có các Đại Thiên Thần dẫn đường, hoan lạc chẳng mệt mỏi”



Sūrya, dịch âm là Tô Lợi Gia, Tu Lợi, Tu Dã...lại xưng là Nhật Thiên, Nhật Thiên Tử. Tên gọi riêng là Bảo Quang Thiên Tử, Bảo Ý Thiên Tử là thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát trụ ở trong cung Thái Dương, mặt trời là cung điện của vị Trời ấy

.)**Lập Thế A Tỳ Đạm Luận**, Phẩm **Nguyệt Hành** nói rằng: “Nhật Cung... Cung điện ấy nói tên gọi là **Tu dã** (Sūrya), vị Nhật Thiên Tử này trụ ở trong đó, cũng có tên gọi là **Tu Dã** (Sūrya)”

.)**Pháp Hoa Văn Cú 2** nói rằng: “Bảo Quang là Bảo Ý Nhật Thiên Tử, do Quán Thế Âm ứng làm”

.)**Pháp Hoa Nghĩa Sớ 1** nói rằng: “Bảo Quang Thiên Tử là Nhật Thiên Tử vậy. Có Kinh nói rằng Quán Thế Âm tên là Bảo Ý, làm Nhật Thiên Tử”

Sau này Mật Giáo dùng Nhật Thiên là một trong 12 Thiên Hộ Thế, một trong 20 Thiên. Tức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) vì lợi ích chúng sinh cho nên trụ ở **Phật Nhật Tam Muội** tùy duyên hiện ra ở đời, lúc phá các ám tối thời Tâm Bồ Đề tự nhiên khai hiển, giống như ánh sáng mặt trời chiếu soi chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: “Nhật Thiên có thân màu thịt đỏ, tay phải cầm hoa sen, ngồi trên xe có bốn (?ba) con ngựa”



)Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm nói rằng: “Khi **Nhật Thiên** vui thời ánh sáng chẳng làm tổn hại vật, người giận chẳng ngu độn, Hữu Tinh, Phi Tinh thấy đều khoái lạc. Khi vị Trời này giận thời mất độ không có ánh sáng, tuy có mắt nhưng chẳng thể thấy vật, lạnh khổ thông nhau lẫn bức”

Do vậy, nếu cầu Trí, dùng Nhật Thiên. Hoặc nếu muốn trừ bệnh nóng lạnh (hàn nhiệt), tùy dùng Nhật Nguyệt Thiên (Nhật Thiên trừ lạnh, Nguyệt Thiên trừ nóng)

Trong 12 Thiên thì **Nhật Thiên** là vị chủ của mọi vì sao (chúng Tinh), bảy **Diệu**, các **Chấp**, tất cả **Quang Thần** (vị Thần toả ra ánh sáng) dạo trên hư không

Chữ chủng tử là **Ā (𑖀)**



Tượng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वाहा

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nhật Thiên có Chữ chủng tử là: KU (कु)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời



Tượng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वाहा

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ

)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nhật Thiên có Chữ chủng tử là: KU (कु)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वहा कु

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ _ KU

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU (कु)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वहा कु

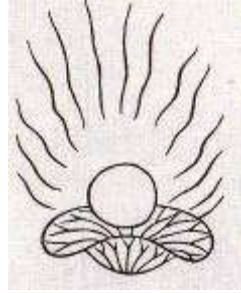
OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU (कु)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलिं स्वहा कु

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ _ KU

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU (कु)

Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời



Chân Ngôn là:

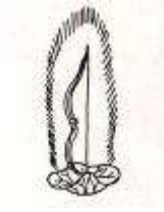
ॐ वज्रकुण्डलिं स्वहा कु

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ _ KU

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Đông của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì Nhật Thiên có thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y, hai tay đều cầm hoa sen, ngồi trên xe có năm con ngựa kéo. Hai bên có hai vị Phi là **Thệ Gia** (Jayā) và **Vi Thệ Gia** (Vijaya)



Chữ chủng tử là: A (ॐ), hay JA (ॐ)
Tam Muội Gia Hình là: Cây cung.



Tượng Ấn là: Như Lai Ngũ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:
ॐ नमो विजया स्वहा
OM_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Hay ॐ नमो विजया स्वहा
OM_ MAHĀ-GAṆAPĀTHA SVĀHĀ

Vi Xà Gia, tên Phạn là **Vijayā**, dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, là em gái của Jayā, một trong hai Phi của Nhật Thiên. Biểu thị cho **Trí Đức** của Nhật Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên, hướng mặt về bên phải.



Chữ chủng tử là: VI (ॐ)
Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.



Tượng Ấn là: Như Lai Ngũ Môn Ấn.



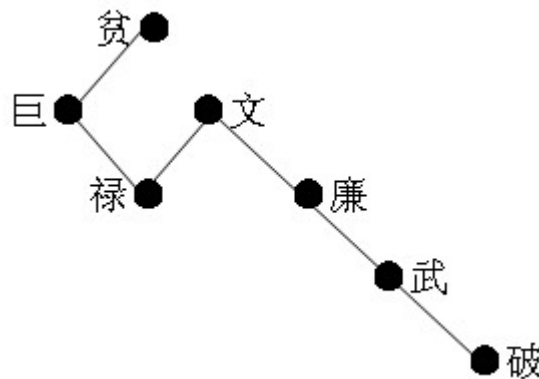
Chân Ngôn là:
ॐ नमो विजया स्वहा
OM_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Hay ॐ नमो गणपते स्वहा
OM_ MAHĀ-GAṆAPĀTHA SVĀHĀ

BẮC ĐẦU THẤT TINH

Bắc Đầu Thất Tinh chỉ bảy ngôi sao tụ thành hình cái **Đầu** (cái mũ) ở phương Bắc, tức cách **Bắc Cực** khoảng cách khoảng chừng 30 độ, gồm có: **Thiên Xu, Thiên Toàn, Thiên Cơ, Thiên Quyền, Ngọc Hành, Khai Dương, Dao Quang**.

Ở trong Thiên Văn Học, xưng là **Đại Hùng Tinh**, tên gọi thông tục là: **Tham Lang Tinh, Cự Môn Tinh, Lộc Tồn Tinh, Văn Khúc Tinh, Liêm Trinh Tinh, Vũ Khúc Tinh, Phá Quân Tinh...**



Thời Cổ Đại, trong **Tinh Tú Quán** dùng:

Thiên Xu (Tham Lang Tinh) làm **Chính Tinh** của bảy ngôi sao, chủ về **Dương Đức**

Thiên Toàn (Cự Môn Tinh) làm **Pháp Tinh** chủ về **âm hình** (dạng bệnh ngầm bên trong, hay bệnh rét lạnh)

Thiên Cơ (Lộc Tồn Tinh) là **Lệnh Tinh** chủ về phạt hại

Thiên Quyền (Văn Khúc Tinh) là **Phạt Tinh** chủ về Thiên Lý (lý của Trời)

Ngọc Hành (Liêm Trinh Tinh) là **Sát Tinh** chủ về trung ương, bốn phương

Khai Dương (Vũ Khúc Tinh) là **Nguy Tinh** chủ về năm loại lúa đậu thức ăn của Trời

Dao Quang (Phá Quân Tinh) là **Bộ Tinh** chủ về binh lính

Các Pháp: **Tôn Tinh Vương Pháp, Bắc Đầu Pháp, Bắc Đầu Hộ Ma Pháp...** đều cầu niệm bảy vì sao này.

Ngoài ra, ở trong rừng Thiên (Thiên lâm) có một từ “**Bắc Đầu lý Tạng Thân**” (Thân ẩn chứa bên trong Bắc Đầu) nhằm chỉ Thần Thông diệu dụng của vị Thiên Tăng,

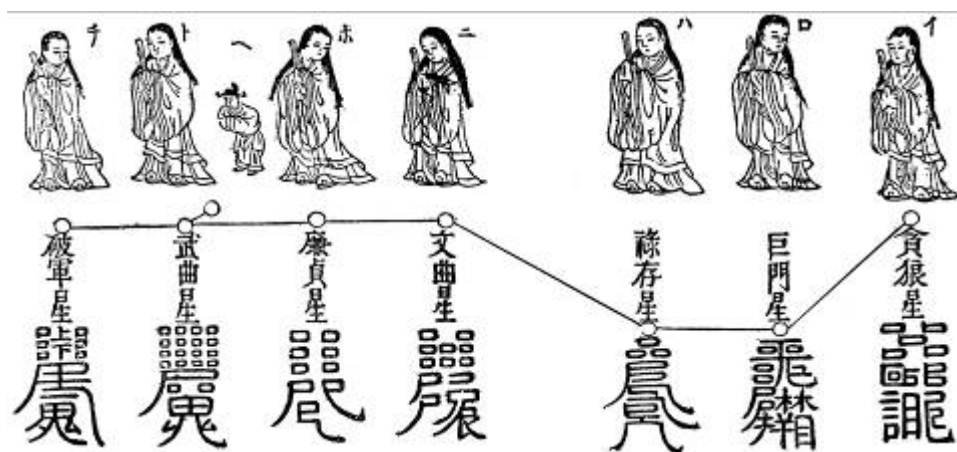
giống như con Linh Dương treo cái sừng ở trong sao Bắc Đẩu, rốt ráo không có dấu vết.

Vân Môn Khuông Chân Thiên Sư Quảng Lục ghi rằng:

)Hỏi: “Như thế nào là câu thâu suốt Pháp Thân?

Sư (Vân Môn) nói: “Bắc Đẩu lý Tạng Thân”

_Phật nói Kinh **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** (ĐTK_No.1307) đã phối hợp 7 vị sao Bắc Đẩu với 7 vị Phật **Được Sư** là:



_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** đã phối hợp 7 vị sao Bắc Đẩu với 7 vị Phật **Được Sư** là:

1_ Tham Lang Tinh là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tối Thắng thuộc phương Đông

2_ Cự Môn Tinh là **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông

3_ Lộc Tồn Tinh là **Kim Sắc Thành Tựu Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên Mãn thuộc phương Đông

4_ Văn Khúc Tinh là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

5_ Liêm Trinh Tinh là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tĩnh Trụ thuộc phương Đông

6_ Vũ Khúc Tinh là **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông

7_ Phá Quân Tinh là **Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông.

_ Người sinh vào giờ Tý (? Năm Tý) thì hướng vào vị sao này (Tham Lang Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: lúa mùa (Thử: giống lúa Hoàng Mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Sửu, giờ Hợi cùng hướng vào vị sao này (Cự Môn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt dẻ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Dần, giờ Tuất cùng hướng vào vị sao này (Lộc Tồn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Gạo tẻ (Cánh mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Mão, giờ Dậu cùng hướng vào vì sao này (Văn Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ (Tiểu Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Thìn, giờ Thân cùng hướng vào vì sao này (Liêm Trinh Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt mè (Ma Tử). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Ty, giờ Mùi cùng hướng vào vì sao này (Vũ Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu lớn (Đại Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Ngọ thì hướng vào vì sao này (Phá Quân Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát.

_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh** của Nhật Bản đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với các vị Quán Âm (hoặc Bồ Tát) là:

1_ **Tham Lang Tinh** là **Đại Bạch Y Thiên Thủ Quán Âm** (hay **Nhật Luân Bồ Tát**)

Tôn hình:



Chữ chung tử: VAI (𠄎), VIH (𠄎), AM (𠄎)

Chân Ngôn là:

ॐ 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

OM_ DHĀRANĪ DHĀRANĪ HŪM

hay

ॐ 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

OM_ TIRA PRĀNĪKAYE_ SVĀHĀ

2_ Cự Môn Tinh là Mã Đầu Quán Âm (hay Nguyệt Luân Bồ Tát)
 Tôn hình:



Chữ chủng tử: TRA (𑖀), TAM (𑖂), VI (𑖄), TROM (𑖆)

Chân Ngôn là:

𑖀 𑖂 𑖄 𑖆 𑖈 𑖊 𑖌 𑖎

OM _ KURU MARATA HŪM

hay

𑖀 𑖂 𑖄 𑖆 𑖈 𑖊 𑖌 𑖎

OM _ TRA TRA HANI _ SVĀHĀ

3_ Lộc Tôn Tinh là Bát Không Quyển Sách Quán Âm (hay Quang Minh
 Chiếu Bồ Tát)

Tôn hình:



Chữ chung tử: KA (𑂔), VĪ (𑂮), RI (𑂓)

Chân Ngôn là:

ॐ 𑂔𑂮𑂓𑂮𑂮

OM _ PRATAGHA HŪM

Hay ॐ 𑂔𑂔𑂔𑂔𑂔 𑂓𑂮 𑂓𑂮𑂮 𑂓𑂮𑂮𑂮

OM _ KA KA KA KA RIHA RIHAYA RIṆI _ SVĀHĀ

4_ Văn Khúc Tinh là Thập Nhất Diện Quán Âm (hay Tăng Trưởng Bồ Tát)

Tôn hình:



Chữ chung tử: PRA (𑂣), VAU (𑂮)

Chân Ngôn là:

ॐ 𑂣𑂮𑂓𑂮

OMĪ _ TRIMARATĪA HUØMĪ

hay ॐ 𑂣𑂣 𑂮𑂮𑂓 𑂮𑂮𑂓𑂮

OMĪ _ PRA PRA BHAYARA BHAYARANĪ _ SVAØHAØ

5_ Liêm Trinh Tinh là Thủy Diện Quán Âm Thâm Sa Đại Vương (hay Y Hổ Chúng Bồ Tát)

Tôn hình:



Chữ chung tử: TRŪ (𑖀), HAḤ (𑖂), TRAH (𑖄)

Chân Ngôn là:

𑖀 𑖄 𑖂 𑖄 𑖀

OM_DHUTARAṆI OM

hay 𑖀 𑖂 𑖂 𑖂 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄

OM_KA KA KA RIHĀ RIHĀYA RIṆI_SVĀHĀ

6_Vũ Khúc Tinh là A Lô Lục Ca Quán Âm (hay Địa Tạng Bồ Tát)

Tôn hình:



Chữ chung tử: NA (𑖎), TA (𑖐), A (𑖒)

Chân Ngôn là:

𑖀 𑖎 𑖐 𑖒

OM_GATRŪ HŪM

hay 𑖀 𑖎 𑖎 𑖎 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄 𑖄

OM_TAI TAI RI RI KA KA RIHA RĪHAYA RIṆI_SVĀHĀ

7_Phá Quân Tinh là Hư Không Tạng Bồ Tát (hay Kim Cương Thủ Bồ Tát)

Tôn hình:



Chữ chung tử: VAI (𑖦), HI (𑖩), VA (𑖪)

Chân Ngôn là:

𑖠 𑖦𑖦𑖦 𑖩𑖩 𑖪

OM _ BHASAMA HAMṬA HŪM

hay 𑖠 𑖦𑖦 𑖩𑖦𑖦 𑖦𑖩𑖦𑖩 𑖦𑖩𑖦𑖩 𑖦𑖩𑖦𑖩 𑖦𑖩𑖦𑖩 𑖦𑖩𑖦𑖩 𑖦𑖩𑖦𑖩

OM _ BHATAI TRABHATAI, BHARI BHARI MAHĀ-BHARI CARINI _ SVĀHĀ

Bắc Đẩu Thất Tinh Hộ Ma Bí Yếu Nghi Quỹ (ĐTK_No.1306) ghi chép là:

“Nay Ta vì chúng sinh bạc phước của thời Mạt Thế nên nói thứ tự Nghi Tắc Cúng Đường Hộ Ma của Bắc Cực Thất Tinh.

Ở trong Tịnh Thất làm một Thủy Đàn hoặc tròn hoặc vuông đều đủ một khuỷu tay. Dùng 5 vị: Mao Hương, Cam Tùng, Hắc Bê, Bạch Giao, Bạch Đàn hòa hợp làm bùn xoa tô. Bên trong Đàn Trường ấy để một cái lò. Thức ăn uống, quả trái chia ra 7 phần để thiêu đốt. Thức ăn là: cơm, thực phẩm, quả trái, bánh, Tô Mật... hoặc ngũ cốc và Nhũ Mộc. Tùy theo **Nhân Mệnh Tinh Tướng** (Tướng vì sao giữ mạng người) mà lựa chọn dùng.

Trước tiên nói lời bày tỏ (Khải Từ) là: *“Chí Tâm phụng thỉnh Bắc Cực Thất Minh Na La, Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân Tôn Tinh. Vì chủ nhà (họ tên...) cầu Túc Tai, Giải Thoát, thọ mệnh lâu dài, được thấy trăm Thu.*

Nay làm Mạn Trà La, nguyện xin rủ thương giáng lâm chốn này nạp thọ Hộ Ma, ủng hộ Thí Chủ (họ tên...) được tùy theo Tâm mà ngưng dứt tai nạn, giải thoát, tăng trưởng thọ mệnh” (3 lần)

— Tiếp kết Ấn là: Chắp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) đem 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh. Hai ngón giữa, 2 ngón út như cánh sen. Hơi mở co 2 ngón trở rồi đưa qua lại.

(Triệu Bắc Đẩu Ấn)



— Tiếp tụng **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn** và **Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn**.

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn là:

𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖩 𑖦𑖩 𑖦𑖩 𑖪

NAMO SAMANTA _ DARA DARA PACARA _ HŪM

[Thủ Ấn này bổ sung thêm vào Kinh Bản

Bắc Đẩu Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng cứng hai ngón giữa như hình cây kiếm, co cong hai ngón trở đuôi thẳng lóng bên trên đều vịn móng ngón cái. Đây là **Bát Bức Luân Ấn**



Triệu Bắc Đẩu Chân Ngôn là :

ॐ नमः समन्त दारान एह्येहि पञ्च दश दश कञ्च ॐ शग्ल
ॐ न्म स न

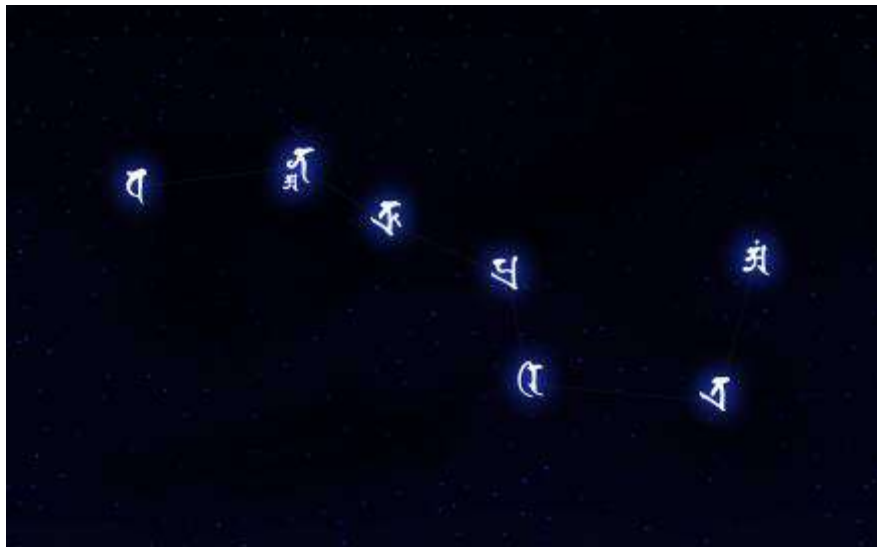
NAMAḤ SAMANTA DARANA EHYEHI, PA I, HA I, DA I, KA I, RA I, MROTARA GHARAHAM_ SVĀHĀ

Dùng tay lấy cây, lúa gạo, Tô Mật, dầu... ném vào trong lò để thiêu đốt. Mắt chuyên nhìn vì sao Bản Mệnh. Nếu nghiêng động biến màu, lờ sáng chớp nhoáng, hình dáng trắng vàng liền nên nguyện Như Lai, y theo Pháp trước, 7 ngày đêm mà làm. ắt nên như việc, nếu không **Tinh Tạng** mất đi chẳng nhìn thấy (**Quyết** ghi là : Chẳng cầu).

Nói Bắc Đẩu Thất Tinh là Tinh của mặt trời, mặt trăng với 5 vì sao . Xưa kia bao quát chiếu diệu đến 8 phương, bên trên tỏa sáng (Diệu) chôn Thiên Thần, bên dưới thẳng đến Nhân Gian để quản lý Thiên Ác mà phân chia Họa Phước. Nơi triều tông của Quần Tinh là nơi phủ ngưỡng (cúi đầu kính mến) của vạn linh. Nếu có người hay lễ bái cúng dường thì trường thọ phú quý. Người chẳng tôn kính thì vận mệnh chẳng được dài lâu.

Đây dùng **Lộc Mệnh Thư** ghi rằng: “Đời có **Ty Mệnh Thần** mỗi khi đến ngày **Canh, Tân** thì bên trên hướng về Thiên Đế bày tỏ tội ác của chúng sinh. Người có tội nặng ắt tuân tự nhìn nhận tính toán, Người tội nhẹ thì gỡ bỏ, ghi chép vào Toán Thư (Sách ghi chép tính toán) rồi báo cho Chủ Mệnh”.

Chính vì thế cho nên Đức Thế Tôn vì chúng sinh chết yếu, mệnh ngắn, phước mỏng ở thời Mạt Thế mà nói Nhất Tự Đỉnh Luân Vương, Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh, Nghi Tắc cúng dường Hộ Ma để cúng dường, khiến cho Mệnh thuộc Tinh Số xóa bỏ **Tử Tịch** (sách ghi ngày giờ chết) quay lại giao cho **Sinh Tịch** (sách ghi đời sống lâu dài)”



Thân với tất cả Quyển Thuộc ủng hộ. Nếu hay tụng 500 biến sẽ có sức đại uy thần , trong khoảng chu vi 500 Do Tuần, tất cả Ma Vương với các Ma Chúng, tất cả loài gây chướng, vô lượng Quỷ ác chẳng dám gần gũi, thường được ủng hộ. Bắc Đẩu Bát Nữ , tất cả Nhật Nguyệt Tinh Tú, các Trời Rồng Dược Xoa, loài hay gây chướng nạn... đều bị hoại dứt trong một thời.

Nếu có người muốn cúng dường. Trước tiên phát Tâm bạt tế, ở nơi vắng lặng thanh tịnh dùng hương hoa, thức ăn uống cúng dường , tụng trì Thần Chú, kết An Khê. Như vậy cúng dường thời 8 Nữ với tất cả Quyển Thuộc đều hiện thân tùy ý phụng sự người tu, thành tựu vô lượng nguyện cầu. Như hàng **La Nhạ** (Rāja: vua chúa) liền được vương vị hưởng chi là chút ít Quan Vị vinh diệu của Thế Gian”

.) Nếu **La Hâu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu) ám cung Bản Mệnh Tinh của Hành Giả thì nên tụng **Bắc Đẩu Chân Ngôn** này.



CỬU DIỆU

Chín sao Diệu, tên Phạn là **Nava-grahani** chỉ 9 loại thiên thể của nhóm Nhật, Nguyệt, Hỏa Tinh. Do chín Diệu này tùy chạy theo mặt trời mà chẳng cách lia, đầy đủ ý nắm giữ, cho nên người xưa xưng là **chín Chấp**.

Y theo **Đường Thư** (Lịch Chí), quyển 18 ghi chép: “Đời Đường, năm Khai Nguyên thứ sáu (7180 Thái Sử Giám **Cù Đàm Tất Đạt** từng phụng chiếu dịch **Cửu Chấp Lịch** bao quát Lịch Pháp là một loại **Phạn Lịch** của loại tựa như **Hồi Hồi Lịch** với **Thái Dương Lịch**, ấy là Cửu Diệu tức y theo Phạn Lịch mà lập **Lịch tượng**. Thứ tự như sau:

1_ **Nhật Diệu**, tên Phạn là **Āditya** hay **Sūrya**, tên Tạng là **Di-ma**, tức Thái Dương (Mặt trời), phối bày ở phương Sửu Dần

2_ **Nguyệt Diệu**, tên Phạn là **Soma**, tên Tạng là **Zla-ba**, tức Thái Âm (Mặt trăng) phối bày ở phương Tuất Hợi

3_ **Hỏa Diệu**, tên Phạn là **Āṅāraka**, tên Tạng là **Mig-dmar**, là **Huỳnh Hoạc Tinh** (Hỏa Tinh) phối bày ở phương Nam

4_ **Thủy Diệu**, tên Phạn là **Budha**, tên Tạng là **Lhag-pa**, là **Thần Tinh**, phối bày ở phương Bắc

5_ **Mộc Diệu**, tên Phạn là **Bṛhaspati** hay **Vṛhaspati**, tên Tạng là **Phur-ba**, là **Tuế Tinh**, phối bày ở phương Đông

8_ **Kim Diệu**, tên Phạn là **Śukra**, tên Tạng là **Pa-ba-saṅs**, là **Thái Bạch Tinh**, phối bày ở phương Tây

7_ **Thổ Tinh**, tên Phạn là **Śanaīscara**, tên Tạng là **Spen-pa**, là **Trần Tinh**, phối bày ở phương Trung Ương

(7 vì sao bên trên, gọi là **Thất Diệu**)

8_ **La Hầu**, tên Phạn là **Rāhu**, tên Tạng là **Sgra-can**, tức **Hoàng Phan Tinh** hay **Thực Thần** gặp mặt trời mặt trăng đều ăn nuốt, phối bày ở phương Đông Bắc

9_ **Kế Đô**, tên Phạn là **Ketu**, tên Tạng là **Mjug-riñ**, tức **Tuệ Tinh** hay **Báo Vĩ Tinh**, phối bày ở phương Tây Nam



Quan hệ với tính chất của **Cửu Diệu**

.)**Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển 4 nói rằng: “Nhật, Nguyệt, Hỏa, Thủy, Mộc, Kim, Thổ là **Thất Diệu** cùng với **La Hầu**, **Kế Đô** hợp làm **Cửu Chấp**. La Hầu là Giao Hội Thực Thần. Kế Đô phiên dịch đúng là **Kỳ** (cây cờ), **Kỳ Tinh** là **Tuệ Tinh** vậy. Ngoài **hai Chấp** này ra, bảy Diệu còn lại đều theo thứ tự trực nhật, loại tính ấy cũng có thiện ác”

.)**Kinh Tú Diệu**, quyển Hạ nói rằng: “Một ngày một di chuyển, bảy ngày giáp vòng lại chỗ ban đầu, chỗ dừng ấy mỗi mỗi đều có sự thích hợp, chẳng thích hợp”

.)**Kinh Khổng Tước**, quyển Hạ cũng nói là: “Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của **chín loại Chấp Diệu** (Nava-grahā). **Chấp Diệu Thiên** này khi tuần

hành **28 Tú** (Aṣṭa-viṃsatīnām-nakṣatrānām) thời hay khiến cho ngày đêm, thời phần tăng giảm. Hết thấy sự sung túc, tấn tiệp, khổ, vui của Thế Gian đều trước tiên biểu thị cho tướng ấy. Các vị ấy tên là:

Nhật (Sūrya), **Nguyệt** (Soma) với **Huỳnh Hoặc** (Aṅgāraka)

Thần (Budha), **Tuế Tinh** (Vṛhaspati), **Thái Bạch** (Śukra)

Trần (Śanaīscara) với **La Hầu** (Rāhu), **Tuệ** (Ketu)

Đây gọi là **Chấp Diệu** (Grahā)

Nhóm **Cửu Diệu** này có uy lực lớn, hay bày việc tốt xấu”

Do đây có thể biết, thời Cổ Đại thường y theo **Cửu Diệu** chiêm bói việc tốt xấu, họa phúc

.)**Bản Địa Thuyết** của Nhật Bản ghi nhận là:

“**Nhật** là **Quán Âm** (hoặc **Hư Không Tạng** hay **Văn Thù Sư Lợi**)

Nguyệt là **Thế Chí** (hoặc **Thiên Thủ Quán Âm** hay **A Di Đà Phật**)

Hỏa là **Bảo Sinh Phật** (hoặc **A Lô Ca Quán Âm** hay **Được sư Phật**)

Thủy là **Diệu Trang Nghiêm Phật** (hoặc **Thủy Diện Quán Âm**)

Mộc là **Được Sư Phật** (hoặc **Mã Đầu Quán Âm** hay **bất Động Minh Vương**)

Kim là **A Di Đà** (hoặc **Bất Không Quyển Sách** hay **Thế Chí Bồ Tát**)

Thổ là **Tỳ Lô Giá Na Phật** (hoặc **Thập Nhất Diện Quán Âm** hay **Tỳ Sa Môn Thiên**)

La Hầu là **Tỳ Bà Thi Phật**

Kế Đô là **Bất Không Quyển Sách** (hoặc **Đại Nhật Phật**)”

Lại có phối trí với số tuổi của con người mà phân biệt pháp tốt xấu, đưa ra nhóm **Thất Diệu Nương Tai Quyết**

Ngoài ra, y theo Cửu Diệu với Thần Tượng sở thuộc ấy, hội thành **Mạn Trà La** (Maṇḍala) và xưng là **Cửu Diệu Mạn Trà La**. Có điều trong đồ hình thiếu mất Nguyệt Diệu mà dùng **Kiểm Bà** (Kampa) thay thế

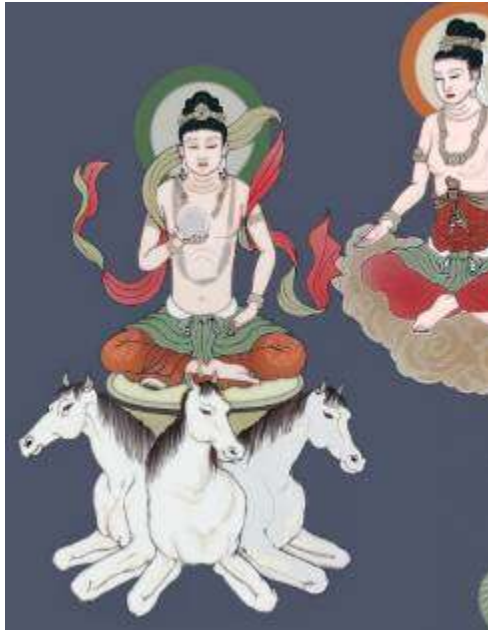
Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 4 nói rằng: “**Chấp Diệu** như vậy tức là mọi loại **Thiện Tri Thức Môn** trong Mạn Trà La. Các Bản Tôn ấy liền hay thuận theo sự nghiệp của Thế Gian mà làm phương tiện gia trì. Vì A Xà Lê khéo chọn lựa thời cát tường cho nên cùng với Chân Ngôn Bản Thệ ấy, **Pháp Nhĩ** tương quan để làm gia trì, được lia các chướng vậy”

1_Nhật Diệu (Āditya hay Sūrya): Lại xưng là Nhật Thiên Diệu, Nhật Tinh, Nhật Tinh (tinh túy của mặt trời), Thái Dương Mặt Nhật Tinh . Là quyển thuộc của Nhật Thiên của Mật Giáo, hoặc đồng Thệ với Nhật Thiên.

Tôn này biểu thị cho Tâm Bồ Đề trong sạch.

Tôn Hình: Thân màu thít. Tay phải cầm vành mặt trời, Tay trái để ở eo, khoác Thiên Y. Dùng cỗ xe có ba con ngựa làm toà ngồi.





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Văn Thù Sư Lợi** là:



Chữ chung tử là: RO (𑀢), hay SU (𑀤), hay A (𑀡)
 Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Tượng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑀧𑀢𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ SŪRYĀYA_ SVĀHĀ

Hay 𑀧𑀢𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺

𑀧𑀢𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺

𑀧𑀢𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SŪRYA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA.

OM _ AMOGHA-SYA (Danh vị...) ŚĀTRI _ SVĀHĀ

2_ Nguyệt Diệu (Soma) tức Thái Âm

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ngang ngực.



hay ॐ स्रि स्वहा
OM _ SOMA-ŚRI _ SVĀHĀ

Hoặc ॐ वज्र नक्षत्र राज्या सत्रि स्वहा
OM _ CANDRA-NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị...) ŚATRI _ SVĀHĀ

3_ Hoả Diệu (Aṅgāraka): Lại xưng là Huỳnh Hoặc Tinh.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kích (hình bên phải)



Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Được Sư Phật** là:





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Bất Động Minh Vương** là:



Chữ chủng tử là: VR (वृ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng, mở dụng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ वृ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

Hay ॐ वृ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

OM_ VRHASPATI ŚRI_ SVĀHĀ

Hay ॐ वृ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

OM_ VRHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị...) MALA VARTHĀDI_ SVĀHĀ

6_ Kim Diệu (Śukra): lại xưng là Kim Tinh, hoặc Thái Bạch. Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y. Ngựa lòng bàn tay trái, có 4 ngón. Tay phải để ngang ngực.





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Thế Chí Bồ Tát** là:

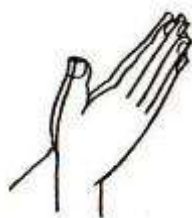


Chữ chủng tử là: **ŚU** (𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên cái bình.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धैर्नाक्षत्रैर्निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE_ SVĀHĀ

hay ॐ सुक्रः श्री सुक्र

OM_ ŚUKRAḤ- ŚRI_ SVĀHĀ

Hoặc ॐ सुक्र गथारवा राजाया श्री करि सुक्र

OM_ ŚUKRA GATHARVA-RĀJĀYA (Danh vị...) ŚRĪ- KARI_ SVĀHĀ

7_ **Thổ Diệu** (Śanaiscara): tức Trần Tinh

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân, thân trên màu đỏ cởi trần, thân dưới mặc quần da beo, tay phải cầm cây gậy Tiên, tư thế đi bộ



8_ La Hầu Tinh (Rāhu): tức Hoàng Phan Tinh, lại xưng là Thục Thần. Lúc gặp mặt trời, mặt trăng tức là Thục (mặt trời, mặt trăng bị ăn)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình phần nộ, đầu tóc dựng lên trên, hai tay để bên lỗ tai.



Hoặc Tôn hình có 3 mặt phần nộ, tóc lửa dựng đứng, bên trên có 9 con rắn là:





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Đại Nhật Như Lai** là:



Chữ chung tử là: JE (𑖕), hay KE (𑖕), hay HE (𑖕)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc đỏ trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Tuệ Tinh Ấn.



Năng Cát Tường Chân Ngôn:

ॐ रत्न त्रयै नमः

ॐ नमः सोम सार्व नक्षत्र राजै च त्रयै च नमः

ॐ त्रयै उं त्रयै च त्रयै नमः च नमः

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SOMA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA _ CATURTHIPA
ĀLOKARĀYA

TADYATHĀ : OM_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE _ SVĀHĀ

Phật nói Kinh Thánh Diệu Mẫu Đà La Ni ghi nhận hai bài Chú là:

) Cúng Dường Tú Diệu Chân Ngôn:

OM_ MEGHOLKĀYA SVĀHĀ

OM_ ŚITĀMŚAVE SVĀHĀ

OM_ RAKTĀṄGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ

OM_ BUDHĀYA SVĀHĀ

OM_ VRHASPATAYE SVĀHĀ

OM_ ASURA-UTTAMĀYA SVĀHĀ

OM_ KRṢṢṢA-VARṢṢĀYA SVĀHĀ

OM_ RĀHAVE SVĀHĀ

OM_ JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn xong liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Cửu Diệu Chân Ngôn như vậy, người niệm đều được thành tựu. Trước hết nên y theo Pháp dùng nước thơm xoa **Man Noa La** (Maṇḍa: Đàn Trường) rộng 12 ngón tay. Hoặc dùng vật khí bằng vàng bạc, hoặc vật bằng đồng, vật bằng sành sứ hiến nước Át Già cúng dường Tinh Diệu, dùng Chân Ngôn trước đều niệm 108 biến thì việc mong cầu ắt đều thành tựu”

)Tú Diệu Mẫu Đà La Ni (Gṛha-māṭṛka-nāma-dhāraṇī)

OM NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM NAMO BUDDHĀYA

OM NAMO DHARMĀYA

OM NAMO SAMGHĀYA

OM NAMAḤ VAJRA-DHARĀYA

OM NAMAḤ PADMA-DHARĀYA

OM NAMAḤ KUMĀRĀYA

OM NAMAḤ SARVA-GRAHĀNĀM SARVA-AŚĀ-PARIPŪRAKĀNĀM

OM NAMAḤ NAKṢATRĀNĀM

OM NAMO DVĀ-DAŚA- RĀŚĪNĀM

OM NAMAḤ SARA-UPADRAVĀNĀM

TADYATHĀ:

OM _ BUDDHE BUDDHE _ ŚUDDHE ŚUDDHE _ VAJRE VAJRE _
PADME PADME _ SARA SARA _ PRASARA PRASARA _ SMARA SMARA _
KRĪḌA KRĪḌA _ KRĪḌĀYA KRĪḌĀYA _ MARA MARA _ MĀRAYA
MĀRAYA _ MARDAYA MARDAYA _ STAMBHA STAMBHA _
STAMBHĀYA STAMBHĀYA _ GHATA GHATA _ GHĀṬAYA GHĀṬAYA _
MAMA SARVA-SATTVĀNĀNCA VIGHNĀN CCHINDA CCHINDA BHINDA

SARVA-VIGHNĀN NĀŚANĀM KURU KURU MAMA
 SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀŃCA
 KĀRYAM KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVĀNĀŃCA
 SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PĪDĀN NIVĀRAYA NIVĀRAYA
 BHAGAVATI ŚRĪYAM KURU MAHĀ-MĀYA PRASĀDHAYA SARVA-
 DUṢṬĀN NĀŚAYA
 SARVA-PĀPANI MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀŃCA
 RAKṢA RAKṢA
 VAJRE VAJRE CAṄDE CAṄDE CAṄḌINI CAṄḌINI NURU NURU
 MUSU MUSU MUMU MUMU MUŃCA MUŃCA HAVĀ HAVE UGRE
 UGRA-TARE PŪRAYA
 BHAGAVATI MANORATHAM MAMA SARVA-PARIVĀRASYA
 SARVA-SATTVĀNĀŃCA SARVA-TATHĀGATA-ADHIṢṬHITANA-
 ADHIṢṬHITE SVĀHĀ
 OM SVĀHĀ
 HŪM SVĀHĀ
 HRĪḤ SVĀHĀ
 DHŪḤ SVĀHĀ
 DHĪḤ SVĀHĀ
 OM ĀDITYĀYA SVĀHĀ
 OM SOMĀYA SVĀHĀ
 OM DHARAṆĪ-SUTĀYA SVĀHĀ
 OM BUDHĀYA SVĀHĀ
 OM VṚHASPATAYE SVĀHĀ
 OM ŚUKRĀYA SVĀHĀ
 OM ŚANIŚCARĀYA SVĀHĀ
 OM RĀHAVE SVĀHĀ
 OM KETAVE SVĀHĀ
 OM BUDDHĀYA SVĀHĀ
 OM VAJRA-PĀṄAYE SVĀHĀ
 OM PADMA-DHARĀYA SVĀHĀ
 OM KUMĀRĀYA SVĀHĀ
 OM SARVA-GRAHĀṄĀM SVĀHĀ
 OM SARVA-NAKṢATRĀṄĀM SVĀHĀ
 OM SARVA-UPADRAVĀṄĀM SVĀHĀ
 OM DVĀ-DAŚA-RĀŚĪNĀM SVĀHĀ
 OM SARVA-VIDYE HŪM HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Bây giờ Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong , liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát
 rằng: “Nay, bí mật tối thượng của Chân Ngôn này là hay cho chúng sinh mãn tất cả
 nguyện. Nếu có người cầu sự trường thọ thì vào ngày mùng bảy tháng tám bắt đầu thọ
 trì trai giới đến đêm ngày 14 y theo Pháp cúng dường Tú Diệu cho đến ngày 15, trong
 một ngày đêm đọc tụng Đà La Ni này thì người đó sẽ sống lâu đến 99 năm. Hết thầy
 hàng Lô Diễm, Rồng, Quỷ, các Tinh Diệu ác đều chẳng có thể gây sợ hãi. Lại được
 Túc Mệnh Trí, mọi sở nguyện đều như ý”

2_ Trung Cung Thổ Tú Tinh (Vua tại bốn Quý) Kê Hoãn Chân Ngôn:

“Quy mệnh. Ân, tán nhật lợi duệ, sa bà hạ”

𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀 𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Om_ saṃjitiye svāhā

Lại Chân Ngôn là:

“Ân, xả nê sát-tác la, năng khát-sát đất-la, bả-la ha năng, lỗ sa dạ (danh vị...) phổ sát-để, ca lý, sa-phộc hạ”

𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄𑖄

Om_ Śanaīscara-nakṣatra brāhmaṇa-rūpaya (danh dự và địa vị) puṣṭi-kari svāhā

Lại Chân Ngôn:

“Ân, thú thú yết la nga đà-phộc la-phộc la-phộc, la nhã (danh vị...) thất lý, sa-bà hạ”

Xuân Tôn, Hạ Khôn, Thu Càn, Đông Cấn, tháng Quý Hạ...bày một mâm trái cây cúng tế

Khẩu Quyết nói rằng: “Phương ấy chẳng định, Xuân Quý hương **Tôn**, ngoài ra dùng thứ tự mà biết”

Năm: 2, 11, 22, 29, 38, 47, 56, 65, 74, 83, 92 hợp với Đại Hung



Hành Niên đến **Tú** này là **Thổ Tinh** (Śanaīscara) ở cung chính giữa. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 90 dặm thuộc địa phận của nước Sở (nay là tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc). Tú này rất xấu thiên về đốt cháy **Cung** chiếu đến với che chắn con người. Gặp **Tú** này phải cẩn thận về bệnh tật, lao ngục. Năm ách nặng của người Quân Tử, hiệu là **Thổ Tinh**, chẳng dám phạm vào.

Hình vị Thần ấy như Bà La Môn, đầu đội mào bò, tay cầm tích trượng cùng gậy họa.

Quốc vương lấy tháng Quý Hạ (tháng 6), bày một mâm trái cây cúng tế.

Cầu đảo tông tiền Bản Mệnh Nguyên Thần, tiền, vẽ Sở Phạm Thần Hình cúng đường, mặc áo màu vàng cầu đảo át tiêu Tai tăng Phước.

Thọ Mệnh Bản Mệnh thuộc Trời **Xích Hư**, trăm việc chẳng như ý, người nam chẳng hợp với quan, người nữ chẳng hợp với chồng

Ky tháng 3, tháng 9, ngày Canh, ngày Tân

3 **Đích Bắc Thần Tinh** (Thủy Tinh Vương tại ba tháng mùa Đông) **Minh** là:
“**Án**, câu tất đà tha diệt đà lợi, nhai nhai, tử tử, nễ đế, sa bà ha”

Lại **Minh** là:
“**Án**, mẫu đà, năng khát-sát sa-phộc nhĩ năng (danh vị...) khế-nỗ ma, sa-phộc
hạ”

ॐ न बुध नक्षत्र स्वामिन इन्द्र मन्त्र ॥

Om_ Budha-nakṣatra svamina (Danh dự và địa vị...) kheduma svāhā

Lại **Tâm Chú** là:

“**Án**, tô đề-ly sắt tra, sa bà ha”

ॐ सु त्रि ष्ठ मन्त्र ॥

Om_ sutriṣṭha svāhā

Lấy tháng Trung Hạ (tháng 5) dùng dầu cúng tế, hướng về phương Bắc cúng
Năm: 3, 12, 21, 30, 39, 48, 57, 66, 75, 84, 93...hoi tốt (thiếu cát)



Hành Niên đến **Tú** này tên là **Bắc Thần**, một tên là **Sàm Tinh**, một tên là **Trích Tinh** có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phận của nước Yên, nước Triệu. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người; chủ về: Âm, lo buồn, cãi vã, giặc cướp, dẫn dắt, kêu gọi.

Vị Thần ấy có dạng người nữ, đầu đội mào hình con vượn, tay cầm giấy bút.

Quốc vương lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5), dùng dầu tế. Nên cúng **Bắc Đẩu** cầu Phước.

Mạng người thuộc Trời **Phi Trọng**, trăm việc đều tốt, lo giải tai vạ. Người nam: tiền của hợp với quan, vợ con cùng ràng buộc, sửa trị đời sống gấp vạn lần

5_ **Thái Dương Mặt Nhật Tinh Chân Ngôn** là:

“**Năng mô la đát-năng đát la dạ dã. Năng mạc tổ lý dã, tát phộc năng khát-la đát-la, la nhạ dã. Án a mô già tả (danh vị) thiết đế, sa bà ha**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Namo ratnatrayāya

Namaḥ sūrya sarva nakṣatra-rājāya

Om_ amogha-sya (Danh dự và địa vị...) **śatri svāhā**

Lấy ngày Đông Chí dùng mọi báu tế, hướng về Mão, Thìn cúng
Năm: 5, 14, 23, 32, 41, 50, 59, 68, 77, 86, 95...rất tốt (đại cát)

Hành Niên đến **Tú** này, chủ về Thái Dương thuộc mặt trời. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 1500 dặm, một ngày một Chu Thiên.

Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người đều tăng quan tiến lộc, có việc vui mừng, thường được Quý Nhân dẫn dắt, chỗ làm được thông đạt.

Quốc vương lấy ngày Đông Chí, dùng mọi báu cúng tế thì rất tốt vậy

Chân Ngôn của ngôi sao này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chí Tâm đeo giữ kèm cúng dường một năm thì chẳng bị tai vạ, chẳng chết....

Mạng người thuộc **Thông Quang**, trăm việc như ý, Thiên Thần cùng bảo hộ, cuối cùng không có gì là thật khó, nơi hướng đến được khai thông, Phước Lộc tự đến.



6_ **Nam Phương Hỏa Huỳnh Hoặc Tinh** (Hỏa Vương tại 3 tháng mùa Hạ) **Hỏa Tinh Chân Ngôn** là:

“**Quy mệnh. Án, ma ha lợi đa, sa bà ha**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Namaḥ samanta-buddhānām_ **Om Mahā-riṣṭa svāhā**

Hành Niên đến **Kế Đô** (Ketu) này, cũng là **Ân Tinh**, một tên là **Báo Vĩ**, một tên là **Đại Ân**. đầu ần chẳng thấy, chẳng thấy mà di chuyển không có hình nhất định.

Nếu chiếu đến tên người (nhân danh) thì làm quan bị nhiều việc bức bách, cầu quan chẳng vừa ý, công việc bị chuyển dời, **Quan Phù** ràng buộc, nhiều lo âu bệnh tật. Ngôi sao này hung xấu. Quốc vương chẳng cúng tế



Hành Niên đến ngôi sao này thì nên tống tiễn **Ngũ Đạo Ty Mệnh**. Vẽ hình của vị Thần này, ở trong cái thớt sâu, cúng dường cầu đảo, đẩy lùi họa thành Phước.

Nhân Mệnh thuộc Trời **Ôn Độc**, chỗ hướng đến chẳng như ý, đi không có lợi, vợ chồng khóc lóc, hoặc chồng rơi nước mắt.

Kỵ tháng 5, tháng 6, ngày Giáp, ngày Ất

8 **Mộ Thái Âm** (Nguyệt Thiên) **Minh** là:

“**Ân**, chiến đất-la năng khát-sát đất-la, la nhạ dã (Danh vị) thiết để, sa bà hạ”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Om_ Candra-nakṣatra-rājāya (tên gọi và địa vị...) **śatri svāhā**

Thường lấy ngày Hạ Chí, dùng mọi ngọc báu với nước cúng tế. Hướng về **Thân, Dậu** cúng

Năm: 8, 17, 26, 35, 44, 53, 62, 71, 80, 89, 98

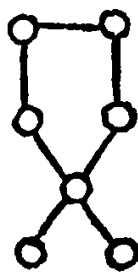


Mạng người thuộc Trời **Cao Thương**, vạn sự đều ôn hòa, chỗ hướng đến được như ý, đi lại có lợi, cư ngụ bình an, con cháu hưng thịnh

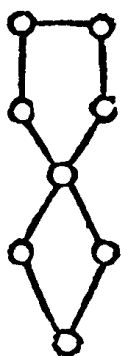
Bắc Đẩu Thất Tinh Minh là:

“**N**ăng mạc tam mạn **đ**a, na la na la, phá tả la, h**ò**ng”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡



Vĩ Tú



Đê Tú (Kế).

Đuôi của **Thực Thần** từ tháng Giêng đến cuối năm đeo ở hai **Tú** này (Phần bên trên không có bản khác)

Kinh Án Duật Tư ghi rằng:

Phàm con người chỉ biết có **bảy Diệu**, chẳng hiểu rõ **Hur Tinh** hiệu là **La Hâu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu). Ngôi sao này ẩn vị trí nên chẳng thấy; gặp mặt trời, mặt trăng liền ăn nuốt nên có hiệu là **Thực Thần**. Kế Đô là cái đuôi của Thực Thần, hiệu là **Báo Vĩ**. Nếu **Hành Niên** đến **Tú** này thì nên vẽ **Sở Phạm Thần Hình** để sâu trong cái Thất cúng đường, đốt tiền cầu đảo, tức tai họa chẳng sinh

Nếu gặp sao xấu (ác tinh) thì nên cầu đảo thì mọi việc chẳng trái nghịch với **Sở Phạm** ấy, tức biến xấu (hung) thành tốt (cát), chẳng tin liền biến tốt thành xấu.

Gặp sao tốt (cát tinh) thì lớp lớp Phước Đức tự tại

Gặp sao xấu (ác tinh) thì tai hại tranh nhau sinh ra. Vương Hâu phạm vào liền bị bãi quan giáng chức. Chỉ dùng giờ Hợi, hướng mặt về **Bắc Đẩu**, chí Tâm tế bài **Bản Mệnh Tinh**, cần thiết chẳng được hướng về phương Bắc tiểu tiện sẽ bẻ gãy thọ mệnh của con người. Thích hợp nghĩ đến **niệm chân chính** sẽ khéo được Phước, hợp tiền. Nếu chẳng cầu đảo thì tai hại tranh nhau dấy lên

Cát Tiên Công lễ Bắc Đẩu Pháp

Trần Thượng Huyền Cử Bắc Cực Bắc Đẩu. Từ vương hầu cho đến sĩ thứ, hết thầy đều thuộc **Bắc Đẩu Thất Tinh** (bảy ngôi sao Bắc Đẩu) thường nên kính trọng sẽ chẳng gặp tai họa đột ngột, việc hung ác, cứu khắp sự tương ách của người đời, được kéo dài tuổi thọ, lợi ích cho việc tính toán, không có các tai nạn, cùng với Bản Mệnh Nguyên Thần, chí Tâm cúng đường đều được toại nguyện thọ mệnh, tài lộc của con người. Sự tai hại, họa xấu, mê muội lấp kín đều do chẳng kính **Tinh Tượng** (hình tượng của ngôi sao), chẳng biết **Hữu Phạm Tinh Thần** mù mờ mà đi ắt tai nạn tự nhiên dẫn đến. Cầu đảo liền rất tốt vậy.

Diệu, chín Cháp, hai mươi tám Tú, Dược Xoa, Dược Xoa Nữ, Tỳ Xá Già, Tỳ Xá Chi, Bộ Đa Na Thiên... Thiên Thần sai khác ở ngay nơi trần thủ hộ Pháp

Hoặc trong nhà: các hàng Thần lớn nhỏ bảo vệ nhà cùng với loài sinh theo bốn cách trong sáu đường ở các cõi nước nhiều như hạt bụi nhỏ chẳng thể nói chẳng thể nói trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Nay con (họ tên là...) nguyện: Tháng này, vào ngày tốt, giờ tốt xin bày biện vật cúng Vô Già để cúng **Thần**. Xin bậc Đại Chí ấy có thể biết được tâm lòng này.....

_ Tiếp đến **Khuyến Thỉnh**, hướng về phương Đông, chắp tay.

Xong phân bên trên

(phần bên dưới biểu thị cho sự viết chép trên giấy, vải. Nay ghi chép lại)

1_ **La Hầu**: rất xấu (đại ác)

2_ **Thổ**: hơi xấu (thieu ác)

3_ **Thủy**: tốt vừa (trung cát)

4_ **Kim**: tốt vừa

5_ **Nhật**: rất tốt (đại cát)

6_ **Hỏa**: hơi xấu

7_ **Kê**: rất tốt

8_ **Nguyệt**: tốt vừa

9_ **Mộc**: rất tốt

Tên gọi là **Nhất Thiết Thiểu Thiên Chú Pháp** (Tay phải: dựng thẳng ngón giữa, các ngón còn lại nắm Quyền. Tay trái cũng thế, hai tay hợp cổ tay cách tim ngực tám Thốn (8/3 dm), hơi co ngón giữa phải, đưa ngón giữa trái qua lại, lay động khiến cầu giện)

_ **Chư Thiên Thông Dụng Chú**:

“**Án, lô ca, ca lộ dã duệ, sa bà hạ**”

唵 囉 訶 訶 囉 訶 訶

Om_ Loka karyāye svāhā

Hết

DIỆU KIẾN BỒ TÁT

Diệu Kiến Bồ Tát, tên Phạn là **Su-daśana** hay **Su-dr̥ṣṭa** là vị Thiên Tôn được Thần Cách Hóa của **Bắc Đẩu Tinh Thần**, bậc tối thắng trong các vì sao (chư tinh). Lại xưng là **Tôn Tinh Vương, Bắc Thần Bồ Tát, Diệu Kiến Tôn Tinh Vương, Diệu Kiến Đại Sĩ**

Trong Kinh chẳng nói rõ **Bản Địa** của Bồ Tát này, hoặc dùng **Thích Ca** (Śākya-muṇi) làm Bản Địa, hoặc dùng **Quán Âm** (Avalokiteśvara) làm Bản Địa, hoặc dùng **Được Sư** (Bhaiṣajya-guru) làm Bản Địa

Diệu Kiến Bồ Tát có đủ nhóm Công Đức; thủ hộ quốc thổ, tiêu trừ tai nạn, đẩy lùi quân địch, tăng ích Phước Thọ...như **Thất Phật Bát Bồ Tát sở thuyết Đại Đà La Ni Thần Chú Kinh, quyển 2** nói rằng: “Ta, **Bắc Thần Bồ Tát** tên là **Diệu Kiến**. Nay muốn nói **Thần Chú** ủng hộ các quốc thổ, chỗ làm rất kỳ đặc, cho nên tên là Diệu Kiến, ở nơi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) là tối thắng trong mọi vì sao (chúng tinh), Tiên trong Thần Tiên, Đại Tướng của Bồ Tát, con mắt sáng của các Bồ Tát, độ khắp các quần sinh. Có Đại Thần Chú tên là **Hồ Nại Ba** (ngôn ngữ đời Tấn) ủng hộ quốc thổ, trợ giúp các quốc vương, tiêu trừ tai nạn, đẩy lùi quân địch. Không có gì chẳng do Chú này

“Cụ đề đế đồ tô tra, a nhược mật tra, ô đô tra, cụ đồ tra, ba lại đế tra gia, di nhược tra, ô đô tra, câu la đế tra, đồ ma tra, toa ha”

𑖀𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏



Do là vị **Bắc Thần** có hình tượng cầm Kiếm, chân đạp lên rùa, rấn nên **Diệu Tý Bò Tát** được xem là một Thê với **Huyền Thiên Thượng Đế**

Trong **Sơn Âm Tạng Lục** ghi rằng: “Tô vẽ tượng **Diệu Kiến** theo khuôn mẫu hình **Đồng Tử**, thân mặc áo giáp vàng ròng, tay phải duỗi cánh tay nắm cây kiếm Thần, tay trái co khủy tay để ở eo, bàn chân đạp lên **rùa, rấn**. Vị Đại Sĩ này hiện dấu vết tại **bảy Tú** ở phương Bắc, ấy là **Bắc Cung Huyền Vũ** vậy”



Một số hình Tượng Diệu Kiến Bồ Tát ở Nhật Bản



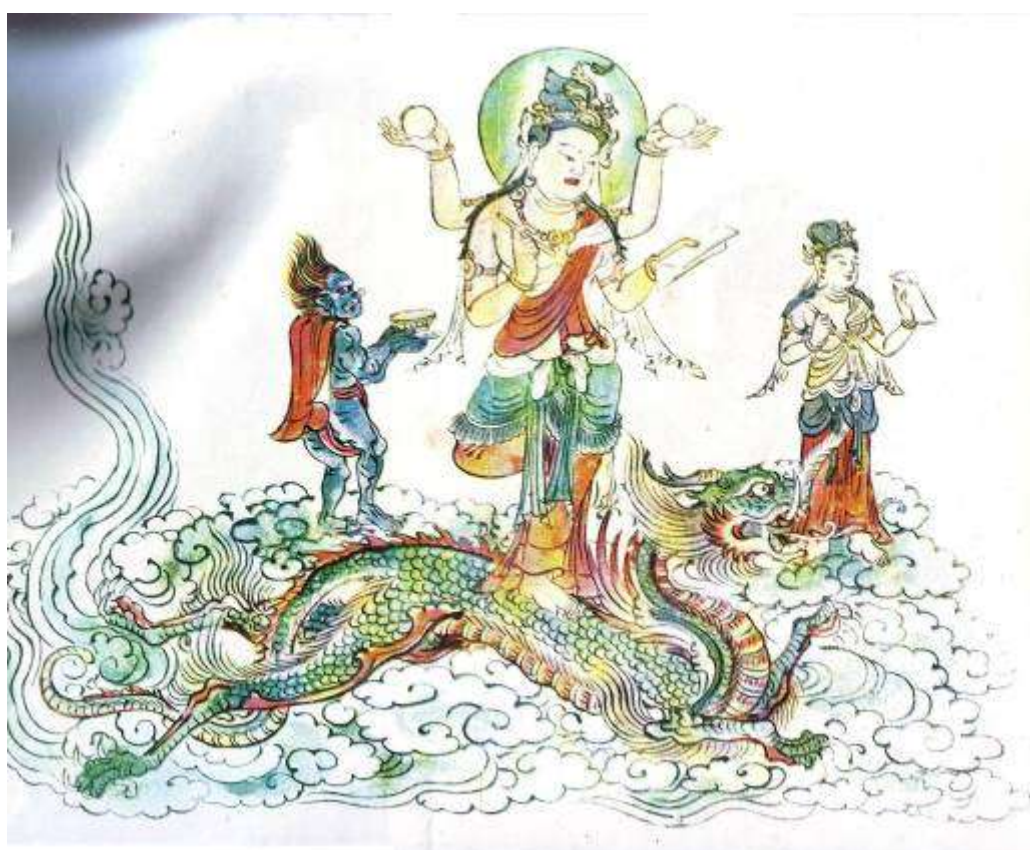


北辰妙見菩薩



Mật Giáo Đồ Tượng, quyển 3 ghi nhận vài hình tượng của Diệu Kiến Bồ Tát: hoặc làm hình Bồ Tát, hoặc làm hình Thiên Nữ cỡi Rồng ở trong Mây, có hai cánh tay hoặc bốn cánh tay. Trong đó tượng hai tay thì tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có bảy vì sao Bắc Đẩu (Bắc Đẩu Thất Tinh), tay phải: ngón cái và ngón trỏ cùng vịn nhau, hơi co ngón giữa, hướng lòng bàn tay ra bên ngoài làm Ấn **Thuyết Pháp**, đầu đội mào báu, ngồi Kiết Già ở trong mây ngũ sắc

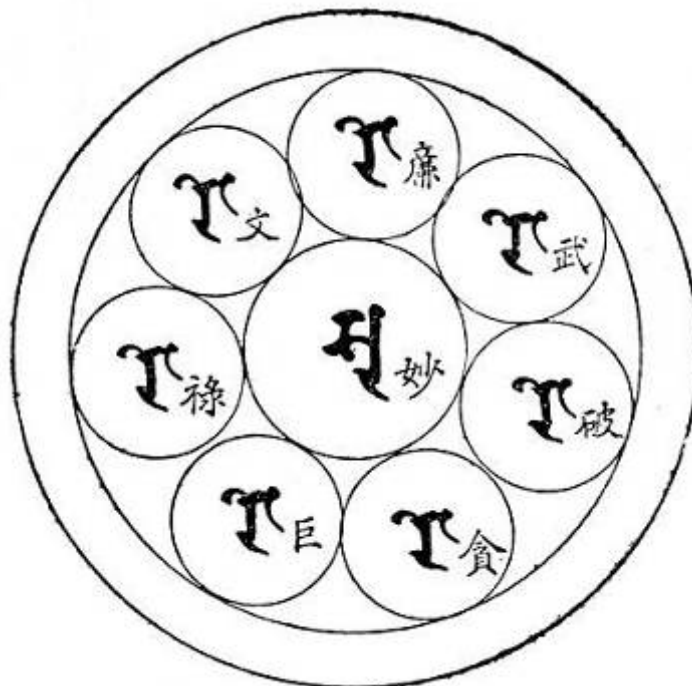








Diệu Kiến Bồ Tát Bắc Đẩu Thất Tinh Man Đà La:



Trung ương là Diệu Kiến Bồ Tát (chữ chung tử SU)

Bảy vì sao Bắc Đẩu (Đều có chữ chung tử RO) vây chung quanh Diệu Kiến Bồ Tát theo tứ tự là: Tham Lang Tinh, Cự Môn Tinh, Lộc Tồn Tinh, Văn Khúc Tinh, Liêm Trinh Tinh, Vũ Khúc Tinh, Phá Quân Tinh)

Diệu Kiến Bò Tát Man Đa La:

Tức Mật Giáo dùng hiền bày Man Đa La **Nội Chứng** của Diệu Kiến Bò Tát. Đồ Thức ấy là: Tại trong vành trắng lớn ở trung ương, vẽ Diệu Kiến Bò Tát làm **Trung Tôn** (Tôn ở chính giữa), chu vi ấy vẽ 7 vành trắng nhỏ, trong vành trắng có bảy vị sao Bắc Đẩu, đây là Chứng của **Nội Viện**. Bắc Đẩu Thất Tinh y theo phương vị của vành trắng thuận theo thứ tự là: Tây Nam vẽ **Tham Lang Tinh**, mặt Tây vẽ **Cự Môn Tinh**, Tây Bắc vẽ **Lộc Tồn Tinh**, mặt Bắc vẽ **Văn Khúc Tinh**, Đông Bắc vẽ **Liêm Trinh Tinh**, mặt Đông vẽ **Vũ Khúc Tinh**, Đông Nam vẽ **Phá Quân Tinh**. Trước mặt Diệu Kiến Bò Tát để một **Luân Bảo**

Ngoại Viện y theo phương vị, thuận theo thứ tự vẽ:

Phương Đông, vị trí Dần là **Giáp Dần Tướng Quân**, vị trí Mão là **Đinh Mão Tòng Thần**, vị trí Thìn là **Giáp Thìn Tướng Quân**.

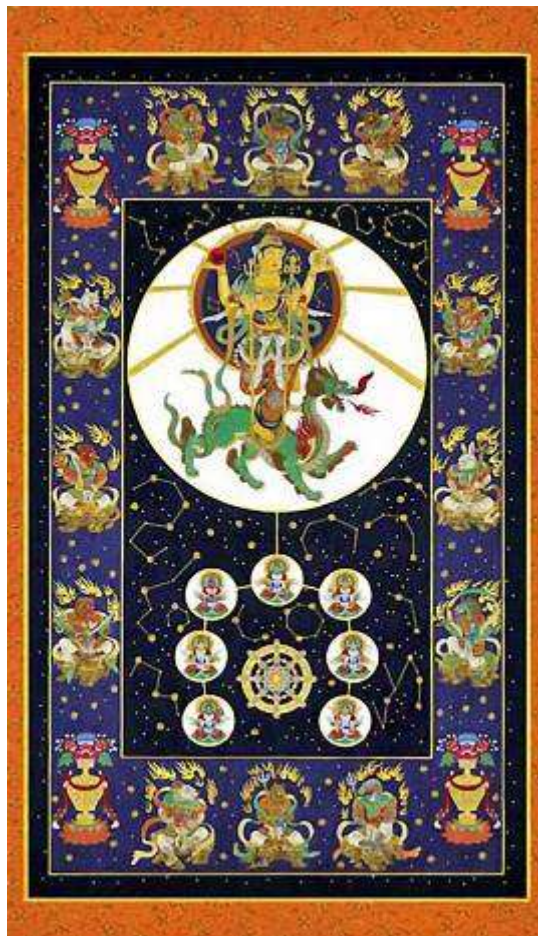
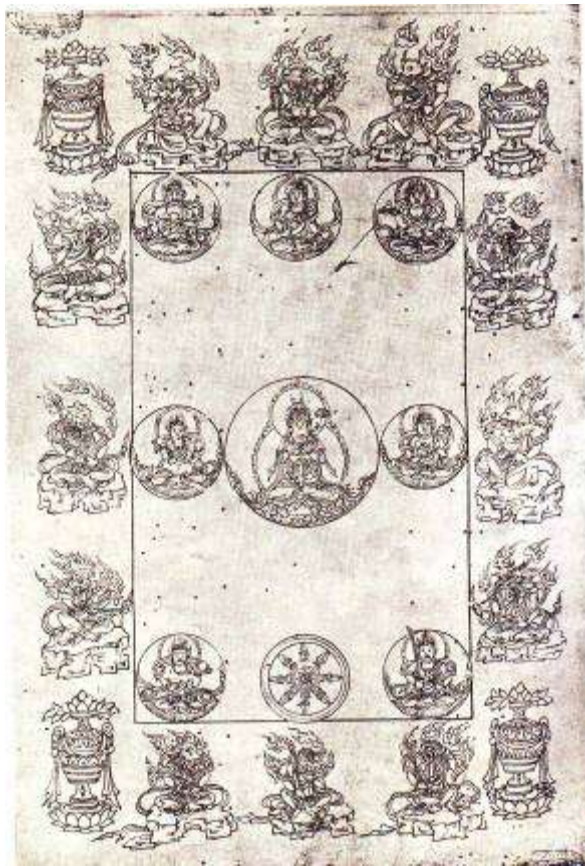
Phương Nam: vị trí Tỵ vẽ **Đinh Tỵ Tướng Quân**, vị trí Ngọ vẽ **Giáp Ngọ Tướng Quân**, vị trí Mùi vẽ **Đinh Mùi Tòng Thần**

Phương Tây: vị trí Thân vẽ **Giáp Thân Tướng Quân**, vị trí Dậu vẽ **Đinh Dậu Tướng Quân**, vị trí Tuất vẽ **Giáp Tuất Tướng Quân**

Phương Bắc: vị trí Hợi vẽ **Đinh Hợi Tòng Thần**, vị trí Tý vẽ **Giáp Tý Tướng Quân**, vị trí Sửu vẽ **Đinh Sửu Tòng Thần**

Lại ở bốn góc, bốn cửa dùng ngôi sao (tinh) làm Giới. Ở khoảng trống của bốn góc vẽ cái bình hoa.





Mật Giáo Đồ Tượng, quyển 3, trang 52 ghi nhận là:

Trong Điện có mây ngũ sắc, trong mây có chữ A (𑖀) biến thành báu Như Ý, báu biến thành **Diệu Kiến Bồ Tát**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có bảy vì sao Bắc Đẩu, tay phải tác **Ấn Thuyết Pháp**, ngồi Kiết Già trong mây ngũ sắc, nhóm Bắc Đẩu Thất Tinh vây quanh

)**Căn Bản Ấn:** Tay phải tác **Thí Vô Úy** co ngón cái hướng vào thân triệu vời 3 lần, tay trái tác **Kim Cương Quyền** an ở eo lưng

Chân Ngôn là:

𑖀𑖎𑖏𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓

NGUYỆT THIÊN

Nguyệt Thiên, tên Phạn là **Candra**, dịch âm là Chiên Đà La, Chiên Đạt La. Dịch ý là ánh sáng, chiếu sáng. Là dạng Thần Cách Hóa của mặt trăng

Từ xưa dùng tên gọi **Tô Ma** (Soma), sau này được xem là tương đồng với **Thái Âm** (Nguyệt) nên xưng là **Tô Ma Đề Bà** (Soma-deva). Lại là một vị Tinh Tú, nên được xưng là **Tinh Tú Vương** (Nakṣatra-nātha: Tinh Tú Tôn), **Sáng Dạ** (Nisā-kara), **Đại Bạch Quang** (Śītanśu), **Lãnh Quang** (Śīta-marīci), **Dã Thố Hình** (Śásin hay Śáśa), **Lộc Hình** (Mṛgānka)...Lại có tên gọi khác là **Nhân Đồ** (Indu), **Liên Hoa Chủ** (Kuduma-pati), **Bạch Mã Chủ** (Śveta-vājin), **Thấp Bà Đích Đầu Súc** (Śiva-śekhara: vật trang sức trên đầu của Śiva)



Trong Ấn Độ Giáo, **Candra** là một vị Thần mặt trăng và là một **Chấp Diệu** (Grahā). Trong **Phệ Đà** (Veda), Candra là vị Thần nắm giữ cái bình chứa **nước cốt bất tử** (soma), do đó Candra có tên gọi là **Soma** và là vị chúa tể của thực vật. Candra được liên kết với hơi sương, nên được xem là vị Thần của sự sinh sản. Ông còn được gọi là **Rājani-pati** (Chúa tể của đêm tối), **Kṣuparaka** (người soi sáng bóng đêm), **Indu** (giọt ánh sáng).

Candra được ghi nhận là con trai của vị Tiên **Atri** (Atri-mahā-ṛṣi) và là cháu trai của Phạm Thiên **Brahma**. Candra được sinh ra từ biển sữa (các vị Thần đã khuấy nó hàng nghìn năm để tạo ra cuộc sống bất tử). Chư Thần gần như mù quáng với ánh sáng được phát ra từ thân thể của Candra, nên quyết định đưa Chandra vào một hành tinh rồi gửi vào vũ trụ.

Người yêu đầu tiên của Candra là **Tārā** vốn là vợ của **Vṛhaspati** (Mộc Tinh, Mộc Diệu), sau đó Candra và Tārā sinh ra **Budha** (Thủy tinh, thủy diệu). Budha rất ghét cha mình và Candra cũng không ưa thích con trai của mình, và sự cạnh tranh của họ vẫn tiếp tục cho đến ngày nay.

Sau này, Candra kết hôn với 27 người con gái của **Dakṣa-prajāpati** tức là 27 chòm sao (27 Tú), trong đó **Rohini** là người được ông yêu thích nhất.



Candra là chủ tể của ba chòm sao **Rohini, Hasta, Śravaṇa** hay cung điện của mặt trăng

Trong Chiêm Tinh Học của Ấn Độ Giáo, mặt trăng được coi là một trong các hành tinh đem lại sự giàu có và hạnh phúc. Nó cũng được gọi là **Śaśi** hoặc **Tiṅgala**. Ngoài ra Candra còn đại diện cho bộ não và tâm trí, cảm xúc, nhạy cảm, mềm mại, trí tưởng tượng, nữ hoàng và người mẹ.

Candra được kết hợp với màu trắng, kim loại bạc, đá quý ngọc trai và đá mặt trăng. Yếu tố liên quan đến Candra là nước, hướng Tây Bắc, mùa đông, các loại lúa đậu. Như **Soma**, ông chủ trì ngày thứ hai (Somvar) qua hình tượng có hai cánh tay



Candra được mô tả là trẻ, xinh đẹp và công bằng, tay phải cầm cái chùy, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên chiếc xe do mười con ngựa kéo. Hoặc hình tượng có bốn cánh tay ngồi trên chiếc xe do các con Linh Dương kéo



Ngoài ra Candra còn được minh họa qua các hình tượng khác:



_ Thần Chú của Candra là:

Om Śraṃ Śrīṃ Śrauṃ Saḥ candrāya namaḥ

_ Tại Trung Hoa, Nguyệt Thiên được xem là vị Nguyệt Thần, là một trong bảy sao Diêu. Lại xưng là Thái Âm Tinh Quân, Nguyệt Cung Hoàng Hoa Tố Diêu Nguyên Tinh Thánh Hậu, Nguyệt Cung Thái Âm Hoàng Quân Hiếu Đạo Minh Vương. Tên gọi riêng là Thiên Kính, Kim Thiêm, Tố Nga, Ngọc Bàn.

Đạo Giáo Trung Hoa xưng gọi là Thái Âm Nương Nương, Nguyệt Cung Nương Nương, Thái Âm Bồ Tát.

Thế tục xưng gọi là Nguyệt Nương.

Thái Âm Tinh Quân cùng với Thái Dương Tinh Quân (Nhật Thiên) hợp xưng là **Minh**, tượng trưng cho ý **ánh sáng của Đại Địa**

Tôn hình: thân người nữ, hình tượng đoan trang, mặc triều phục đội mào như vị vương phi.



Theo Phật Giáo thì **Nguyệt Thiên**, tên Phạn là **Candra**, dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La, tức là vị Thiên Vương ngự tại cung điện mặt trăng. Lại xưng là Nguyệt Thân, Nguyệt Thiên Tử, Danh Nguyệt Thiên Tử, Nguyệt Cung Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử.

.)Kinh **Trường A Hàm, quyển 22** ghi chép là: “Nguyệt Thiên Tử trụ ở cung điện mặt trăng. Cung Điện ấy có một cái xe lớn do Lưu Ly xanh tạo thành, cao 60 Do Tuần, rộng 8 Do Tuần. Nguyệt Thiên Tử ở trong cái xe này cùng với các Thiên Nữ dùng mọi loại Công Đức của năm Dục hòa hợp nhau thọ nhận niềm vui. Họ sống đến 500 tuổi, con cháu kế thừa nhau gìn giữ **cung mặt trăng** (nguyệt cung). Thân của vị ấy tỏa ra ngàn ánh sáng, năm trăm ánh sáng chiếu soi xuống dưới, năm trăm ánh sáng chiếu soi chiều ngang. Do đây lại xưng các tên riêng là **Thiên Quang Minh** (ngàn ánh sáng), **Lương Lãnh Quang Minh** (ánh sáng mát lạnh). Do đời quá khứ tu Công Đức, Nghiệp Lành của nhóm Bồ Thí, trì Giới... mà được sinh vào trong cung điện mặt trăng này, thọ nhận các Quả vui thích”

.)Kinh **Pháp Hoa, quyển 1** ghi chép là: “Quyển thuộc của **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra-indra-devānām) có tên gọi là **Nguyệt Thiên Tử** (Candra-deva-putra)”

.)Pháp Hoa Kinh **Huyền Tán, quyển 2** nói rằng: “**Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta) có tên là **Bảo Cát Tường**, làm **Nguyệt Thiên Tử**. Tức đây gọi là **nguyệt** (mặt trăng). Điều này kế thừa từ thuyết của “**Tu Di Tứ Vực Kinh**” là: Đức A Di Đà Phật sai hai vị Bồ Tát **Bảo Ứng Thanh**, **Bảo Cát Tường** làm mặt trời, mặt trăng. Cho nên Nguyệt Thiên lại được xem là Thân Ứng Hóa của Đại Thế Chí Bồ Tát”

.)Cúng Đường **Thập Nhị Thiên Đại Uy Đức Thiên Bảo Ân Phẩm** ghi là: “Khi **Nguyệt Thiên** vui thời ánh sáng lạnh tăng thêm khiến cho vật, người không có bệnh nóng sốt. Khi giận thời bùng bỏ hết”

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Nguyệt Thiên là một trong 20 Thiên hộ thể

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Nguyệt Thiên hiện hình Đồng Tử, thân màu thịt trắng, tay trái để trước ngực cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ở eo.



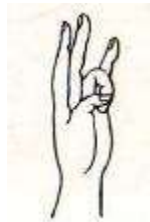
Mật Hiệu là: **Kim Cương Quang**

Chữ chủng tử là: VA (𑖕), hay PRA (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर स्वहा

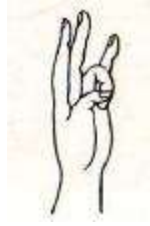
OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PA (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभ सूक्ष्म

OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PRA (𑖔)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभ सूक्ष्म प्र

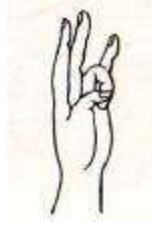
OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_ PRA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PRA (𑖔)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रबुध स्वहा

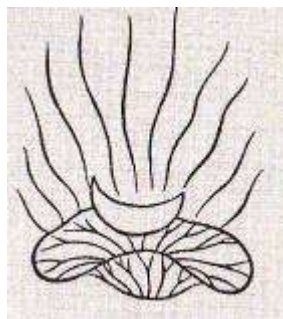
OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: GA (𑖀𑖄)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



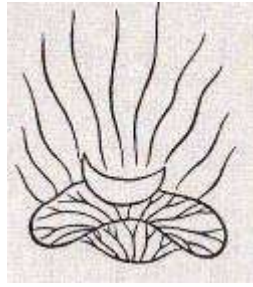
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रबुध स्वहा ग

OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_ GA

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: BHA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभ सुभा ॐ

OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_ BHA

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Tây của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì **Nguyệt Thiên** (Candra) là một trong Thiên Bộ thủ hộ Phật Pháp

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, ngồi trên ba con ngỗng. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có hình nửa mặt trăng



Chữ chủng tử là: (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình màu trắng.



12 CUNG (Dva-daśa-vimana)

Thập Nhị Cung (Dva-daśa-vimana) theo Pháp chiêm tinh của Thiên Văn chỉ 12 cung tinh tú mà Thái Dương (mặt trời) đã đi qua trong một năm, 12 cung này là quyền thuộc của Nguyệt Thiên

)Kinh **Tứ Diệu, quyển Thượng** nói rằng: “Phàm **12 Cung** (Dvadaśa-vimana) tức thứ tự vòng sao di chuyển của **bảy Diệu** (Sapta-grahā). Mỗi vòng quay (lịch) bày họa phước, điều xấu (tai) tốt (tường) của **đường đi** (kinh vĩ, tức kinh độ và vĩ độ). Lại các Cung đều có hình vị Thần để làm rõ hình tượng của Cung. Lại một Cung phối trí cai quản xếp bày **chín chân của Tứ** (tứ cửu túc) để tất cả thứ loại cùng cảm ứng

1_ **Sư Tử Cung** (Simha-vimana) lại xưng là **Sư Tử Thần Chủ**. Chủ về việc thăng quan, được tiền của. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp đủ **Tinh Thần, phú quý, hiếu thuận...** hợp với trách nhiệm nắm giữ **quân lữ** (việc quân sự)

2_ **Nữ cung** (Kanyā-vimana): lại xưng là Thất Nữ Cung, Thiếu Nữ Cung hoặc **Thiên Nữ Thần Chủ**. Chủ về việc, thê thiếp, phụ nữ. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp khó được Tâm Phúc, nhiều con trai con gái, đủ tiền tài, chức cao... cho nên hợp với trách nhiệm nắm giữ việc của cung, phòng

3_ **Xứng Cung** (Tulā-vimana): lại xưng là Xứng Lượng Cung, Thiên Xứng Cung, **Xứng Lượng Thần Chủ**. Chủ về việc của kho báu. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tâm ngay thẳng bình chính, được tin kính, nhiều tiền của. Hợp với trách nhiệm nắm giữ kho tàng.

4_ **Hạt Cung** (Vṛścika-vimana): lại xưng là Thiên Kiệt Cung, **Hạt Thần Chủ**. Chủ về việc nhiều bệnh, khắc cấm phần thân. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều bệnh, tương mỏng, Tâm ác, đố kỵ. Hợp với trách nhiệm nắm giữ bệnh tật

5_ **Cung Cung** (Dhanu-vimana): lại xưng là Nhân Mã Cung, **Xạ Thần Chủ**. về việc vui mừng tốt đẹp, được tiền của. Nếu người sinh thuộc Cung này, thì Pháp hợp với nhiều kẻ sách, đủ Tâm mưu tính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ văn võ đại thần (trương tướng)

6_ **Ma Kiệt Cung** (Makara-vimana): lại xưng là Ma Hạt Cung, Ma Yết Cung. Chủ về việc đấu tranh. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tâm thô, năm nghịch, chẳng kính hòa vợ con. Hợp với trách nhiệm nắm giữ **Hình Sát** (nơi xử phạt giết chết)

Sáu Cung bên trên thuộc phần của **Thái Dương** (Āditya)

7_ **Bình Cung** (Kumbha-vimana): lại xưng là Bảo Bình Cung hoặc **Thủy Khí Thần Chủ**. Chủ về việc thăng cường. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với hạnh tốt, trung tín, đủ học vấn, giàu có. Hợp với trách nhiệm nắm giữ trường học (học quán)

8_ **Ngư Cung** (Mīna-vimana): lại xưng là Song Ngư Cung, Nhị Ngư Cung hoặc **Thiên Ngư Thần Chủ**. Chủ về việc thăng quan, nhận chức. Nếu người sinh thuộc Cung này thì pháp hợp với Tướng Sư và Thừa Tướng (trương tướng) không có mất mát, có học vấn, phú quý, trung trực. Hợp với trách nhiệm nắm giữ quan lại, tướng soái.

9_ **Dương Cung** (Meṣa-vimana): lại xưng là Bạch Dương Chung hoặc **Trì Dương Thần Chủ**. Chủ về việc có Đức Hạnh cao thượng (cảnh hạnh). Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều Phước Đức, sống lâu, lại hay nhẫn nhục. Hợp với trách nhiệm nắm giữ nhà bếp, nấu món ăn.

10_ **Ngưu Cung** (Vṛṣa-vimana): Lại xưng là Kim Ngưu Cung, Mật Ngưu Cung hoặc **Trì Ngưu Thần Chủ**. Chủ về việc chăn nuôi súc vật có bốn chân. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp có Phước Đức, nhiều thân hữu, sống lâu, được người quý kính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ chuồng nuôi ngựa

11_ **Dâm Cung** (Mithuna-vimana): lại xưng là Phu Phụ Cung, Phu Thê Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung hoặc **Song Điều Thần Chủ**. Chủ về việc mang thai, con cháu. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều thê thiếp, được người yêu kính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ chìa khóa cửa

12_ **Giải Cung** (Karkatāka-vimana): lại xưng là Bàng Giải Cung, Cự Giải Cung, **Giải Thần Chủ**. Chủ về việc quan phủ, cãi vã. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tính ác, lừa dối, thông minh nhưng đoán mệnh. Hợp với trách nhiệm nắm giữ xử phạt, tù ngục, kiện tụng

Sáu Cung bên trên thuộc phần của **Thái Âm** (Candra)

.) Kinh **Tứ Diệu, quyển Hạ** lại đem 12 Cung này phối bày với 12 tháng trong một năm, tức dùng **Hạt Cung** là tháng Giêng, **Cung Cung** là tháng hai, **Ma Kiệt Cung** là tháng ba, **Bình Cung** là tháng tư, **Ngư Cung** là tháng năm, **Dương Cung** là tháng sáu, **Ngưu Cung** là tháng bảy, **Dâm Cung** là tháng tám, **Giải Cung** là tháng chín, **Sư Tử Cung** là tháng mười, **Nữ Cung** là tháng mười một, **Xứng Cung** là tháng mười hai

_Kinh ấy cũng nói Pháp hành động, cấm bẻ...nêu bày sự tốt xấu khi xuất hành của người thuộc các Cung. Tức người thuộc **Dương Cung** đối với ngày trực của Mão Tú, Vị Tú mà đi về phương Tây ắt có đại hung. Người thuộc **Dâm Cung** đối với ngày trực của Tinh Tú mà đi về phương Đông ắt được đại cát....

Lại như người thuộc ba cung; Nam Nữ Cung, Xứng Cung, Bảo Bình Cung thì đi về phương Đông được đại cát

Người thuộc hai cung: Cung Cung, Sư Tử Cung đi về phương Tây được đại cát. Người thuộc Bạch Dương Cung đi về phương Tây gặp đại hung

Người thuộc bốn cung: Giải Cung, Nữ Cung, Hạt Cung, Ngư Cung đi về phương Nam được đại cát. Người thuộc Ma Yết Cung đi về phương nam gặp đại hung.

_12 Cung phối trí với phương vị thì phân thuộc bốn phương. Tức phương Đông là nhóm Nam Nữ Cung, Bạch Dương Cung, Kim Ngưu Cung. Phương Tây là nhóm Xứng Cung, Hạt Cung, Cung Cung. Phương Nam là nhóm Bảo Bình Cung, Ngư Cung, Ma Yết Cung. Phương Bắc là nhóm Giải Cung, Sư Tử Cung, Nữ Cung

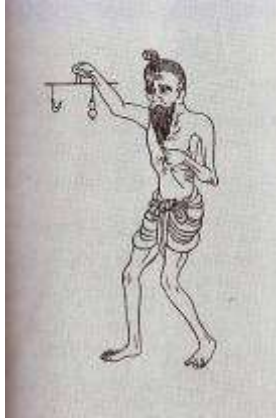
_Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thại Tạng Giới Man Đa La** ghi nhận hình tượng, Chử chủng tử, Tam Muội Gia Hình, Thủ Ấn, Chân Ngôn của 12 cung là:

.)Phương Đông: có 3 Cung



1_ Xứng Cung (Tulā-vimana):

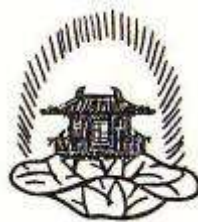
Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân cõi trần. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cái cân



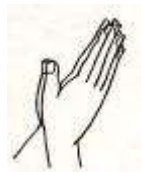
Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chứng tử là: TU (𑖞), hoặc JO (𑖞), hoặc RAH (𑖞)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ न तुल्य पतये स्वहा

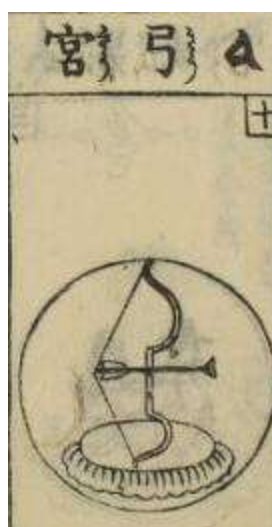
OM_ TULĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

3_ Cung Cung (Dhanu-vimana):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung, hiện tư thế Thiên Nhân đi bộ.



Hoặc Tôn Hình là:

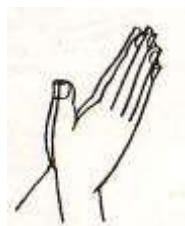


Chữ chủng tử là: DHAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो धनुषाय स्वहा

OM_DHANU-PATAYE_SVĀHĀ

_ Phương Bắc : có 3 Cung



1_ Thiếu Nữ Cung (Kanyā-vimana):

Tôn hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải. Tay trái duỗi ngón cái để ở bắp đùi



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chung tử là: KA (𑖕), hay HAM (𑖙)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ न क्यं पतये स्वहा

OM_ KANYĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

2_ Bàng Giải Cung (Karkatāka-vimana):

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình con cua lớn



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: KA (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



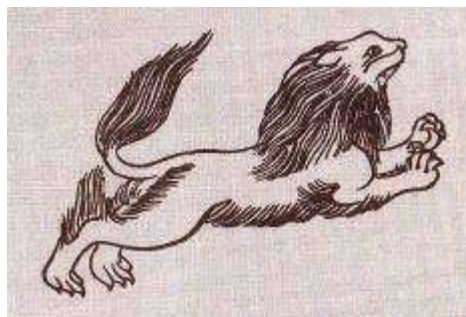
Chân Ngôn là:

ॐ न कर्कटका पतये स्वहा

OM_ KARKATĀKA-PATAYE_ SVĀHĀ

3_ Sư Tử Cung (Siṃha-vimana):

Tôn hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Sư Tử



Hoặc Tôn Hình là:

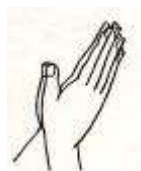


Chữ chung tử là: SI (𑖀), hay HA (𑖂)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

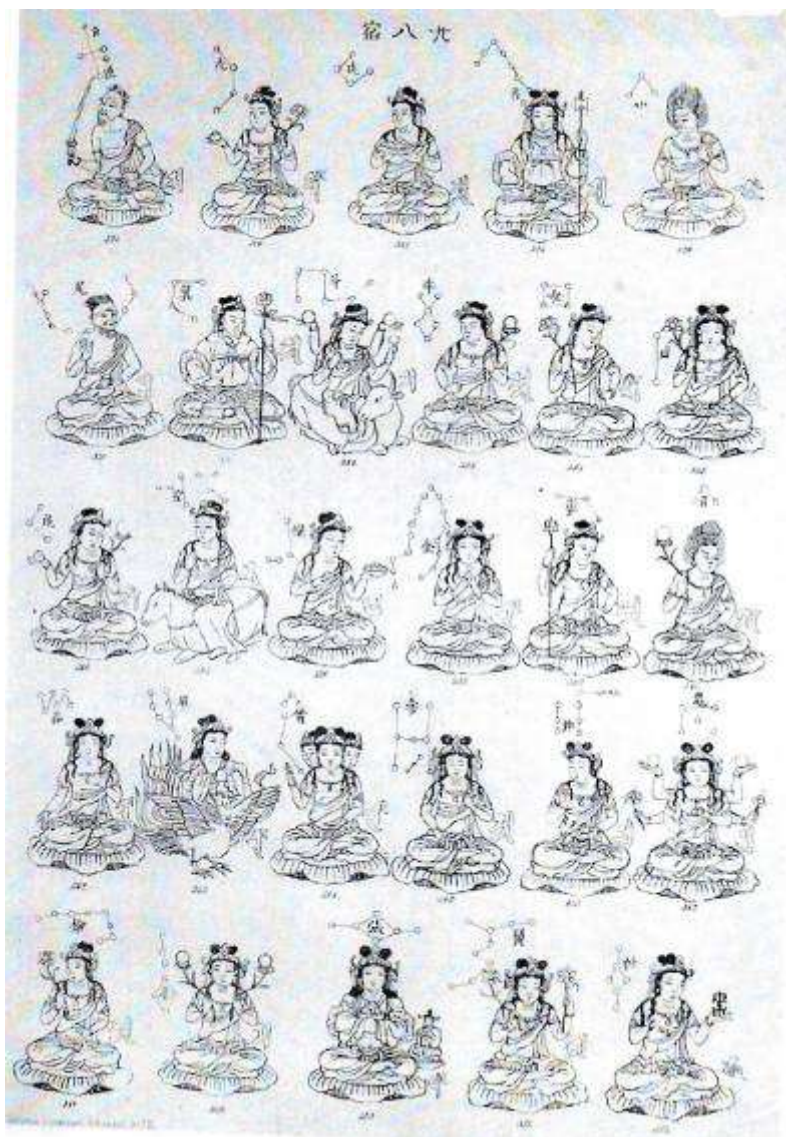
ॐ न्नि कर्कटका पतये स्वहा

OM_ SIMHA-PATAYE_ SVĀHĀ

NHỊ THẬP BÁT TÚ

Nhị Thập Bát Tú, tiếng Phạn là **Aṣṭāvimśati-nakṣatrānī** hay **Aṣṭāvimśati-nakṣatrānām**, tiếng Tây Tạng là **Rgyu-ska ñiśu-rtsa**, chỉ 28 loại Tinh Tò (chòm sao), **Tú** (Nakṣatra) là ý tưởng của chòm sao, cũng tức chỉ 28 chòm sao trên quỹ đạo mà Thái Âm đã vận hành.

28 chòm sao gồm có: Ngang (hay Mão), Tất, Tuy, Sâm, Tinh, Quĩ, Liễu, Tinh, Chân, Kháng, Trương, Dực, Giác, Đê, Nữ, Đẩu, Ngưu, Cơ, Vĩ, Tâm, Phòng, Hư, Ngụy, Thất, Khuê, Bích, Lâu, Vị... là quyển thuộc của Nguyệt Thiên.



Thuyết của 28 TÚ sớm được lưu hành ở Ấn Độ, trong **Dạ Nhu Phê Đà** (Yayur-veda) đã xếp bày đủ tên gọi của 28 Tú. Trong Phật Điển như “**Ma Đăng Già Kinh**”, “**Xà Đầu Giác Thái Tử Nhị Thập Bát Tú Kinh**”, “**Đại Phương Quảng Đại Tập Kinh**”, “**Phật Mẫu Đại Khổng Tước Vương Kinh**”, “**Tú Diệu Kinh**” đều từng nói đến. Ngoài ra ở bốn phương của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thại Tạng Giới Man Đa La** cũng từng ghi chép hình tượng

Tại Trung Quốc, trong **Thiên Quan Thư**, quyển 5 thường luận thuật quan hệ của 28 Tú với 12 tháng. “**Tiền Hán Thư**”, “**Luật Lịch Chí**, quyển Hạ: xác định phần độ của 28 Tú, tính toán sự khác biệt nóng lạnh của từng năm. “**Sử Ký**” được viết thành

sách vào thời đầu của Thế Kỷ thứ nhất trước Tây Nguyên (công nguyên), cho nên thuyết của 28 Tú ở Trung Thổ xuất hiện trễ nhất là vào năm đầu tiên của Tây Hán

Căn cứ vào điều mà **Cao Nam Thuận Thứ Lang** (người Nhật) đã thuật thì Ấn Độ, Trung Quốc, Ba Tư, A Lạp Bá, Ai Cập... từ xưa đã truyền tên gọi của 28 Tú. **Cao Nam** lại y cứ vào điều mà Học Giả người Đức **Vi Bá** (Weber) với người Mỹ **Huệ Đặc Ni** (Whitney) đã nói, chỉ ra hệ **Tinh Thuật** khởi nguồn từ **Ba Tỷ Luân**, đại khái ở trước Tây Nguyên (công nguyên) trên dưới 800 năm truyền vào Ấn Độ.

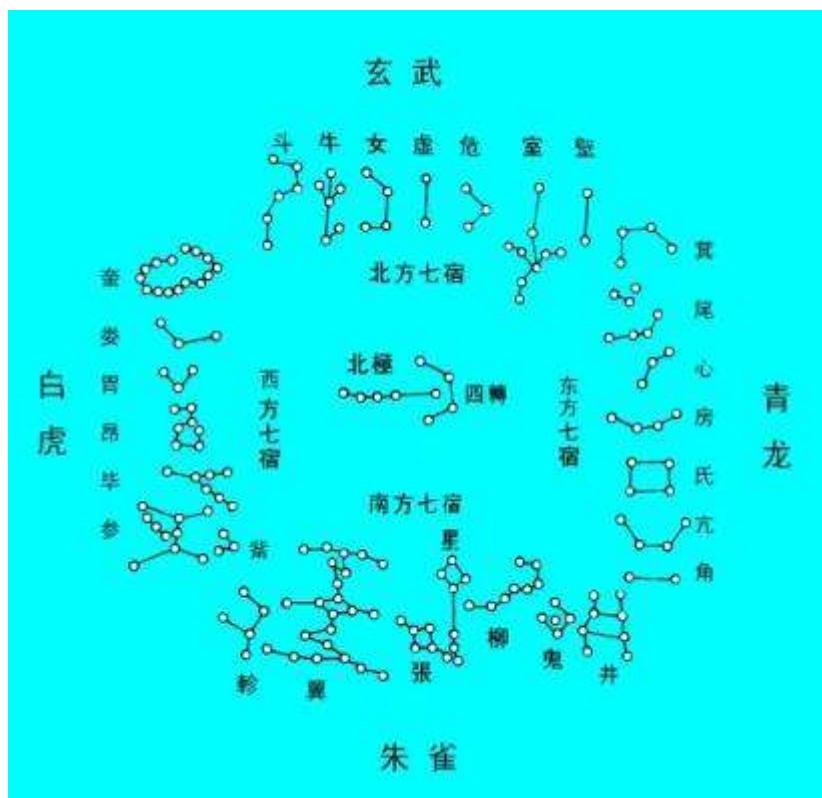
Căn cứ vào **Kinh Tú Diệu, quyển Hạ** ghi chép thì Đờ Đờ Đường dùng 28 Tú, Tây Quốc (Ấn Độ) trừ bỏ **Ngưu Tú** chỉ dùng 27 Tú rồi dựa theo thư tịch cổ của Ấn Độ là **Kiên Đễ Sa Luận** (Jyotisa) chẳng nêu lên 28 Tú mà chỉ đưa ra 27 Tú. Hệ Ấn Độ đời sau lưu truyền **Thuyết 27 Tú** cho nên nói là 27 Tú quan hệ với số chòm sao trên Quỹ Đạo mà Thái Âm đã đi qua chỉ có 27 Tú, nhưng mà trong một tháng từ **Tân Nguyệt** cho đến kỳ **Hắc Nguyệt** của **Mãn Nguyệt** tính toán có 30 ngày nên đã dẫn đến điều này

)**Kinh Tú Diệu, quyển Thượng** nói có ba loại **Tiền Hợp**, **Tùy Hợp** và **Tịnh Hợp** là: “Sáu Tú: **Khuê, Lâu, Vị, Ngang** (Mão), **Tất, Tuy** là **Tiền Hợp**. Mười hai Tú: **Sâm, Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dục, Chấn, Giác, Kháng, Đê, Phòng** là **Tịnh Hợp**. Chín Tú: **Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích** là **Tùy Hợp**.”

Phàm **Tú** ở phía trước **Nguyệt** (mặt trăng), **Nguyệt** ở phía sau **Tú** là **Tiền Hợp**
Nguyệt ở phía trước **Tú**, **Tú** ở phía sau **Nguyệt** như con ghé đi theo mẹ, là **Tùy Hợp**
Hợp
Tú, Nguyệt cùng đi là **Tịnh Hợp**”

Khi phối hợp 28 Tú với 4 phương, mỗi phương có 7 Tú thì các Kinh Bản có sự xếp đặt khác nhau

) Phần lưu thông bên ngoài là:



7 **Tú** ở phương Đông (Thanh Long) là:

1_ **Giác** (Oitrā hay Citrā):



2_ **Kháng** (Niṣṭyā hay Svāti):



3_ **Đê** (Viśākha), **Phòng** (Anūrādhā):



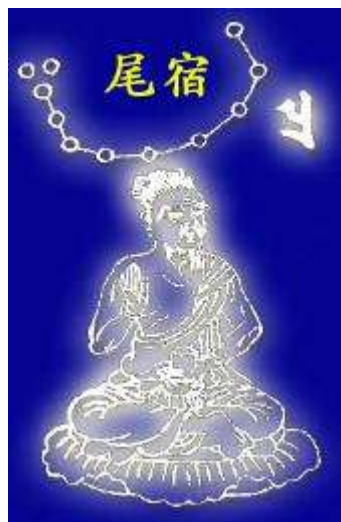
4_ **Phòng** (Anūrādhā):



5_ **Tâm** (Rohiṇi-jeṣṭhaghni, hay Jeṣṭhā):



6_ **Vĩ** (Mūlabarhaṇi hay Mūla):



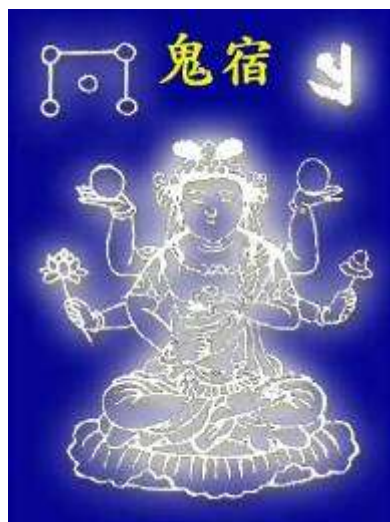
7_Cơ (Pūrva-Āṣādhā):



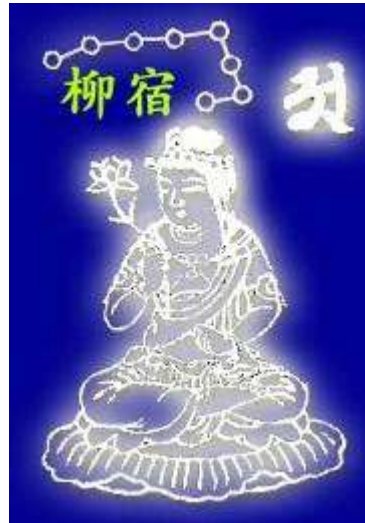
7 Tú ở phương Nam (Chu Tước) là:
1_Tĩnh (Punarvasū):



2_Quỷ (Tīṣya hay Puṣya):



3_Liêu (Āśleṣā):



4_Tinh (Maghā):



5_Trương (Pūrva-phalguni):



6_Dực (Uttara-phalguni):



7_Chấn (Hastā):



7 Tú ở phương Tây (Bạch Hổ) là:

1_Khuê (Revati):



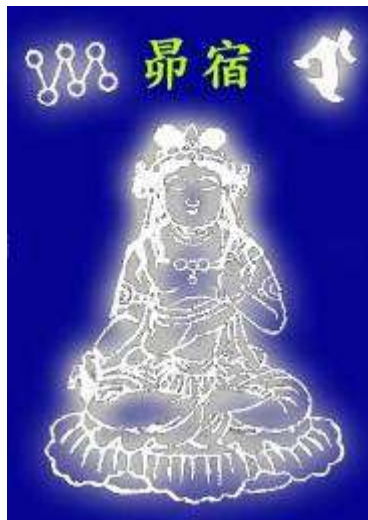
2_Lâu (Aśvayujan hay Aśvini):



3_Vị (Apabharaṇi hay Bharāṇi):



4_Mão (Kṛtikā):



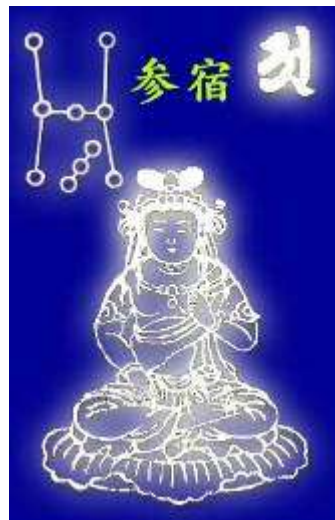
5_ **Tát** (Rohiṇi):



6_ **Tuy** (Invakā hay Mṛgaśirā):



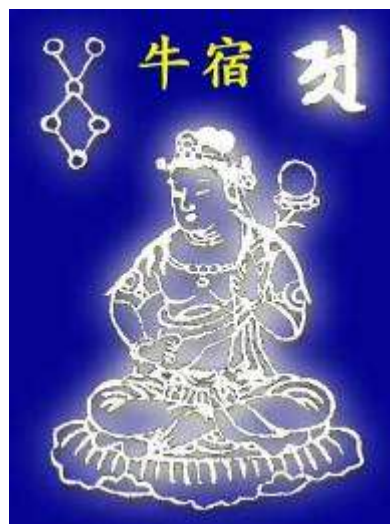
7_ **Sâm** (Bāhu hay Ārdrā):



7 **Tú** ở phương Bắc (Huyền Vũ) là:
1_ **Đầu** (Uttara-Āṣādhā):



2_ **Ngưu** (Abhijit):



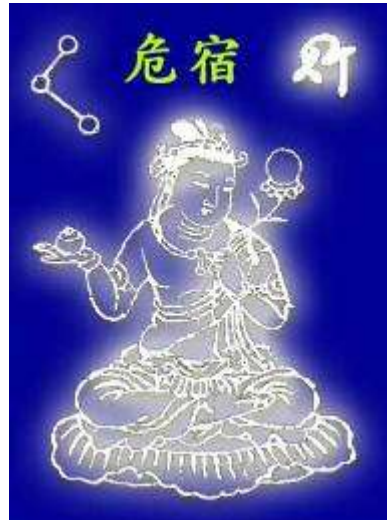
3_ **Nữ** (Śroṇā hay Śravaṇā):



4_ **Hur** (Śraviṣṭhā hay Dhaniṣṭhā):



5_ **Nguy** (Śatabhiṣak):



6_ **Thát** (Pūrve-proṣṭhapadā, hay Pūrva-Bhādrapadā):



7_ **Bích** (Uttare-proṣṭhapadā hay Uttara-Bhādrapadā):



.) Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**, 28 Tú được gọi là **Đại Tiên** (Mahā-rṣi) xếp bày ở bốn phương, mỗi phương có 7 Tú

7 Tú ở phương Đông:

- 1) Mão Tú (Kṛtikā)
- 2) Tắt Tú (Rohiṇī)
- 3) Tuy Tú (Mṛgaśiras)
- 4) Sâm Tú (Ārdrā)
- 5) Tinh Tú (Punarvasu)
- 6) Quỷ Tú (Puṣya)
- 7) Liễu Tú (Āśleṣā)



7 Tú ở phương Nam :

- 1) Tinh Tú (Maghā)
- 2) Trương Tú (Pūrva-phalgunī)
- 3) Dực Tú (Uttara-phalguni)
- 4) Kháng Tú (Svātī)
- 5) Chấn Tú (Hasta)
- 6) Giác Tú (Citrā)
- 7) Đê Tú (Viśākhā)



7 Tú ở phương Tây :

- 1) Phòng Tú (Anurādhā)
- 2) Tâm Tú (Jeṣṭha)

- 3) Vĩ Tú (Mūlā)
- 4) Cơ Tú (Pūrva-Āṣādhā)
- 5) Đẩu Tú (Uttara-Āṣādhā)
- 6) Ngưu Tú (Abhijit)
- 7) Nữ Tú (Śravaṇā)



7 Tú ở phương Bắc :

- 1) Hư Tú (Dhaniṣṭhā)
- 2) Nguy Tú (Śatabhiṣak)
- 3) Thất Tú (Pūrva_Bhādrapadā)
- 4) Bích Tú (Uttara_Bhādrapadā)
- 5) Khuê Tú (Revati)
- 6) Lâu Tú (Aśvinī)
- 7) Vị Tú (Bharaṇī)



_ Phương Đông: có 7 Tú



1_ Mão Tú (Kṛtikā)

Kṛtikā (Mão Tú) dịch âm là Khất Lật Đê Ca, lại có tên gọi là Mao Đầu.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có ngôi sao (hình 231)

2_ **Tất Tú** (Rohiṇī):

Rohiṇī (Tất Tú) dịch âm là Lô Hứ Nễ, Lỗ Hỷ Ni. Lại xưng là Mộc Giả, Trưởng Dưỡng Tú, Trưởng Dục Tú.

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chòm sao. (hình 232)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: RO (𠃉)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_NAKṢATRA NIRJADANIYE_SVĀHĀ

hay ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् अर्द्रा नक्षत्रा स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ĀRDRA-NAKṢATRA _SVĀHĀ

5_ Quỷ Tú (Puṣya):

Puṣya (Quỷ Tú) dịch âm là Bồ Sái. Lại xưng là Xí Thịnh, Tăng Ích.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 235)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: PU (𑖥), hay PRA (𑖧)

5_ Dục Tú (Uttara-phalgunī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước rón cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao.
Co dựng đầu gối trái (hình bên phải)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: PHA (𑖔), hay MI (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨

_ Phương Tây: có 7 Tú



1_ Nữ Tú (Śravaṇā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên phải)



Hay Tôn Hình là:



Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजादणिये

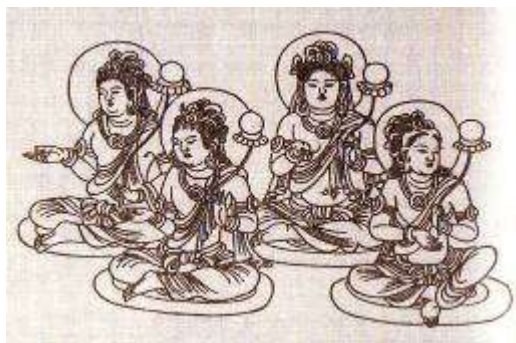
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE _
SVĀHĀ

hay ॐ नमो बुद्धानाम् नक्षत्र निरजादणिये

OM _ MŪLA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Cơ Tú (Pūrva-Āṣādhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ tư
đếm từ bên trái)



Hay Tôn Hình là:

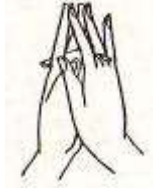


Chữ chủng tử là: A (亥)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

hay ॐ पूर्व आश्रद्धा नक्षत्रा निरजदानीये

OM_ PŪRVA-ĀṢĀDHĀ-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

6_ Phòng Tú (Anurādhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ nhất đếm từ bên trái)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chung tử là: A (癸)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_NAKṢATRA NIRJADANIYE_SVĀHĀ

hay ॐ नमो बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये

OM _ANURĀDHA-NAKṢATRA _SVĀHĀ

7_ Tâm Tú (Jyeṣṭhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ hai đếm từ bên trái)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JYE (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रा बुद्धानाम् नक्षत्रा

OM_ JEṢṬHA-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

_ Phương Bắc: có 7 Tú





1_ Hư Tú (Dhanisṭha):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: DHA (𑖳)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_NAKṢATRA NIRJADANIYE_SVĀHĀ

hay ॐ नमो धानिष्ठानक्षत्रा स्वहा

OM_DHANIṢṬHĀ-NAKṢATRA_SVĀHĀ

2_ **Nguy Tú** (Śatabhiṣak):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao



Hay Tôn Hình là:



Chữ chung tử là: ŚA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



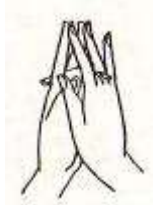
Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजादणिये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay ॐ न पूर्व भद्र च न नक्षत्रा नक्षत्रा नक्षत्रा

OM_ PŪRVA-BHADRAPADĀ-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

4_ Khuê Tú (Revati):

Tôn hình: Thân màu thịt, hai tay để ngang ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao



Hay Tôn Hình là:



Chữ chung tử là: RE (𠃉), hay RO (𠃊)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजादणिये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_
SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रा निरजादणिये

OM _ REVATI-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Bích Tú (Uttara-bhàdrapadà):

Uttara-bhàdrapadà là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao. Ngửa lòng bàn tay trái để trước bảp ðùi (hình phía dưới bên phải).



Hay Tôn Hình là:



Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजादणिये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay ॐ नमो शिवाय नक्षत्र निरजादणिये

OM_ AŚVINĪ-NAKṢATRA_ SVĀHĀ

*) Thỉnh Nhị Thập Bát Tú Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् ॐ षष्ठि विंशति नक्षत्राणि निरजादणिये तकि हुं ज्ञं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ OM AṢṬA-VIṢANĪNĀM NAKṢATREBHYAḤ NIRJADAṆIYE_ ṬAKKI HŪM JAḤ_ SVĀHĀ

*) Phá Tú Diệu Tai Nạn Chân Ngôn:

ॐ सर्वत्र श्रिये समये

OM_ SARVATRĀ ŚRĪYE-SAMAYE_ SVĀHĀ

KIM CƯƠNG TÒI THIÊN

Kim Cương Tội Thiên, tên Phạn là **Vajra-vikiraṇa**. Lại xưng là Kim Cương Tội Toái Thiên, Tán Cái Tỳ Na Dạ Ca. Là một trong 20 Thiên Hộ Thế ở phương Đông của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Hư Không Thiên** trong năm loại Trời

Tôn này là **Thân Ứng Đồng** do **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) thị hiện để thâm nhiếp hàng **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka), biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tội phá mọi loại chướng nạn.

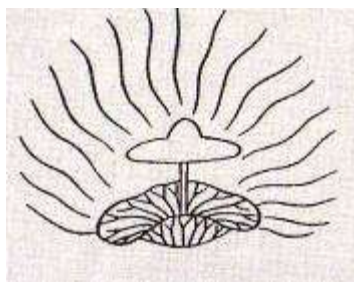
)Tại **Thành Thân Hội** (Karma): Kim Cương Tội Thiên có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, hai tay cầm cái dù



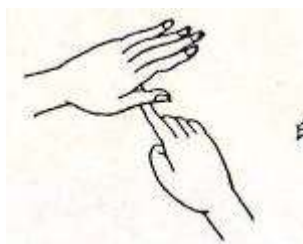
Mật Hiệu là: **Kim Cương Vũ Noa**

Chữ chủng tử là: JAH (ꣳ) hay GO (ꣳ)

Tam Muội Gia Hình là: Dù Lọng (tán cái)



Tướng Ấn là: Bạch Tán Cái Phật Đỉnh Ấn



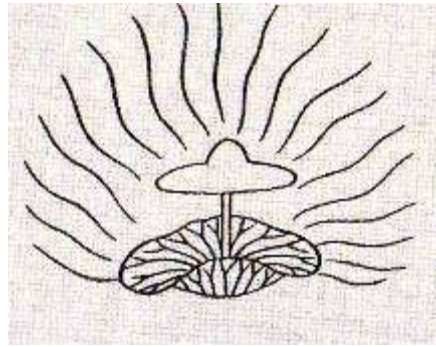
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यं ह्रूं

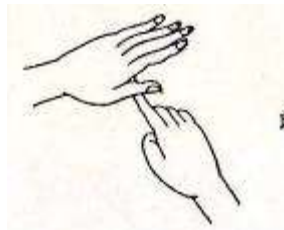
OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hộ** (Samaya) thì Kim Cương Tội Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖓𑖖)

Tam Muội Gia Hộ là: Dù Lọng (tân cái). Biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tòi phá mọi loại chướng nạn.



Tượng Ấn là: Bạch Tân Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦

OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ

)Tại **Vi Tế Hộ** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tội Thiên có chữ chủng tử là: NḌA (𑖧)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hộ



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦 𑖧

OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ_ NḌA

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tội Thiên có chữ chủng tử là:
NDA (𑖇)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Bạch Tán Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

𑖇 𑖇 𑖇 𑖇 𑖇 𑖇

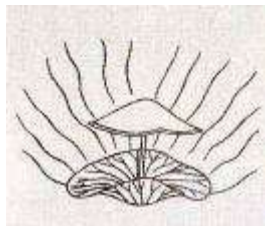
OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tội Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình: Dù lọng.



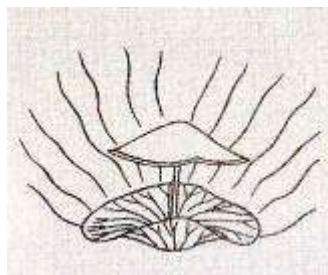
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यसुहृन् म

OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ _ MO

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tội Thiên có chữ chủng tử là: NĐA (𑖇)

Tam Muội Gia Hình: Dù lọng. Biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tội phá mọi loại chướng nạn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यसुहृन् 𑖇

OM _ VAJRA-GŪDDHA SVĀHĀ _ NĐA

NA LA DIÊN THIÊN

Na La Diên Thiên, tên Phạn là **Nārāyaṇa**, nguyên ý là *đưa con do con người sinh ra*. Lại xưng là Na La Diên Na Thiên, Na La Dã Noa Thiên, Kiên Cố Lực Sĩ, Na La Thiên, Na La Diên Kim Cương, Na La Diên Lực Chấp Kim Cương, Câu Tỏa Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên hoặc Đan Thiên Xứng Lực Sĩ.

Na La Diên (Nārāyaṇa) nguyên là vị Thần cổ xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn, là vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma Loka)



)Trong Thần Thoại của Ấn Độ thì cội nguồn của vũ trụ (Puruṣa: người nguyên thủy, người đầu tiên) còn có tên gọi riêng là Nāra, do đó Na La Diên vốn được ghi nhận là đưa con do người nguyên thủy sinh ra. Nhưng trong **Ma Ha Na Lạp Gia Na Áo Nghĩa Thư** (Mahā-nārāyaṇopaniṣad) thì đem Na La Diên thay thế cho người nguyên thủy làm vị Thần tối cao. Trong phần ghi chép trên lại dùng Na La Diên là thuyết của Đại Phạm Vương. Hoặc căn cứ vào sự ghi chép của **Ma Nô Pháp Điển** nói rằng **người nguyên thủy** do Nāra sinh ra, còn nơi cư trú tối sơ của loài người là **ayaṇa**, cho nên có Thuyết này mà xưng tên của vị Trời ấy là **Nārāyaṇa**

Riêng ở trong **Ma Ha Na Lạp Gia Na Áo Nghĩa Thư** (Mahā-nārāyaṇopaniṣad) liền dùng Na La Diên là sự **quyền hóa** của **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu) và nói là: Nếu xưng tụng OM NAMO NĀRĀYANĀYA thì có thể bay lên Trời.

)Luận Sư Phệ Đà thời Ấn Độ cổ đại coi Na La Diên là mẹ của Phạm Thiên và nói rằng tất cả con người đều được sinh ra từ Phạm Thiên

)Lại có Thuyết nói Na La Diên Thiên tức là Đại Phạm Vương, tất cả con người đều do Phạm Thiên sinh ra, cho nên xưng là **Nhân Sinh Bản** (gốc rễ sinh ra con người)

HÌNH TƯỢNG CỦA NĀRĀYAṆA TRONG ẨM ĐỘ GIÁO

Trong tiếng Phạn, tên gọi khác của nước là **Nāra**. Do đó nơi tối cao mà Thần Viṣṇu nghỉ ngơi (**ayaṇa**) được gọi là **Nārāyaṇa**. **Nāra** cũng có nghĩa là các thực thể sống (Jivas). Vì vậy, một ý nghĩa khác của **Nārāyaṇa** là "nơi an nghỉ cho tất cả các thực thể sống". **Nāra** lại có nghĩa là con người và **Ayaṇa** nghĩa là nơi trú ẩn, nên **Nārāyaṇa** còn có nghĩa là nơi trú ẩn của tất cả mọi người. Sự liên kết chặt chẽ của **Nārāyaṇa** với nước giải thích các hình tượng của **Nārāyaṇa** trong nghệ thuật ẨM ĐỘ giáo như đứng hoặc ngồi trên một đại dương.

Trong kinh sách của Hindu như kinh Vệ Đà, Puranas ... thì **Nārāyaṇa** được mô tả là có màu xanh Thần Thánh của các đám mây chứa đầy nước, bốn tay, cầm một Padma (hoa sen), gậy Kaumodaki, Pañcajanya-śaṅkha (óc xà cừ) và một vũ khí đĩa Sudarśana-cakra.



Nārāyaṇa còn được thờ phượng chung với người vợ là nữ thần Lakṣmi. Trong đó nữ thần Lakṣmi đại diện cho của cải vật chất, lòng can đảm, sự thành công, tri thức, cuộc sống sang trọng, hạnh phúc đời đời còn Thần Nārāyaṇa là khía cạnh của năng lực giữ gìn vũ trụ. Đây được coi là một hình thức tốt đẹp đem lại sự thịnh vượng, sức khỏe tốt, sự may mắn, sự hòa thuận trong nhà



Thần Chú Lakṣmi-Nārāyaṇa là:

OM HRĪM HRĪM ŚRĪM ŚRĪM LAKṢMI-NĀRĀYAṆA-DEVAYA NAMAḤ

Mantra này là rất có lợi cho việc đạt được sự thịnh vượng về tài chính và thành công vật chất. Nó phải được đọc 10 lần vạn để đạt được sự thành tựu

Đôi khi người Ấn Độ còn thờ phượng Nārāyaṇa với hai người vợ của ông là nữ thần Lakṣmi và nữ thần Viṣṇu-priya



_ Trong Phật Giáo:

.) **Trung Luận Sớ, quyển 1** cho rằng Na La Diên là tên riêng của **Curu Ma La Thiên** (Kumāra-deva)

.) **Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24** nhận định Na La Diên là **Phạm Thiên** (Brahma-deva)

.) **Trụ Tâm Phẩm Sớ, quyển 5** cho rằng Na La Diên là tên gọi riêng của **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu)

.) **Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 6** nói rằng: “Na La Diên là tên của vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma-dhātu) có một tên gọi là **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên phụng sự cúng dường. Nếu tinh thành cầu đảo sẽ được nhiều **Thần Lực**”

.) **Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 41** nói rằng: “Vị Trời này có nhiều sức mạnh, thân màu vàng ròng có tám cánh tay, cỡi Kim Sí Điều Vương, tay cầm **Đầu Luân** với mọi loại khí tượng mỗi khi cùng với A Tu Vương chiến tranh”

Ngoài ra, **Đại Tập Kinh, quyển 11_ Vô Lượng Thọ Kinh, quyển Thượng_ Tối Thắng Vương Kinh, quyển 4_ Tạp Bảo Tạng Kinh, quyển 1_ Du Già Sư Địa Luận, quyển 37_ Thuận Chính Lý Luận, quyển 75....** đều nói sự bền chắc hòa với sức mạnh to lớn của Phật Bồ Tát là thân Na La Diên, sức mạnh của Na La Diên.

_ Trong Mật Giáo thì Na La Diên Thiên được xem là một trong 20 Thiên Hộ Thế được đặt bày ở phương Đông của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong Kim Cương Giới Man Đa La hoặc được xếp bày ở phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**

.) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** cũng ghi nhận: “Vị Trời này là tên riêng của **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu), là Hóa Thân của Đức Phật, thường cỡi con chim **Ca Lô La** (Garuḍa: Kim Sí Điều) du hành trong hư không”

.) **Ma Ê Thủ La Luận Sư** xem Na La Diên là một trong **Nhất Thể Tam Phần** (tức Phạm Thiên, Na La Diên, Ma Ê Thủ La) của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) và đem phối trí với **Tam Bảo** với **ba Thân**, dùng Na La Diên là **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) trong ba Thân, cũng biểu thị cho **Pháp Bảo** trong Tam Bảo.

Do ở vị Trời này có đủ Đại Lực cho nên đời sau đem Tôn này cùng với **Uế Tích Kim Cương** (Ucchuṣma-vajra) xưng chung là **hai Vương Tôn** dùng làm vị Thần thủ hộ chôn **Già Lam** (Saṃghārāma: vườn rừng có chúng Tăng cư ngụ) hoặc an trí ở cửa chùa

_ Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Na La Diên Thiên có thân màu đen xanh, hiện hình La Sát, tay trái nắm quyền để bên eo, tay phải để ngang ngực cầm bánh xe tám căm



Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương, Huyền Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RU (𑖀) hay MA (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



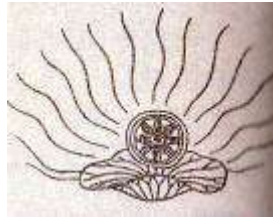
Chân Ngôn là:

ॐ 𑖀 𑖔 𑖔 𑖔 𑖔

OM _BALA-VAJRA SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MAḤ (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा

OM _ BALA-VAJRA SVĀHĀ

)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MAḤ (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा म

OM _ BALA-VAJRA SVĀHĀ_ MAḤ

)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MA (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा

OM _ BALA-VAJRA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MA (𑖓)

Tôn Hình: Tay trái để bên cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm bánh xe



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा म

OM _ BALA-VAJRA SVĀHĀ_ MA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: YA (𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा य

OM _ BALA-VAJRA SVĀHĀ_ YA

_ Tại phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Na La Diên Thiên biểu thị cho Đại Thần Lực trừ khử ứ độc chướng ngại của tất cả chúng sinh.

Tôn hình: Thân màu xanh đen, cưỡi chim Ca Lô La, buông thõng bàn chân phải, để lòng bàn tay trái trên eo. Tay phải co lên trên, dựng ngón trỏ nâng một bánh xe. Thân có 3 mặt, mặt chính là mặt Bồ Tát có 3 con mắt, mặt bên phải là mặt voi trắng, mặt bên trái là mặt heo đen, đầu đội mào báu.



Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

I) DANH HIỆU:

Cát Tường Thiên có tên Phạn là **Śrī-mahā-devī**, dịch âm là: Thất lợi ma ha đề tỳ, dịch nghĩa là: Cát Tường Đại Thiên Nữ. Đây là Nữ Thần hay ban bố Phước Đức

Lúc đầu, Thiên Nữ này vốn là một Vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva), mẹ của **Thần Ái Dục** (Kāma).

Truyền thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là **Lạc Khất-Sử Minh** (Lakṣmi: Cát Khánh hoặc Công Đức Thiên). Cha tên là **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), mẹ tên là **Ha Lị Đê Mẫu** (Hārtye-mātṛ), Anh tên là **Tỳ sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa-veva).

Người Ấn Độ tôn phụng **Lakṣmi** là vị Nữ Thần của tài sản và vận may đồng thời tin tưởng rằng bà được sinh ra khi các Thần Linh và quái vật cùng sáng tạo bằng cách khuấy động biển sữa và vũ trụ bằng cách lấy con rắn Vasuki làm sợi dây quây tròn ngọn núi Maṇḍara; ngọn núi này được đặt trên lưng con rùa Kurma (Hóa thân của Thần Viṣṇu). Sự khuấy động này tạo ra Lakṣmi cùng với thứ **ruợu Tiên** (Amṛta) làm cho các Thần Linh trở thành bất tử. Khi được thờ cúng riêng thì bà có tên là Lokamātṛ (Thế Giới Mẫu)



Truyền thống Ấn Độ ghi nhận 108 tên của Lakṣmi là:

- 1_ Prakṛti
- 2_ Vikṛti
- 3_ Vidya
- 4_ Sarvabhūtahitaprada
- 5_ Śraddha
- 6_ Vibhuti

- 7_ Surabhi
- 8_ Paramatmika
- 9_ Vachi
- 10_ Padmalaya
- 11_ Padma
- 12_ Śuci
- 13_ Svàhà
- 14_ Svadha
- 15_ Sudha
- 16_ Dhanya
- 17_ Hiranmayi
- 18_ Lakṣmi
- 19_ Nityapusta
- 20_ Vibha
- 21_ Aditi
- 22_ Dītya
- 23_ Dīpta
- 24_ Vasudha
- 25_ Vasudharini
- 26_ Kamala
- 27_ Kaṇṭha
- 28_ Kamakṣi
- 29_ Kamalasambhava
- 30_ Anugrahaprada
- 31_ Budhi
- 32_ Anagha
- 33_ Harivallabhi
- 34_ Aśoka
- 35_ Amrutha
- 36_ Dīpa
- 37_ Lokaśokavinaṣiṇi
- 38_ Dharmanilaya
- 39_ Karuṇa
- 40_ Lokamatṛ
- 41_ Padmapriya
- 42_ Padmahasta
- 43_ Pamakṣya
- 44_ Padmasundari
- 45_ Padmodbhava
- 46_ Padmamukhi
- 47_ Padmanabhapriya
- 48_ Ramā
- 49_ Padmamaladhāra
- 50_ Devi
- 51_ Padmini
- 52_ Padmagandhini
- 53_ Punyagandha
- 54_ Suprasanna
- 55_ Prasadabhimukhi

- 56_ Prabhā
- 57_ Candravadana
- 58_ Caṇḍa
- 59_ Candrasahodari
- 60_ Caturbhūja
- 61_ Candrarūpaup
- 62_ Indira
- 63_ Induśītala
- 64_ Ahladajanani
- 65_ Puṣṭi
- 66_ Śiva
- 67_ Śivakari
- 68_ Satya
- 69_ Vimala
- 70_ Viśvajānani
- 71_ Puṣṭi
- 72_ Daridriyānāṇini
- 73_ Pṛitapuskarini
- 74_ Śānta
- 75_ Śuklamalambara
- 76_ Bhaskari
- 77_ Bilvanilaya
- 78_ Vararoha
- 79_ Yaśasvini
- 80_ Vasundhara
- 81_ Udaranga
- 82_ Hariṇi
- 83_ Hemamalini
- 84_ Dhanadhanyaki
- 85_ Siddhi
- 86_ Straina Saumya
- 87_ Śubhaprada
- 88_ Nrupaveśvagathananda
- 89_ Varalakṣmi
- 90_ Vasuprada
- 91_ Śubha
- 92_ Hiraṇyapraka
- 93_ Samudratanaya
- 94_ Jaya
- 95_ Maṅgala
- 96_ Devi
- 97_ Viṣṇuvaksah
- 98_ Viṣṇupatni
- 99_ Prasannakṣi
- 100_ Nārāyaṇa sama-śrita
- 101_ Daridriya Dhvamsini
- 102_ Devalakṣmi
- 103_ Sarvopadravanivariṇi
- 104_ Navadurga

105_ Mahā-kālī

106_ Brahma-Viṣṇu – Śivatmika

107_ Trikalagyanasampanna

108_ Bhuvaneśvarya

Ngoài ra Mật Giáo Ấn Độ còn ghi nhận 8 hình thức của Lakṣmi là:



1_ **Santhana Lakṣmi** : giúp cho giòng họ, con cháu được thịnh vượng

2_ **Gaja Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về gia súc

3_ **Dhana Lakṣmi**: Giúp cho có nhiều của cải, vàng bạc với các vật chất khác

4_ **Dhānya Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về thực phẩm và lúa gạo

5_ **Vīra Lakṣmi**: Giúp cho phát triển lòng can đảm

6_ **Vijaya Lakṣmi**: Giúp cho luôn vượt thắng trong mọi trường hợp

7_ **Mahā-Lakṣmi**: Giúp cho an vui, hạnh phúc có nhiều may mắn (hay **Vidya-Lakṣmi**: giúp cho phát triển tri thức đạo đức)

8_ **Ādhi-Lakṣmi**: Giúp cho khởi đầu của sự tốt lành

Chân Ngôn là: “OM_ ŚRĪM MAHĀ-LAKṢMIYE _ SVĀHĀ”

Sau này Thiên Nữ cùng với chư Thần của hàng **Đế Thích** (Indra), **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu)... du nhập vào Phật Giáo và trở thành hàng Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo.

Truyền thuyết của Phật Giáo Ấn Độ lại ghi nhận Thiên Nữ có cha tên là Đức Xoa Ca Long Vương , mẹ là Quỷ Tử Mẫu Thần, chồng là Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Theo Phật Giáo Trung Hoa, **Công Đức Bản Khởi Kinh** ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Luân Đầu Đàn Vương, mẹ là Pháp Giới Ma Gia

_ **Tế Dư Bản Đỉnh Kinh** ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Đỉnh Đa Môn Thiên Vương, mẹ là Âm Cự Đại Nữ

Đồng thời hầu hết Kinh Bản đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên Vương và xác nhận Thiên Nữ là vị Bồ Tát Bát Địa, vì Đại Nguyên Lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh

_ **Sao** ghi là: Vào thời Phật **Tỳ Bà Thi** (Vipaśyin), Bồ Tát này là cô gái tên **Nguyên Sa** làm 3 cái bánh Phước Điền phụng cúng Đức Phật ấy rồi phát thệ rằng: “**Đời sau, con làm Mãn Nguyên Bồ Tát, lúc thành Đẳng Chính giác sẽ mang hình thể nữ, diện mạo đoan chính, đủ tướng trắng tròn, ban phước cho tất cả chúng sinh, nguyện chẳng bỏ thân nữ, chẳng bỏ Diêm Giới** (Jambu-dvīpa: cõi Diêm Phù Đề) **chuyên cứu độ chúng sinh**”. Nếu có người cúng dường Bồ Tát này sẽ khiến cho nương nhờ Phước Trí. Do vậy Bồ Tát này có tên gọi là **Phước Phần Thiên Nữ**

_ **Đại Cát Tường Kinh** ghi: “Này Cát Tường Thiên Nữ! Ngươi sẽ ở Thế Giới Cát Tường Bảo Trang Nghiêm thành Đẳng Chính Giác, hiệu là **Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Giác**”.

_ **Sao** ghi là: Cát Tường Thiên hiện ra 3 loại thân.

Đối với hàng Thượng Căn thì hiện hình **Đại Biện Tài Thiên Nữ**

Đối với hàng Trung Căn thì hiện hình **Đại Cát Tường Nữ**

Đối với hàng Hạ Căn thì hiện hình **Công Đức Thiên**. Nay gọi là: Cát Tường Nữ, Phước Phần Thiên Nữ, Nguyên Sa Nữ...

Từ đây Thiên Nữ này có rất nhiều tên gọi như: **Ma Ha Thất Lợi** (Mahā-śrī: Đại Cát Tường hay Đại Công Đức), **Thất Lợi Thiên Nữ** (Śrī-devī: Cát Tường Thiên Nữ hay Công Đức Thiên Nữ), Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, **Đại Hải Sinh** (Jaladhī_Ja) hoặc 12 tên, 108 tên.... Riêng Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Danh Hiệu thì hai tên Thí Thực Giả và Thí Âm Giả được Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cầu ghi nhận thành một tên là Thí Âm Thực, đồng thời trong Bài Đại Cát Tường Đà La Ni của Kinh Đại Cát Tường Đà La Ni lại có ghi nhận thêm tên **Vô Úy Quân Cát Tường Nữ** (Abhayasena-Śrīṇī) và **Bồ Thí Giả** (Dānāye) cùng với 10 tên đã ghi nhận trong Kinh 12 Danh Hiệu. Như thế phải chăng 12 Danh Hiệu của Cát Tường Thiên Nữ phải được ghi nhận là

- 1) Cát Khánh (Lakṣmi)
- 2) Cát Tường Liên Hoa (Śrī-Padme)
- 3) Nghiêm Súc (Vāsinī)
- 4) Cự Tài (Dhanādhipati)
- 5) Bạch Sắc (Gauri)
- 6) Đại Danh Xung (Mahā-yasa)
- 7) Liên Hoa Nhân (Padma-netre)
- 8) Đại Quang Diệu (Mahā-jyoti)
- 9) Bồ Thí Giả (Dānāye)
- 10) Bảo Quang (Ratna-prabha)
- 11) Đại Cát Tường (Mahā-śrī)
- 12) Vô Úy Quân Cát Tường Nữ (Abhayasena-śrīṇī)

II) TRÚ XỨ :

_ Theo **Kinh Kim Quang Minh** do Ngài Nghĩa Tịnh dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ cư ngụ tại cung điện thù thắng do 7 báu tạo thành, nằm trong vườn hoa Diệu Hoa Phước Quang gần thành Hữu Tài thuộc lãnh địa của Đa Văn Thiên Vương

_ **Ký** ghi là: Đại Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, cư ngụ trong vườn hoa Kim Tràng thuộc cung của Đa Văn, ngày đêm luôn luôn theo sát Thiên Vương để cùng nhau ban bố lợi ích cho chúng sinh

_ **Đà La Ni Tập Kinh, Quyển 10, phần Công Đức Thiên Pháp** do sư A Nan Luật Mộc Xoa, sư Ca Diếp và Pháp Sư Cù Đa phiên dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ ở trong Điện Kim Tràng trong vườn Công Đức Hoa Quang thuộc thành A Ni Mạn Đà do Tỳ Sa Môn Thiên Vương cai quản.

_ **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi là: Thiên Nữ cư ngụ tại vườn hoa Phổ Quang trong Thành Hữu Tài của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở phương Bắc

_ **Giác Thiên Sao** ghi là: Từ phương Bắc có cung của Tỳ Sa Môn Thiên tên là Sơ Phát Hoan Hỷ, cách đó chẳng xa có cái vườn hoa tên Phổ Quang, nơi ấy có cái thành tên là Hữu Tài được trang nghiêm bằng 7 báu. Thiên Nữ này cư ngụ ở đấy.

_ **Thiên Vương Niệm Tụng Pháp** ghi: Thượng Thủ **Thánh Quán Thế** (Quán Thế Âm Bồ Tát) thị hiện hình Thiên Nữ tên là Cát Tường Thiên. Một số kinh điển khác cũng cho rằng Cát Tường Thiên Nữ là thân thị hiện của Thánh Quán Âm nên cư ngụ tại Thế Giới Cực Lạc

_ **Quyết Nghi Sao** cho rằng: Cát Tường Thiên Nữ đồng thể với Đức Bảo Sinh Như Lai nên có trú xứ ở Phương Nam. Cụ thể trong Chân Ngôn 108 Danh có ghi câu: “AVĀKA DEVI ŚRĪ: Nam Phương Thiên Nữ Cát Tường”

Riêng Bản Vị được phụng thờ thì hầu hết Kinh Điển đều cho rằng phải đặt Tượng Cát Tường Thiên Nữ ở phương Tây hoặc phương Bắc và lý giải rằng :

_ Cát Tường Thiên Nữ là thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát nên có thể đặt Bản Vị tại phương Tây

_ Trong **Kim Cương Giới Man Trà La** thì Tỳ Sa Môn Thiên, nguyên là Vị Thiên ở phương Tây, sau này trở thành một trong 4 Thiên cư ngụ ở phương bắc của Núi Tu Di nên có tên gọi là Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên. Do Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, từ lúc mới phát tâm, gặp được **Bảo Hoa Lưu Ly Thế Tôn**, đã cùng với Tỳ Sa Môn Thiên Vương phát thệ đời đời kiếp kiếp cùng tương trợ nhau chẳng hề xa lìa và cùng nhau ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do đó Cát Tường Thiên Nữ thường tùy theo chồng, thoát tiên ở phương Tây sau này cùng đến phương Bắc của Núi Tu Di và cư ngụ tại đó. Ngoài ra quan hệ vợ chồng của Cát Tường Thiên Nữ với Tỳ Sa Môn Thiên chỉ là sự biểu thị cho **Tính Bất Nhị** của **hai Bộ** (Liên Hoa Bộ và Kim Cương Bộ) và là một thể của Lý Trí.

_ **Tối Thắng Vương Kinh Già Đà** ghi là: Cát Tường Thiên Nữ là mẹ của chư Phật, Kiên Lao Địa Thần là Tâm Bất Hoại.

Đây chính là sự biểu thị cho Mẫu Năng Sinh của tất cả Phật Bồ Tát. Trong đó Cát Tường biểu thị cho nhiều ý nghĩa như: Đắc Được Phước Đức, đầy đủ không thiếu sót công đức của mọi điều lành, tổng thể Bình Đẳng Bất Nhị, Luân viên cụ túc, sự tốt lành an vui của tất cả Phật Bồ Tát, tất cả điều tốt lành... vì là nền tảng sinh ra Phật, Bồ Tát, Phật Tử nên Cát Tường Thiên Nữ biểu thị cho nghĩa là Mẹ của chư Phật .

Từ ý nghĩa này mà Cát Tường Thiên Nữ còn được coi là một phân thân của Đức Bảo Sinh Như Lai. Tuy nhiên hình thể Thiên Nữ biểu thị cho Phước Đức chưa viên mãn nên Cát Tường Thiên Nữ chỉ được coi là một đồng sự của Đức **Bảo Sinh Như**

Lai (Ratna-sambhava-tathāgata) mà thôi. Do đó trong thứ tự Hộ Ma của Pháp Cát Tường Thiên Nữ thì Bộ Chủ là Bảo Bồ Tát, chư Tôn là Bảo Sinh kèm với 4 vị Bồ Tát thân cận là: Bảo, Quang, Tràng, Tiểu. Còn lúc Kết Giới thì dùng **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagīva). Cả hai điều này chính là sự tương thừa của Bảo Bộ và Liên Hoa Bộ trong Mật Pháp.

III) HÌNH TƯỢNG :

_Theo Truyền Thuyết Ấn Độ, Cát Tường Thiên Nữ có 4 tay hoặc 8 tay





_Người Ấn Độ còn thờ phượng chung nữ thần Lakṣmi với Thần Tài Kubera để cầu xin sự mạnh khỏe, giàu có thịnh vượng



Thần Chú của Lakṣmi-Kubera là:
OM_ ŚRĪM ŚRĪYAI KUBERA LAKṢMIYAI NAMAḤ



_ **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 10** ghi là: Tượng Công Đức Thiên, thân đoan chính, màu trắng đỏ. Thân có hai tay, trang sức bằng mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyên, ngọc đeo tai, khoác thiên y, đội mào báu. Thiên Nữ, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, ngồi trên Đài cao (Nghị Đài). Hình tượng Thiên Nữ rất mỹ lệ đoan trang.



Cát Tường Thiên Niệm Tụng Pháp ghi là: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Ấn Dĩ Nguyệt, thân màu trắng như con gái 15 tuổi, dùng mọi loại Thiên Y quần quanh thân rất trang nghiêm vi diệu.



Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh ghi là: Vẽ hình Cát Tường Thiên Nữ có mắt rộng dài, dung mạo tịch tĩnh, đầu đội Thiên Quan (Mão trời) dùng vòng xuyên , Anh Lạc trang nghiêm thân, tay phải tác Thí Nguyệt Thủ, tay trái cầm hoa sen hồng mới nở.





Thiên Vương Niệm Tụng Pháp ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyệt Ấn, thân màu trắng đỏ, tên gọi là Cát Tường Thiên



– **Thạch Sơn Đạo Trường Quán** ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu màu xanh để ngang trái tim, tay phải tác Dữ Nguyên Ấn



Sự khác nhau về hai tay cầm vật khí đã được các nhà nghiên cứu lý giải như sau:

– Tay trái biểu thị cho Phước Đức, tay phải biểu thị cho Trí Tuệ. Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu biểu thị cho Phước Báo trang nghiêm, tay phải tác Thí Vô Úy Thủ biểu thị cho nghĩa ban phước cho chúng sinh khiến họ không còn sự sợ hãi

– Tay trái là LÝ, tay phải là TRÍ. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý biểu thị cho việc: Chủ về Pháp Môn **Công Đức Trang Nghiêm** thâm nhiếp tất cả các Pháp và dùng Công Đức làm nền tảng. Tay phải kết Dữ Nguyên Ấn biểu thị cho tướng Đại Từ ban vui khiến cho mãn nguyện của mình và của người

– Màu xanh biểu thị cho nghĩa **Cứu Độ**. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu Xanh biểu thị cho nghĩa: Sẵn sàng đem Phước Đức đã có ban cho chúng sinh, tay phải kết Ấn Dữ Nguyên biểu thị cho nghĩa: Dùng nguyện lực Đại Bi ban Phước cứu Khổ cho mọi chúng sinh.

– Hoa Sen 8 cánh biểu thị cho 8 Phước. Tâm Phàm Phu ví như hoa sen chưa nở, Tâm Phật là hoa sen đã hé nở. Đây là hoa sen Tâm của Phật Tính, một khi đã khai mở được hoa sen Tâm sẽ tự tại tuôn mưa tài bảo cho thế gian. Do vậy Tâm này chính là Tâm Bồ Đề và cũng là viên ngọc Như Ý

– **Đại Nhật Kinh 7** ghi là: **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là Báu Như Ý, hay mãn tất cả ước nguyện thù thắng hiếm có

Nay tay trái cầm Hoa Sen hé nở tức là Lý thâm sâu của tay cầm viên ngọc Như Ý vậy.

_ Ngoài ra còn có Tôn Tượng 8 tay



_ Tại Tạng Truyền Phật Giáo thì **Cát Tường Thiên Mẫu** là một vị Thần Hộ Pháp nữ tính trọng yếu rất được sùng phụng, có ảnh hưởng lâu xa, thường được cúng phụng qua hình tượng Phần Nộ.

Hình tượng phần nộ của Cát Tường Thiên Mẫu là vị Hung Thần có màu xanh lam, tóc trên đầu có màu cam dựng đứng lên, trên mặt trang sức năm đầu lâu, đỉnh đầu có nửa vành trăng và lông chim công, trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ trang sức, trên tai trái đeo một con rắn nhỏ, trên eo đeo sổ sách, tay phải cầm cây côn đầu lâu (khô lâu bông), tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi, trên thân khoác da người, ngồi trên con **Loa** (Lừa Ngựa giao hợp sinh ra con Loa) màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất. Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới. Phía trước yên ngựa, ở bên dưới có hai hột xúc sắc màu hồng và màu trắng. Phía sau cái yên có cái túi nhỏ, bên trong chứa đầy độc khuẩn bệnh dịch



Ý nghĩa của hình tượng này là:

- .) **Thân thể màu xanh lam, đầu đội mao năm đầu lâu, tóc vàng cam dựng đứng** biểu thị cho sự phẫn nộ
- .) **Đỉnh đầu có nửa vành trăng** biểu thị cho phương pháp của Tôn này là vô thượng
- .) **Trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ** biểu thị cho việc lắng nghe Phật Đạo
- .) **Trên tai trái đeo một con rắn nhỏ** tượng trưng cho dấu hiệu của sự phẫn nộ
- .) **Trên eo đeo sổ sách** biểu thị cho **bản Ấn** chuyên môn ghi chép việc mà con người đã gây hoại, tương lai của người ác sẽ bị xử trí bằng cách **lột da**
- .) **Tay phải cầm cây côn đầu lâu** biểu thị cho việc chuyên môn đối phó với Quỷ ác, A Tu La
- .) **Tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi** biểu thị cho hạnh phúc
- .) **Trên thân khoác da người** biểu thị cho việc vì **Đại Nghĩa diệt Thân**
- .) **Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới** biểu thị cho việc Môn Đồ của **Dị Giáo** đã bị Ngài giáng phục
- .) **Hột xúc sắc màu hồng** chủ về việc giết chóc, **hột xúc sắc màu trắng** chủ về việc giáo hóa
- .) **Bên trong cái túi nhỏ chứa đầy độc khuẩn bệnh dịch** biểu thị cho Tôn này là vị Thần chủ về sinh tử, bệnh ôn, thiện ác
- .) **Ngồi trên con Loa màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất** biểu thị cho việc Ngài có danh xưng là **Tam Giới Tổng Chủ**

IV) CHUNG TỬ VÀ TAM MA GIA HÌNH :

Cát Tường Thiên Nữ dùng chung tử ŚRĪ (𑖦), Tam Ma Gia Hình là viên ngọc Như Ý.

Bạch Bảo Khẩu Sao ghi là :

ŚRĪ (𑖦) là lấy chữ của Chân Ngôn làm Chung Tử. ŚA là Bản Tính Tịch, RA là xa lia bụi trần, Ī là Tai Họa.

ŚA Tự Môn (𑖦) là trừ tâm sai biệt của các Pháp, nhiếp tất cả Diệu Lý Bình Đẳng của Pháp

RA Tự Môn (𑖦) là trừ sự nhớ bản của trần nhiễm, nhiếp tất cả Phước Đức Trí Tuệ

Ī Tự Môn (𑖦) là trừ tất cả tai họa, nhiếp Quả viên mãn cứu cánh

Thường cùng với 3 loại tương ứng này mà nhiếp tất cả Pháp. Đó đây, ngang dọc đều nhiếp trì, trùng trùng vô lượng bình đẳng, không có cao thấp. Rốt ráo lia tất cả Tướng. Do lia tất cả Tướng cho nên chúng TỰ CHỨNG TAM BỒ ĐỀ của chư Phật. Chúng Tam Bồ Đề cho nên các Pháp **Chân Tục** thấy đều được hiện tiền. Báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi) hay mãn ước muốn nguyện cầu của tất cả chúng sinh

Lại nữa, ŚRĪ nghĩa là Luân Viên Cự Túc, Tổng Thể Bình Đẳng Bất Nhị. ŚRĪ do 3 chữ hợp thành

ŚA (𑖦) là Bản Tính Tịch bất khả đắc

RA (𑖦) là ly trần bất khả đắc

Ī (𑖦) là tự tại bất khả đắc

Theo nghĩa của chữ HRĪH thì Ī là Lý Thú tự tại. Chữ RA là chung tử Bảo Châu của Bảo Bộ thuộc Phương Nam. Trần Cấu liền nhập vào nghĩa Bất khả đắc ly trần. Vì Ly Trần nên là Như Ý Bảo Châu

Phạm Võng Khai Đề ghi là: chữ RA là Trần Cấu, lúc thêm Tam Muội Đại Không thì hoàn trả tất cả Trần Cấu làm vật Báu

Tam Chủng Pháp Địa Ngục Quỹ ghi là: Vàng, ngọc, trần bảo, nhật, nguyệt, tinh thần, Hỏa châu, ánh sáng đều từ chữ LA mà thành

ŚRĪ nghĩa là Bản Tính Tịch, ở tất cả Pháp là Pháp Bình Đẳng không có cao thấp

Lại ghi là: ŚA là Pháp Thân. RA là Báo Thân, Ī là Hóa Thân. Một Thể của 3 Thân (Tam Thân Nhất Thể) là ŚRĪ. Y theo lực gia trì này nên đối với chúng sinh, ban cho Phước Trí nhiệm không hề cùng tận

Lại nói là: 3 chữ này là 3 chữ của 3 Bộ **Phật, Liên, Kim** hợp Thể thành ŚRĪ. Chữ ŚRĪ này dịch là Cát Tường. Do vậy chữ Hán của Chung Tử là Danh Hiệu của Tôn. Cát Tường cũng là tên gọi của Như Ý Bảo Châu

Số 19 ghi là: Cát Tường Như Ý Bảo Châu. Do đó nên biết Chung Tử, Tam Hình, Bản Tôn đều chỉ một Vật. Một vật cho nên Cát Tường Thiên Nữ tức là Thật Thể của Bảo Châu, Thật Thể của Bảo Châu là Bản Tâm của **Giá Na** (Vairocana)

Số 6 ghi là: **Liên Hoa Đài Đạt Ma Đà Đô** (Padmāsana dharma-dhātu) tức là Thân Xá Lợi. Nếu chúng sinh giải được Bồ Đề Tâm Ấn này liền đồng với **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana)

V) ÁN CHÂN NGÔN :

Án và Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ có rất nhiều nhưng vẫn không ra ngoài 3 Án và các Chân Ngôn sau :

1) BỊ GIÁP ÁN hay NỘI PHỘC TAM CỔ ÁN :

_ **Tập Kinh 10** ghi là: Công Đức Thiên Tâm Ấn

Hai ngón út, hai ngón vô danh cái ngược đầu giao nhau trong lòng bàn tay. Dựng thẳng hai ngón giữa sao cho 2 đầu ngón dính nhau. Hai ngón trỏ đều vịn lưng lóng trên của 2 ngón giữa, Hai ngón cái kèm dựng kề nhau



Ý nghĩa của Ấn này là :

_ Hai ngón út cùng cái nhau bên trong biểu thị cho Tâm Địa của Pháp Tính tức Nội Tướng Xoa, hiện **Nội Chứng** của Thiên Nữ

_ Hai ngón vô danh như trên là chữ VA (𑖦)

_ Hai ngón cái đè trên móng là thêm Điểm Không thành chữ VAM (𑖧) nghĩa là dùng Tính của nước TĨNH TRÍ rửa nghiệp phiền não như bản cho chúng sinh và sinh ra công đức phước trí

_ Hai ngón giữa dựng hợp là Bình Đẳng Tính Trí. Tôn này là Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai , nên Lương Bộ Nhất Vị biểu thị cho nghĩa Bất Nhị. Dùng nghĩa đó hợp dựng tức là Thể của Bảo Châu

_ Hai ngón trỏ dựng, trái phải biểu thị cho Phước Trí nhị Nghiêm. Ngón trỏ là chữ HA, nghĩa là Nhân Nghiệp. Suy ra Phước Trí như là Nhân đã được cải sửa vậy

Nội Phộc Tam Cổ Xoa Ấn này là Quân Trà Lợi Đại Ấn, Bình Đẳng Tính Trí Môn. Đó đây đồng thể, nên dùng đồng Ấn

Chân Ngôn dùng Đại Cát Tường Đà La Ni

TADYATHĀ: OM_ LAKṢMI, ŚRĪ-PADME, VĀSINĪ, DHANĀDHIPATI, GAURI, MAHĀ-YASA, PADMA-NETRE, MAHĀ-JYOTI, DĀNĀYE, RATNA-PRABHA, MAHĀ-ŚRĪ , ABHAYA-SENA-ŚRĪNI _ ŚRĪNI, SARVATHĀ KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI, NI NI NI NI , NĪTI NĪTI, ĪNI ĪNI, ALAKṢMI NĀŚAYA, SARVA LAKṢMI DEŚA DĀNĀYA SVĀHĀ _ NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVE BHYAH _SVĀHĀ

2) BÁT DIỆP ÁN :

Chấp hai tay lại giữa rộng, mở 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ rồi hơi co lại như cánh sen



_ **Thập Nhất Điện Kinh** ghi là: Nhất thiết Cát Tường là Cát Tường Thiên, Thiên Sư. Ấn là Bát Diệp Ấn tức Thai Tạng Như Lai Thân Hội Ấn. Ấn ấy tên là Như Lai Cát Tường Nguyên Ấn

_ **Lâu Các Kinh** ghi nhận Ấn này là Cát Tường Thiên Nữ Ấn. Chân Ngôn là:

Om VIMALA UGRA VATI SAMBHARA HŪM
(Tạm dịch là: *Hỡi Đấng có đầy đủ uy đức là cầu nhiệm! Hãy giúp đỡ cho con thành tựu cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân*)

Do kết Ấn tụng Chân Ngôn này sẽ mãn nguyện mong ước. Khi tác Pháp này, mọi điều yêu thích đều được như ý

Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ Ấn là Bát Diệp Ấn. Chân Ngôn là:

NAMO ŚRĪ-GAṆĀYA
NAMO VAISRAVAṆĀYA , MAHĀ-YAKṢA-RĀJA , ADHIRĀJAYA
NAMAḤ ŚRĪYAYE MAHĀ-DEVI
TADYATHĀ: OM TĀRA TĀRA, TURU TURU , ŚĀSTRA ŚĀSTRA,
MAṆI KANAKA, VAJRA , VAIDURYA , MUKTA, NĀMĀLUMKṚTA, BHŪH SARVA HĪTA KĀMA, VAISRAVAṆA, ŚRĪ-DEVI, MĀLĀM VI EHYEHĪ, GRHṆA GRHṆA, MASA MASA, DARŚAYA SIDDHI DĀDĀHIME DARŚANA KĀMAṢYA , DARŚANĀM PRAKRADĀYA MAṆA , SVĀHĀ

(Bài Chú trên có thể dịch là :

Quy mệnh Cát Tường Chúng Đấng

Quy mệnh Tỳ Sa Môn Đại Dược Xoa Vương Căn Bản Vương Đấng

Kính lễ Cát Tường Đại Thiên Nữ

Như vậ : OM !

Cứu độ, cứu độ khắp. Nhanh chóng, cực nhanh chóng ban giáo huấn về luật giới Thánh sáng tạo vật dụng trang nghiêm là: Ngọc Như Ý, vàng, Kim Cương, Lưu Ly đem lại sự lợi ích cho tất cả Hữu Tình.

Hỡi Thần Ái Dục! Tỳ Sa Môn Thiên Vương! Cát Tường Thiên Nữ! Bậc Tôi Thẳng đeo tràng hoa vinh quang!

Hãy khéo đến gìn giữ cầm nắm khắp, thay đổi thay đổi khắp .

Hãy ban bố cho con thành tựu Kiến Giải. Khiến cho nhìn thấy điều yêu thích và khiến cho mọi người nhìn thấy con đều khởi ý vui thích

Nguyện cho con quyết định thành tựu viên mãn)

3) BẢO BỒ TÁT ẤN :

Đem 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh cái chéo nhau bên trong lòng bàn tay. Hướng 2 ngón út ra ngoài cái chéo nhau, bên phải đè bên trái. Co cứng ngón trở phải, dựng thẳng ngón trở trái Co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Hợp 2 cổ tay.

Công Đức Thiên Pháp ghi nhận Ấn này là Công Đức Thiên Thí Trân Bảo Ấn (Thứ tư). Chân Ngôn là Đại Thân Chú tức Thiện Nữ Thiên Chú.

Công Đức Thiên Pháp ghi là: Kết Đại Ấn còn gọi là Công Đức Thiên Đại Thân Ấn: Đem 2 ngón vô danh câu móc nhau ở trong lòng bàn tay, dựng đứng 2 ngón út sao cho đầu ngón cách nhau một thốn, dựng thẳng 2 ngón trở dựa đầu nhau, đặt 2 ngón trở trên lóng thứ ba của 2 ngón giữa, kèm dựng thẳng 2 ngón cái, đưa đầu ngón qua lại

Chân Ngôn là Đại Thân Chú còn gọi là Thiện Nữ Thiên Chú

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṅGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĀYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA GATE, SAMANTA VIDHĀNA GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE SARVATHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE, MAHĀ-VIBHAṢITE, MAHĀ-MAITRE, UPASAMHITE HE! TITHU, SAMGRHITE, SAMANTA ARTHA ANUPALANI

(Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy Y Tăng

Quy Y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đấng Quyền Năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng!

Đấng Chủ Tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn

Hãy khéo léo làm cho tất cả mọi nơi đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa ánh sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đấng biểu hiện của lòng yêu thương!

Đấng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích)

Kinh này còn ghi chú là: SVĀHĀ nghĩa là tán khư. Vì Chú này cầu tài vật nên không có SVĀHĀ bởi lẽ điều này chẳng dính với SVĀHĀ

Truyền thống khác ghi nhận bài Chú này là:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṄGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĪYA

TADYATHĀ: (OM) PARI-PŪRṆA-CARE, SAMANTA DARŚANE, MAHĀ-VIHĀRA GATE, SAMANTA VIDHĀ-MANE, MAHĀ-KĀRYA-PRATI-ṢṬHĀPANE SARVĀRTHA-SĀDHNE, SUPRATI-PŪRE, ĀYĀNA DHARMATĀ, MAHĀ-AVIKOPITE, MAHĀ-MAITRĪ, UPA-SAMHITE, MAHĀ-KLEṢE SU-SAMGRHĪTE, SAMANTĀRTHA ANUPĀLANE SVĀHĀ

)Ý nghĩa của **Đại Thân Chú** này là:

Namo buddhāya: Quy y Phật đấng

Namo dharmāya: Quy y Pháp đấng

Namo saṅghāya: Quy y Tăng đấng

Namo śrī-mahā-devīya: Quy y Cát Tường Đại Thiên Nữ đấng

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

Om: Nhiếp triệu

Pari-pūrṇa-care: Viên Mãn Hành, thực hiện tròn đủ

Samanta-darśane: có thể thấy tràn khắp

Mahā-vihāra-gate: Đại Trú Xứ Bi Ngạn, bờ bên kia của trú xứ to lớn

Samanta-vidhā-mane: Ý niệm dạy bảo khắp

Mahā-kārya: Đại Sự Nghiệp, sự nghiệp to lớn

Prati-ṣṭhāpane: An trụ

Sarvārtha-sādhane: Tất cả nhiều ích, lợi ích

Suprati-pūre: Khéo đầy đủ, cứu cánh viên mãn

Āyāna-dharmatā: tiếp cận Pháp Tính
Māha-avikopite: Đại bất thoái, đại bất hoại
Mahā-maitrī: Đại Từ
Upa-samhīte: Gần gũi thân cận lợi ích chân chính
Mahā-kleśe-su-samgrhīte: khéo chân chính giữ gìn lợi ích bên trong **sự Phiền**
Não rộng lớn (Đại phiền não)
Samantārtha anupālāne: Giữ gìn lợi ích của cái cho khắp cả
Svāhā: Đem đến sự tốt lành

Ngoài các Ấn Chú trên, Kinh Điển còn ghi nhận thêm một vài Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ là

_ Tiêu Chú thường dùng là (Kết Bát Diệp Ấn)
 OM MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ
 (*Quy mệnh Đại Cát Tường Đẳng, viên mãn tốt lành*)

_ Có lúc dùng câu: ALAKṢMI NĀŚAYA (*Tiêu trừ điều chẳng tốt lành*)

_ **Thập Nhất Diệp Kinh** ghi **Nhất Thiết Cát Tường Tâm Chân Ngôn** là :
 NAMO ŚRĪYAYE OM KILI MILI NĪYE SVĀHĀ
 (*Quy mệnh Cát Tường Đẳng. Hãy găm chặt, ngăn chặn, ra lệnh khiến cho viên mãn tốt lành*)

_ **Thành Tựu Viện** truyền miệng câu Chú là :
 OM ŚRĪ-DEVAPUTRAŚYA, ŚĀNTI KURU, SVĀHĀ
 (*Quy mệnh Cát Tường Thiên Tử Đẳng. Hãy tạo dựng sự an bình vắng lặng khiến cho viên mãn tốt lành*)

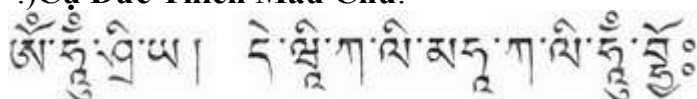
_ **Thánh Hiền** ghi là: Lúc tu Pháp có thể dùng Ấn : Chắp 2 tay lại giữa rỗng, đưa 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón vô danh, đặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh liền thành. Chân Ngôn là :

NAMO RATNA-TRAYĀYA BHADRA ŚRĪ LOKA ŚRĪ RĀJA ŚRĪ SUBHA ŚRĪ VIMALA ŚRĪ VAJRA ŚRĪ RAṆAM ŚRĪ PADMA ŚRĪ BRAHMAM ŚRĪ ATUBHARA ŚRĪ MAHĀ ŚRĪ JÑĀNA ŚRĪ SVĀHĀ
 (*Quy y Tam Bảo*)

Như vậy: Hiền Cát Tường, Thiên Thần Tối Thượng Cát Tường, Cam Lộ Cát Tường, Long Cát Tường, Thế Giới Cát Tường, Vương Cát Tường, Hoan Hỷ Cát Tường, Ly Cấu Cát Tường, Kim Cương Cát Tường, Chiến Đấu Cát Tường, Liên Hoa Cát Tường, Phạm Hạnh Cát Tường, Trọng Đảm Cát Tường, Đại Cát Tường, Trí Cát Tường, viên mãn thành tựu)

_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận chữ chủng tử của Cát Tường Thiên Mẫu là BHYOḤ và tùy theo giọng phái truyền dạy **Cát Tường Thiên Mẫu Chú** hoặc **Cụ Đức Thiên Mẫu Chú** khác nhau:

.)Cụ Đức Thiên Mẫu Chú:



OM HŪM ŚRIYA DEVĪ KALI MAHĀ-KALI HŪM BHYOḤ

Phàm cầu đảo tiêu tai, mạnh khỏe, giàu có, cảm tình, hôn nhân, quan lộc, địa vị uy thế, trừ chướng thì Thần Chú này hay tiêu trừ Duyên chướng ngại, mau chóng gom tập được thuận duyên, cát tường

.)Cát Tường Thiên Mẫu Chú (Chú ngắn):

“Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu”

BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO-RAKMO

.)Cát Tường Thiên Mẫu Chú hay Cự Đức Phật Mẫu Tâm Chú (Chú dài):

“Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu, thôn cứu, ca lạp lạt khánh mẫu, lạt mẫu, a gia đáp gia, thôn cứu, nhập lộ nhập lộ, hồng, cứu, hồng”

BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO RAKMO, THUNA BHYO, VILARAGACENAMO RAKMO, AVYATA THUNA BHYO, RULU RULU, HŪM BHYO HŪM



VI) HÀNH PHÁP :

Dùng Thiên Nữ này làm Bản Tôn để tu Pháp Sám Hối tội lỗi thì gọi là Cát Tường Thiên Nữ Pháp hay Cát Tường Sám Hối Pháp. Man Đà La sử dụng để tu Pháp này gọi là **Cát Tường Thiên Man Đà La**.

_ **Tập Kinh** ghi: Nếu muốn tác Pháp thì chọn ngày mồng 3, mồng 7 tháng Giêng. Nên dùng tháng này để vào Đàn ất Thiên Nữ vui vẻ. Tháng khác thì chẳng được.

Lại nói từ mồng 8 cho đến ngày 14 trong tháng, dùng đất bùn sạch tốt làm Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay

_ **Công Đức Thiên Pháp** ghi là: Dùng gỗ cây mới đốn làm hình Thiên Nữ, thân dài một thốn. Chú Sư từ ngày mồng một tháng Giêng rưới vẩy tắm. Nên ở trước Tượng

bày biện mọi thứ cúng dường, ngày ngày đặt thêm bên trên vật cúng dường tốt. Như vậy đến ngày 15 sẽ mãn túc ước muốn, người cầu đều vừa ý.

Công Đức Thiên Nữ Niệm Tụng Pháp ghi: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng Thiên Nữ, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyệt Ấn, thân màu trắng như thiếu nữ 15 tuổi. Dùng mọi thứ áo khoác (Thiên Y) vi diệu trang nghiêm. Hiện hình Thiên Nữ cho nên chẳng mặc Pháp Y (Áo Pháp), dùng Thiên Y quấn thân. Bên trái vẽ **Diệu Kiến Thiên Nữ**, tay trái nâng Bảo Châu, tay phải tác Thí Vô Úy. Bên phải vẽ Công Đức Thiên Nữ, tay trái ôm cái bát đầy hoa, chuông phải hướng ra ngoài. Lại bên trái vẽ **Biện Tài Thiên Nữ**, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây kiếm bén. Bên phải vẽ **Đại Quang Thiên Nữ**, tay trái cầm mặt trời, tay phải kết Ấn Dữ Nguyệt. Lại tiếp 4 phương vẽ 4 Vị Thiên Vương có binh lính và vô lượng quyến thuộc vây quanh

_ **Thành Trụ Viện** ghi là: Thoạt tiên quán chữ AH (𑖦) phóng tỏa ánh sáng lớn biến đại địa thành lưu ly, chung quanh có suối chảy ao hồ. Trung ương có chữ AH (𑖦) biến thành cung điện báu, ở giữa cung điện có cái Đàn, trên Đàn có Đài sen nở. trên Đài sen có chữ SRĪ (𑖦) biến thành Như Ý Bảo Châu. Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ**, đầu đội mào Ma Ni, diện mạo đoan chính kỳ diệu, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Thí Nguyệt Ấn, sau lưng có hào quang tròn, ngôi trên hoa sen hồng. Phạm Vương, Đế Thích, 4 Đại Thiên Vương với vô lượng quyến thuộc vây quanh.

Căn Bản Ấn là Bát Diệp Ấn

Chân Ngôn là: OM_ MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ

Sau khi tụng niệm thì niệm Kinh Đại Cát Tường, 12 Danh Hiệu

Kết Nội Phộc Tam Cổ Ấn, tụng Chân Ngôn: TADYATHĀ : ŚRĪṆĪ ŚRĪṆĪ, SARVA KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI , NI NI NI NI, ALAKṢMI NĀŚAYA _ SVĀHĀ

Lại tụng Chân Ngôn: OM _ ŚRĪ-DEVA-PUTRAŚYA, ŚĀNTI KURU _ SVĀHĀ

_ **Lược Đạo Trường Quán**: Kết Địa Giới, bên trên kết Kim Cương Tường, bên trong có biển lớn chứa nước 8 công đức. Chính giữa có núi Tu Di Vương do 4 báu trang nghiêm. Giữa lưng Núi có cung điện, ở giữa có Diệu Đàn. Giữa Đàn có tòa sen nở. Trên Tòa có vành trăng, giữa vành trăng có chữ SRĪ (𑖦), chữ SRĪ biến thành **Như Ý Bảo Châu**, Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ** có tướng tốt đẹp viên mãn, vi diệu trang nghiêm, tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải kết Ấn Thí Nguyệt, đỉnh đầu và lưng có hào quang tròn, quyến thuộc vây quanh.

Ngoài ra còn có nhiều nghi thức tu trì khác như: Cát Tường Thiên Nữ Cúng Dường Thứ Đệ, Nhập Ngã Ngã Nhập, Quán Tường Trì niệm, Hộ Ma, Cát Tường Đa Văn Đồng Thể Quán...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Cát Tường Thiên Nữ còn có người em gái tên là **Hắc Nhĩ** (Kṛṣṇa-karṇa). Hai chị em cùng đi chung với nhau chẳng rời. Chị tên Cát Tường, đi đến đâu đều đem lợi ích đến đó. Em tên Hắc Nhĩ, do có lỗ tai màu đen mà có tên, xưa dịch là Hắc ám, đi đến đâu đều gây nên sự tổn hoại. Do đó hai chị em (Công Đức Thiên, Hắc Ám Nữ) biểu thị cho nghĩa **Phước Họa Tương Tùy**. Chính vì lý do này mà tín ngưỡng Cát Tường Thiên Nữ ngày càng giảm dần. Sau này, tại Nhật Bản rất tôn phụng Biện Tài Thiên Nữ là Nữ Thần tăng ích phước đức thay cho Cát Tường Thiên Nữ

_ Thầy truyền rằng: Lúc cúng Cát Tường Thiên thì nên cúng cả Thần này (Hắc Nhĩ). Các việc như chuẩn mực, 7 ngày chia làm 3 lần. Hoặc trước sau chỉ có 7 ngày.

Có điều nhà thất của Hắc Âm, nếu hành ở nơi rừng Trúc thì đừng đốt lửa
Hắc Nhĩ có chủng tử là KA (𑖕). Tam Muội Gia hình là chày Độc Cổ. Ấn là Phổ
Án. Chân Ngôn là:

OM_ KĀLA ŚRĪ, SVĀHĀ (Quy mệnh Hắc Thiên Cát Tường, thành tựu tốt lành)
Thứ tự Pháp Thí: Tâm Kinh (3 quyển)_ Kim Cương Bát Nhã Kệ_ Quang Minh
Chân Ngôn_ Phát Tâm Bồ Đề (100 biến)_ Tam Muội Gia Giới (100 biến)_ Bản Tôn
Chú (100 biến, hoặc 1000 biến)

_ **Khẩu** truyền là: Dùng Tỳ Cầu Đà La Ni. Vì Hắc Nhĩ là Hộ Pháp của Tỳ Cầu
cho nên tụng Tỳ Cầu Chú, Hắc Nhĩ sẽ chẳng gây chướng ngại
(Cát Tường Thiên Pháp, lúc Tán Niệm Tụng thì tụng Tỳ Cầu Chân Ngôn 108
biến. Có Kinh ghi là: Tỳ Cầu Pháp giải thoát Hắc Nhĩ)

Tỳ Cầu Đà La Ni Kinh ghi là :

Người thọ trì Tỳ Cầu

Kim Cương Bí Mật Chủ

Hộ Thế Tử Thiên Vương

Cam Lộ Quân Trà Lợi

Vô Năng Thắng Minh Phi

Hắc Nhĩ, Cát Tường Nữ

Do trì Mật Ngôn này

Ngày đêm thường tụng toại Theo sát làm cho vừa ý)

Hay mãn các Nguyện khác

Đại Tỳ Cầu Tỳ Tâm Chân Ngôn là:

OM_ BHARA BHARA, SAMBHARA SAMBHARA, INDRIYA
VIŚODHĀNI, HŪṂ HŪṂ, RURU CALE, SVĀHĀ

(Hãy giúp đỡ đảm nhận, chân chính giúp đỡ đảm nhận, tinh trừ các căn, khùng bố
và lay động Nội trần với Ngoại Trần khiến cho viên mãn cát tường)

CA LÂU LA

Ca Lâu La, tên Phạn là **Garuḍa**, tên Tây Tạng là **Nam-maha-Idin**. Hán dịch có các tên gọi là Ca Lư La, Ca Lâu La, Ca Lâu La, Kim Sí Điều, Diệu Sí Điều, Thực Thổ Bi Khô Thanh. Là một loại chim Thần to lớn hoặc sinh vật giống chim, xuất hiện trong thần thoại của Ấn Độ Giáo và Phật Giáo

_Trong Ấn Độ Giáo thì Ca Lâu La là một vị Thần được biết đến như là vật cỡi của Thượng Đế **Viṣṇu**, biểu thị cho sức mạnh to lớn của vũ trụ có thể ngăn chặn được mặt trời.



Sử thi **Mahā-bharata** ghi nhận: “Cha của Garuda là **Tiên Nhân (Rṣi) Kāśyapa**. Ông có hai người vợ là **Vinata** và **Kadru**, con gái của **Prajāpathi-dakṣa**. Kāśyapa dựa theo lời khẩn cầu của vợ mình, ban cho họ thành tựu được sự mong muốn của mình. Vinata nguyện có 2 con trai, Kadru nguyện sinh ra một ngàn **con rắn (Nāga)** như là con trai của mình. Hai bà đều sinh ra trứng, sau khi ấp trứng thì các quả trứng của Kadru sớm nở thành một ngàn con rắn, khi đó trong một thời gian dài, 2 quả trứng của Vinata chưa nở ra được. Vì thiếu kiên nhẫn nên Vinata phá vỡ một quả trứng và sinh ra đứa con bị biến dạng, chỉ có nửa thân trên là con người. Do việc này mà Vinata bị nguyên rủa phải làm nô lệ cho em gái Kadru trong một thời gian rất dài, cho đến khi đứa con thứ hai được sinh ra thì Vinata mới thoát được sự nguyên rủa ấy. Con trai đầu tiên của Vinata bay đi và trở thành **Aruna (Lê Minh Thần)**, một trong các **Vasu**, tỏa ánh sáng màu đỏ như mặt trời mọc vào buổi sáng, và là vị Thần đánh xe ngựa cho **Thần Mặt Trời (Sūrya)**

Sau một thời gian dài, quả trứng thứ hai của Vinata sinh ra Garuda tỏa ánh sáng lửa rực rỡ xông thẳng lên trời như muốn thiêu đốt hết cả Thế Giới, khiến cho chư Thiên và chúng Thần kinh sợ, nhận lầm là **Hỏa Thiên (Agni-deva)** nổi giận. Sau khi biết được là Garuda sinh ra đời nên đi đến lễ bái, tán tụng

Khi biết mẹ mình là Vinata bị làm nô lệ, Garuda liền đến gặp tộc Rắn tìm hiểu điều kiện cần thiết để đổi lại sự tự do cho mẹ của mình. Loài rắn yêu cầu Garuda phải lấy được **rượu thuốc bất tử (Amṛta)** do các Thiên Thần canh giữ... để trao đổi.

Do uy lực phi phàm, Garuda đánh bại các Thiên Thần, lấy được rượu thuốc bất tử. Trên đường về, Garuda gặp Thần **Viṣṇu** hứa ban cho Garuda sự bất tử mà không cần phải uống rượu thuốc Amṛta và chọn Garuda là tòa ngai của mình đồng thời đem hình tượng ấy vẽ trên là cờ của mình. Sau đó, Garuda bị vua Trời **Indra** truy đuổi và dùng Thần Thông giáng phục. Vì không thể dùng sức mạnh thắng được Garuda, nên Indra

yêu cầu Garuḍa giao lại rượu Bất Tử bằng cách rải rượu lên đám cỏ và cho phép Garuḍa được dùng loài rắn làm thức ăn

Cuối cùng, Garuḍa đem rượu bất tử rải trên đám cỏ trước mặt tộc rắn, giải thoát kiếp nô lệ cho mẹ Vinata, và yêu cầu tộc rắn phải tẩy rửa thanh tịnh trước khi dùng rượu bất tử. Trong khi tộc rắn thực hiện sự tẩy rửa thì Indra đi vào đám cỏ lấy rượu bất tử đem về cõi Trời.

Khi tẩy rửa xong, tộc rắn quay về đám cỏ, cố gắng liếm rượu bất tử còn sót lại trên bãi cỏ, do vậy lưỡi của tộc rắn bị chia hai và tự lột da như là một loại bất tử.

Từ đó trở đi, Garuḍa trở thành đồng minh của chư Thần, gắn kết chặt chẽ với Viṣṇu và là kẻ thù không đội chung trời với loài rắn.

Garuḍa có 6 người con trai (Sumukha, Suvarṇa, Subala, Sunāma, Sunethra, Suvarchas) có sức mạnh tuyệt vời và không có lòng Từ Bi, nguồn sống của họ là loài rắn và Viṣṇu là người bảo vệ họ”



Garuḍa là kẻ thù truyền kiếp của loài rắn Nāga và hay ăn thịt rắn. Hình ảnh của Garuḍa thường được sử dụng như sự quyền rũ hoặc lá bùa để bảo vệ người mang nó khỏi bị tấn công bởi con rắn độc.

Garuḍi-vidya là câu Thần Chú chống lại chất độc của rắn trừ bỏ tất cả các loại ác

Om namo bhagavate garuḍāya śrī-viṣṇu- vara-vāhanāya trailokya-paripūjitāya vajra-nakha-tuṇḍāya vajra-pakṣālankṛta-śarīrāya, āveśaya āveśaya, ehyehi mahā-garuḍa duṣṭa viṣam chindhi chindhi, āveśaya āveśaya, ehyehi mahā-garuḍa duṣṭa-rakṣasāmś chindhi chindhi, āveśaya āveśaya ehyehi mahā-garuḍa baddho hūṃ phaṭ svāhā



Garuḍa được mô tả qua thân thể vàng của một người đàn ông mạnh mẽ với khuôn mặt trắng có mỏ và đôi cánh màu đỏ của con đại bàng, đội vương miện.



Garuḍa còn được minh họa theo hình tượng là: đeo con rắn **Adiṣeṣa** ở cổ tay trái, đeo con rắn **Kālika** ở cổ tay phải, dùng con rắn **Takṣaka** làm dây thắt lưng, con rắn **Karkoṭaka** là vòng đeo cổ, hai con rắn **Padma** và **Mahā-padma** là vòng đeo tai, con rắn **Śaṅkachuda** tô điểm mái tóc, con rắn **Vaṣuki** bò sau gáy quàng ngang hai vai



Trong truyền thống Yoga của Ấn Độ, Garuḍa có năm hình thức **Satya**, **Suparṇa**, **Garuḍa**, **Tarkṣya**, **Vihageśvara** biểu thị cho năm luồng khí **Praṇa**, **Vyana**, **Udana**, **Samana**, **Brahma** giúp cho Hành Giả Du Già (Yogi) có thể kiểm soát được **Praṇa-yama** đánh thức luồng hỏa xà **Kuṇḍalīni** dẫn đến cấp độ cao hơn của tâm linh

Trong chiến tranh, Garuḍa được xem là biểu tượng của chiến binh mạnh mẽ tiêu diệt kẻ thù một cách nhanh chóng



Trong **Kṛṣṇa-avata**r, Garuda đóng một vai trò quan trọng giúp cho Kṛṣṇa và Satyabhama giết chết Narakasura. Trong dịp khác, Thượng Đế **Hari** (Viṣṇu) cỡi trên Garuda đến cứu các tín đồ voi Gajendra. Truyền thuyết nói rằng khi cánh của Garuda tung bay sẽ tụng kinh Vê Đà



Thần Chú tán tụng Garuda là:

Oṃ_ Tat puruṣāya vidmahe

Suvarṇa-pakṣāya dhīmahi

Thanno garuḍaḥ prachodayāth

Oṃ_ Hrīṃ Hrūṃ hrīṃ hrīṃ bhirundayai svāhā

_Theo Phật Giáo thì Garuda là loài chim Thần cư ngụ trên cái cây to lớn của bốn thiên hạ, bắt Rồng làm thức ăn. Y theo sự ghi chép của Phật Điển thì đôi cánh của Ca Lô La do đan kết mọi vật báu mà thành, cho nên xưng là Kim Sí Điều hoặc Diệu Sí Điều. Loài chim này có thân thể rất lớn, khi giương mở hai cánh, rộng hơn ngàn dặm, thậm chí lớn đến hàng trăm vạn dặm. Loài chim này là một trong tám Đại Bộ Chúng, cùng với Trời, Rồng, A Tu La.... cùng ngồi với nhau dưới Tòa nghe Đức Phật nói Pháp. Ngoài ra, Garuda còn nhận sự chỉ định của **vua Trời Đế Thích** (Śakra) phòng vệ

núi Tu Di (Sumeru) với cõi Tam Thập Tam Thiên (Trāyastriṃśa) tránh khỏi sự tấn công của A Tu La (Asura)



.)**Thám Huyền Ký 2** nói là: “Ca Lưu La, tên gọi mới là Yết Lộ Trà, Đây là **Diệu Sí Điều**, cánh của chim có màu của mọi loại báu trang nghiêm, chẳng phải chỉ có vàng”

.)**Câu Xá Quang Ký 8** nói là: “Yết Lộ Trà là **Đỉnh Anh** (chỗ gò lên trên đỉnh đầu), hoặc có tên gọi là **Tô Bát Lạt Ni** (Suparṇi) tức là **Diệu Sí**. Xưa nói là **Sí Kim Diệu** chẳng phải là chỗ thấy chính đúng vậy”

.)**Kinh Hải Long Vương** ghi nhận là: “Loài chim này có hai cánh cách nhau 306 vạn dặm, chỉ dùng một chân dung chứa cả cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa)”

.)Phần bên dưới của **Pháp Hoa Văn Cú 2** nói rằng: “Ca Lưu La là **Kim Sí** có cánh màu vàng, ở trên cái cây to lớn của bốn thiên hạ, hai cánh cách nhau 360 vạn dặm”

.)**Kinh Luật Di Tướng, quyển 49** nói là: “Gió được quạt ra từ loài chim này, nếu vào mắt người thì người ấy bị mất ánh sáng (bị mù)”.

.)**Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, quyển 1** ghi chép là: “Loài chim này do nghiệp báo cho nên được các gió, nếu vào mắt người thì người ấy bị mất ánh sáng”

Kinh này lại nói rằng: “Lại Kim Sí Điều có tên gọi chính đúng là **Ca Lưu La Vương** ở trong loài chim sung sướng được tự tại. Do nghiệp báo nên loài chim này ăn các Rồng. Ở **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa:Nam Thiệm Bộ Châu) một ngày ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày hôm sau ở **Phát Bà Đề** (Pūrva-videha:Đông Thắng Thân Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày thứ ba lại ở **Cù Gia Ni** (Aparagodānīya:Tây Ngu Hó Hóa Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày thứ tư ở **Uất Đan Thiên Việt** (Uttara-kuru:Bắc Câu Lô Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ.... Khi giáp vòng hết thì trở lại chỗ ban đầu, trải qua tám ngàn tuổi thời loài chim này hiện ra tương bị chết”

.)**Bồ Tát Tồng Đầu Suất Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh**, quyển 7 lại ghi rằng: “Kim Sí Điều Vương có thân dài tám ngàn do tuần, hai cánh, mỗi cánh dài bốn ngàn do tuần, dùng Rồng làm thức ăn”

.)**Trường A Hàm Kinh, quyển 19** nêu rõ: “Có bốn loại Kim Sí Điều sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ ẩm ướt, sinh hóa sinh. Kim Sí Điều từ trứng sinh có thể ăn Rồng từ trứng sinh. Kim Sí Điều từ thai sinh có thể ăn Rồng từ thai sinh, từ trứng sinh.

Kim Sí Điều từ ẩm ướt sinh có thể ăn Rồng từ ẩm ướt sinh, từ trứng sinh, từ thai sinh. Kim Sí Điều từ hóa sinh có thể ăn Rồng từ hóa sinh và các loại Rồng khác”.

)Kinh **Niết Bàn** nói là: “Loài chim này ăn hết bảy báu của loài **Long Ngư**”

)Kinh **Tăng Nhất** ghi nhận là: “Một ngày một Long Vương lớn với 500 con Rồng nhỏ, giáp vòng đến bốn Thiên Hạ rồi trở lại chỗ ban đầu theo thứ tự mà ăn, Khi mệnh chung thời các loài Rồng phun ra chất độc nên chẳng thể ăn được, bị lửa đốt thiêu đốt, rung động từ cái cánh thẳng đến bên dưới đến bờ mé của Phong Luân, bị gió thổi nên quay trở lại bên trên, cứ đi rồi quay trở lại bảy lần, không có chỗ dùng chân, liền lên trên đỉnh núi Kim Cương Luân chịu chết. Do ăn các loài Rồng nên khí độc trong thân thịt phát ra lửa tự thiêu đốt. **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) sợ thiêu đốt núi báu nên tuôn mưa dập lửa, thân thịt tiêu tan chỉ còn lại trái tim thuần màu Lưu Ly xanh. **Luân Vương** lấy được nó thì dùng làm châu báu, **Đế Thích** có được nó thì làm viên ngọc giắt trong búi tóc”

)Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, quyển 1, phẩm Tựa** ghi nhận 4 vị Ca Lô La Vương (Garuḍa-rāja) là: **Đại Uy Đức** Ca Lô La vương (mahā-teja), **Đại Thân** Ca Lô La vương (mahā-kāya), **Đại Mãn** Ca Lô La vương (mahā-pūrṇa), **Như Ý** Ca Lô La vương (mahā-rddhiprāpta)

_Trong truyền thuyết của Phật Giáo. Do Ca Lô La dùng Rồng làm thức ăn cho nên loài chim này là khắc tinh của loài Rồng. Vì Ca Lô La cùng với loài Rồng đều kính sợ Phật Pháp, nhân đây ngay lúc Rồng bị móng vuốt của Ca Lô La chụp bắt, nếu Rồng dùng áo Cà Sa của Tăng Nhân phủ lên thân thì Ca Lô La liền chẳng dám bắt ăn

_Trong các Kinh Điển Đại Thừa, hình tượng của loài chim này phần nhiều là mô phỏng tư thế bắt các loài Rồng để làm thức ăn, hoặc là thân người đầu chim





Hoặc có hình tượng là mặt người, trên eo lưng trở lên là thân người, phần bên dưới là thân chim





_Do tính cách dũng mãnh của Ca Lô La (Garuḍa) nên Mật Tông dùng Tôn này tượng trưng cho Tâm Bồ Đề dũng kiện.

Lại có thuyết cho rằng Ca Lô La là Hóa Thân của **Phạm Thiên** (Brahma), **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu), **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara hay Śiva). Hoặc nói là Hóa Thân của Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī) hoặc là Hóa Thân của Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara)

_Tạng truyền Phật Giáo còn ghi nhận nhóm 5 Garuḍa tương ứng với 5 màu biểu thị cho 5 nguyên tố: đất (màu vàng), nước (màu trắng), lửa (màu đỏ), Gió (màu đen), hư không (màu xanh dương, xanh lục hay màu tạp sắc)



大鵬金翅鳥





大鹏金翅鸟

Hoặc Garuḍa tạp sắc có màu vàng dưới eo lưng (đất) màu trắng từ hông đến rốn (nước), màu đỏ từ rốn đến cổ họng (lửa) màu đen từ cằm đến trán (gió) màu xanh dương hay xanh lục trên đỉnh đầu (Trí Tuệ). Lông cánh của Garuḍa tạp sắc này có năm màu như ánh sáng của cầu vòng tỏa khắp mười phương, tượng trưng cho nguyên tố hư không



_Truyền thống Nyingma của Tây Tạng ghi nhận Garuḍa là thân tướng phần nộ của Đức **Liên Hoa Sinh** (Padma-saṃbhava), Garuḍa được tôn kính như là vị Hộ Pháp bảo vệ kho tàng bị che dấu (Gter-ma).

_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận rằng: Vì muốn khiến cho **người tu trì Chính Pháp** đạt được sự gia trì thuộc **Thân Ngữ Ý** của chư Phật, thoát khỏi và tiêu trừ các loại chướng ngại trên việc tu hành với trong sinh hoạt...thuận lợi để đạt đến bờ bên kia của sự sống chết, cho nên chư Phật, chúng Thánh ở mười phương hóa hiện làm **Kim Cương Thủ Tam Tôn Hợp Nhất Phần Nộ Tôn**. Trong đấy, **Thân** (Kāya) của các Ngài hóa thành **Kim Sí Điều** (Garuḍa), **Ngữ** (Vāk) của các Ngài hóa thành **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva), **Ý** (Citta: Tâm) của các Ngài hóa làm **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Bởi thế, vị **Tam Thân Hợp Nhất Phần Nộ Tôn** ấy chẳng phải là ba Tôn: Đại Bàng Kim Sí Điều, Mã Đầu Minh Vương với Kim Cương Thủ hợp làm một, mà trên thật tế là Tổng Thể **Thân Ngữ Ý** của hết thầy chư Phật, chúng Thánh ở mười phương hợp làm một thân



)Chữ chung tử của Phần Nộ Tôn này là: ॐ (HŪM)

)Thần Chú là:

“**Án, ban tra ba ni, hải nha cơ hoa, ca lộ đạt, hồng phôi**”

ॐ वज्रपाणि हयग्रीवा गरुड हूं फट

OM_VAJRA-PĀṆI HAYAGRĪVA GARUḌA HŪM PHAṬ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala): Một trong năm Đức Phật là **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi-buddha) ở phương Bắc, ngồi trên tòa Ca Lô La, biểu thị cho ý là **Đức Pháp Vương dẫn nhiếp tất cả, không có gì chẳng quy nhiếp được**



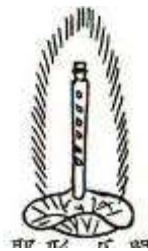
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** có xếp bày vị trí của Ca Lô La và các quyền thuộc

Tôn Hình: Thân người đầu chim có hai cánh chim sau lưng, màu vàng ròng, hai tay cầm nắm các con Rồng.



Chữ chủng tử là: GA (𑖔𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).



Tượng Ấn là: **Ca Lô La Ấn**, lại gọi là Kim Xí Điều Vương Ấn. Hai ngón cái giao quấn nhau, giương mở hai bàn tay như thế xoải cánh, kết hình của Kim Xí Điều, động ba lần như dạng bay.



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖔𑖑 𑖔𑖑

OM_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay ॐ 𑖔𑖑 𑖔𑖑

OM_ PAKṢA SVĀHĀ

Hay **ॐ पक्ष स्वहा**
OM_ PAKṢA SVĀHĀ

.)**Ca Lô La Nũ** (Garuḍī):

Tôn Hình: Thân màu vàng rờng, thân người đầu chim, trươg cánh, cầm vỏ ốc (Pháp Loa) nhìn ngó thối loa (hình bên phải)

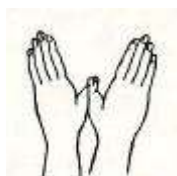


Chữ chủng tử là: GA (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (Pháp Loa Bối:vỏ sò).



Tượng Ấn là: Ca Lô La Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ क्षिप स्वहा
OM_ KṢĪPA SVĀHĀ

Hay **ॐ पक्ष स्वहा**
OM_ PAKṢA SVĀHĀ

__Kinh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Đại Giáo Vương, Phẩm Kim Sí Điều Vương
ghi chép là:

Bây giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lại quán cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân Bồ Tát rằng: “Văn Thù Sư Lợi ! Ở trong Đại Giáo của ông là điều mà tất cả Như Lai đã khen ngợi tùy vui, thuận Đại Chân Ngôn Hạnh, khiến cho tất cả hữu tình nhập vào Tam Muội Gia Đàn, học thông năm loại Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không. Do biết điều này cho nên thông đạt ngôn ngữ của tất cả hữu tình, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, thành được Kim Sí Điều Vương Chân Ngôn Hạnh, dùng thần thông ngộ phương tiện thông đạt này mà đều được thành tựu tất cả Pháp của Thế Gian

vào trong lò 1008 biến, liền thành trụ tướng thấy, tức có chúng rắn đi đến. Liền hiến Át Già, nên biết thành trụ Pháp Chân Ngôn. Nên tụng Chân Ngôn, tác lời Nguyên là: "Nguyen cho Pháp Chân Ngôn được Tất Địa". Liền tụng Căn Bản Chân Ngôn phát khiên. Dùng nước Át Già, tùy tụng Chân Ngôn, trước tiên rưới lên hết thủy thức ăn uống, hương hoa cúng dường rồi ném vào trong nước sông. Từ đây về sau, mọi việc làm: Câu Triệu, cấm chi tất cả loài độc, tùy tụng thành trụ".

Trong Pháp Tu của Mật Giáo, dùng **Ca Lô La Vương** (Garuḍa-rāja) làm Bản Tôn, là Bí Pháp Tu để trừ bệnh hoạn, ngừng dứt mưa gió, tránh sấm sét dữ....

Y theo **Ca Lô La** và **Chư Thiên Mật Ngôn Kinh** ghi chép: Phạm trì Pháp Môn này thì trên Trời dưới Trời đều chẳng thể vượt qua.. không chỉ mọi người, oán địch và Quỷ Thần chẳng dám gần, lại là bậc Tối Thắng trong các Pháp thành trụ Tất Địa.

Căn cứ trong **Giác Thiên Sao Ca Lô La Pháp Chư Quỹ** ghi chép: Tu Pháp này có thể được lợi ích ở thời Mạt Pháp, nhanh chóng linh nghiệm, được Công Đức của tất cả **Bảo Điều Vương Tâm Thành Bảo Châu**, Hành Nhân được báu ở cung Rồng, được Cam Lộ ở trên Trời, được Tài Bảo, giáng mưa tuyết, Long Vương đến, trừ nạn rắn cắn, dẹp tan quân trận, điều phục oan gia, Pháp kính yêu (kính ái pháp), trừ bệnh, kêu gọi người ở xa, triệu các loài Cá....

)**Bạch Bảo Khẩu Sao, quyển 150, Pháp Kim Sí Điều** nói, nếu muốn tu Pháp Tăng Ích của Ca Lô La, nên như Pháp sau đây đã nói: "A Vĩ Xa Pháp nói rằng: xoa lên một cái đàn nhỏ, đặt Hương Hoa, thức ăn uống, tụng Chân Ngôn 108 biến, thì hiện thân, ắt nói lấy thuốc sống lâu, viên ngọc báu Như Ý trong cung Rồng.

Phẩm Điều Vương nói rằng: "Cánh chim công làm Hộ Ma thì đầy đủ Tài Bảo. Lại nói, nếu cầu vàng nên đốt lông cánh của con chim".



HUỶNH HOẶC THIÊN

Huỳnh Hoặc Thiên, tên Phạn là **Piṅgala**, dịch âm là Băng Nga La. Tôn này đồng thể với **Nhật Thiên** (Āditya-deva), là một trong 20 Thiên Hộ Thế ở phương Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Du Hư Không Thiên** trong 5 loại Thiên

Xưa kia hoặc nói **Piṅgala** là con yêu (ái tử) của **Ha Lợi Đê Mẫu** (Hārtye-mātr) nhưng xem ra có sự khác biệt với Tôn này. Như Piṅga là nghĩa của màu hoàng hôn (xích hạt), màu vàng đất (hoàng hạt) là tên gọi Thị Giả của Thái Dương ắt cùng với nghĩa của Hỏa Diệu Tinh có sự khế hợp, nhưng tên Phạn của Hỏa Diệu Tinh là **Āṅgāraka** cho nên chưa hiểu rõ chỗ đồng dị của Āṅgāraka với Piṅgala

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma): Huỳnh Hoặc Thiên có thân màu thịt trắng, hiện tướng đáng sợ, tay phải cầm đám lửa, tay trái nắm quyền



Mật Hiệu là: **Kim Cương Băng Nga La**

Chữ chủng tử là: VI (𑖕) hay PIM (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa



Tướng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tương phóng ánh sáng lửa



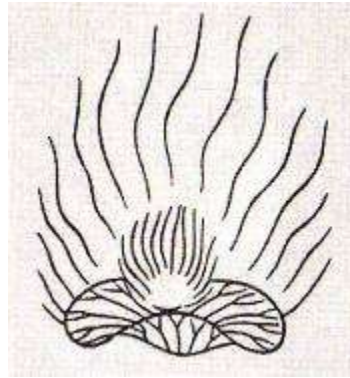
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा

OM _ VAJRA-PIṅGALA SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là:
VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa



Tượng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tương phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा

OM _ VAJRA-PINGALA SVĀHĀ

)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: TRAM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा त्रम

OM _ VAJRA-PINGALA SVĀHĀ_ TRAM

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: TRAM (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tượng phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

𑖦 𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa.



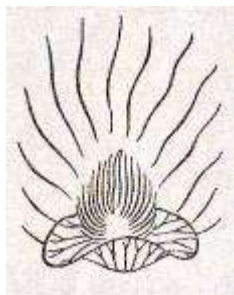
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गलं स्वहा ल

OM _ VAJRA-PINGALA SVĀHĀ _ LA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Huỳnh
Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: LA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गलं स्वहा ल

OM _ VAJRA-PINGALA SVĀHĀ _ LA

TUỆ TINH THIÊN

Tuệ Tinh Thiên, tên Phạn là **Ketu**, dịch âm là Kê Bộ, Kê Đâu, Kê Đô... là sao **Kê Đô** trong 9 Diệu, Báo Vĩ Tinh, Thực Thần Vĩ... là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Tây Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La



)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Tuệ Tinh Thiên có thân màu thịt trắng, tay phải để cạnh eo cầm cây gậy, tay trái nắm quyền để ngang eo



Mật Hiệu là: **Kim Cương Trọng**

Chữ chủng tử là: LA (𑖫) hay MU (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसला स्वहा

OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ

(५) .)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसला स्वहा

OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA (५)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसला स्वहा य

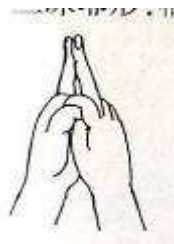
OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ_ YA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA (य)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसला स्वहा

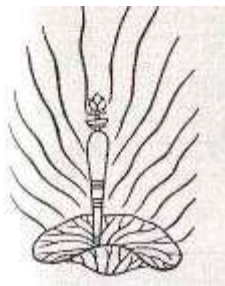
OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: RU (रू)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy



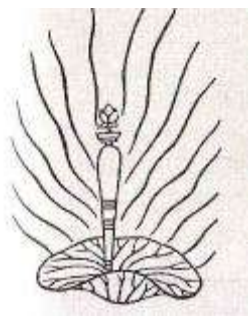
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसलं स्वहा रु

OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ_ RU

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Tuệ
Tĩnh Thiên có chữ chủng tử là: LA (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसलं स्वहा ॡ

OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ_ LA

KIM CƯƠNG THỰC THIÊN

Kim Cương Thực Thiên, tên Phạn là Vajra-bhaksam, hay Vajra-māla. Lại xưng là Kim Cương Âm Thực Thiên, Kim Cương Thực Trì Man, Nghiêm Kế Đại Tướng, **Hoa Man Tỳ Na Dạ Ca** là tên Phạn của **Hoan Hỷ Thiên**. Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở chính giữa phương Nam của Ngoại Kim Cương Bộ trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là **Hư Không Thiên** trong 5 loại Thiên.

Đại Giáo Vương Kinh, Quyển 10 ghi nhận Tôn này tức là **Tác Cam Lộ** (Madhu-kara) trong các chư Thiên của hàng **Hư Không Hành**



.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Thực Thiên có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, tay phải ngửa lòng bàn tay cầm vòng hoa, tay trái nắm quyền



Mật Hiệu là: **Kim Cương Man**

Chữ chủng tử là: LA (𑖅), hay MA (𑖇)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rôn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rôn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

(𑖦) .)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: PA

Tôn Hình: Tay trái cầm cây kiếm, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा पा

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ _ PA

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là:
PA (५)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rốn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा

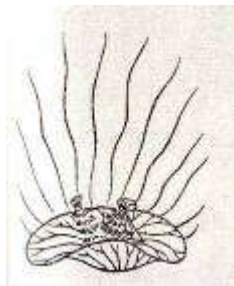
OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thê Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: RU (१)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.



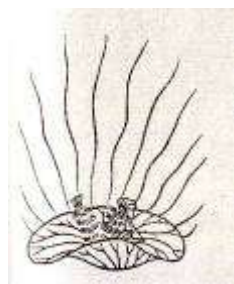
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमल सूक्तं ३

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ_ RU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: LA (३)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमल सूक्तं ३

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ_ LA

KIM CƯƠNG Y THIÊN

Kim Cương Y Thiên, tên Phạn là **Vajra-vaśi** hay **Vajra-vaśin**, dịch âm là Phộc Nhật La Phộc Thi. Xung đủ là Kim Cương Y Phục Thiên. Lại xưng là Cung Tiễn Tỳ Na Dạ Ca Thiên, Đỉnh Hạnh Đại Tướng... Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là **Hur Không Hành Thiên** trong năm loại Thiên

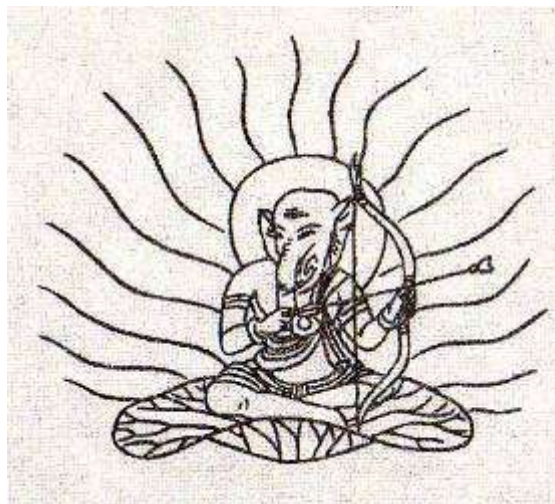
Đại Bi của Tôn này như cái áo bọc bảo thai dùng để phòng hộ sự ướt lạnh cho đứa con nên xưng là **Kim Cương Y**

Đại Giáo Vương Kinh, quyển 10 ghi nhận các Thiên Chủ của Hur Không Hành Thiên, nói rằng vị **Tối Thắng Thiên** trong ấy có hiệu là **Kim Cương Ái**

Căn cứ vào đây thì **Kim Cương Y** tức là **Kim Cương Ái** (Vajra-vaśin)



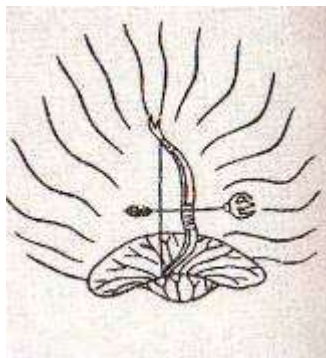
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Y Thiên có thân người đầu voi, thân màu thịt trắng, tay trái cầm cây cung, tay phải kéo mũi tên



Mật Hiệu là: **Kim Cương Thọ Trì**

Chữ chủng tử là: VA (𑖦) nghĩa là các Pháp lìa cột dính

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Tượng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lông giữa của ngón giữa trái như mũi tên



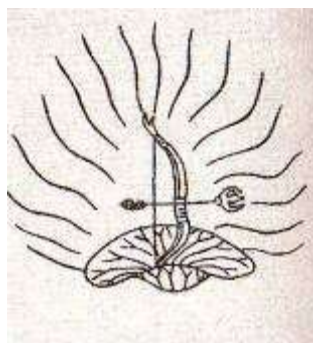
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवषि स्वहा

OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là:
VAM (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Tượng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lông giữa của ngón giữa trái như mũi tên



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवसि स्वहा

OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: VA (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवसि स्वहा व

OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ_ VA

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dụng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lóng giữa của ngón giữa trái như mũi tên



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवसि स्वहा

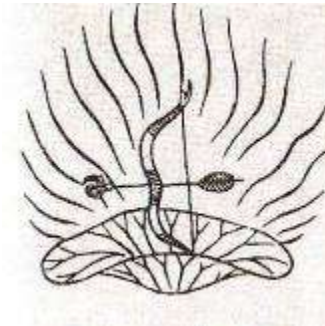
OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: RU (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



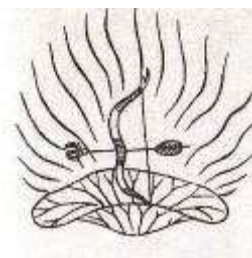
Chân Ngôn là:

𑖀 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕

OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ_ RU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: ŚRĪ (𑖕)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕

OM _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ_ ŚRĪ

KIM CƯƠNG DIỆN THIÊN

Kim Cương Diện Thiên, tên Phạn là **Vajra-mukha**, hay **Vajrāmukha**. Lại xưng là Kim Cương Trụ Đầu Thiên, Kim Cương Trụ Diện Thiên, Trụ Đầu Thiên... là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Bắc của **nGoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là một trong bốn **Địa Hạ Thiên** thuộc 5 loại Thiên.

.) **Thai Tạng Mạn Đà La Sao, 2** nói rằng: “**Thân người đầu heo cầm cây kiếm** có ý nói là sự sinh trưởng của con người từ ra khỏi thai cho đến khi trưởng thành đều là Đức của Tôn này”

Đại Giáo Vương Kinh, quyển 10 nêu bày Tôn này là **Phộc La Hạ** (Varāha) trong các Thiên Chúng **Thủy Cư**

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Diện Thiên có thân người đầu heo, thân màu đen đỏ, tay phải cầm móc câu Tam Cổ, tay trái nắm quyền để ngang eo



Mật Hiệu là: **Kim Cương Câu**

Chữ chủng tử là: PRA (𑖫), hay KU (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश सूक्त

OM_VAJRĀMKUŚA SVĀHĀ

)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: KU (कु). Biểu thị cho **Đại Không Bất Sinh Trí**

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश सूक्त

OM_VAJRĀMKUŚA SVĀHĀ

(१))Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: ŚA

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश स्वहा ॐ

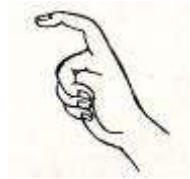
OM_VAJRĀṀKUŚA SVĀHĀ_ŚA

)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: ŚA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश स्वहा

OM_VAJRĀṀKUŚA SVĀHĀ

)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: PRA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुंभे स्वहा प्र

OM_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ_PRA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: **ŚA (𑖦)**

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुंभे स्वहा 𑖦

OM_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ_ŚA

ĐIỀU PHỤC THIÊN

Điều Phục Thiên, tên Phạn là **Vajra-jaya**, dịch âm là Phộc Nhật La Nhạ Dã. Tên Tây Tạng là **Rdo-rje rnam-par rg**, nghĩa là Kim Cương Thắng. lại xưng là Tượng Đầu Thiên, Bảo Đao Tỳ Na Dạ Ca, Tượng Đầu Đại Tướng.... Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Hư Không Hành Thiên** trong 5 loại Thiên

.)Căn cứ vào sự ghi chép trong **Đại Thánh Hoan Hỷ Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Thiên Hình Tượng Phạm Nghi Quỹ** thì vị Trời này là một trong Tỳ Na Dạ Ca ở phương, lại xưng là **Kim Sắc Ca Na Bát Để** (Suvārṇa-gaṇa-pati) tay trái cầm viên ngọc Lưu Ly trắng, tay phải cầm cây gậy báu

.) Lại trong **Đại Giáo Vương Kinh**, quyển 10 ghi nhận: Trong các chư Thiên **Hư Không Hành** thì vị Trời này là **Trì Thắng Thiên** có hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**

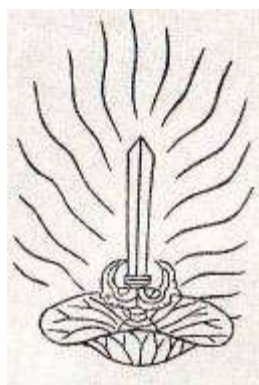
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Điều Phục Thiên có thân người đầu voi, thân màu thịt trắng, tay phải nắm quyền, tay trái cầm cây kiếm Tam Cổ



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Tam Cổ



Tượng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ

(ॐ) .)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JA

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Tam Cỗ



Tượng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JA (ॐ)

Tôn Hình: Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ở eo.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ _ JA

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái
nắm quyền



Tượng Ấn là: Dao Ấn



Chân Ngôn là:

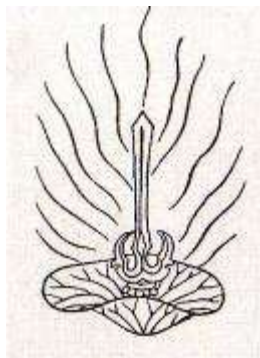
ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Điều Phục
Thiên có chữ chủng tử là: JA (ॐ)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay phải cầm cây kiếm.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm Tam Cổ.



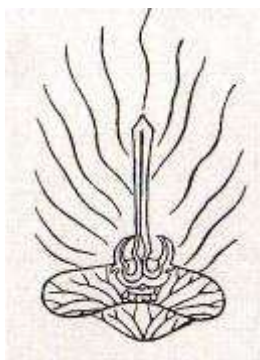
Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ_ JA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ_ JAḤ

BẢO TẠNG THIÊN

Bảo Tạng Thiên còn xưng là Bảo Tạng Thiên Nữ. Đây là vị Thần chủ về phước đức cho nên được xem như đồng với nhóm Cát Tường và Biện Tài Thiên...

Bảo Tạng Thiên có tên Phạn là **Tra La Khur** nhưng không phải được dịch âm từ chữ Phạn **Bảo Tạng** (Ratna-garbha) lại do Bảo Tạng Thiên Nữ Đà La Ni Pháp xưng Bảo Tạng Thiên Vương là Tra La Khur mà có.

Phạn Ngữ **Tra La Khur** thì chẳng rõ. Nhưng Phạn Ngữ có chữ Tāraka mang nghĩa là **Người cứu trợ** và đây cũng là tên gọi của một loài Quỷ ác. Ngoài ra trong Đồ Tượng quyển 3 có ghi câu Phạn Chú là: “OM_ DARAGA DARAGA VIDARADI SVĀHĀ” và được dịch âm là: “**Án, tra la khur, tra la khur, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha**”. Như vậy Tra La Khur là dịch Âm của Phạn Ngữ Daraga.

Nay theo sự khảo cứu của tôi thì Phạn Ngữ **Daraga** không biết rõ nghĩa mà chỉ có Phạn Ngữ **Dāraka** mang ý nghĩa là: bẻ gãy, đập phá, hủy diệt, từ bỏ thói quen, tạo nên sự gián đoạn, cắt đứt quan hệ, chia ly, xé rách, xé nát, tàn phá, khiển trách... Ngoài ra trong Pháp Quán Tường Đàn của **Tra La Khur Pháp** thì lại quán chữ TRA (𑖀) biến thành viên ngọc báu, rồi viên ngọc báu biến thành Thiên Nữ. Như vậy chữ Tra La Khur có thể là Phạn Ngữ **Tāraka** và câu Chú: “**Án, tra la khur, tra la khur, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha**” có thể được phục hồi là :

𑖀𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM_ TĀRAKA TĀRAKA VIDARADI_ SVĀHĀ

(Hỡi Đấng Cứu Trợ ! Hãy giúp cho con. Khiến cho con xa lìa sự nguy hiểm sợ hãi, thành tựu điều tốt lành)

_ Một số Đạo Sư Trung Hoa ghi nhận câu Chú này là:



OM: Nhiếp triệu

TĀRAKĀ: người cứu trợ

TĀRAKĀ: người cứu trợ

VITTA: tiền của

RĀṆI: vui mừng

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

_ **Bảo Tạng Thiên Nữ Đà La Ni Pháp** ghi là: “Vị Thiên này có đủ uy đức lớn, thần lực không gì sánh, hay ở Thế Gian hành các việc thù thắng như: lay trời động đất, dời núi lấp biển, việc hơn thua trong binh qua đều theo ý chí mà thành. Tiền của, lụa là, vàng , báu chất cao như núi. Hay mãn các nguyện mong cầu về: quan vị, kỹ nghệ,

phòng giặc cướp, trị bệnh.... Hình tượng Thiên Nữ , thân khoác áo bào đỏ tía, thắt dây lưng bằng vàng, đi giày ủng màu đen. Tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, diện mạo đoan chính sáng tỏ”

_ **Thầy** truyền là: “Thiên Nữ có Chủng Tử HŪM (𑖀). Tam Ma Gia Hình là Viên Ngọc Báu”

BẢO TẠNG THIÊN NỮ PHÁP

_ **Thắng Câu Chi Viện** ghi là: Tượng Bảo Tạng Thiên Nữ dài 2 thước 5 thốn. Quán Tượng như sau

Trên Đàn có cái Tòa bằng lụa ngũ sắc, bên trên có chữ TRA (𑖀) biến thành viên ngọc báu. Viên ngọc báu biến thành Thiên Nữ: đầu đội mào hoa, trang điểm bằng hoa đoan chính, thân khoác áo bào đỏ tía, thắt dây lưng bằng vàng, đi giày ủng màu đen. Tay phải cầm hoa sen. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tỏa ánh hào quang có uy đức không gì sánh bằng.



Đôi khi người ta còn thờ phụng Bảo Tạng Thiên Nữ qua Tôn Tượng Cát Tường Thiên



Tay trái co ngón giữa, ngón vô danh, đem ngón cái đè lên móng 2 ngón, duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út để ngang trái tim. Tay phải cầm tràng hạt. Niệm Chân Ngôn:

“Án, tra la khư, tra la khư, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha”

Tụng đủ một ngàn biến, các Nguyên sẽ như ý.

__Bảo Tạng Thiên Nữ Tán :

“Vi diệu thù thắng khó luận bàn
Sáng như mặt trời tỏa hương thơm
Dung nhan đoan chính thật hiếm có
Da mềm láng mịn tựa Đâu La (loại Gấm Lụa quý)
Hơi thơm từ miệng tràn nhân thế
Khiến ai gặp gỡ cũng nhìn trông (chiêm ngưỡng)
Một lòng mong cầu người như vậy
Thường thêm cung kính, Tâm chẳng nghi
Tuy đây là việc của Thế Gian
Rốt ráo mau thành Đạo Thanh Tĩnh
Hay khiến người Trì đến Bồ Đề
Cùng nhau tu tập Vô Thượng Giác”

Chọn ngày mồng năm tháng năm. Trước đó 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 100 ngày hoặc 39 ngày tính đến ngày mồng năm tháng năm thì vừa vặn đủ, ắt Pháp ấy đều thành.

Riêng 8 câu Chú, tụng mỗi câu 21 biến trước khi tác Pháp thì Đồ Tượng 3 ghi nhận hơi khác với Kinh Bản

1) **Án, hưng ba, la đế tra, cấp cấp cấp, sa-phộc ha**

2) **Án, chiết, la đế tra ma gia, sa-phộc ha “**

3) **Án, lạc xoa na, đế tra, sa-phộc ha**

4) **Án, bà bà, lệ, nhạ đế, sa-phộc ha**

5) **Án, bột nhạ, la đế tra, sa-phộc ha**

6) **Án, dược xoa , dược xoa tế na, sa-phộc ha**

7) **Án, già đế, tỳ chiết duệ, hồng phân, sa-phộc ha**

8) **Án, chiết lạc, na gia, đáo bà, đế tra, sa-phộc ha**

Nay phối hợp với phần dịch âm của Kinh Bản, tôi xin phục hồi 8 câu Chú trên là :

1) OM (Cảnh giác) HAVAḤ (Lời kêu gọi) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) JAḤ JAḤ JAḤ (Câu triệu, kêu gọi khiến cho mau đến) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

2) OM (Nhiếp triệu) SVA (Tự tính) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) MĀYĀ (Huyền hóa) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

3) OM (Quy mệnh) LAKṢANA (Hình tướng) ŚITTA (Thon thả mảnh mai) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

4) OM (Quy mệnh) BHAVA (Hữu, sự có sự được) ARI (thuộc về sự trung thực, người thành thật) JĀTI (tính chất) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

5) OM (Cảnh giác) BHUJA (Chi phối, lãnh đạo, thưởng thức) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

6) OM (Quy mệnh) YAKṢA (Dược Xoa) YAKṢASENA (Dược Xoa Quân) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

7) OM (Nhiếp triệu) GATE (Thú hướng, lối nẻo) VIJAYE (tối thắng) HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

8) OM (Quy mệnh) SVARA (Âm thanh) NAYA (Lý thú) REBHA (người xướng ca) ŚITA (nhảy bèn, tinh nhanh) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

Án của 8 câu Chú trên là **Ngọc Hoàn Án**: Tay trái co ngón giữa, ngón vô danh. Dem ngón cái đè lên móng 2 ngón tay ấy. Duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út, đặt ngang trái tim

TUYẾT SƠN NGŨ TRƯỜNG THỌ NỮ

Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ nguyên là các vị Sơn Thần mà dân gian Tây Tạng đã phụng thờ. Lại xưng là Cát Tường Trường Thọ Ngũ Thần Nữ, Thần Miễn Trường Thọ Ngũ Tỷ Muội hoặc Cụ Tường Không Hành Mẫu Ngũ Tỷ Muội, Trường Thọ Ngũ Tỷ Muội, Trường Thọ Ngũ Tiên Nữ. Các vị ấy tên là: Tường Thọ Tiên Nữ, Thúy Nhan Tiên Nữ, Trinh Tuệ Tiên Nữ, Thí Nhân Tiên Nữ, Quan Vịnh Tiên Nữ.... Tương truyền năm Trường Thọ Nữ này cư ngụ tại **Châu Mục Lãng Mã Phong** (núi Tuyết) [hoặc có thuyết nói năm Trường Thọ Nữ này cư ngụ tại **Lạp Cơ Khang Tuyết Sơn**], dưới chân núi có năm cái hồ băng tuyết, mỗi cái hồ đều có dáng vẻ màu sắc chẳng đồng, cũng giống như sắc thân của năm Trường Thọ Nữ. Văn hiến của Tạng văn ghi chép: “Phương Bắc, tại mạch núi ở khu vực tuyết là địa phương giao tiếp giữa **Ni Bạc Nhĩ** (Nepal) và đất Tây Tạng”

Truyền thuyết Tây Tạng ghi nhận rằng: “Vào Thế Kỷ thứ 8, **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** gặp Đại Sĩ **Liên Hoa Sinh** (Padma-sambhava) ở trong động **Ca Nhiệt Tang Ngõa**. Các bà dùng lực lượng Thần Thông rộng lớn đè ép khuất phục Liên Sư: Phát động 18 loại Thiên Ma, Đon Mã Nữ Thần, Sơn Thần và vô biên Chúng Quỷ Thần, nhưng lại không có cách nào khiến cho Đại Sĩ Liên Hoa Sinh bị chấn động. Cuối cùng các bà biến hóa ra hình mạo với Thần Lực rất đáng sợ, không ngờ lại bị Đại Sĩ Liên Hoa Sinh dùng Thần Lực Thủ Ấn đè ép khuất phục dưới lòng bàn tay. Bất đắc dĩ **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** phải đem danh hiệu và **Mệnh Căn Tinh Yếu Tâm Chú** cúng dường Liên Sư, và đứng dưới **Tam Muội Gia** (Samaya) thệ nguyện, vĩnh viễn phục tùng sự giáo hóa của Liên Sư. Đại Sĩ Liên Hoa Sinh vì các bà mở bày Lý báo ứng của nhân quả, và dặn dò các bà vĩnh viễn thủ hộ Phật Pháp”.

Từ đây **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** trở thành một trong các Tôn Trường Thọ của Tạng Truyền Phật Giáo. Lại xưng là **Cát Tường Trường Thọ Ngũ Mẫu, Phước Lộc Thọ Hỷ Ngũ Phật Mẫu, Tường Thọ Ngũ Phật Mẫu** tức là: Tường Thọ Phật Mẫu, Thúy Nhan Phật Mẫu, Trinh Tuệ Phật Mẫu, Thí Nhân Phật Mẫu, Quan Vịnh Phật Mẫu... là năm vị Không Hành Mẫu Trí Tuệ của Đại Sư **Liên Hoa Sinh**, cũng là năm vị Không Hành Mẫu bí mật của bậc Đại Thành Tựu **Mễ Lạp Nhật Ba**. Theo truyền thuyết của dân gian Tây Tạng thì năm vị Phật Mẫu ấy y theo thứ tự là năm vị Thần nắm giữ Phước Thọ, Tiên Tri, Y Điều, Tài Phú và súc sinh... cũng là năm Hộ Pháp Không Hành Mẫu của Mật Tông

Hình tượng của năm Trường Thọ Phật Mẫu là:

1) **Tường Thọ Phật Mẫu**, tức **Trát tây Thứ Nhân Mã** (Tashi Tseringma) có thân màu trắng, một mặt hai cánh tay, tay phải giơ cao lên cầm chày Kim Cương, tay trái nắm một cái bình báu trường thọ, dung mạo trẻ trung xinh đẹp hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyên, trâm cài... trang sức, ngồi trên con sư tử Tuyết bờm xanh lục



2) **Trình Tuệ Phật Mẫu**, tức **Mẽ Ngọc Lạc Tang Mã** (Miyo Lozangma) có thân màu vàng, một mặt hai cánh tay, tay phải tác Thủ Ấn kính phụng vật báu, tay trái nâng cái mâm châu báu tràn đầy lương thực, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyên, trâm cài... trang sức, ngồi trên con cọp mạnh mẽ



3) **Quan Vịnh Phật Mẫu** tức **Quyết Ban Chấn Tang Mã** (Chopen Drizangma) có thân màu hồng, một mặt hai tay, tay phải cầm một cái hộp báu, tay trái cầm một viên ngọc báu, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyên, trâm cài... trang sức, ngồi trên con hươu màu vàng cam



4) **Thúy Nhan Phật Mẫu** tức **Đình Cát Hy Tang Mã** (Ting gyi Shalzungma) có thân màu xanh lam, một mặt hai cánh tay, tay phải cầm cái gương có một mặt, tay trái cầm cây côn dài trang sức cờ phan, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyên, trâm cài... trang sức, ngồi trên con lừa



5)**Thí Nhân Phật Mẫu** tức **Đạt Ca Trác Tang Mã** (Tekar Drozangma) có thân màu xanh lục, một mặt hai cánh tay, tay phải cầm một bó cỏ, tay trái cầm con rắn quấn quanh cành cây, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyên, trâm cài... trang sức, ngồi trên con rồng xanh có màu đá Lục Tùng



Do truyền thừa khác nhau nên nhân duyên thị hiện hình tướng của **năm Trường Thọ Phật Mẫu** cũng có chút sai khác.

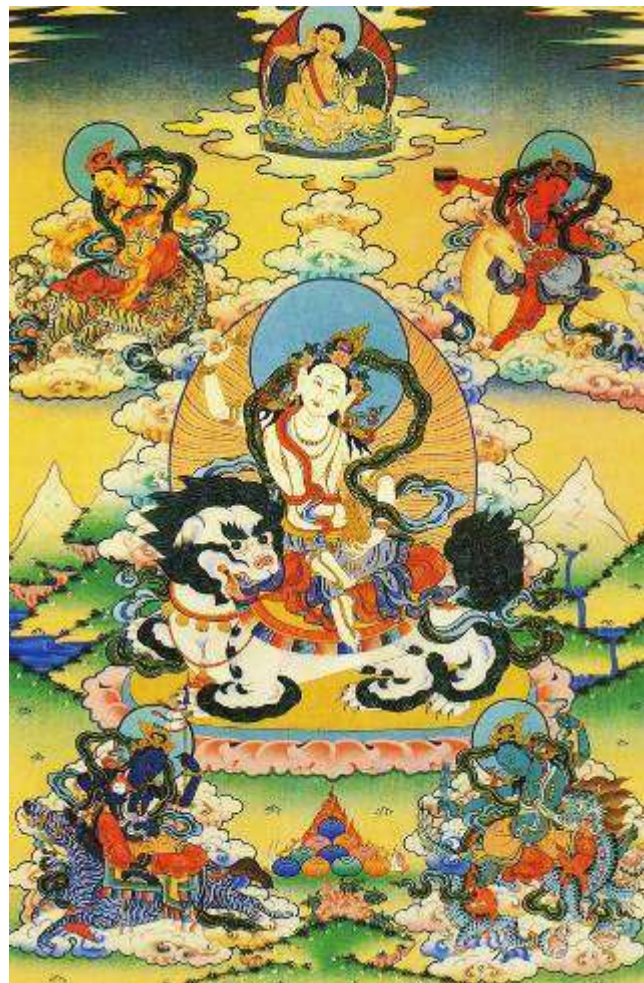
1_ **Cát Tường Trường Thọ Phật Mẫu** ngồi trên con sư tử, có thể dùng tiêu trừ tất cả sự chướng ngại trên Thế Gian, lại hay đạt được sự gia trì của tất cả tài vật trên Thế Gian

2_ **Hà Khang Mã Phật Mẫu** (Thúy Nhan Phật Mẫu) trông coi việc **Tiên Tri**, toàn thân màu xanh lam, ngồi trên con ngựa vằn. Tôn này giúp cho chúng ta đạt được một loại Thần Thông Lục, cũng là dùng cái gương để **xem bói** (Bốc Quái), sự việc cần xem hỏi sẽ tự hiện hiện trên mặt gương

3_ **Mễ Nhược Trát Tây Phật Mẫu** (Trình Tuệ Phật Mẫu) trông coi **Y Điền**, toàn thân màu vàng cam, ngồi trên con cọp già (lão hổ) có thể dùng tiêu trừ tất cả sự chướng ngại về tài vật, đạt được sự gia trì của tài vật

4_ **Giác Bối Địch Phật Mẫu** (Quan Vịnh Phật Mẫu) trông coi tài bảo, toàn thân màu hồng, ngồi trên con hươu, hay tiêu trừ tất cả sự chướng ngại về tài vật, đạt được sự gia trì của châu báu, tiền tài

5_ **Đức Nhi Khang Trác Chương Mã Phật Mẫu** (Thí Nhân Phật Mẫu) trông coi súc vật, toàn thân màu xanh lục, ngồi trên con Rồng, hay giúp cho chúng ta nuôi dưỡng các nhóm dê, ngựa, bò... được sự gia trì an khanh thịnh vượng





_ Căn cứ vào chức trách chưởng đồng của năm Thần Nữ, lại phân biệt xưng gọi là Cát Tường Trường Thọ Nữ Thần, Viên Quang Chiêm Bốc Nữ Thần, Thực Vật Chủ Tể Nữ Thần, Tài Bảo Nữ Thần, Lục Súc Nữ Thần

_Chân Ngôn của năm Trường Thọ Phật Mẫu:

1_ **Án ma ma lỗ lỗ ki đáp đạt lạt mỹ trú địa cứu trát**

ॐ ममरुरुकिदधरमेजुतिहुंभ्योः

OM_ MAMA RURU CITTA-DHARA ME JUTI HŪM BHYO JAḤ

2_ **Án tí cấp mộc đáp cứu trát**

ॐ त्तिगैमुदधुंभ्योः

OM_ BHIKAI MUTA HŪM BHYO JAḤ

3_ **Án nha ki hạnh hạnh cứu trát**

ॐ यत्रि सिं सिं हुं भ्यो ज्ञः

OM_ YATRI SIN SIN HŪM BHYO JAḤ

4_ **Án a vi lạt ni cứu trát**

ॐ अवि ली नी हुं भ्यो ज्ञः

OM_ AVIRĀṆI HŪM BHYO JAḤ

5_ **Án sa lí địn địn ca địa gia nạp cứu trát**

ॐ स रि तिन तिन सति हुं भ्यो ज्ञः

OM_ SARI TIN TIN KHATI JÑĀNA HŪM BHYO JAḤ

_Tu trì Pháp của **Tuyệt Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** hay tiêu trừ ôn dịch, được sống lâu tự tại

THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ

Thường Cầu Lợi Đồng Nữ, tên Phạn là **Jaṅguli**, dịch âm là Thường Cù Lợi, Nương Ngu Lê, Nương Ngu Lý Duệ. Dịch nghĩa là kiến thức về chất độc. Lại xưng là Thường Cù Lợi Độc Nữ, Nương Ngu Lợi Đồng Nữ, Thường Cù Lợi Đồng Tử.

Tôn này là một Nữ Thần của Phật Giáo cổ đại, được xem là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) hay trừ khử, nhiếp hóa loài trùng độc và được xếp vào Thiên Bộ. Bộ tộc Shaman trong các khu vực Bắc Ấn Độ và Nepal rất sùng kính Tôn này và xem Ngài là một biểu tượng để loại bỏ các chất độc từ người bị rắn cắn. Người dân Bengal cổ đại rất tôn phụng Nữ Thần Rắn **Manasa** và còn xưng gọi Nữ Thần này là **Jaṅguli, Viṣahari, Padmavati**



Biểu tượng chính của Thường Cầu Lợi Đồng Nữ là lông đuôi chim công (hoặc hoa sen xanh) và con rắn mang ý nghĩa nhiếp hóa các loại độc đem lại sự tốt lành.

_Kinh **Độc Nữ** nói là: “Thường Cù Lợi tuy hiện thân người nữ nhưng thật chẳng phải là nữ. Này Thiện Nam Tử! Chư Phật Bồ Tát có Trí Tuệ Thần Thông hay vì chúng sinh hiện mọi loại thân nhiếp hóa các chất độc”

_Kinh **Quán Tự Tại Bồ Tát Hóa Thân Nương Ngu Lợi Đồng Nữ Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni** ghi chép rằng:

Bấy giờ Đức Như Lai bảo với Đại Chúng: “Ta nhớ về thời xa xưa khi trụ ở núi Tuyết, Ta đi dạo về phương Bắc đến núi Hương Túy thì gặp một **Đồng Nữ** (Kamārī) có trăm Phước Tướng tốt đẹp trang nghiêm thân, khoác áo da hươu, dùng rắn độc làm Lưu Ly, cùng các trùng độc, cạp, sói, sư tử trước sau vây quanh thường làm bạn lũ, uống nước quả độc, ăn Thảo Quả độc. Đồng Nữ ấy thấy Ta thì nói rằng: “*Nhân Giả ! Tôi tuyên nói một Đại Chân Ngôn hay trừ tất cả các độc của Thế Gian. Nếu có người nghe Chú này và niệm tên của tôi thì chẳng bị tất cả các độc làm hại*”

HÌNH TƯỢNG CỦA THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ

Thành Tựu Pháp nói là: “Thân màu xanh lục, dạng như Long Vương có đủ 7 cái đầu, đỉnh đầu có hào quang tròn, nên tướng bốn tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm Tam Cô Xoa, tay thứ hai cầm 5 sợi lông đuôi của chim công. Bên trái: tay thứ nhất cầm con rắn đen, tay thứ hai tác Thí Vô Úy”



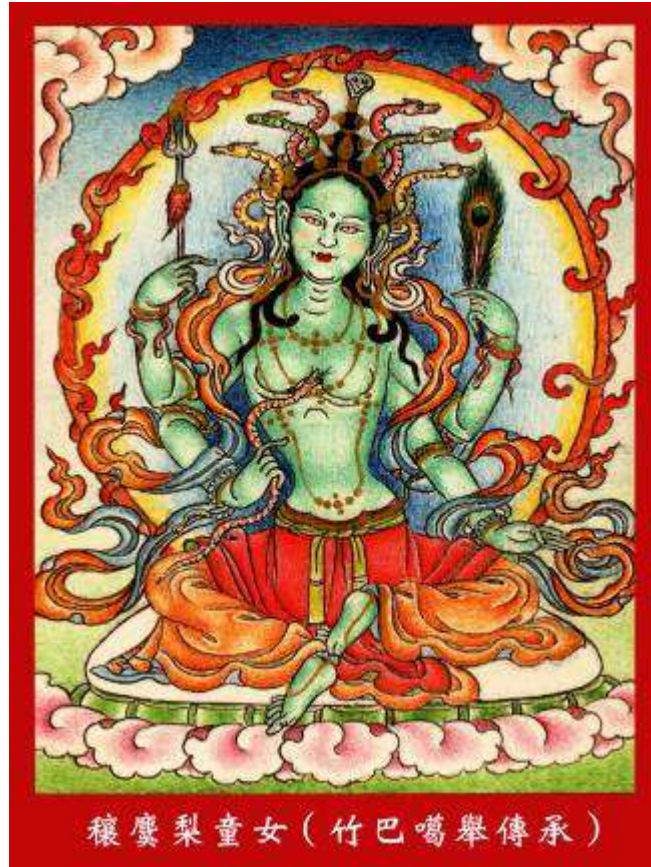
積鬘梨童女
(別尊雜記卷四十九)



積鬘梨童女
(別尊雜記卷四十九)

_Tạng Truyền Phật Giáo đôi khi ghi nhận **Thường Cầu Lợi Đồng Nữ** như là một Tārā và xưng gọi là **Jaṅguli-tārā**:

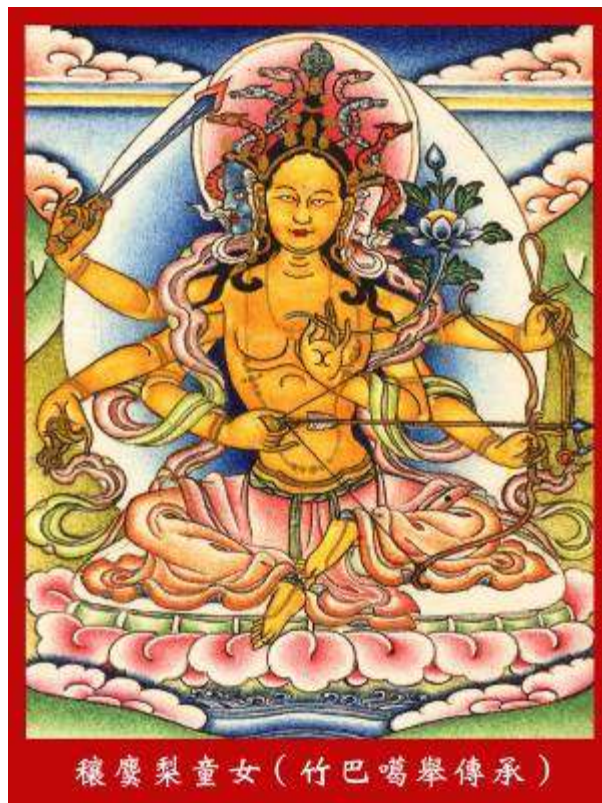
)Thân màu xanh có 4 cánh tay, lõa thể nửa thân trên, đầu đội mào có 7 con rắn, ngồi trên tòa sen. Bên phải: tay thứ nhất cầm Tam Kích Xoa, tay thứ hai cầm con rắn độc. Bên trái: tay thứ nhất cầm lông đuôi chim công, tay thứ hai tác Thì Vô Úy



) Tôn hình màu trắng có một mặt 4 tay, hai tay chính đang đánh đàn lute, tay phải thứ hai cầm con rắn trắng, tay trái thứ hai tác Thí Vô Úy



)Tôn hình màu vàng có ba mặt, mặt chính giữa màu vàng, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu trắng hồng. Đầu đội mào có 7 con rắn. Thân có 6 cánh tay, bên phải: Tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm chày Kim Cương Tam Cổ, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen xanh, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây cung (hai tay thứ ba làm thể gương cung bắn tên)





觀音化身 - 童女穰魔梨 (Janguli)

THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ ĐÀ LA NI

Phật Thuyết Nhưng Ngu Lợi Đồng Nữ Kinh ghi chép rằng:
 Khi ấy Đồng Nữ vì Ta diễn nói. Ta nghe Đồng Nữ ấy nói xong, thường trì Pháp
 này nhiều ích Hữu Tình. Nay Ta sẽ nói Chân Ngôn là:

- 1_ Đát nễ-dã tha: Án, nhất lý, mật lý đế
- 2_ Đề lý mật đế
- 3_ Nhất lý , đề lý, mật đế
- 4_ Nỗ mê, nỗ ma lý duệ
- 5_ Nột tỳ nột sai lý duệ
- 6_ Đắc yết la ni
- 7_ Phục yết la ni
- 8_ Yết thấp-nhĩ lệ
- 9_ Yết thấp-nhĩ la mạo khát-đế
- 10_ Ác kỳ
- 11_ Ác già ninh
- 12_ Ác già năng già ninh
- 13_ Nhất lý duệ
- 14_ Nhất lý, nhất lý duệ
- 15_ A khư dạ duệ
- 16_ Thủy bá dạ duệ
- 17_ Thấp-phệ đế
- 18_ Thấp-phệ đa đôn nãi

19_ A năng nỡ, la khát-sái, sa phộc ha

TĀDYATHĀ: IRI MITE, TIRI MITE, IRI TIRI MITE, NU ME, NU MĀRĪYE, DŪŚI DUŚCĀRĪYE, TAK-KARAṆI, VAK-KARAṆI, KAŚMILE KAŚMILA MUKTE, AGHE AGAṆE, AGAṆA GAṆE, IRĪYE IRĪ IRĪYE, Ā-KĀYĀYE UPĀYĀYE, ŚVETE ŚVETA TUṆDE, ANANU RAKṢE SVĀHĀ

Đức Phật bảo: “Này các Bật Sô ! Nếu có người chỉ một lần nghe qua Đà La Ni này thì 7 năm sau đó sẽ mau lìa tất cả các độc.

Nếu thường thọ trì thì tất cả trùng độc với các thuốc độc đều chẳng thể gây hại. Nếu có rắn độc đến cắn người này thì đầu của nó bị bể thành bảy mảnh giống như Lan Hương Sao.

Nếu có thọ trì Chân Ngôn Pháp này thì nên dùng vật màu trắng. Trước tiên cúng dường Thầy, sau đó thọ trì ắt được thành tựu.

Bật Sô nên biết. Đừng ở trước loài rắn mà xưng tụng Minh này vì rắn đó sẽ bị chết. Nên biết dùng Chân Ngôn này gia trì vào con rắn chết thì nó sẽ được sống lại. Chân Ngôn là:

1_ **Đát nễ-dã tha**

2_ **Án, nhất la**

3_ **Vĩ la**

4_ **Chước cú, phộc cú**

5_ **Cú noa, cú nãi đễ**

6_ **Báo noa, báo nãi đễ, nãnh củ lỗ noa**

7_ **Nãnh củ lỗ nãi đễ**

8_ **Phổ tra la hề**

9_ **Phổ tra noãn noa la hề**

10_ **La bả la hề**

11_ **Tát bả tra noãn noa la hề**

12_ **Năng nga la hề**

13_ **Năng nga tra noãn noa la hề**

14_ **A tỳ sai lễ**

15_ **Nại la ni sái**

16_ **Thức đế thức đa phộc ninh**

17_ **Mãn đá lê**

18_ **Y lý lê**

19_ **Hạ lê hạ lê**

20_ **Đản nãi đản nãi**

21_ **Đát tai**

22_ **Sa-phổ tra, sa-phổ tra, sa-phộc hạ**

TĀDYATHĀ: OM_ ILĀ VELLĀ, CAKO VAKO, KOḌA KOḌĪTI, PHAṆA PHAṆĪTI, NIKROḌA NIKROḌĪTI, PHUṬA RAHĪ, PHUṬA DAṆḌĀ RAHĪ, SARPA RAHĪ, SARPA ṬAL DAṆḌA RAHĪ, ACCHEḌALE, KṢALA VIṢE ŚITE ŚITA VANE, VĀNTĀLE, IRILE HARILE, HARE HARE, MILI MILI, HALALE, TAḌE TAḌE, TAṬE TAṬE, SPHUṬA SPHUṬA SVĀHĀ

Khi Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong lại bảo các Bật Sô: “Chân Ngôn này của Ta hay giải tất cả các độc của Thế Gian. Mỵ độc, trùng độc, thuốc độc... chẳng thể gây hại. Nếu có người bị trúng độc, dùng Chân Ngôn này gia trì đều được tiêu trừ.

Này các Bật Sô ! **Nhưong Ngu Lê Đà La Ni** (Jaṅguli kumārī-dhāraṇī) này đã nói ở trong Đại Hội của tất cả Như Lai là chân thật chẳng hư chẳng điên đảo. Là Như Ngữ, Bất Dị Ngữ. Thuốc độc, Chứ độc, trùng độc, Mỵ độc muốn đến gây hại thì hay khiến

cho chúng quay về chỗ cũ. Sai khiến các độc vào nước, vào lửa, vào cột trụ, vào vách tường, cũng khiến vào đất. Hết thầy các độc khiến chẳng thành độc, đều hay trừ diệt.

Nếu người thọ trì Chân Ngôn này, một ngày tụng một biến . Chẳng những chỉ diệt các độc của Thế Gian mà còn trừ diệt được ba Độc (Tham, Sân, Si) trong thân.

Lúc ấy Đức Như Lai lại nói **Nhương Ngu Lê Đồng Nữ Tùy Tâm Chân Ngôn** với Pháp Thành Tụ. Người tu hành muốn thành tựu Pháp này. Trước hết đoạn ngũ tân (Hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ) cũng chẳng an muối, chẳng ăn dầu, đoạn ngữ (Ngung nói năng) ở nơi thanh tịnh, ba thời tắm gội, ba thời thay áo, kết Ấn tụng **Tùy Tâm Chân Ngôn** mãn một vạn biến ắt hành Pháp thành tựu. Lại làm tất cả việc ắt được thành tựu.

Tùy Tâm Chân Ngôn là:

1_ **Án, a tỳ nễ hạ phệ**

2_ **Thú la nễ hạ-phệ**

3_ **Phộc-nhật la ca duệ**

4_ **Cật-la sa, cật-la sa**

5_ **Nhập-phộc la, nhập-phộc la**

6_ **Ma hạ ca lý**

7_ **Ma hạ dụ kỳ**

8_ **Thấp-phộc lý duệ**

9_ **Án, phả tai**

10_ **Phô tra la hề, sa-phộc hạ**

11_ **Hồng, phát tra, sa-phộc hạ**

OM _ ASI JIHVE, ŚŪLA JIHVE, VAJRA-KĀYE, GRĀSA GRĀSA, JVALA
JVALA, MAHĀ-KĀRĪ, MAHĀ-YOGĒŚVARĪYE

OM _ PHATAI PHUṬA RAHĪ SVĀHĀ

HŪM PHAṬ SVĀHĀ

.....
Lại có Pháp. Ở trước mặt người bị chích đốt, kết Căn Bản Ấn, tụng Nhất Tụ Chân Ngôn **chữ Hồng** (ॐ: HŪM) hoặc Nhất Tụ Chân Ngôn **Chữ Bộc** (ॐ: BHŪH) gia trì cũng hay trừ độc

Nếu người thường trì **Nhương Ngu Lê Pháp** này sẽ hay diệt tất cả các độc trong Thế Gian, mọi sự mong cầu không có gì không vừa lòng.

THIÊN LONG BÁT BỘ

Thiên Long Bát Bộ (tám Bộ Trời Rồng) lược xưng là **Bát Bộ Chúng** (Chúng của tám Bộ) chỉ tám loại Thần thủ hộ Phật Pháp gồm có: **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lô La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kinnara, hay Kinnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga). Trong đó hai chúng Trời, Rồng là bậc Thượng Thủ



I)Trời (Deva: Thiên) chỉ Thiên Thần của hàng **Phạm Thiên** (Brahma), **Đế Thích Thiên** (Indra), **Tứ Thiên Vương** (Catvārah-mahā-rājikāh) có quả báo thù thắng, ánh sáng thanh tịnh



Ngũ Bộ Tịnh Cư Thiên Vương

II) Rồng (Nāga: Long) chỉ nhóm tám vị Đại Long Vương là chủ của Thủy Tộc



Nan Đà Long Vương

III) Dạ Xoa (Yakṣa): dịch âm là Dạ Xoa, Duyệt Xoa, Dạ khát Xoa... Dịch ý là Dũng Kiện, Kinh Tiệp Quý, Tiệp Tật Quý... Phần lớn Dạ Xoa trụ ở trên Trời, hoặc hang hốc tại núi sâu, hoặc hải đảo hoang vắng, thường đi lại trong hư không, chẳng có dấu tích nhất định. Hàng Dạ Xoa nhận sự thống lãnh của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) trong bốn vị Thiên Vương, Dạ Xoa có thiện có ác, có kẻ dùng uy thế để gây hại cho con người, có kẻ lại thủ hộ **Chính Pháp** (Saddharma)

Dược Xoa có ba loại hình:

1_ **Không Hành Dược Xoa** (Hư Không Dược Xoa): Loại Dược Xoa này có Thân Thông rộng lớn, có lúc thời hầu cận nơi mà Phật Bồ Tát đã hóa hiện ra

2_ **Thiên Hành Dược Xoa**: là Dược Xoa hay bay đi trong hư không

3_ **Địa Hành Dược Xoa**: là Dược Xoa hoạt động tại mặt đất, di động nhanh lẹ với tốc độ phi thường, ban ngày thì nghỉ ngơi, ban đêm đi ra ngoài, hoặc ẩn cư ở huyệt động trong lòng núi

Dược Xoa cũng phân biệt có tướng nam nữ: tướng nam dũng mãnh cương cường hoặc tướng khùng bố, tướng nữ xinh đẹp lộng lẫy và chẳng thấy được dạng xấu ác của

Mẫu Dạ Xoa khi mắng chửi con người. Phật, Bồ Tát thường duyên vào Tâm Đại Bi dùng Trí Tuệ Chính Định hóa hiện **tướng Kim Cương Dạ Xoa Khủng Bố** trợ giúp cho người học Phật giải trừ phiền não, khiến cho đại tinh tiến tu hành. Sở dĩ Dược Xoa hay được xưng là **Đại Tướng** hoặc **Thần Tướng** là do Dược Xoa đã có đủ quả vị của **Kim Cương Bồ Tát**, ủng hộ người hành Đạo có Tâm Đại Từ Bi và tinh thần Đại Vô Úy, đầy đủ Công Đức, uy nghiêm tự tại.

Dựa trên năng lực thì Dược Xoa có năm loại tên gọi riêng

1_ **Quý Nhân**: Dược Xoa hay tự mình được phú quý, lại khiến cho con người được phú quý, khiến cho người ở vị trí bên trên, tức ý là người thuộc bậc trên (Thượng Đẳng Nhân). Trong tín ngưỡng của dân gian, vì cầu hiển đạt cho nên thờ phụng Dược Xoa Thần Kỳ rất phổ biến

2_ **Già Trì**: Thần Chú của Dược Xoa có công năng **sinh thiện diệt ác**, hay che chặn mọi loại ác, giữ gìn tất cả điều thiện lành, thần nghiệm linh cảm phi thường cho nên có tên gọi là **Già Trì**

3_ **Tật Phong**: Dược Xoa có thân thủ rất nhanh nhẹn, đi lại trên Trời với nhân gian mau chóng như ngọn gió, cho nên hay nhanh chóng thừa sự việc Phật với đáp ứng việc mong cầu của chúng sinh

4_ **Dũng Kiện**: hiển bày sức lực cương mãnh cường tráng của Dược Xoa chẳng bị Ngoại Lực tội phục mà hay chế phục tất cả, cho nên Phật Bồ Tát dùng Tâm Đại Bi thường hiện thân Kim Cương Lực Sĩ cứu độ chúng sinh

5_ **Bí Mật**: Do Dược Xoa là thân hóa hiện của chư Phật Bồ Tát, có hành tung bí mật và Bản Thệ bí mật nên có tên gọi là **Bí Mật**



Tất Bà Già La Vương (Chiến Đấu Thần)

IV) Càn Thát Bà (Gandharva) là Hương Âm Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần.... thích dùng mùi thơm làm thức ăn. Tức là Nhạc Thần của Trời Đê Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe.



Càn Thát Bà Vương

V) A Tu La (Asura) dịch là Phi Thiên hay Vô Thiện Đẳng. Đây là hàng Thần có thần thông biến hóa nhưng phước đức không bằng chư Thiên.

Truyền Thuyết cho rằng Nam A Tu La có thân hình thô xấu, còn Nữ A Tu La thì rất xinh đẹp. Đây cũng là một trong các nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh giữa hàng A Tu La và chư Thiên. Hàng Thần này có tính ưa đấu tranh, thường cùng chiến đấu với Trời Đế Thích



A Tu La Vương

VI)Kim Sí Điều (Garuḍa) một loài chim Thần có lông cánh màu vàng rất đẹp, hai cánh xòe ra cách nhau 3360000 dặm, có thần thông biến hóa, chuyên ăn thịt loài Rồng, thường hiện ra thân người đầu chim có lông cánh

Truyền Thuyết cho rằng Na La Diên Thiên thường cỡi chim Kim Xí Điều du hành trên hư không. Vì thế Kim Xí Điều được xem là dạng Thần Cách Hóa về tướng dụng của Na La Diên Thiên.

Dùng Kim Xí Điều làm Bản Tôn để hành Pháp cầu mưa, trị bệnh, giải trừ oan kết đều thành tựu. Ngoài ra Tôn này còn ăn nuốt tất cả phiền não, Ma chướng và dùng Đại Phước Lợi cung cấp cho chúng sinh



Ca Lô La Vương

VII)Khẩn Na La (Kinnara) là Nghi Thần, Thiên Kỹ Thần, Ca Thần hay Âm Nhạc Thiên. Hàng Thần này tuy giống người nhưng trên đầu có sừng nên. Đôi khi Nam Thần có thân người đầu ngựa, riêng Nữ Thần thì đoan chính thích ca múa và thường làm vợ của hàng Càn Đạt Bà . Hàng Thần này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức



Khẩn Na La Vương

VIII)Ma Hầu La Già (Mahoraga) dịch là Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức là Thần Rắn. Đây cũng là vị Thần Âm Nhạc có mình người đầu rắn

Do 3 hàng Thần Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già có thân tựa như loài người mà chẳng phải người nên thường gọi là hàng **Phi Nhân** (Amanuṣya)



Ma Hầu La Già Vương

_Chúng của tám Bộ này đều có mối quan hệ với quyền thuộc của Đức Phật, thọ nhận Uy Đức Sở Hóa của Đức Phật mà hộ trì Phật Pháp. Do điều này nên ở trong Kinh Điển Đại Thừa, nhóm ấy cũng mỗi mỗi đi đến Hội Chúng khi Đức Phật Đà nói Pháp

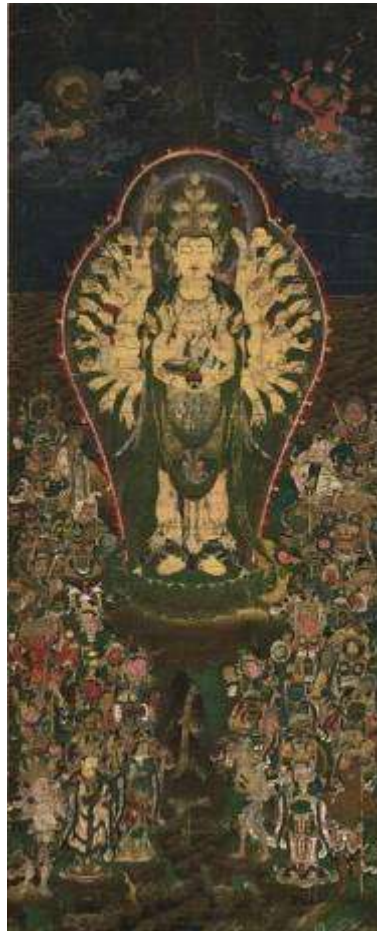
.)Kinh **Pháp Hoa, quyển 2, phẩm Thí Dụ** ghi nhận là: “Đại Chúng của các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già thấy **Xá Lợi Phất** (Śāriputra) ở trước mặt Đức Phật thọ nhận **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề Ký** thì Tâm rất vui vẻ, hớn hở vô lượng”

_Ngoài ra, lại có **tám Bộ chúng** do bốn vị Thiên Vương thống lãnh, so với điều trên thì có chỗ chẳng đồng. Tức **Càn Thát Bà** (Gandharva), **Tỳ Xá Xà** (Piśāca), **Cưu Bàn Trà** (Kumbhāṇḍa), **Bệ Lệ Đa** (Preta), **Rồng** (Nāga), **Phú Đan Na** (Pūtana), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Yakṣa)

Nhân Vương Hộ quốc Bát Nhã Kinh Sớ, quyển 2 ghi nhận là: “**Tám Bộ** thời hai chúng Càn Thát Bà, Tỳ Xá Xà do **Đế Đầu Lại Tra Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra) ở phương Đông thống lãnh. Hai chúng Cưu Bàn Trà, Bệ Lệ Đa do **Tỳ Lô Lặc Xoa Thiên Vương** (Virūḍhaka) ở phương Nam thống lãnh. Hai chúng Rồng, Phú Đan Na do **Tỳ Lưu Bác Xoa Thiên Vương** (Virūpākṣa) ở phương Tây thống lãnh. Hai chúng Dạ Xoa, La Sát do **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) ở phương Bắc thống lãnh”.

QUYÊN THUỘC CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Do hoá độ tất cả chúng sinh trong 25 Hữu nên Đức Thiên **Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát** có rất nhiều quyền thuộc, trong đó có **28 Bộ** phụ giúp. Hầu hết các Vị trong 28 Bộ này đều hộ trì cho người trì tụng Thần Chú Đại Bi vượt qua ách nạn, xa lìa các Ma chướng, hàng phục các loài Ma Quỷ Thần hung ác và mau chóng có phương tiện thuận lợi cho việc tu hành. Vì thế, nếu Hành Giả gặp việc cần thiết thì có thể kết Ấn, niệm Chân Ngôn kêu gọi cầu khẩn giúp đỡ.



DANH XƯNG VÀ HÌNH TƯỢNG CỦA 28 BỘ CHÚNG

1. **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: Màu thịt đỏ, mặc Giáp Trụ, tướng phần nộ, Tay trái chống eo, cong khuỷu tay phải ngang ngực, cầm chày Kim Cương nằm ngang trong lòng bàn tay.



2. **Bát Bộ Lực Sĩ**: Màu thịt đỏ, mặc áo xanh, tướng Phần Nộ, tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài.



3. **Ma Hê Na La Đạt:** Mặc áo Giáp Kim Cương, tay trái duỗi khuỷu, tay phải cầm cây đao lớn đâm xuống đất



4. **Kim Tỳ La Đà:** Mặc Giáp Trụ, tay trái để ở eo, tay phải rút cây đao lớn.



5. **Bà Cấp Bà Lô Na:** Màu vàng trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, tướng phần nộ, tay trái để sát ngực, tay phải để cạnh eo cầm cây đao lớn



6. **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La:** Mặc áo Cà Sa màu xanh, hơi cười, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm Hoa Sen.



7. **Tát Giá Ma Hòa La:** Màu đỏ hơi trắng, đội mũo trang sức trên thân, hơi cười, giậm ít, giờ cánh tay trái lên duỗi 5 ngón tay, tay phải cầm cán búa



8. **Cưu Lan Đan Tra:** Màu xanh, mặc Giáp Trụ vàng ròng, hơi cười, tay trái để bên cạnh ngực duỗi 5 ngón tay, tay phải rữ cánh tay xuống, cầm Đại Dao



9. **Tát Bà Già La Vương:** Màu đỏ trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, hơi cười phần nộ, tay trái nắm lại thành quyền để ở giữa rốn, tay phải cầm cây Tam Kích



10. **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La:** Đầu đội mào ngọc, hơi phần nộ, hai tay bên trái bên phải nắm lại cầm chày Độc Cỗ



11. **Phạm Ma Tam Bát La:** Trang sức anh lạc trên thân, đầu đội mào Trời, như Thiên Nữ, tay trái để ở cạnh rốn, tay phải cầm cây phát trần màu trắng



12. **Diêm Ma La:** Màu xanh lục, phần nộ, ngửa nhìn lên Trời, tay trái để ngang ngực, tay phải duỗi 5 ngón tay để ở dưới eo



13. **Thích Vương:** Mang giày cỏ, tay trái nắm thành quyền để ở eo, tay phải cầm chày Độc Cổ



14. **Đại Biện Công Đức Bà Đát Na:** Như Cát Tường Thiên Nữ, tay trái cầm cọng Hoa Sen đỏ trên có Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



15. **Đề Đầu Lại Tra Vương:** Mặc Giáp Trụ, tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo lưng, tay phải cầm chày Tam Cổ



16. **Thần Mẫu Nữ Đẳng:** Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



17. **Tỳ Lô Lạc Xoa:** Mặc Giáp Trụ, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây đao lớn



18. **Tỳ Sa Môn:** Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm chày Tam Cổ



19. **Kim Sắc Khổng Tước Vương:** Đầu là Chim công, từ vai trở xuống là hình người, hai tay dùng một bàn chân của con chim công làm cây gậy



20. **Đại Tiên Chúng:** Hình Tiên Nhân, tay trái giơ cánh tay lên, cầm quyển Kinh, tay phải cầm gậy



21. **Ma Ni Bạt Đà La**: Tóc đỏ kết hoa trang sức trên đầu, mặt như Thiên Nữ, hai tay chấp lại



22. **Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà**: Màu trắng, đội mũ Trời, hơi cười phần nộ, tay trái ngón cái vịn ngón giữa, tay phải cầm cây đao lớn



23. **Nan Đà Bạt Nan Đà**: Màu xanh lục, mặc Giáp Trụ, đầu đội con Rồng, tướng phần nộ, tay trái để trước ngực rũ 5 ngón tay xuống, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trở hướng lên trên.



24. **Sa Già La Long Y Bát La:** Tướng phẫn nộ, hai tay cầm Đại Đao đâm xuống đất



25. **Tu La Càn Thất Bà:** Màu trắng, có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt có 3 con mắt. Bên trái bên phải tay thứ nhất chấp lại. Bên trái bên phải tay thứ hai cầm Vòng Mặt Trời. Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải cầm Bánh Xe



26. **Ca Lôu Khẩn Na Ma Hầu La:** Tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo , tay phải cầm cây đao lớn



27. **Hỏa Lô Điện Thần:** Màu đen đỏ, đứng trong sóng màu đen, tướng phần nộ, tay trái để trước ngực, tay phải làm tư thế đê xuống đất



28. **Thủy Lô Điện Thần:** Màu xanh, do thân trú mưa, đứng trong sóng, như Quỷ Thần ác, hai tay tác nội phộc để trước ngực



28 Bộ trên có thể được ghép thành 14 cặp như sau

1) **Chủ và Bạn của Minh Chú Thần**

Minh Chú Thần Bộ là Chủ của Minh Chú Thần

Chú Thần Sứ Giả Bộ là Bạn của Minh Chú Thần

2) **Trụ Không và Trụ Địa**

Đại Lực Thiên Bộ là Không Cư Thiên

Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ là Trụ Địa Khoáng Dã Thần

3) **Nội Ngoại Nhuận Lợi**

Thủy Thần Bộ tức Thủy Nhuận là lợi bên ngoài (Ngoại lợi)

Thiện Thần Bộ tức tác thiện sung mãn là lợi bên trong (Nội lợi)

4) **Tướng quân và Chiến đấu**

Thần Tướng Bộ là Đại Thần Tướng Quân

Đấu Chiến Thần Bộ là chiến đấu vô địch

Do dựa vào Tướng Quân mà chiến đấu nên hợp thành một cặp.

5) **Trụ Địa và Lưu Hành**

Sơn Thần Bộ là Trụ núi (tức đứng yên)

Lưu Hành Thần Bộ là Lưu Hành Thần (tức di chuyển)

6) **Tĩnh Lự cạn sâu**

Phạm Thiên Bộ: là y theo Thiên mà hành nông cạn thì được thân Phạm Thiên

Na Hàm Bộ: là do Thiên Định thâm sâu mà sinh vào cõi Ngũ Tịnh Cư.

7) **Thắng Nam Nữ Thiên trong Địa Cư Thiên**

Đế Thích Thiên Bộ là Thắng Nam Thiên

Dục Giới Thiên Nữ Bộ là Thắng Nữ Thiên

8) **Trì Quốc và Trì Đàn**

Đất nước là nơi nương tựa của Hữu Tình còn Đàn Trường là nơi Thánh Nhân giảng lâm.

Càn Thát Bà Bộ là Trì Quốc vì Đông Phương Thiên hay giữ gìn quốc thổ của Thế Gian.

Dạ Xoa Thần Mẫu Bộ là Trì Đàn vì Thần Mẫu Ha Lợi Đế hay hộ Đàn Trường của Quán Âm Bộ.

9) **Hộ Quốc và Hộ Thế**

Cưu Bàn Trà Bộ là Hộ Quốc vì Nam Phương Thiên hay làm cho vạn vật tăng trưởng

Hộ Thế Thiên Bộ là Hộ Thế vì Tây Phương Thiên và Bắc Phương Thiên hay giúp đỡ cho người ở Thế Gian.

10) **Sở Trì và Năng Trì**

Điều Vương Bộ là Sở Trì vì có Chú Pháp Sở Trì

Đại Tiên Bộ là Năng Trì vì y vào đây mà có công của Năng Trì

11) **Cần Hành và Trụ Phương**

Đại Dược Xoa Bộ là Phi Hành Thiên Dược Xoa nên gọi là Cần Hành Dược Xoa (Dược Xoa siêng năng đi lại)

Phương Bá Dược Xoa Bộ hay trụ phương thủ hộ nên gọi là Trụ Phương Dược Xoa (Dược Xoa đứng theo phương vị của mình)

12) **Ngoại Hải và Nội Hải**

Hai Rồng Nanda và Upananda trụ bên ngoài, đi đến biển làm TỐI ĐẠI LONG VƯƠNG nên Xà Long Bộ là Ngoại Hải Long Vương

Sa Già Long Vương ở trong biển Ngọt làm TỐI ĐẠI LONG VƯƠNG nên Hải Long Bộ làm Nội Hải Long Vương.

13) **Phi Thiên và Phi Nhân**

A Tu La hay đánh nhau với chư Thiên mà phước đức chẳng bằng Trời. Càn Thát Bà tuy ở chung cõi Trời nhưng phải thường tấu nhạc cho Đế Thích nghe nên phước đức cũng chẳng bằng. Do đó cả hai loài này gọi là Phi Thiên Chúng Bộ.

Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già tuy tựa như người mà chẳng phải người nên gọi là Phi Nhân Chúng Bộ.

14) **Thượng Hạ Quỷ Thần**

Lôi Điện Thần Bộ là Lôi Thần Tộc ở trên Hư Không

Địa Quỷ Thần Bộ là Quỷ Thần cư ngụ dưới đất

THỦ ẤN VÀ CHÂN NGÔN CỦA 28 BỘ CHÚNG

1) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Nhiếp Ấn :**

Chấp 2 tay lại để trống rỗng chính giữa (Hư Tâm Hợp Chương) mở 2 ngón út, 2 ngón trỏ phóng thẳng ra ngoài. Đứng thẳng đọc Chân Ngôn là :

KURU KURU_TURU TURU _ JVARA JVARA _ SIRI SIRI _ SURU
SURU _ TRAJVARA _ SVĀHĀ

2) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Minh Ấn :**

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc Quyền) dựng đứng 2 ngón cái, hiển tướng giận dữ, niệm Chân Ngôn:

OM _ KUBERA _ SVĀHĀ

3) **Nhị Thập Bát Bộ Chúng Ấn :**

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền, dựng thẳng đứng 2 ngón giữa, co ngón trỏ và ngón út như hình vành xe (Luân). Niệm Chân Ngôn :

OM_MUCI MUCI _ PISĀCANĀM HŪM HŪM_ BUDDHĀNĀM VAJRA
HŪM PHAT

4) **Nhị Thập Bát Bộ Can Tâm Chân Ngôn :**

NAMO MĀRĀ-RĀJA SADDHARMA PUNḌARIKA _ OM RĪṬI _ SVĀHĀ

5) **Thiên Long Bát Bộ Tập Hội Ấn :**

Hư Tâm Hợp Chương, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón út đè trên móng 2 ngón cái, đưa 2 ngón trỏ qua lại. Niệm Chân Ngôn là :

OM_SARVA DEVA NĀGA _ ANALE ANALE _ SVĀHĀ.

36 BỘ THẦN VƯƠNG

Hán văn: Bách Khoa Toàn Thư

Phục Hồi Phạm Danh và Việt dịch: HUYỀN THANH

36 Bộ Thần Vương chỉ 36 loại Thiện Thần do Đế Thích Thiên sai phái thủ hộ cho người thọ nhận **Tam Quy**. Lại gọi là **36 Thiện Thần**

)**Quán Đỉnh Kinh, quyển 3, Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Chú Kinh** nói là: “Các vị Thiện Thần này, phạm cáo vạ ức hằng hà sa Quỷ Thần dùng làm Quyển Thuộc âm thầm thay đổi nhau hộ giúp cho nhóm người nam, người nữ thọ nhận Tam Quy. Nên viết tên gọi của Thần Vương đeo ở trên thân thì đi lại, ra vào đều không có sự sợ hãi, tịch trừ tà ác, tiêu diệt sự chẳng tốt lành”

36 vị Thiện Thần là:

- 1_ **Di Lật Đầu Bất La Bà** (Mṛḍa-prabha: Thiện Quang) chủ về bệnh tật
- 2_ **Di Lật Đầu Bà Ha Sa** (Mṛḍa-ābhāsa: Thiện Minh) chủ về đau buốt đầu
- 3_ **Di Lật Đầu Bà La Ba** (Mṛḍa-parama: Thiện Phương) chủ về sự nóng lạnh
- 4_ **Di Lật Đầu Chiên Đà La** (Mṛḍa-candra: Thiện Nguyệt) chủ về bệnh đầy bụng
- 5_ **Di Lật Đầu Đà Lợi xa** (Mṛḍa-darśa: Thiện Khiển) chủ về nhọt sưng vù
- 6_ **Di Lật Đầu A Lâu Ha** (Mṛḍa-arha: Thiện Củng) chủ về sự điên cuồng
- 7_ **Di Lật Đầu Sa Bà Đế** (Mṛḍa-savati: Thiện Xả) chủ về sự ngu si
- 8_ **Di Lật Đầu Tát Trì Đa** (Mṛḍa-sthita: Thiện Tịch) chủ về sự tức giận
- 9_ **Di Lật Đầu Bồ Đề Tát** (Mṛḍa-bodhita: Thiện Giác): chủ về sự dâm dục
- 10_ **Di Lật Đầu Đề Bà La** (Mṛḍa-devala: Thiện Thiên) chủ về Tà Quỷ
- 11_ **Di Lật Đầu Ha Ba Đế** (Mṛḍa-avātī: Thiện Trụ) chủ về sự bị hại chết
- 12_ **Di Lật Đầu Bất Nhược La** (Mṛḍa-pajra: Thiện Phước) chủ về nghĩa trang, mồ mã
- 13_ **Di Lật Đầu Bất Xà Ca** (Mṛḍa-pāsika: Thiện Thuật) chủ về bốn phương
- 14_ **Di Lật Đầu Già Lệ Sa** (Mṛḍa-gariṣṭha: Thiện Đế) chủ về oan gia
- 15_ **Di Lật Đầu La Xà Già** (Mṛḍa-rājaka: Thiện Vương) chủ về trộm cắp
- 16_ **Di Lật Đầu Tu Càn Đà** (Mṛḍa-sugandha: Thiện Hương) chủ về chủ nợ
- 17_ **Di Lật Đầu Đàn Na Ba** (Mṛḍa-dānava: Thiện Thí) chủ về trộm cắp
- 18_ **Di Lật Đầu Chi Đa Na** (Mṛḍa-cintana: Thiện Ý) chủ về dịch độc
- 19_ **Di Lật Đầu La Bà Na** (Mṛḍa-lavana: Thiện Cát) chủ về năm loại bệnh lây lan
- 20_ **Di Lật Đầu Bất Bà Đà** (Mṛḍa-parvata: Thiện Sơn) chủ về **Phỉ Thi**
- 21_ **Di Lật Đầu Tam Ma Đà** (Mṛḍa-samatta: Thiện Điều) chủ về sự chuyên chú liên tiếp
- 22_ **Di Lật Đầu Lệ Đế Đà** (Mṛḍa-rddha: Thiện Bị) chủ về sự chuyên chú báo đáp
- 23_ **Di Lật Đầu Bà Lợi Đà** (Mṛḍa-palita: Thiện Kính) chủ về sự dẫn dắt lẫn nhau
- 24_ **Di Lật Đầu Ba Lợi Na** (Mṛḍa-balin: Thiện Tĩnh) chủ về băng đảng ác
- 25_ **Di Lật Đầu Kiên Già Địa** (Mṛḍa-samghāṭi: Thiện Phảm) chủ về **Cổ Độc** (vật độc làm hại người)
- 26_ **Di Lật Đầu Tỳ Đa Na** (Mṛḍa-vidhāna: Thiện Kết) chủ về sự hoảng sợ
- 27_ **Di Lật Đầu Chi Đà Na** (Mṛḍa-stena: Thiện Thọ) chủ về ách nạn
- 28_ **Di Lật Đầu Già Lâm Ma** (Mṛḍa-: Thiện Du) chủ về sự sinh đẻ, sinh sôi (sản nữ)
- 29_ **Di Lật Đầu A Lưu Già** (Mṛḍa-aroga: Thiện Nguyện) chủ về quan huyện
- 30_ **Di Lật Đầu Xà Lợi Đà** (Mṛḍa-jalita: Thiện Nhân) chủ về miệng lưỡi

- 31_ **Di Lật Đầu A Già Đà** (Mṛda-: Thiện Chiếu) chủ về sự lo lắng, bực bội
32_ **Di Lật Đầu A Ha Sa** (Mṛda-ahāsa: Thiện Sinh) chủ về sự chẳng an
33_ **Di Lật Đầu Sa Hòa La** (Mṛda-śabara: Thiện Chí) chủ về **Bách Quái**
34_ **Di Lật Đầu Ba Lợi Na** (Mṛda-vārida: Thiện Tàng) chủ về sự ganh ghét
35_ **Di Lật Đầu Chu Đà Na** (Mṛda-codana: Thiện Âm) chủ về Chú Trớ
36_ **Di Lật Đầu Vi Đà La** (Mṛda-vetāla: Thiện Diệu) chủ về ếm đối cầu đảo

14/06/2015

25 VỊ THIỆN THẦN THỦ HỘ NGƯỜI THỌ TRÌ NĂM GIỚI

Hán văn: trích dịch từ **Quán Đỉnh Kinh, quyển 3**
Phục hồi Phạn danh và Việt Dịch: HUYỀN THANH

Quán Đỉnh Kinh, quyển 3 nói rằng: “Đức Thế Tôn nói rằng: Nếu người trì năm Giới sẽ có 25 vị Thiện Thần vệ hộ thân người, ở hai bên trái phải của người ấy, ở trên cửa nẻo giữ gìn cung thất, nhà ở”

25 vị Thiện Thần thủ hộ người thọ trì **năm Giới** được phân thuật như sau:

1_ Năm vị Thần thủ hộ người thọ trì Giới **chẳng sát sinh** là:

_ **Sái Sô Tỳ Dũ Tha Ni** (Śasa-abhyutthāni) chủ về hộ thân người, trừ khử điều tà ác

_ **Thâu Đa Lợi Thâu Đà Ni** (Suddhar-śodhani) chủ về giúp cho **sáu tình** của con người đều khiến trở lại như cũ

_ **Tỳ Lô Già Da Ba** (Viloka-yāva) chủ về giúp cho **năm Tạng** trong bụng của con người được điều hòa bình ổn

_ **A Đà Long Ma Đễ** (Adharaṃ-mati) chủ về giúp cho **huyết mạch** của con người đều khiến cho thông suốt

_ **Bà La Hoàn Ni Hòa Ni** (Prahāṇi-hāni) chủ về hộ giúp cho móng tay, ngón tay của con người không bị hủy hoại

2_ Năm vị Thần thủ hộ người thọ trì Giới **chẳng trộm cắp** là:

_ **Đề Ma A Tỳ Bà Đà** (Dhīmat-abhipāta) chủ về hộ giúp cho con người ra vào, đi lại được an ninh

_ **A Tu Luân Bà La Đà** (Asura-bharata) chủ về giúp cho con người ăn uống thức thơm ngon

_ **Bà La Ma Đản Hùng Thư** (Paramatāṃ-huti) chủ về giúp cho con người nằm mộng an ổn, thức vui thích

_ **Bà La Môn Địa Tì Đá** (Brāhman-adhividhā) chủ về giúp cho con người chẳng bị trúng chất độc của loài trùng

_ **Na Ma Hu Đa Đa Xá** (Nāma-huta-yaśa) chủ về giúp cho con người chẳng bị mây mù, sương móc độc ác gây hại

3_ Năm vị Thần thủ hộ người thọ trì Giới **chẳng tà dâm** là:

_ **Phật Đà Tiên Đà Lô Đà** (Buddha-śānta-ruta) chủ về giúp cho con người chẳng thực hành miệng lưỡi đấu tranh

_ **Tì Xà Đa Tẩu Đa Sa** (Vijaya-utsa) chủ về hộ giúp cho con người chẳng bị Ngược Quỷ gây bệnh lây lan

_ **Niết Đễ Hê Đà Đa** (Nīti-heḍāya) chủ về giúp cho con người chẳng bị quan huyện bắt được

_ **A La Đa Lại Đô Đa** (Artha-rādhodeya) chủ về hộ giúp bốn phương của nhà cửa con người, xua đuổi tai ương xấu

_ **Ba La Na Phật Đàm** (Varada-buddhaṃ) chủ về giúp cho con người bình định tám vị Thần của nhà cửa

4_Năm vị Thần thủ hộ người thọ trì Giới **chẳng nói dối** là:

_ **A ĐỀ PHẠM GIẢ SAN GIA** (Atibhā-yaśāya) chủ về giúp cho con người chẳng bị Quỷ ở gò má quấy nhiễu

_ **Nhân Đài La Nhân Đài La** (Indirā indirā) chủ về hộ giữ nhà cửa con người, tịch trừ tà ác

_ **A Già Lam Thí Bà Đa** (Agrāṃ-sivatā) chủ về giúp cho con người chẳng bị Ngoại Khí Quỷ Thần

_ **Phật Đầm Di Ma Đa Đá** (Buddhaṃ me vardhita) chủ về hộ giúp cho con người chẳng bị gàn với tai vạ của lửa

_ **Đa Lại Xoa Tam Mật Đà** (Tṛṣa-saṃ-mita) chủ về hộ giúp cho con người chẳng bị trộm cướp xâm phạm

5_Năm vị Thần thủ hộ người thọ trì Giới **chẳng uống rượu** là:

_ **A Ma La Tư Đâu Hy** (Amala-sīdhu he) chủ về giúp cho con người nếu vào rừng núi chẳng bị cọp, sói gây hại

_ **Na La Môn Xà Đâu Đế** (Nārā-muñca-dhūti) chủ về giúp cho con người chẳng bị thương tích mà chết

_ **Tát Ni Càn Na Ba** (Sani-kaṇapa) chủ về giúp cho con người trừ khử tiếng kêu của các loài chim, tiếng kêu của loài chồn cáo

_ **Trà Tì Xà Tỳ Xá La** (dhvaja-viśāla) chủ về giúp cho con người trừ khử sự biến quái của chó, chuột

_ **Gia Ma Tỳ Na Xà Ni Khư** (Yama-vinaya-nija) chủ về giúp cho con người chẳng bị sự chuyên chú xấu

14/06/2015

33 VỊ ĐẠI THẦN TƯỚNG QUÂN

Quán Đỉnh Kinh, quyển 8 ghi nhận là: “Đức Phật bảo A Nan: 33 vị vua của nhóm các Đại Thần với Thần Mẫu Nữ này. Nếu bốn nhóm Đệ Tử (Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di) bất chợt gặp tai nạn thì hô tên gọi của các vị ấy sẽ khiến cho người kia được Phước, vạn sự tốt lành”

33 vị Đại Thần Tướng Quân với Thần Mẫu Nữ được phân thuật là:

- 1_Đại Thần Tướng Quân **Ma Hề Thủ La**
- 2_Đại Thần Tướng Quân **Đọa Sa Tục La**
- 3_Đại Thần Tướng Quân **Kim Tỳ La**
- 4_Đại Thần Tướng Quân **Bán Kỳ La**
- 5_Đại Thần Tướng Quân **Hòa Kỳ La**
- 6_Đại Thần Tướng Quân **Ma Ni Bạt Đà La**
- 7_Đại Thần Tướng Quân **Ba Đề La**
- 8_Đại Thần Tướng Quân **Ma Hòa La**
- 9_Đại Thần Tướng Quân **La Sát Đà La**
- 10_Đại Thần Tướng Quân **Cru Ma Hòa La**
- 11_Đại Thần Tướng Quân **Tu Ma Kiên La**
- 12_Đại Thần Tướng Quân **Ba Ca La**
- 13_Đại Thần Tướng Quân **Nhân Luân Vô La**
- 14_Đại Thần Tướng Quân **Nhân Trì La**
- 15_Đại Thần Tướng Quân **Hòa Lâm La**
- 16_Đại Thần Tướng Quân **Ba Da Việt La**
- 17_Đại Thần Tướng Quân **Tổng Lâm La**
- 18_Đại Thần Tướng Quân **Đàn Đặc La**
- 19_Đại Thần Tướng Quân **Thức Xoa La**
- 20_Đại Thần Tướng Quân **Kiện Đà La**
- 21_Đại Thần Tướng Quân **Kiên Đầu La**
- 22_Đại Thần Tướng Quân **Di Khư La**
- 23_Đại Thần Tướng Quân **Kiên Chu La**
- 24_Đại Thần Tướng Quân **Ma Du La**
- 25_Đại Thần Tướng Quân **A Tu Luân La**
- 26_Đại Thần Tướng Quân **Tùy Sa Môn La**
- 27_Đại Thần Tướng Quân **Tùy Tôn La**
- 28_Đại Thần Tướng Quân **Mạn Đề La**
- 29_Đại Thần Tướng Quân **Mẫu A Tú Đề**
- 30_Đại Thần Tướng Quân **Mẫu Thiết Lô đà**
- 31_Đại Thần Tướng Quân Nữ **Tát Già Ma**
- 32_Đại Thần Tướng Quân Nữ **Tỳ Lam Bà**
- 33_Đại Thần Tướng Quân Nữ **Trì Anh Lạc**

THẦN CÂY BỒ ĐỀ

Thần cây Bồ Đề (Bồ Đề Thọ Thân) tên Phạn là **Bodhi-vṛkṣa-devī**, hay **Bodhi-druma-devī** tức là vị nữ Thiên Thần thủ hộ cây Bồ Đề

Tương truyền, khi Đức **Thích Ca Mâu Ni** (Sākya-muṇi) ngồi dưới cây Bồ Đề tu Đạo thời vị Thần cây Bồ Đề này liền dùng lá cây ngăn gió che mưa, bảo hộ cho Ngài an Tâm tu Đạo, vì thế nên Tôn này được xem là vị Thần Hộ Pháp cực tốt của Phật Giáo.



.)**Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 1,2,5** ghi chép là: “Xưa kia, có một vị vua hủy diệt Phật Pháp, dần dần đi đến cây Bồ Đề thời vị Thần cây Bồ Đề tự hóa hiện thân nữ thù thắng đứng trước mặt vị vua ấy. Vị vua kia nhìn thấy xong thời sinh Tâm tham nhiễm. Vị Thiên Thần Hộ Pháp được dịp thuận tiện, liền giết vị vua với quân đội ấy”

.)**Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, quyển 10, Phẩm 29: Thần cây Bồ Đề khen ngợi** ghi nhận là: “Bấy giờ, Thần cây Bồ Đề cũng dùng **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) khen Đức Thế Tôn là:

— Kính lễ Tuệ thanh tịnh của **Phật**
— Kính lễ Tuệ thường cầu Chính Pháp
— Kính lễ Tuệ hay lia Phi Pháp
— Kính lễ Tuệ luôn không phân biệt
(lược đoạn giữa)
— Con thường nghĩ nhớ đến chư Phật
— Con thường thích thấy các Thế Tôn
— Con thường phát khởi Tâm ân trọng
— Thường được gặp mặt trời Như Lai

Con thường đĩnh lễ Đức Thế Tôn
Nguyên thường chẳng buông Tâm khát ngưỡng
Buồn khóc tuôn lệ không gián đoạn
Thường được phụng sự chẳng biết chán
(lược đoạn giữa)

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghe **Tán** này xong, dùng **Phạm Âm** (Brahma-svara) bảo vị Thần cây rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nữ Thiên! Người hay đối với Pháp Thân thanh tịnh, chân thật không hư dối của Ta, lợi mình lợi người tuyên dương tướng màu nhiệm. Do Công Đức này khiến cho người mau chứng Bồ Đề tối thượng, điều mà tất cả hữu tình đã đồng tu tập. Nếu người được nghe, đều nhập vào Pháp Môn **Cam Lộ Vô Sinh**”

Thần Chú của **Bồ Đề Thụ Thần** là:
OM_BODHI-VRKṢA-DEVĪ SVĀHĀ

HÌNH TƯỢNG CỦA THẦN CÂY BỒ ĐỀ

Tôn này có hình tượng Thiên Nữ xinh đẹp với đầy đủ vật trang sức của cung đình, tay cầm cành cây Bồ Đề





Ngoài ra còn có tranh tượng thờ phụng chung Bồ Đề Thụ Thần với Kiên Dao Địa Thần



Cây Bồ Đề nguyên có tên Phạn là **Tất Bát La** (Pippla) là loại cây cao có màu xanh lục, lá cây có hình như quả trứng, cuống cây màu vàng, hoa ẩn ở trong đế hoa, hạt cây có thể làm tràng hạt. Do Đức Thích Ca Mâu Ni đấng Đạo dưới cây này, nên cây Pippla mới được có tên gọi là **cây Bồ Đề** (Bodhi-vrkṣa, hay Bodhi-drama: cây giác ngộ, cây Trí Tuệ) và được xem là **cây Thánh**.

Tương truyền: sau khi Thành Đạo, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi bộ chậm rãi ngắm nhìn cây Bồ Đề chẳng hề nháy mắt trong suốt 7 ngày để báo ơn cái cây, nhằm nhấn mạnh Đức Tính căn bản của bậc Thánh Giải Thoát là **biết nhớ ơn và biết báo ơn**. Lúc đó, có 500 con chim **Thanh Tước** (một loài chim huyền thoại) bay đến nhiều quanh Đức Phật ba vòng rồi bay đi, mười phần thù thắng, người Trời vui vẻ.

Sau này Đức Phật thường răn dạy rằng: “Nhìn thấy cây Bồ Đề này như nhìn thấy Phật, lễ bái cây Bồ Đề có Công Đức đồng với lễ bái Như Lai”

Ngoài ra Đức Phật còn báo A Nan rằng: “Thế Gian có ba vật khí xứng đáng thọ nhận sự lễ bái là: Xương Xá Lợi của Phật, Tượng Phật và cây Bồ Đề”

Nhân đây mà Tín Đồ Phật Giáo thường đốt hương, rải hoa, nhiễu quanh cây Bồ Đề lễ bái, lâu dần thành tập tục

*) Một số hình ảnh **cây, lá, hạt** của cây Bồ đề









NHƯ Ý BẢO CHÂU

Như Ý Bảo Châu có tên Phạn là **Cintāmaṇi**, dịch âm là Chân Đà Ma Ni, Chân Đa Mạt Ni, dịch ý là viên ngọc báu Ma Ni, báu Ma Ni, Như Ý Ma Ni, báu Như Ý, viên ngọc Như ý, viên ngọc báu vô giá... Vì viên ngọc báu này hay tuôn ra mọi loại mong cầu như ý, cho nên gọi là **Như Ý Châu**

Maṇi được dịch ý là “**Lìa sự dơ bẩn**” hoặc “**Như Ý**”. Báu Ma Ni hiện ánh sáng năm màu, Thể của hình sắc sáng tỏ chắc thật, phóng ra đám lửa Trí Tuệ, vô lượng ánh sáng Uy Đức, hơn hẳn mọi vật báu trong tất cả Thế Gian

Ấn Độ Giáo và **Phật Giáo** ghi nhận là: “Cintāmaṇi là viên ngọc báu có Công Đức hay như tự ý nguyện của mình biến ra châu báu, lại có thể trừ bệnh tật, đầy lùi sự đau khổ”

Ngoài ra, Phật Giáo còn dùng viên ngọc Ma Ni làm ví dụ cho **Đức** (Guṇa) của **Pháp** (Dharma) với **Phật** (Buddha) hoặc ví dụ cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) và còn biểu thị cho Công Đức của Kinh Điển,

Kinh Hoa Nghiêm ghi là: “Tâm Bồ Đề giống như Ngọc Như Ý hay chu cấp cho người nghèo khổ”

Xuất xứ của viên ngọc Như Ý được ghi nhận trong các Kinh Điển như sau:

Tạp Bảo Tạng Kinh, quyển 6 ghi nhận là: “Đức Phật nói: viên ngọc này từ trong nảo của con cá lớn **Ma Kiệt** (Makara) hiện ra, thân cá dài 28 vạn dặm. Viên ngọc này có tên là **Kim Cương Kiên** vậy”

Quán Phật Tam Muội Kinh, quyển 1 nói là: “Trái tim thịt của **Kim Sí Điều** (Garuḍa) là viên ngọc Như Ý”

Vãng Sinh Luận Chú, quyển Hạ nói là: “Khi chư Phật vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa) thời dùng sức phương tiện lưu Xá Lợi (Śarīra) của thân bị vỡ nát dùng cho chúng sinh có Phước, khi chúng sinh hết Phước thì Xá Lợi này biến thành viên ngọc báu Ma Ni Như Ý. Viên ngọc này phần lớn ở trong biển lớn, **Đại Long Vương** dùng làm vật trang sức trên đầu. Nếu **Chuyển Luân Thánh Vương** ra đời, dùng phương tiện Từ Bi liền hay được viên ngọc này, ở Diêm Phù Đề làm nhiều ích lớn”

Có Thuyết nói rằng: “**Viên ngọc Như Ý** (Cintāmaṇi) hay Ma Ni Châu là một trong bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương, đường kính lớn nhất là **1 xích 6** (16/3m) có hào quang tròn ản màu lưu ly tỏa ra ánh lửa màu vàng, ngày đêm thường chiếu xa 16 dặm. Nếu dùng lụa ngũ sắc quấn quanh viên ngọc đó thì trên đầu viên ngọc sẽ tuôn ra vô lượng tài bảo.

Đại Trí Độ Luận, quyển 10 nói là: “Viên ngọc Như Ý sinh từ Xá Lợi của Đức Phật. Nếu khi Pháp tận hết thời các Xá Lợi đều biến thành viên ngọc Như ý. Ví như hơn một ngàn năm thì băng đá hóa làm viên ngọc Pha Lê”

Đại Trí Độ Luận, quyển 35 nói là: “Như Bồ Tát trước kia làm Thái Tử của quốc vương, thấy người trong Diêm Phù Đề nghèo túng, muốn cầu viên ngọc Như Ý nên đến cung Rồng (lược đoạn giữa) Rồng liền cho viên ngọc là viên ngọc Như Ý hay tuôn mưa một do tuần”

Đại Trí Độ Luận, quyển 59 nói là: “Có người nói viên ngọc báu này từ trong nảo của Long Vương xuất ra, người được viên ngọc này thì chất độc chẳng thể hại, vào lửa chẳng thể bị thiêu đốt, có Công Đức của nhóm như vậy.

Có người nói là Kim Cương do Đế Thích cầm nắm, khi chiến đấu với A Tu La thì bị vỡ nát, rơi xuống Diêm Phù Đề

Có người nói là Xá Lợi của chư Phật lâu xa trong quá khứ, khi Pháp đã diệt hết thì Xá Lợi biến thành viên ngọc này làm lợi ích cho chúng sinh

Có người nói Chúng sinh có Phước Đức nhân duyên, nên tự nhiên có viên ngọc này. Ví như duyên của người có tội ở trong Địa Ngục tự nhiên có vật khí trị tội.

Báu này tên là **Như Ý** không có màu sắc nhất định, trong suốt nhẹ nhàng màu nhiệm, thấy đều chiếu hiện vật trong bốn Thiên Hạ. báu này thường hay tuôn ra tất cả vật báu, quần áo, thức ăn uống, tùy theo ý mong muốn, hay ban cho hết thảy”

_Mật Tông Phật Giáo ghi nhận các vị Bồ Tát: Như Ý Luân Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Địa Tạng...đều cầm viên ngọc Như Ý biểu thị cho Bản Nguyên **Từ Bi** nhằm giúp cho chúng sanh nghèo khó được đầy đủ tiền của, thức ăn và sau đó thực chứng được Tâm Bồ Đề. Ngoài ra các Kinh Điển Phật Giáo còn ghi nhận các Đà La Ni có liên quan đến viên ngọc Như ý

_Do viên ngọc Như Ý có Công Đức giải trừ sự nghèo túng với sự đau khổ của các chúng sinh. Lại hay khiến cho nơi ấm tối được sáng tỏ, khi nóng thì hay khiến cho mát, khi lạnh thì hay khiến cho ấm áp. Viên ngọc báu này ở nơi nào thì đất ấy chẳng lạnh chẳng nóng. Nếu thân có bệnh nóng, phong, lạnh hoặc ghẻ lở, hắc lào, nổi mụn, nhọt ác...đem viên ngọc này để trên thân thì bệnh liền được khỏi. Lại có **Đức** lãng nước đục thành trong trẻo, biến đổi màu của nước. Khiến cho mọi mong cầu, tất cả nguyện vọng tịnh diệu đều được thực hiện. Nhân đây viên ngọc Ma Ni được tượng trưng cho sự tiêu tai, cát tường. Con người dùng biểu tượng này để cầu hạnh phúc bình an, chiêu tài tiến bảo, dùng thành tập tục truyền thống

Người Tây Tạng dùng ngọc Ma Ni phun lửa làm vật phẩm tượng trưng cho “**Tài Vận Xương Long**”



Dựa vào ý nghĩa trên, một số vị Đạo Sư Mật Giáo đã tổng hợp một số Đà La Ni, Thần Chú có liên quan đến viên ngọc Như ý, minh họa thành **Như Ý Bảo Châu Chú Luân** nhằm giúp cho các chúng sinh vượt qua sự nghèo túng, đẩy lùi bệnh tật, tai họa và được nhiều lợi ích tốt lành qua việc đeo mang trên thân hoặc treo trong nhà



Các Đà La Ni, Thần Chú được ghi nhận trong đồ hình từ trên xuống dưới là:

Mật Pháp Nhất Tụ Đà La Ni:

BHRŪṢṢ

Bất Không Như Ý Bảo Châu Vương Đà La Ni:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRṆUKĀYA

TADYATHĀ: OṢ AMOGHA-MANĪ MAHĀ-MANĪ PADMA-MANĪ SVĀHĀ

Nhat Tụ Kim Luân Phật Đỉnh Đà La Ni:

OṢ BHRŪṢṢ

Như Ý Luân Quán Âm Thân Chú:

OṢ CAKRA-VARTI CINTĀMANĪ MAHĀ-PADME RURU TIṢṢA JVALA ĀKARṢAYA HŪṢ PHAT SVĀHĀ

Bí Mật Chân Tính Như Ý Châu Ấn:

OṢ CINTĀMANĪ-DHĀTU HŪṢ SVĀHĀ

Soạn dịch và hiệu chỉnh xong Bộ **Chư Thiên Hộ Pháp** gồm 2 tập vào ngày 16/06/2015

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:

- _ Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập 19, Tập 20, Tập 21
- _ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
- _ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
- _ Phật Quang Đại Từ Điển
- _ Bách Khoa Toàn Thư
- _ Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết_ **Thi Vân Thủy** biên soạn
- _ Mật Giáo Đại Tự Điển_ Tập 6
- _ Phật Tượng Đồ Vựng
- _ Nhiên Đăng Tạp Chí

*) Việt Văn:

- _ Thai Tạng Giới Man Đa La_ **Huyền Thanh** biên soạn
- _ Kim Cương Giới Man Đa La_ **Huyền Thanh** biên soạn
- _ Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp_ **Huyền Thanh** biên dịch
- _ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp_ **Huyền Thanh** biên dịch
- _ Thập Nhị Thiên Pháp_ **Huyền Thanh** biên dịch
- _ Tinh Tú Pháp_ **Huyền Thanh** biên dịch
- _ Tranh Tượng và Thần Phổ Phật Giáo_ **Louis Frédéric**_ Việt dịch **Phan Quang Định** (NXB Mỹ Thuật_ năm 2005)
- _ Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:

- _ buddha-dharma.org
- _ tangthuphathoc.net
- _ chuaminhthanh.com
- _ electricwombworld.blog.fc2.com
- _ zenheart.hk
- _ en.wikipedia.org
- _ zh.wikipedia.org
- _ haaram.com
- _ sriharivayuguru.blogspot.com
- _ fanbop.com
- _ fodian.net
- _ haripurush-jagadbandhu.org
- _ hindudevotionalpower.com
- _ speakingtree.in
- _ qcny.net
- _ baike.baidu.com
- _ Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC TẬP II

1_ Y Xá Na Thiên	Tr.01
.) Quyển thuộc của Y Xá Na Thiên.....	Tr.10
.) Kỹ Nghệ Thiên Nữ.....	Tr.16
.) Tỳ Na Dạ Ca	Tr.18
.) Ma Ha Ca La (Đại Hắc Thiên Thần)	Tr.36
.) Đồ Cát Ni (Dākinī).....	Tr.49
.) Cưu Ma La Thiên.....	Tr.58
2_ Phạm Thiên.....	Tr.66
.) Biện Tài Thiên	Tr.79
3_ Địa Thiên.....	Tr.888
.) Trì Thế Bồ Tát.....	Tr.101
4_ Nhật Thiên.....	Tr.112
.) Bắc Đẩu Thất Tinh.....	Tr.125
.) Cửu Diệu	Tr.135
.) Diệu Kiến Bồ Tát	Tr.166
5_ Nguyệt Thiên.....	Tr.177
.) Mười hai cung.....	Tr.189
.) Nhị Thập Bát Tú	Tr.204
6_ Kim Cương Tội Thiên.....	Tr.248
7_ Na La Diên Thiên.....	Tr.252
.) Cát Tường Thiên Nữ.....	Tr.271
.) Ca Lô La.....	Tr.283
8_ Huỳnh Hoặc Thiên	Tr.300
9_ Tuệ Tinh Thiên.....	Tr.304
10_ Kim Cương Thực Thiên	Tr.308
11_ Kim Cương Y Thiên.....	Tr.312
12_ Kim Cương Diện Thiên.....	Tr.316
13_ Điều Phục Thiên.....	Tr.320
14_ Bảo Tạng Thiên.....	Tr.324
15_ Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ.....	Tr.328
16_ Thường Cầu Lợi Đồng Nữ	Tr.335
17_ Thiên Long Bát Bộ.....	Tr.342
18_ Quyển thuộc của Thiên Thủ Quán Âm	Tr.349
19_ 36 Bộ Thần Vương.....	Tr.362
20_ 25 vị Thiện Thần thủ hộ người thọ trì năm Giới.....	Tr.364
21_ 36 vị Đại Thần Tướng Quân	Tr.366
22_ Thần cây Bồ Đề.....	Tr.367
23_ Như Ý Bảo Châu	Tr.375
24_ Tư Liệu tham cứu	Tr.378
25_ Mục lục.....	Tr.379

